P.N. PHÊ-ĐÔ-XÊ-ÉP

M VV
10610

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ LÀ GÌ?

NHÀ XUẤT BẢN
THÔNG TIN LÝ LUẬN

1 DL.9
CH. 500

«CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ» LÀ GÌ?

THƯ VIỆN TRẦN HƯNG ĐẠO
PHÒNG MƯỢN

10610/82

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN LÝ LUẬN
HÀ-NỘI — 1981

TẬP THỂ TÁC GIẢ:

P.N. PHÊ-ĐÔ-XÊ-ÉP (Chủ biên)

X.V. A-LẾCH-XAN-ĐRỐP, C.L. E-GA-NỐP, V.A. KA-TRA-NỐP,
N.A. KÔ-VAN-XKI, A.N. KRU-KHƠ-MA-LÉP, B.X. O-RLỐP,
X.N. XMI-RNỐP, V.A.TU-MA-NỐP

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn «CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ LÀ GÌ» là một công trình nghiên cứu công phu của nhiều tác giả.

Bằng những lý lẽ xác đáng, những dẫn chứng cụ thể, các tác giả vạch rõ «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» là một học thuyết phản động, một mớ hỗn tạp các tư tưởng cải lương, xét lại và tự do tư sản, là hệ tư tưởng chính thống của các đảng xã hội dân chủ cánh hữu ở các nước tư bản phát triển.

«Chủ nghĩa xã hội dân chủ» đang được các trào lưu chính trị tư sản trong thời đại ngày nay ráo riết sử dụng và trình bày dưới dạng là «con đường thứ ba», con đường duy nhất có thể lựa chọn để tránh cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội khoa học, hòng dẫn dắt phong trào công nhân xa rời con đường đấu tranh cách mạng cải tạo tận gốc xã hội tư bản, hòng gạt các đảng cộng sản ra khỏi địa vị lãnh đạo tiến trình lịch sử.

Cuốn sách này cũng chứng minh rằng chỉ có cải tạo xã hội hiện thực trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin mới có thể xóa bỏ xã hội tư bản và xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa, tạo ra được những lực lượng sản xuất hùng hậu, một nền khoa học kỹ thuật và văn hóa tiên tiến; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động mới được nâng

cao, người lao động mới có tự do thực sự và quyền dân chủ thực sự.

Để cung cấp kịp thời cho bạn đọc tài liệu tham khảo về trào lưu chính trị trên, chúng tôi cố gắng xuất bản nhanh cuốn sách này, chắc chắn không tránh khỏi những sơ xuất về dịch thuật; rất mong được các đồng chí góp ý xây dựng để lần tái bản, sách được hoàn chỉnh hơn.

NHÀ XUẤT BẢN
THÔNG TIN LÝ LUẬN

MỞ ĐẦU

Cùng với công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô và một loạt nước khác, những vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội đã được đặt vào trung tâm của tư tưởng xã hội và của cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới. Ở tất cả các nước, trong ý thức của đông đảo quần chúng nhân dân và trong đời sống thực tiễn của họ, số phận của loài người, những triển vọng phát triển chung của nền văn minh, ngày càng gắn chặt với chủ nghĩa xã hội.

Quá trình phát triển xã hội hiện nay trên thế giới chứng tỏ hùng hồn rằng chủ nghĩa xã hội có vai trò chủ đạo trong việc tạo ra những tiền đề cần thiết để giải quyết những vấn đề toàn cầu của toàn bộ nền văn minh thế giới, cũng như trong việc giải quyết thực tiễn các vấn đề đó. Chủ nghĩa xã hội hiện thực góp phần cống hiến quan trọng nhất, thực sự nhất vào việc làm chủ các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay vì lợi ích của tất cả quần chúng lao động, giải quyết vấn đề năng lượng và các nguồn tài nguyên của các đại dương, bảo vệ môi trường xung quanh, chinh phục không gian vũ trụ, đấu tranh chống nạn đói, các bệnh tật hiểm nghèo trên quy mô lớn và tất cả những gì đòi hỏi một sự hợp tác thiết thực, toàn diện của các nước trên thế giới. Chỉ trên con đường cải tạo thế giới theo

hướng xã hội chủ nghĩa mới có thể giải quyết được những vấn đề căn bản của loài người – đó là kết luận mà tiến trình phát triển hiện tại của thế giới ngày càng hiển nhiên dẫn tới. Chính vì vậy mà chủ nghĩa xã hội ngày càng được đông đảo quần chúng trên trái đất coi là giải pháp lịch sử duy nhất có thể thay thế chủ nghĩa tư bản, giải pháp gắn liền với con đường phát triển tiến bộ của văn minh loài người. Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô trước Đại hội lần thứ XXV của Đảng cộng sản Liên-xô, đã nhấn mạnh: « Ngày nay chủ nghĩa xã hội đã có tác động lớn lao đến tư tưởng và tình cảm của hàng trăm triệu người trên trái đất. Nó bảo đảm cho những người lao động có tự do, có những quyền dân chủ thật sự, đời sống sung túc, khả năng hết sức rộng lớn vươn tới tri thức, có niềm tin vững chắc vào tương lai. Nó mang lại hòa bình, sự tôn trọng chủ quyền của tất cả các nước và sự hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia, làm chỗ dựa cho các dân tộc đang đấu tranh vì tự do và độc lập của mình. Và không nghi ngờ gì nữa, ngày mai sẽ cung cấp nhiều bằng chứng mới về những khả năng vô tận của chủ nghĩa xã hội, về ưu thế lịch sử của nó đối với chủ nghĩa tư bản » (1).

Trong khi các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới đang giành được những thắng lợi mới cho tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thì trong thế giới tư bản chủ nghĩa lại diễn ra quá trình phát triển gay gắt và sâu sắc của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Trong số các quá trình ấy có sự phá sản của hệ thống điều tiết kinh tế độc quyền nhà nước mà cách đây không lâu còn được quảng cáo là phương sách khắc phục các

1. «Văn kiện Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô», M. 1976. tr. 10.

bệnh vô kế hoạch, tự phát và bất ổn định của chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa; những chấn động khủng hoảng mới, những sự thăng trầm của cục diện kinh tế đang cùng một lúc bao trùm lên tất cả các nước tư bản chủ nghĩa; nạn lạm phát chưa từng thấy trong thời bình và sự sụp đổ của hệ thống tiền tệ tài chính của thế giới tư bản chủ nghĩa; nạn thất nghiệp ngày càng tăng và đời sống ngày càng đắt đỏ; các cuộc khủng hoảng nguyên liệu, năng lượng và kinh tế; khủng hoảng của chế độ chính trị của chủ nghĩa tư bản, của hệ tư tưởng, đạo đức, văn hóa tư sản. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với lực lượng sản xuất chuyển biến một cách căn bản trong điều kiện cách mạng khoa học – kỹ thuật thể hiện dưới những hình thức gay gắt, gắn liền với cuộc khủng khoảng năng lượng và nguyên liệu, sự ô nhiễm môi trường xung quanh và việc sử dụng những thành tựu của cách mạng khoa học – kỹ thuật vào mục đích quân sự hóa nền kinh tế.

Những thắng lợi của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, sự gia tăng mạnh mẽ của các hiện tượng khủng hoảng trong thế giới tư bản chủ nghĩa, sự phát triển của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và tất cả các lực lượng chống đế quốc – đó là những bằng chứng thực tế không thể bác bỏ, khẳng định tính đúng đắn của con đường phát triển lịch sử mà lý luận Mác – Lê-nin đã trình bày rõ ràng. Những thắng lợi ấy nâng cao uy tín quốc tế của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tăng cường khả năng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, động viên mọi lực lượng chống chủ nghĩa tư bản đứng lên đấu tranh với các tệ nạn của chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa, củng cố niềm tin của giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa và các nước đang

phát triển vào khả năng xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân và các thế lực phản động.

Hiện nay đối với các tầng lớp rộng rãi trong nhân dân lao động ở tất cả các nước trên thế giới, những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội đã có sức hấp dẫn đến mức không một phong trào chính trị nào có thể bỏ qua tình hình ấy, nên nó đặt ra cho mình nhiệm vụ tranh thủ các tầng lớp lao động, dựa vào sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân, giành được đại đa số phiếu của cử tri.

Chưa bao giờ trong các nước tư bản chủ nghĩa lại nói nhiều, viết nhiều về chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nguyên nhân là sự tiếp tục phát triển gay gắt những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, những thành tựu của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, những thành tựu biểu hiện ngày càng rõ rệt sức mạnh và ưu thế của lý luận Mác, Ăng-ghen và Lê-nin; sự tăng cường ảnh hưởng của các đảng cộng sản và công nhân ở các nước tư sản; những thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc. Ngày nay công nhân, nông dân, thợ thủ công, học sinh, sinh viên và thậm chí nhiều linh mục cơ đốc giáo và nhiều nhà thần học đã nói về chủ nghĩa xã hội như nói về một «chế độ công bằng», trong đó nhiều vấn đề của loài người sẽ được giải quyết một cách nhân đạo. Và nhiều nhà tư tưởng khá xa lạ với giai cấp công nhân cũng không bác bỏ sức hấp dẫn của những tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Chẳng hạn như, trong tạp chí «Welt der Arbeit», nhà triết học tư sản Ác-nôn Méc-gốc đã viết về chủ nghĩa xã hội như: «số phận của thời đại chúng ta» (1). A. Dây, người xuất bản tạp chí xã hội dân chủ «Socia-

1. «Welt der Arbeit», 9. VI. 1972.

list Affairs » (« Những vấn đề xã hội chủ nghĩa ») viết : « Ở đây toàn châu Âu đều cảm thấy sự quan tâm này đối với hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa » (2).

Ngày nay, tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội trong các nước tư bản chủ nghĩa và các nước đang phát triển đều tiến hành thảo luận xung quanh khái niệm « chủ nghĩa xã hội », cuộc thảo luận này phản ánh một sự thật khách quan là chủ nghĩa xã hội đã tăng cường được vị trí của mình trên thế giới hiện nay, tăng thêm tín nhiệm của mình trong các tầng lớp rộng rãi nhân dân lao động. Các đảng phái có những khuynh hướng hết sức khác nhau — kể cả các đảng và các tập đoàn chính trị phản ánh lợi ích của giới tư sản độc quyền — hiện nay cũng dùng các khẩu hiệu xã hội chủ nghĩa, xây dựng các luận điểm, « con đường thứ ba », « con đường xã hội chủ nghĩa chân chính », mà xét về thực chất và trên thực tế là những biến dạng của những tư tưởng cải lương xã hội. Có thể nói rằng đa số trào lưu chính trị trong thời đại ngày nay đều giải thích chủ nghĩa xã hội theo cách này hay cách khác ; đều mô tả mình là người ủng hộ dạng này hay dạng khác của những cải cách xã hội chủ nghĩa, tuy đó không phải thực chất mà chỉ là nói suông, đều ra sức khoác chiếc áo của những chiến sĩ đấu tranh để cải tạo thế giới theo chủ nghĩa xã hội.

Đương nhiên, không phải tất cả những ai nói và viết về chủ nghĩa xã hội cũng đều thực sự góp phần đánh đổ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có nhiều ý niệm rất khác nhau về vấn đề chủ nghĩa xã hội phải như thế nào, vươn tới chủ nghĩa xã hội bằng con

---

2. *A. Day* Die ideologische Offensive der Sozialdemokratie — « Die Neue Gesellschaft », 1972, N6, S. 455.

đường nào: hơn nữa, nhiều quan điểm về chủ nghĩa xã hội chỉ là những quan niệm tư sản và tiểu tư sản, được trang điểm bằng lối nói xã hội chủ nghĩa, nói về tương lai của chế độ tư bản. Một số quan điểm về chủ nghĩa xã hội được tạo ra và sử dụng làm phương tiện chống cộng sản để đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội khoa học. Song dù sao trước hết cũng cần ghi nhận rằng: *bản thân việc tất cả các giai cấp và tầng lớp đều nói về chủ nghĩa xã hội là nét tiêu biểu cho thế giới ngày nay, trong đó chủ nghĩa xã hội tồn tại hiện thực, nằm ở trung tâm của các sự kiện có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới.*

Thời đại chúng ta là thời đại quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, diễn ra dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thật khó mà đi ngược lại cái dòng thác cải tạo cách mạng hùng hậu này. Lịch sử, thực tiễn đang mang lại ngày càng nhiều bằng chứng mới nói lên sức sống vĩ đại của chủ nghĩa xã hội, tính đúng đắn của học thuyết Mác — Lê-nin. Trong những điều kiện ấy mà mưu toan lôi kéo đông đảo quần chúng bằng cách công khai lên tiếng chống chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có nghĩa là tự chuốc lấy thất bại cho mình, chịu thua trong cuộc đấu tranh tư tưởng nhằm tranh thủ trái tim và khối óc của quần chúng. Vì vậy, nhiều nhà tư tưởng tư sản đã thay đổi bằng cách thừa nhận chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác trên lời nói mặc dù phủ nhận và xuyên tạc nó trên thực tế. Ngày nay kẻ thù của chủ nghĩa xã hội không chỉ công kích và xuyên tạc chủ nghĩa xã hội hiện thực. Nhiều người trong bọn họ còn cố gắng khoác cho mình chiếc áo xã hội chủ nghĩa. Một trong những hình thức phổ biến nhất để giả danh chủ nghĩa xã hội chính lại là « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Xét về thực chất, « chủ nghĩa xã hội dân chủ » » là hệ tư tưởng chính thức của các đảng xã hội dân chủ phái hữu trong đó có nhiều đảng đang nắm chính quyền trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, hoặc đang tích cực tìm cách nắm quyền, hoặc đang cùng nắm chính quyền với các đảng khác. Song quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đang được các trào lưu chính trị và tư tưởng khác nhau trong thời đại ngày nay ráo riết sử dụng với tư cách là con đường duy nhất có thể lựa chọn để tránh cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội hiện thực. Trên thực tế, hệ tư tưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không hẳn là đối lập với hệ tư tưởng của chủ nghĩa tư bản mà chủ yếu là đối lập triệt để với hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa khoa học, còn chính quyền của những người xã hội dân chủ cánh hữu thì đối lập với chính quyền của nhân dân lao động trong xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực.

Cần nhấn mạnh rằng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã nhiều lần tự thích nghi với những điều kiện đang thay đổi, và mỗi lần thích nghi thì nó lại càng trở thành ít xã hội chủ nghĩa hơn. Hiện nay chúng ta đang chứng kiến cơn bột phát mới của « hoạt động lý luận tích cực » xung quanh khái niệm thích nghi, vì các đảng cải lương xã hội trong các nước phương Tây và ban lãnh đạo của Quốc tế xã hội trong những năm qua đã đứng trước sự đòi hỏi phải hoàn thiện các khẩu hiệu có tính cương lĩnh của mình, những khẩu hiệu theo lối giải thích cổ truyền không còn tác động đối với quần chúng như trước kia nữa.

Ngày nay chủ nghĩa xã hội dân chủ là mớ hỗn tạp tư tưởng rất khác nhau. Nó được xây dựng nên bởi những đại diện của nhiều trào lưu chính trị khác nhau. Trước hết nó thể hiện là quan điểm của các nhà lý luận xã

hội dân chủ, hoặc là quan điểm cổ truyền của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» của những người xã hội dân chủ cánh hữu hoặc là quan điểm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đã biến dạng đôi chút của các trào lưu khác trong đảng xã hội dân chủ, trào lưu nhấn mạnh về cái gọi là các cuộc cải cách làm thay đổi chế độ. Song ngày nay chúng ta bắt gặp «chủ nghĩa xã hội dân chủ» dưới hình thức là các «mô hình xã hội chủ nghĩa» của Ga-rô-đi, Phi-se, Sích, và những người tương tự với họ đã đoạn tuyệt với các đảng cộng sản và đem các quan điểm xét lại của chúng đối lập với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực. «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» còn tồn tại dưới hình thức bợ đỡ đối với chủ nghĩa xã hội từ phía tầng lớp tư sản tự do, cánh tả mà biểu hiện là những mưu toan của các trào lưu tư sản tự do tìm con đường «xã hội chủ nghĩa» riêng biệt để giải quyết các vấn đề đang được đặt ra cho xã hội. «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» cũng còn bắt rễ trong các quan điểm cải lương của những người cơ đốc giáo cánh tả đang gay gắt phê phán những tệ đoan của xã hội tư sản hiện đại. Quan điểm này còn xuất hiện như chủ nghĩa xã hội của lớp thanh niên đang hoạt động trong khuôn khổ phong trào «cánh tả mới» và đang ra sức thay thế trình độ lý luận yếu và lập trường giai cấp không rõ ràng bằng phương pháp cảm xúc thuần túy để giải quyết các vấn đề. Người ta còn ra sức dùng quan điểm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» dưới ngọn cờ của cái gọi là chủ nghĩa xã hội Xi-ô-nít – «chủ nghĩa Kíp-bu», dưới ngọn cờ chủ nghĩa xã hội đặc biệt châu Phi và dưới nhiều ngọn cờ khác nữa.

Song dù mang chiêu bài nào thì «chủ nghĩa xã hội dân chủ» cũng là vũ khí của các nhà tư tưởng tư sản và xét lại. Nó là hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa về mặt ngôn ngữ, nhưng cải lương và xét lại về thực chất, nhằm gạt

giai cấp công nhân và các đảng cộng sản ra khỏi địa vị lãnh đạo tiến trình lịch sử; là hệ tư tưởng nhằm hòa tan chủ nghĩa xã hội chân chính trong những chuyện rồng tuyếch của phái tư sản tự do về những công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » là con đường cải lương và tư sản hòng thay thế con đường duy nhất đúng đắn có thể thực hiện về mặt lịch sử là chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Trong sự hỗn tạp và mang những sắc thái khác nhau, những quan điểm lý luận và chương trình thực tiễn kêu gọi đi tới « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đều có một nét chung là phủ định chủ nghĩa xã hội khoa học, phủ định những tư tưởng cơ bản của nó về sự cần thiết cải tạo cách mạng triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ quyền tư hữu tư liệu sản xuất và toàn bộ hệ thống quan hệ xã hội tư bản chủ nghĩa; về vai trò của giai cấp công nhân trong việc xóa bỏ chế độ người bóc lột người. Trong khi ra sức xuyên tạc những thắng lợi của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, các nhà lý luận của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » nhấn mạnh rằng các đảng cộng sản không chú ý đúng mức tới việc phát triển các chế định dân chủ trong đời sống xã hội, còn những người theo « chủ nghĩa xã hội dân chủ » lại đấu tranh nhằm phát triển dân chủ vô hạn.

Thực ra, những quan điểm của họ về dân chủ hóa vô hạn đời sống xã hội, về cái gọi là dân chủ « vô bờ » là những cấu trúc lý luận trừu tượng dựa trên một sự hiểu biết không đúng đắn, siêu giai cấp về dân chủ và không tính đến sự phụ thuộc khách quan của các hình thức phát triển dân chủ vào các hoàn cảnh cụ thể và mức độ phát triển của những khía cạnh này hay những khía

cạnh khác trong đời sống xã hội. Bất kể tên gọi của nó, công thức cơ bản của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » xét về thực chất không phải là « chủ nghĩa xã hội cộng với dân chủ » mà là « dân chủ trừ bớt chủ nghĩa xã hội », « dân chủ vị dân chủ ». Một nền dân chủ trừu tượng, tự thân, đứng ngoài các hình thức cụ thể của đời sống xã hội – đó là cái mà những người tán thưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » bênh vực. Xét về thực chất, trong quan điểm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », dân chủ bị tuyệt đối hóa và bị tách rời với chủ nghĩa xã hội và xã hội. Thành thử ra trong quan niệm này thì dân chủ là cao hơn hết thảy, xã hội phải phục vụ dân chủ, phát triển dân chủ, chứ không phải là dân chủ phải phục vụ xã hội, hỗ trợ cho sự phát triển của các hình thức sinh hoạt xã hội. Ở đây, tất cả những lời tán gẫu trừu tượng về dân chủ, tất cả những biện luận về việc phát triển dân chủ vô hạn, tất cả những luận thuyết nói rằng các đảng cộng sản xem thường những vấn đề dân chủ, và ở các nước xã hội chủ nghĩa không chú ý thỏa đáng đến việc dân chủ hóa đời sống xã hội, chỉ nhằm một mục đích: làm cho các tầng lớp quần chúng lao động đang đi theo các đảng cộng sản xa rời đảng, làm suy yếu đội ngũ của phong trào công nhân quốc tế. Hệ tư tưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » nhằm làm cho giai cấp công nhân sao lãng cuộc đấu tranh để cải tạo triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa, sao lãng cuộc đấu tranh đang được tiến hành dưới ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, bằng cách buộc giai cấp công nhân tiến hành (dưới ngọn cờ dân chủ trừu tượng) một cuộc đấu tranh để từng bước cải lương chủ nghĩa tư bản, làm cho nó biến đổi mà hoàn toàn không đụng chạm đến những nền tảng cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa. Hệ tư tưởng này nhằm chia rẽ đội ngũ phong trào công nhân quốc tế bằng cách đẩy cuộc đấu

tranh vì chủ nghĩa xã hội đối lập với cuộc đấu tranh để dân chủ hóa đời sống xã hội, bằng cách thực sự làm cho dân chủ tách rời chủ nghĩa xã hội.

Thật quả là, trong thực tiễn để làm cho phong trào công nhân xa rời chủ nghĩa xã hội, các môn đệ của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong cái cấu trúc lý luận của mình, vẫn tiếp tục dùng ngôn từ xã hội chủ nghĩa. Vì những tư tưởng và những thắng lợi của chủ nghĩa xã hội có sức hấp dẫn mạnh mẽ, những người xã hội và những người xã hội dân chủ cánh hữu không thể từ bỏ khái niệm « chủ nghĩa xã hội ». Đối với họ có một vấn đề quan trọng là duy trì ảnh hưởng trong hàng ngũ giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác. Cho nên hầu như thường xuyên cam kết sẵn sàng làm tất cả những gì có thể làm để tăng thêm « kho tàng lý luận » của cương lĩnh Gốt-đén-bét của Đảng xã hội dân chủ Đức (1), mà các nhà lãnh đạo cánh hữu của phong trào xã hội dân chủ quốc tế coi là « mẫu mực kinh điển để hạn chế » chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tại đại hội Đảng xã hội dân chủ Đức ở Han-nô-vơ (tháng tư năm 1973) đã có nghị quyết thành lập « Viện những vấn đề chủ nghĩa xã hội dân chủ » và có ý định xuất bản « Tủ sách lý luận chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Nếu như một số Đảng xã hội dân chủ, trong đó có Đảng xã hội dân chủ Đức, cố gắng làm cho khái niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » thích ứng với những hành động của họ trên tư cách là những đảng cầm quyền

---

1. Trong cương lĩnh đầu tiên sau chiến tranh của Đảng xã hội dân chủ Đức thông qua năm 1959 tại Đại hội ở Bát-Gốt-đen-béc, người ta đã cố gắng tạo ra một cơ sở lý luận cho « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

10610/82
PHÒNG ĐỌC

trong các nước tư bản chủ nghĩa, thì mục đích của các đảng đối lập lại là dùng các khẩu hiệu xã hội chủ nghĩa để giành lá phiếu của các cử tri là những người lao động.

Trong cả hai trường hợp này, việc đưa « chủ nghĩa xã hội dân chủ » vào trung tâm của các cấu trúc lý luận của phái xã hội dân chủ bao giờ cũng nhằm một mục đích là khẳng định luận điểm « hòa nhập » giai cấp công nhân vào chủ nghĩa tư bản nhà nước độc quyền, ngoài ra còn nhằm gây ảnh hưởng tư tưởng đối với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ.

Chủ tịch Đảng xã hội Áo B. Krây-xky, đã công nhận rằng chủ nghĩa tư bản không phải là một lực lượng mà các nước xã hội chủ nghĩa thấy sợ khi cần lựa chọn. « Thế hệ trẻ trong các nước cộng sản, được tiếp thu một nền giáo dục mác-xít trong nhiều năm, đã quán triệt rằng các xí nghiệp đều do nhân dân xây dựng nên và phải thuộc về nhân dân. Họ hoàn toàn không thể hình dung rằng giờ đây một người nào đó lại có thể trở thành người tư hữu các xí nghiệp » (2). « Lẽ nào họ lại có thể mong muốn rằng Rốc-pheo-lơ hoặc một người khác nào đó chiếm hữu các tổ hợp công nghiệp ở Tiệp-khắc hoặc ở Hung-ga-ri ?» (3). Quả nhiên là đối với phần lớn thanh niên các nước tư bản chủ nghĩa, và nhất là đối với thanh niên các nước xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa tư bản, với những mâu thuẫn không sao giải quyết được của nó, không phải là một chế độ xã hội mà trong đó người ta có thể sống, người ta mong nó.

---

2. « Frankfurter Allgemeine Zeitung », 20. II – 1973, S. 4

3. « Der Spiegel » Hamburg, 28. II – 1972.

Lớp thanh niên tiến bộ trên thế giới nhận thức sâu sắc rằng chủ nghĩa dế quốc chính là trở ngại lớn nhất đối với việc giải quyết các vấn đề xã hội và nhân đạo của thời đại chúng ta.

Để chống lại luận điểm chống chủ nghĩa tư bản này, hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa cánh hữu tích cực truyền bá « chủ nghĩa xã hội dân chủ », ra sức làm cho các tầng lớp rộng rãi trong nhân dân chấp nhận nó như là con đường tốt nhất để thoát khỏi tình trạng hiện thời.

Các nhà lý luận của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » mô tả nó là « con đường thứ ba », con đường cho phép tránh được những « cực đoan » của chủ nghĩa tư bản cũng như của chủ nghĩa cộng sản, và dẫn tới một « chế độ dân chủ xã hội » mới nào đó (1).

Quan niệm của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là một sự hỗn hợp kỳ quặc của các tư tưởng cải lương, xét lại và tự do tư sản.

Mặc dù « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » là một quan niệm không xác định về mặt lý luận, mâu thuẫn với các quy luật của thực tiễn, nhưng nhiều đảng viên xã hội dân chủ và nhiều đảng viên trẻ của đảng xã hội, nhiều nhà trí thức có tinh thần chống chủ nghĩa tư bản vẫn đặt nhiều hy vọng vào nó, coi nó là con đường đi tới thực hiện lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Sở dĩ như vậy vì, một là, dưới ảnh hưởng của chiến dịch điên cuồng do tư bản độc quyền phát động để chống phá các đảng cộng sản và chủ nghĩa xã hội hiện thực, một bộ phận trong

---

1. *U. Lohmar*. Sozialdemokratie und kommunismus, — « Die Zeit » (Hamburg), 21. IV 1972, S. 56; *U. Lohmar*. Der « Hürdenlauf » zur idelogischen Koexistenz, — In, « Aus Politik und Zeitgeschichte », Beilage zur Wochenzeitung. « Das Parlament », 24. II 1973. S. 36.

các tầng lớp nhân dân lao động có tinh thần xã hội chủ nghĩa có xu hướng đi tìm những « mô hình xã hội chủ nghĩa khác », và hai là, trong các đảng xã hội và xã hội dân chủ, người ta đẩy mạnh tuyên truyền những quan điểm của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », phủ nhận chủ nghĩa xã hội khoa học một cách thuần túy hình thức không có căn cứ và tuyên bố « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là sự lựa chọn duy nhất để thay thế chủ nghĩa tư bản.

Vì vậy nhiệm vụ quan trọng là vạch rõ tính không có căn cứ khoa học của con đường phát triển lịch sử xã hội mà các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội dân chủ đề xuất, giải thích một cách toàn diện rằng công cuộc cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội chân chính là hình thức cao nhất của việc dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội, rằng dân chủ không tách rời chủ nghĩa xã hội, và chỉ có đấu tranh giành chủ nghĩa xã hội thì mới tạo được một cơ sở thực sự để phát triển dân chủ. Bác bỏ lý thuyết và thực tiễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » dưới mọi mầu sắc là một trong những hướng quan trọng của cuộc đối đầu hiện nay giữa hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa với hệ tư tưởng tư sản. Bóc trần tính không có căn cứ khoa học của quan niệm này là một cống hiến quan trọng góp phần đoàn kết các đội ngũ của phong trào công nhân quốc tế, củng cố sự thống nhất của giai cấp công nhân, giành thắng lợi cho sự nghiệp và tư tưởng của chủ nghĩa xã hội.

Giai cấp công nhân là lực lượng chính trị — xã hội có sức cải tạo hùng hậu. Nó là lực lượng đấu tranh kiên cường nhất cho sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội, là lực lượng chủ yếu sáng tạo xã hội mới, xã hội chủ nghĩa, là lực lượng hết sức nhất quán giương cao tư tưởng của

chủ nghĩa xã hội. Hiện nay đã có hàng triệu công nhân được tập hợp lại trong các đảng cộng sản, các đảng xã hội chủ nghĩa và các đảng xã hội dân chủ, trong các tổ chức công đoàn và thanh niên.

Phong trào cộng sản quốc tế đã trở thành một lực lượng chính trị có ảnh hưởng nhất trong thời đại chúng ta, đã trở thành nhân tố quan trọng nhất của tiến bộ xã hội. Phong trào cộng sản thế giới được vũ trang bằng một học thuyết mà tính xác thực khoa học đã được khẳng định bởi sự phát triển của xã hội trong hơn 100 năm qua; chủ nghĩa Mác — Lê-nin là kim chỉ nam chính xác và đáng tin cậy mà những người cộng sản dựa theo để mở đường đi tới tương lai cho toàn thể loài người.

Đồng thời cũng cần thấy rằng một bộ phận đáng kể trong giai cấp công nhân ở một loạt nước tư bản chủ nghĩa không chỉ được tập hợp trong các đảng cộng sản, mà còn được tập hợp trong các đảng xã hội và các đảng xã hội dân chủ, đông đảo công nhân đứng trong đội ngũ các liên hiệp nghiệp đoàn mà một bộ phận trong đội ngũ đó đồng thời tham gia hàng ngũ các đảng cộng sản, xã hội và xã hội dân chủ. Ngày nay tăng cường đoàn kết giai cấp công nhân quốc tế là điều kiện quan trọng nhất để thúc đẩy quá trình cách mạng hiện đại. Cuộc đấu tranh để thống nhất giai cấp công nhân diễn ra trong những điều kiện phức tạp. Giữa một bên là các đảng cộng sản và một bên là đa số các đảng xã hội và xã hội dân chủ, hiện nay đang tồn tại nhiều mâu thuẫn chính trị và tư tưởng sâu sắc. Trên con đường đi tới thống nhất giai cấp công nhân, những đội ngũ và tổ chức tiên tiến nhất của giai cấp công nhân phải thường xuyên tiến hành công tác tư tưởng và chính trị trên quy mô lớn.

Trong phong trào công nhân hiện nay đang có nhiều chuyển biến chính trị quan trọng. Những chuyển biến này biểu hiện trước hết ở quá trình thiên sang tả thực sự của các tổ chức công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa, sự phát triển có tính quần chúng trong các cuộc đấu tranh của công nhân và các lực lượng tiến bộ khác chống ách thống trị của các độc quyền, cũng như ở sự tăng cường vai trò tiên phong của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh của tất cả các tầng lớp lao động để giành lại những quyền năng của mình, để làm thay đổi tận gốc xã hội tư bản chủ nghĩa.

Dưới tác động của những chuyển biến khách quan về chính trị và xã hội, nhiều quá trình chính trị mới cũng đang diễn ra trong nội bộ trào lưu xã hội dân chủ quốc tế. Chiếm một vị trí quan trọng trong các quá trình này là quá trình phân hóa của các đội ngũ trong phong trào xã hội dân chủ và xã hội, trước hết là giữa các lực lượng xã hội dân chủ cánh hữu đang hoạt động làm cho chủ nghĩa tư bản Nhà nước độc quyền được ổn định, và các lực lượng xã hội dân chủ cánh tả đang ngày càng tích cực ủng hộ những yêu sách có tính giai cấp của giai cấp vô sản, kêu gọi đoạn tuyệt với đường lối chính trị đế quốc chủ nghĩa, bình thường hóa quan hệ với các đảng cộng sản. Đó là một quá trình phức tạp và đầy mâu thuẫn. Nó động chạm đến quan hệ giữa các đảng khác nhau trong phong trào xã hội dân chủ quốc tế, kể cả trong Quốc tế xã hội, cũng như động chạm đến quan hệ trong nội bộ các đảng, giữa các lãnh tụ cánh hữu và những đảng viên xã hội dân chủ bình thường, những người đã coi chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn thay thế cho chủ nghĩa tư bản. Quá trình phân hóa ngày càng phát triển mở rộng các khả năng thống nhất hành động của giai cấp công nhân.

Đường lối chính trị và hệ tư tưởng của trào lưu xã hội dân chủ trên tư cách là một đảng công nhân cải lương vốn có hai xu thế giai cấp đối lập nhau. Một xu thế được hình thành bởi lợi ích của những người lao động, của đại đa số đảng viên và những người cảm tình của các đảng xã hội dân chủ; còn xu thế kia là do những lãnh tụ xã hội dân chủ cánh hữu gắn bó với lợi ích của giai cấp tư sản tạo thành. Sự phát triển bên trong của trào lưu xã hội dân chủ diễn ra trong khuôn khổ tình trạng chồng chéo và đấu tranh của hai xu thế ấy. Lưu ý đến tình huống này là điều rất quan trọng, vì chính nó bao hàm những khả năng làm cho những người xã hội dân chủ liên minh, hợp tác, thống nhất hành động cả với các đảng cộng sản (dưới tác động của xu thế thứ nhất) lẫn với các đảng tư sản (do có xu thế thứ hai trong sự phát triển của trào lưu xã hội dân chủ).

Vì thế những hiện tượng diễn ra trong những năm qua trong nội bộ phong trào xã hội dân chủ tất nhiên nảy sinh nhiều mâu thuẫn và không phải lúc nào cũng được đánh giá như nhau. Đồng thời việc phân tích những hiện tượng này cho phép ghi nhận một cách đích đáng, một là, những chuyển biến tích cực nhất định trong chính trị đối ngoại của các đảng xã hội dân chủ, hai là, sự lớn mạnh nhất định của xu thế muốn tiếp xúc và hợp tác với các đảng cộng sản.

Những người xã hội và xã hội dân chủ ở những nước trong đó các đảng cộng sản có những vị trí đặc biệt mạnh, có những bước nhất định tiến tới thống nhất hành động với những người cộng sản. Điều này có liên quan trước hết tới Pháp và I-ta-li-a. Chính ở những nước này quá trình cố gắng thống nhất trong cuộc đấu tranh chống tư bản độc quyền đã tiến đến một giai đoạn

mới, thành một quá trình cùng tổ chức các cuộc đấu tranh thực tiễn của nhân dân lao động chống lại giai cấp tư sản.

Vấn đề thống nhất hành động của giai cấp công nhân có phức tạp hơn trong những nước mà các đảng xã hội dân chủ có ảnh hưởng đáng kể hơn trong quần chúng. Đương nhiên, cả ở đây nữa phong trào xã hội dân chủ cũng phát triển trong sự hợp tác nhất định với những người cộng sản. Sự hợp tác này được thực hiện trong hoạt động ở cấp xí nghiệp, trong các liên minh nghiệp đoàn khi có các cuộc đình công ở cấp thành phố, trong các cuộc tuần hành vì hòa bình và các quyền xã hội, trong các cuộc đấu tranh chống các hành động phản động trong chính sách đối nội và đối ngoại. Song ở cấp cao của đảng và thậm chí ở cấp các tổ chức địa phương, những thủ lĩnh xã hội dân chủ cánh hữu thường bác bỏ về nguyên tắc sự hợp tác với những người cộng sản. Họ cho rằng vì đa số công nhân đã được tập hợp trong đảng xã hội dân chủ và trong các liên hiệp công đoàn gắn bó với đảng này nên đã có sự thống nhất rồi. Song thống nhất là một khái niệm có tính chất giai cấp. Thống nhất là cần thiết cho phong trào công nhân để khẳng định tính độc lập giai cấp của mình và để đấu tranh chống chế độ tư sản. Những người cộng sản cố gắng xây dựng một sự thống nhất như vậy. Phương sách để làm được việc này là phát huy tính tích cực và đoàn kết tất cả các lực lượng cánh tả trong các đảng xã hội dân chủ và các liên hiệp nghiệp đoàn, tất cả những ai còn thủy chung với các mục đích xã hội chủ nghĩa, với việc phát triển sự thống nhất hành động của các tổ chức cộng sản, xã hội và xã hội dân chủ của nhân dân lao động.

Không còn nghi ngờ gì nữa, so với quá khứ, đặc biệt là so với thời kỳ «chiến tranh lạnh», trong phương hướng của một loạt đảng xã hội dân chủ có ảnh hưởng đã thấy có những chuyển biến tích cực nhất định. Điều đó có liên quan trước hết và chủ yếu đến cách hiểu các vấn đề quốc tế bức thiết, chẳng hạn như các vấn đề làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng, bảo đảm an ninh châu Âu và cùng tồn tại hòa bình. Còn trong các lĩnh vực khác, đường lối chính sách của những người xã hội dân chủ không có những chuyển biến tích cực rõ rệt như trong các vấn đề trên. Ban lãnh đạo các đảng xã hội dân chủ, kể cả các đảng đang nắm chính quyền, không hề muốn từ bỏ lý thuyết và thực tiễn hợp tác với giai cấp tư sản độc quyền, không hề muốn từ bỏ việc bảo vệ chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Chủ nghĩa chống cộng sản vẫn giữ một vị trí quan trọng như trước kia trong kho tàng tư tưởng chính trị của các lực lượng xã hội dân chủ cánh hữu, mặc dù nhiều nhà hoạt động của một số đảng xã hội dân chủ dường như đã ý thức được tính vô vọng của chính sách chống cộng và đã từ bỏ nhiều định kiến chống cộng trước đây. Cũng như trước kia, nhiều người xã hội dân chủ vẫn coi một trong những hướng hoạt động tư tưởng chủ yếu của mình là đối lập với chủ nghĩa xã hội khoa học. Nếu các đảng cộng sản, trung thành với những tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, không ngừng thực hiện những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, mở rộng và làm phong phú thêm những nguyên lý này trong tiến trình thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì những người xã hội và xã hội dân chủ cánh hữu lại bác bỏ những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về bản chất của chủ nghĩa xã hội, ra sức đem quan điểm «chủ nghĩa xã hội dân chủ», tức sự hỗn tạp của

các tư tưởng cải lương, xét lại và tự do tư sản, đối lập với chủ nghĩa xã hội khoa học.

Song chính bản thân tiến trình lịch sử đã đang cung cấp mọi cơ sở để khẳng định rằng sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội hiện thực, những tư tưởng của nó, ngày càng được củng cố và thắng lợi. Các tầng lớp ngày càng đông đảo trong nhân dân lao động nhận thấy chủ nghĩa xã hội hiện thực là một cơ cấu xã hội nhân đạo và hoàn hảo nhất. Chuyển biến mạnh mẽ của dư luận xã hội về phía chủ nghĩa xã hội, cũng như việc nhiều người xã hội dân chủ thừa nhận một sự thật là chủ nghĩa xã hội đang thực sự tồn tại và phát triển ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ngày càng mở rộng cửa cho cuộc đối thoại giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ.

CHƯƠNG I

«CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ» — HỆ TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG — XÃ HỘI

1. Thuyết đa nguyên hay tính bất định của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ»

Như đã nói ở trên, quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» được nhiều loại kẻ thù tư tưởng và chính trị của chủ nghĩa xã hội khoa học chọn lọc, dùng để vũ trang cho mình. Song trước hết nó là hệ tư tưởng chính thức của những người xã hội dân chủ và của những người cải lương hiện đại khác.

Có thể nói rằng «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là đồng nghĩa với học thuyết chính trị — xã hội của lực lượng xã hội dân chủ cánh hữu hiện đại, đã được chính thức khẳng định trong các văn kiện có tính cương lĩnh của các lực lượng này. Chính quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đang thực hiện chức năng phục vụ về mặt lý luận và tư tưởng cho phong trào xã hội dân chủ. Chính các lãnh tụ của trào lưu xã hội dân chủ đã đang góp phần cống hiến cơ bản vào việc xây dựng hệ tư tưởng «chủ nghĩa xã hội dân chủ» để, theo ý họ, thay thế cho chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác — Ăng-ghen — Lê-nin.

Song, dù cho các nhà lý luận của chủ nghĩa cải lương xã hội có đưa ra bao nhiêu tác phẩm chăng nữa nói về quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », thì cho đến nay quan niệm này vẫn còn bất định hình, mơ hồ và chiết trung cao độ. Không thể gọi nó là cái gì khác ngoài một mớ hỗn tạp lý luận. Như chính bản thân các môn đồ của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã khẳng định, nét đặc thù của quan niệm này là tình trạng đa nguyên vô giới hạn của các quan điểm. Về vấn đề này, trong tuyên ngôn cương lĩnh của Quốc tế xã hội « Mục đích và nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội dân chủ », thông qua tại Đại hội lần thứ nhất của Quốc tế xã hội (họp ở Phran-phuốc-Ne-Men-nơ, năm 1951), có đoạn viết : « Chủ nghĩa xã hội là một phong trào quốc tế, không đòi hỏi sự thuần nhất nghiêm ngặt của các quan điểm. Bất kể cơ sở niềm tin của những người xã hội là phương pháp mác-xít hay một phương pháp nào khác để phân tích xã hội, bất kể những người xã hội được khích lệ bởi những nguyên lý tôn giáo hay những nguyên lý nhân đạo chủ nghĩa, mọi người xã hội cố sức đạt một mục đích duy nhất : tiến tới một xã hội công bằng, một đời sống tốt hơn, tự do và hòa bình trên toàn thế giới » (1).

Các đảng gia nhập Quốc tế xã hội, trong những cuộc gặp gỡ của họ, thường tránh thảo luận các vấn đề lý luận, cho rằng đó là công việc nội bộ của mỗi đảng (2).

---

1. « Declarations of the Socialist International ». L. 1964, p. 3 — 4.

2. *A. Day* : Two faces of democratic socialism. — « Socialist Commentary », V. 1971, p. 11.

Một thái độ chung chung, « đa nguyên » như vậy đối với việc giải quyết những vấn đề lý luận của phong trào xã hội dân chủ dẫn tới tình trạng là hầu như mỗi đảng xã hội dân chủ đều có một quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » riêng của mình, khác đôi chút với quan niệm của các đảng khác. Hơn nữa, ngay trong nội bộ mỗi đảng cũng thấy có những cách hiểu khác nhau về những vấn đề có tính nguyên tắc trong công cuộc cải tạo xã hội, và tình trạng này được phản ánh thành những cách biện giải khác nhau về « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Nhân tố duy nhất hợp nhất những người xã hội dân chủ trong các nước khác nhau là việc họ viện dẫn rằng tôn trọng các nguyên tắc dân chủ (trên thực tế là các nguyên tắc dân chủ của chế độ nghị viện tư sản) — là điều kiện chủ yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội, hơn nữa việc xây dựng các quan điểm của bản thân chủ nghĩa xã hội là công việc riêng của mỗi đảng và không bao hàm trong bản thân nó một tiêu chuẩn khoa học rõ ràng nào cả. Những người xã hội dân chủ coi dấu hiệu đặc biệt và chung nhất khiến cho đảng này hoặc đảng khác khẳng định rằng mình đứng trên lập trường « chủ nghĩa xã hội dân chủ », là tuyên ngôn có ý định cải tạo xã hội theo hướng chủ nghĩa xã hội (theo kiểu giải thích tùy tiện của họ, như sẽ nói trong phần dưới đây) nhưng vẫn tuân theo những nguyên tắc « dân chủ đa nguyên ». Song, các cách đề cập để đi tới một cách hiểu chung về « chủ nghĩa xã hội dân chủ » của các đảng trong Quốc tế xã hội lại rất khác nhau. Và trong chính bản thân các đảng cũng có nhiều quan điểm hỗn tạp. Được hỏi: « chủ nghĩa xã hội là gì? », O. Panmơ trả lời: « Có 71 cách định nghĩa chủ nghĩa xã hội. Nếu tôi đưa ra định nghĩa thứ 72 thì cũng không làm

cho tình hình đỡ rắc rối hơn. Không có một định nghĩa nào « được mọi người thừa nhận » cả (1).

Như vậy là không có một quan niệm duy nhất mà tất cả các đảng tham gia Quốc tế xã hội đều ủng hộ. Cũng không có một định nghĩa nào có thể thể hiện được một cách ít nhiều rõ ràng nội dung cơ bản của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Điều này đã được những người xuất bản các thư từ và biên bản hội đàm của V. Bran, B. Krây-xki và O. Pan-mơ ghi lại, trong đó những nhà lãnh đạo này của ba đảng xã hội dân chủ Tây Âu trao đổi ý kiến về những vấn đề lý luận và thực tiễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Những người xuất bản đã chỉ rõ trong các cuộc trao đổi này một loạt ý kiến xác đáng khá đầy đủ theo quan điểm của họ đã được trình bày, nhưng không hề có một đề xuất nào có thể được coi là câu định nghĩa dứt khoát về chủ nghĩa xã hội dân chủ (2).

Điều đó có nghĩa rằng trên thực tế không có một lý luận chặt chẽ, hoàn chỉnh và có cơ sở khoa học sâu rộng để tiêu biểu cho « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trên tư cách là một mô hình xã hội dân chủ và xã hội đặc thù để cải tạo kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa – tinh thần của thế giới theo những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội, để cải biến chủ nghĩa tư bản phản nhân văn thành một chế độ xã hội nhân đạo.

Có cảnh tượng ngược đời là phong trào xã hội dân chủ, mà đội ngũ hồi đầu những năm 70 của thế kỷ XX bao

---

1. Trích theo cuốn : « Xinh nghiệm và triển vọng hoạt động hợp tác của những người cộng sản và những người dân chủ xã hội » M., 1974, tr. 271.

2. *W. Brandt, B. Kreisky, O. Palme*: Briefe und Gespräche. 1972 bis 1975. Frankfurt a. M. — Köln, 1975, S. 10.

gồm những 52 đảng được 80 triệu cử tri (1) bỏ phiếu tán thành chính sách lại không hề có một quan điểm lý luận khúc chiết về công cuộc cải tạo xã hội. Trên thực tế, — những người xã hội dân chủ đã dầu hàng trước các quan hệ xã hội tồn tại dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, tuyên bố chúng là những mối quan hệ cố hữu của chính bản tính con người và bác bỏ cái mà họ gọi là « sự không tưởng của chủ nghĩa Mác » — khả năng xây dựng một xã hội trong đó « sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người ». Chính vì vậy mà phong trào cải lương xã hội dân chủ nói chung không thấy cấp bách cần có một lý luận chặt chẽ và hoàn chỉnh để xác định « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trên tư cách là một chế độ xã hội đặc thù, mà những người cải lương đưa ra để đối lập lại cả chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa lẫn chế độ xã hội của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Không chủ định trên thực tế thực sự làm thay đổi những nền tảng của xã hội tư bản chủ nghĩa, những người tán thưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không cần có những quan niệm được xây dựng một cách khoa học, nghiêm túc về cái mà họ đem ra đối lập với chủ nghĩa tư bản về các mặt lý luận, lý tưởng và tư tưởng.

Có lẽ những người cải lương — xã hội trong thời đại chúng ta hiểu được mối nguy cơ mà một quan điểm lý luận chặt chẽ và có cơ sở khoa học về sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể mang lại cho thực tiễn cải lương, thỏa hiệp và xu thời của họ. « Tính đa nguyên » thực ra là tính mập mờ của những

---

1. *K. Czenrnetz* : Eine Weltallianz der Sozialistischen Internationale — « Die Zukunft ». 1971, N 9 — 10.

lý luận mà họ đề ra cho các quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », chỉ là những tấm màn ngụy trang cho tính hoàn toàn không có khả năng hoạt động thực tiễn của lý thuyết cải cách chủ nghĩa tư bản thành một xã hội khác với chủ nghĩa tư bản, thành chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa.

Những quan điểm tạo thành quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » cũng tiến hóa như chương trình hoạt động thực tiễn của phong trào xã hội dân chủ. Sự tiến hóa này kéo dài trên ba phần tư thế kỷ, nếu như lấy mốc đề tính là tác phẩm của E. Béc-xtanh — « Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và nhiệm vụ của những người xã hội dân chủ » (năm 1899) (1), trong đó đề ra những tiền đề đầu tiên của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Song, mặc dù sự tiến hóa của các tư tưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã diễn ra trong một thời gian dài, mặc dù các môn đệ của những tư tưởng này đã có nhiều cố gắng lớn lao về mặt lý luận, nhưng hình thể của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » vẫn tuyệt nhiên chưa được phác họa một cách khúc chiết. Sự tiến hóa của quan niệm này diễn ra không phải theo hướng phát triển sâu rộng và làm sáng tỏ những cơ sở và luận đề lý luận của nó, mà là theo hướng ngày càng phát triển mạnh mẽ tính bất định hình và tính chiết trung của nó.

Chủ nghĩa chiết trung này nổi bật lên trong mọi tài liệu trình bày về « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Chẳng hạn như trong cơ quan lý luận của Đảng xã hội dân chủ

---

1. *E. Bernstein*: Die Voraussetzungen des Sozialismus und die Aufgaben der Sozialdemokratie. Hannover, 1964.

Đức « Die Neue Gesellschaft » đã khẳng định là : « Học thuyết của đạo cơ đốc về hình ảnh con người và những yêu cầu đạo đức của con người, các quyền của con người do cách mạng Pháp tuyên bố, luân lý học và những tư tưởng khai hóa của Căng, triết học biện chứng của Hê-ghen về lịch sử, sự phê phán của Mác đối với chủ nghĩa tư bản, sự phê phán của Béc-xtanh đối với chủ nghĩa Mác, lý thuyết tự phát của Rô-da Luých-xăm-bua và sự phê phán chủ nghĩa bô-sê-vích, chủ nghĩa xã hội tự do của Su-ma-khơ, những phát biểu mới nhất của Éc-nơ Blốc. Hôc-hai-me và A-dooc-nô, Ha-béc-mát, Lê-sếch Cô-la-cốp-xki, Mi-lô-van Gi-lát và nhiều người khác nữa — tất cả những cái đó có thể nói là những hành động nối tiếp nhau, tác động lẫn nhau để nhận thức chủ nghĩa xã hội dân chủ và đều quy về một mô-típ đạo đức duy nhất » (1).

Trong khi biến xấu thành tốt, các nhà lý luận của chủ nghĩa cải lương xã hội trình bày tính bất định của khái niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là « tính rộng rãi » của các quan điểm xã hội dân chủ, « tính để ngỏ » của hệ tư tưởng này. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng trong khi giải thích chủ nghĩa đa nguyên là một nhân tố tích cực, và là tính co dãn và tính dân chủ của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », chính bản thân những người tán thưởng quan niệm này cũng đã cảm thấy rằng trên thực tế chủ nghĩa đa nguyên chỉ có nghĩa là sự bất lực về lý luận và thực tiễn, tính vô nguyên tắc và sự ốm yếu mà ngày nay nếu dựa vào thì không thể

---

1. Trích dẫn theo *M. Sê-phe-rơ* : « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong lý luận và chính sách, của Đảng xã hội dân chủ Đức — « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội », 1973, số 8, tr.22.

tiến xa và kiếm được một cái vốn chính trị nào hết. Chính vì vậy trong hàng ngũ các nhà lý luận của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » ngày càng vang lên mạnh mẽ lời kêu gọi vạch ra, dù chỉ trong những nét chung nhất, một quan niệm thống nhất nào đó về « chủ nghĩa xã hội dân chủ » khả dĩ phản ánh được quan điểm của phong trào xã hội dân chủ Tây Âu nói chung. Ngay trong năm 1972, A. Đây đã nhận thấy rằng trong và ngoài Cộng đồng kinh tế châu Âu đang ngày càng cần có một quan niệm thống nhất của những người xã hội dân chủ về tổ chức xã hội. Ông nhấn mạnh: « Cuộc tấn công tư tưởng của các lực lượng xã hội dân chủ được kêu gọi vạch ra một quan niệm như vậy » (1).

Cuộc thảo luận về những vấn đề đặt ra trước những người xã hội dân chủ nhân dịp mở rộng Cộng đồng kinh tế châu Âu đã được tiến hành từ mấy năm nay ở các cơ quan lý luận của các đảng xã hội dân chủ và xã hội trong các nước tham gia Cộng đồng kinh tế châu Âu.

Người ta còn cho đăng lại những tài liệu về toàn bộ vấn đề trong tạp chí của nhiều đảng khác nhau. Những vấn đề này còn được nêu lên tại các đại hội thường kỳ của các đảng xã hội dân chủ khu vực Tây Âu. Tại một trong những đại hội ấy (họp trong tháng 7 năm 1971) một đảng viên xã hội người Bỉ là A. Mô-de đã được đề nghị trình bày trong một tài liệu thích hợp những quan niệm về sự hợp tác của các đảng xã hội dân chủ trong tương lai, khi mở rộng Cộng đồng kinh tế châu Âu. Mô-de cho rằng cần đi « những bước nhỏ » trong việc xây dựng

---

1. *A. Day*: Die ideologische Offensive der Sozialdemokratie.— « Die Neue Gesellschaft ». Bonn – Bad – Godesberg, 1972, N6. S. 456.

một cương lĩnh chung. Trong số những « bước nhỏ » ấy, Mô-de đề nghị Đảng xã hội dân chủ Đức tiến hành đại hội các đảng xã hội dân chủ Tây Âu để phân tích, so sánh các chế độ xã hội của những nước thành viên Cộng đồng kinh tế châu Âu và tìm ra những khả năng làm cho những chế độ xã hội này thích nghi với nhau, tiến hành một cuộc thảo luận giữa các nghị sĩ của những nước thành viên và của Nghị viện châu Âu về hoạt động của các cơ quan lập pháp và hành pháp siêu quốc gia, tổ chức thảo luận hai chương trình — một chương trình tổng quát và một chương trình nông nghiệp — do ban thường vụ các đảng xã hội những nước thành viên Cộng đồng kinh tế châu Âu khởi thảo, ủy nhiệm cho các viện khoa học gắn bó với các lực lượng xã hội dân chủ nghiên cứu những vấn đề lý luận cá biệt, tiến hành đủ các loại hội thảo và tọa đàm (1).

Những thí dụ do Mô-de dẫn ra, cũng như sự kiện thành lập « Viện hàn lâm chủ nghĩa xã hội » — Viện mang tên Các Ren-ne ở Áo và dự định thành lập « Viện chủ nghĩa xã hội dân chủ » ở Cộng hòa Liên bang Đức, gia tăng rõ rệt các ấn phẩm xã hội dân chủ về những vấn đề lý luận..., chứng tỏ quy mô của những cố gắng được thực hiện theo hướng này. Đồng thời không thể không lưu ý đến những thái độ khác nhau đối với những xuất phát điểm quan trọng của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » như đã nói ở trên và tình trạng này gây khó khăn thực sự cho việc soạn thảo một văn kiện thống nhất, dù chỉ giống với « Tuyên ngôn

---

1. *A. Mozer* : Europa und die Sozialdemokratie. — « Die Neue Gesellschaft ». Bonn — Bad — Bodesberg, 1972, N4; S. 252 — 275.

Phran-phuốc » của Quốc tế xã hội, nếu như lưu ý thêm rằng văn kiện này được thảo ra dưới ảnh hưởng của cánh hữu trong Đảng xã hội dân chủ Đức và vào lúc sôi nổi nhất của « chiến tranh lạnh » (năm 1951), khi chủ nghĩa chống cộng sản đang thống trị trong tất cả các đảng xã hội dân chủ và xã hội, và hầu như đẩy được sự bất đồng giữa họ với nhau về các vấn đề có tính chất nguyên tắc khác xuống hàng thứ hai.

Đồng thời không thể bỏ qua một xu thế đang xuất hiện là xu thế đi tìm một thái độ thỏa hiệp — một cái gì đó trung dung giữa các quan điểm của những người xã hội dân chủ cánh hữu và những người xã hội cánh tả. Xu thế này xuất hiện trong một loạt đảng và có cơ sở khách quan của nó. Những thay đổi liên tiếp trong cơ cấu xã hội của xã hội, việc nâng cao trình độ nghề nghiệp của công nhân, tăng số lượng viên chức, sự hình thành ngày càng mạnh mẽ những nhu cầu tinh thần trong các tầng lớp nhân dân lao động, được đưa ra dưới dạng những yêu sách có tính chất cương lĩnh, — những tình hình này và nhiều tình hình khác nữa có ảnh hưởng tới cơ sở xã hội và do đó tới thế giới quan của trào lưu xã hội dân chủ. Những người xã hội dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức, trong thời gian gần đây đã đưa ra khái niệm « trung tâm mới ». Là người hết sức tích cực phát triển khái niệm này, V. Bran cho rằng trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại đang hình thành một tầng lớp « những công dân có ý thức nhất », những công nhân viên chức và trí thức có trình độ chuyên môn cao và là chỗ dựa của phái xã hội — dân chủ. « Trung tâm mới » này đặt ra một cách gay gắt vấn đề tiếp tục hoàn thiện nền dân chủ chính trị và xã hội, nâng cao « chất lượng cuộc sống ». V. Bran cho rằng Đảng xã hội dân chủ Đức,

trong hoạt động của mình, có nhiệm vụ thực hiện những đòi hỏi ấy.

Mới thoạt nhìn thì thấy trong cách đặt vấn đề như vậy sẽ củng cố được vị trí của những ai, trong các công trình lý luận, đã đặt trọng tâm cơ bản vào những vấn đề « tự do và đoàn kết », tức là cái lý luận xã hội dân chủ theo khuynh hướng tự do. Song vấn đề lại là, trong khi phát triển những yêu sách về dân chủ chính trị và xã hội, nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng đặt ra vấn đề về bản chất bóc lột của xã hội tư bản chủ nghĩa, nó là sức kìm hãm trên đường đi tới giải phóng thực sự. Quan niệm « chất lượng cuộc sống », đo phái tự do trong hàng ngũ xã hội dân chủ đưa ra như một phương sách làm dịu mâu thuẫn này, không cho phép giải quyết được vấn đề về thực chất. Do đó những quan điểm của những người xã hội dân chủ cánh tả đang định hướng theo sự phân tích mác-xít đối với xã hội tư bản chủ nghĩa có trọng lượng ngày càng lớn trong những công trình nghiên cứu sau đó về « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Nhân đây xin nói thêm rằng họ cũng có lập trường khác về vấn đề « chất lượng cuộc sống ».

Về mặt này đáng lưu ý là những phát biểu của P. Éc-sen, một đảng viên Đảng xã hội Đảng dân chủ Tây Đức đang cố gắng giữ lập trường thỏa hiệp giữa ban lãnh đạo đảng có lập trường thiên hữu và những đảng viên xã hội trẻ tuổi. Trong nhiều luận cương về chiến lược và sách lược của chủ nghĩa xã hội dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức, ông ta phát triển những tư tưởng mà nội dung cơ bản có thể được tóm lược như sau : Đảng xã hội dân chủ Đức cố gắng đạt tới một nền dân chủ xã hội đa dạng bằng cách kết hợp kế hoạch hóa với cạnh tranh, bằng

cách để cho xã hội kiểm tra quyền lực kinh tế (trong trường hợp cần thiết thì sử dụng các phương sách xã hội hóa), bằng cách để cho lao động tham gia quản lý, cũng như bằng cách có kế hoạch chính sách xã hội và chính sách trong lĩnh vực giáo dục. « Đường lối chính trị xã hội dân chủ luôn luôn theo nhu cầu vừa là đường lối chính trị « ổn định chế độ » vừa là đường lối chính trị « cải biến chế độ » (1).

Sự thừa nhận khả năng xã hội hóa các tư liệu sản xuất, thiết lập sự kiểm tra của xã hội đối với hoạt động của các độc quyền, dẫn đến các « cuộc cải cách biến đổi chế độ » — từ đó, xuất hiện sự xa rời những quan điểm xã hội dân chủ cánh hữu chính thống. Có thể nhận ra những sự xa rời như vậy (trên những mức độ khác nhau) trong các đảng xã hội dân chủ và xã hội khác. Trong một số trường hợp, chúng xuất hiện một dạng thỏa hiệp chẳng hạn như khi những người xã hội phải đi đến những biện pháp ấy trong các vấn đề lý luận, như tán thành quốc hữu hóa các ngành công nghiệp then chốt v.v...

Những sự việc trên đây và nhiều sự việc khác nữa cho phép nói rằng có biến chuyển thiên tả trong các công trình lý luận của trào lưu xã hội dân chủ. Một người xã hội dân chủ Cộng hòa Liên bang Đức là P. Glốt-dơ đã trình bày nội dung cơ bản của chuyển biến này, nêu ý kiến đánh giá bản chất hiện tượng này thành đầu đề một bài báo của mình. Ông đặt tên bài báo này

---

1. *P. Oertzen von*: Thesen zur Strategie und Taktik des Demokratischen Sozialismus in der Bundesrepublik Deutschland. Bonn, 1973.

là «Chủ nghĩa xã hội dân chủ với tư cách là chủ nghĩa cải lương cánh tả» (1).

Không nên đánh giá quá cao ý nghĩa của xu thế nói trên, vì trong trường hợp này chúng ta chỉ giao tiếp với một sự biến dạng bó buộc trong các quan điểm của các bộ phận xã hội dân chủ đã trình bày chính kiến lý luận và chính trị của mình trong «Tuyên ngôn Phranphuốc» của Quốc tế xã hội. Song cũng không nên gạt bỏ không chú ý đến xu thế nói trên vì theo lệ thường, đứng sau nó là những lực lượng xã hội dân chủ mà về mặt quan điểm lý luận đang trong một chừng mực nào đó xích lại gần các đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân. Linh hoạt chú ý đến những thái độ khác nhau trong khuôn khổ quan điểm chung «chủ nghĩa xã hội dân chủ», phân tích sự tiến triển của các quan điểm trong lĩnh vực lý luận xã hội dân chủ — là một trong những điều kiện chủ yếu khiến cho những người cộng sản hiểu rõ hơn những khả năng hành động chung với những người xã hội dân chủ và do đó phát triển một cách thành công hơn sự hợp tác trong thực tiễn đấu tranh vì lợi ích của quần chúng lao động.

Tất cả những điều trình bày trên đây hàm nghĩa rằng cái gọi là tình trạng đa nguyên của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là sự phản ánh trực tiếp của tính bất định chính trị của phong trào cải lương xã hội dân chủ và xã hội. Sự hỗn loạn về mặt tư tưởng, sự ngả nghiêng về mặt lý luận của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» thể hiện sự hỗn loạn và ngả nghiêng về mặt chính trị, sự trao đảo từ phía này sang phía khác trong nội bộ phong trào này. Sự tiến hóa của các tư tưởng «chủ

---

1. *P. Glotz*: Demokratischer Sozialismus als linker Reformismus. — «Aus Politik und Zeitgeschichte». Bonn, 1973, N 23.

nghĩa xã hội dân chủ» không phải là một cái gì khác mà là phản ánh về lý luận quá trình đang diễn ra trong tiến trình lịch sử, quá trình ngày càng phân hóa, chia rẽ trong hàng ngũ chủ nghĩa cải lương – xã hội. Thuyết đa nguyên của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là sự thể hiện về mặt tư tưởng và lý luận của tình trạng thiếu thống nhất, thiếu gắn bó của các phong trào chính trị mà quan niệm này thể hiện phục vụ về mặt lý luận.

Thêm nữa, cần thấy rằng dù quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đa dạng và bất định ra sao thì cái thuyết tư tưởng này trong suốt quá trình tiến hóa của nó vẫn là đơn dạng và được xác định trong hướng chống lại chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Lưu ý đến điều trên đây, cần nhận thấy rằng hoàn toàn không thể phân tích quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» trên tư cách là một lý luận và hệ tư tưởng xác định, hoàn chỉnh, được phác họa rõ ràng của chủ nghĩa cải lương xã hội dân chủ và xã hội, bởi vì những người xã hội dân chủ và những người xã hội hoàn toàn không có một quan niệm hoàn chỉnh rõ ràng. Để hiểu «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là gì và thuyết đa nguyên của nó hàm nghĩa thế nào, một mặt cần nhìn lại, dù chỉ là nhìn lướt qua, vào lịch sử và vạch rõ sự tiến hóa về quan điểm của những người cải lương xã hội đối với những vấn đề có tính nguyên tắc này hay nguyên tắc khác trong công cuộc cải tạo xã hội, nêu rõ những lực lượng chính trị nào gây ra tính bất định đa nguyên của «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Còn mặt khác, trong khi xem xét quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» hiện nay, cần luôn luôn vạch rõ sự khác nhau giữa các học thuyết «chủ nghĩa xã hội dân chủ», mà các khuynh

hướng khác nhau trong nội bộ trào lưu xã hội dân chủ đang truyền bá và học thuyết của một phong trào đang liên kết với nó về mặt lý luận và thực tiễn là phong trào cải lương xã hội cánh tả hiện đại.

2. Thuyết đa nguyên của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » xuất phát từ đâu và đi tới đâu ?

Lịch sử « chủ nghĩa xã hội dân chủ » bắt nguồn trong sự xuất hiện của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại. Những nguyên nhân làm cho chủ nghĩa cơ hội xuất hiện trong các đội ngũ phong trào công nhân và chủ nghĩa xét lại hình thành như một trào lưu tư tưởng đã được vạch rõ trong nhiều tác phẩm của những người mác-xít trong các nước, đặc biệt là trong các tác phẩm của V. I. Lê-nin như « Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại », « Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky », « Bệnh ấu trĩ « tả » khuynh trong phong trào cộng sản » v.v... V.I. Lê-nin gắn liền nguồn gốc xã hội khách quan của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trước hết là với các tầng lớp tiểu tư sản trong xã hội. Như Lê-nin đã chỉ rõ, những tầng lớp này « bao vây giai cấp vô sản từ mọi phía bằng tính tự phát tiểu tư sản, tiêm nhiễm tính này vào giai cấp vô sản, làm hư hỏng giai cấp vô sản luôn luôn gây ra trong lòng giai cấp vô sản những trường hợp tái phạm thói nhu nhược, tản mạn, cá nhân chủ nghĩa, tiểu tư sản, chuyển từ say sưa sang chán nản » (1).

Lê-nin cho rằng những nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện các trào lưu chính trị cơ hội và xét lại trong phong trào công nhân là tác động của hệ tư tưởng tư

---

1. *V.I. Lê-nin : Toàn tập*, tập 11, tr. 27.

sản và tiểu tư sản đến công nhân, cũng như áp lực chủ nghĩa đế quốc gây ra đối với phong trào công nhân bằng cách mua chuộc những tầng lớp trên của giai cấp công nhân và bằng cách đó tạo thành «lớp công nhân quý tộc» và «lớp công nhân quan liêu». Trong khi vạch trần cơ sở xã hội của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân, Lê-nin đồng thời đã đánh giá một cách đầy đủ và có tính nguyên tắc những trào lưu chính trị này. Lê-nin nêu rõ chủ nghĩa cải lương tiểu tư sản là «tôi tớ của giai cấp tư sản ngụy trang bằng những lời lẽ dân chủ và xã hội dân chủ hay ho và bằng những ước vọng yếu hèn...» (1). Người chỉ ra rằng dù ý đồ chủ quan của những người xét lại là thế nào đi nữa thì khách quan mà nói họ vẫn hành động bên phía chủ nghĩa tư bản chứ không phải bên phía chủ nghĩa xã hội. Người cũng vạch trần bản chất của đường lối chính trị xét lại: «Tùy cơ hội mà thay đổi cách cư xử, thích nghi với các sự kiện hàng ngày, với các biến chuyển của những chuyện chính trị nhỏ nhặt, quên những lợi ích cơ bản của giai cấp vô sản và những đặc điểm cơ bản của toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa, của toàn bộ sự tiến hóa của chủ nghĩa tư bản, hy sinh những quyền lợi cơ bản ấy vì những cái lợi chốc lát thực tế hay giả định—đó chính là đường lối chính trị xét lại» (2).

Việc xây dựng quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đã được bắt đầu trong phong trào xã hội dân chủ Đức và gắn liền trước hết với tên tuổi của Lát-xan, Béc-xtanh, Cau-xky. Chính những nhà hoạt động này của phong trào xã hội dân chủ Đức đã nối tiếp nhau trong

---

1. *V.I. Lê-nin: Toàn tập*, tập 44, tr. 101.
2. *V.I. Lê-nin: Toàn tập*, tập 17, tr. 24.

lịch sử phát triển những luận điểm mà sau này người ta dùng làm cơ sở để xây dựng quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Luận cương của Lát-xan về khả năng phong trào công nhân hòa bình tiến nhập vào chủ nghĩa xã hội bằng cách sử dụng quyền bầu cử, việc ông ta coi nhà nước như một chế định đứng trên các giai cấp, trái ngược với những luận điểm căn bản của chủ nghĩa Mác. Những tư tưởng của Lát-xan đã được Béc-xtanh tiếp thu và phát triển thêm.

Rõ ràng là có thể liệt E. Béc-xtanh vào hàng các « cha đỡ đầu » của những tư tưởng làm cơ sở cho quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Những ý kiến của ông khẳng định rằng những người xã hội dân chủ tập trung sức chú ý chủ yếu của mình vào các cuộc cải cách, coi đó là con đường chủ yếu dẫn tới chủ nghĩa xã hội, đã trở thành những ý kiến làm nền tảng cho lập trường tư tưởng của chủ nghĩa xét lại. Chính ông ta, trong một loạt bài đăng trên tạp chí « Neue Zeit » (1897 — 1898), cơ quan lý luận của Đảng xã hội dân chủ Đức, là người đầu tiên cố gắng biện giải về mặt lý luận cho vai trò của lực lượng xã hội dân chủ trên tư cách là một đảng cải cách xã hội, hoạt động trong xã hội tư sản. Trong những bài báo này, ông ta đã đề xuất luận điểm : « Mục đích... đối với tôi chẳng là cái gì hết, phong trào là tất cả » (1), và sau đó luận điểm này trở thành khẩu hiệu tư tưởng của phong trào xã hội dân chủ.

Song chính Béc-xtanh lại tuyên bố rằng ông ta đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác, và tự xếp mình vào hàng ngũ những học trò có đầu óc phê phán của Mác. Năm 1919, phát biểu tại Béc-lin, ông nói: « Chủ nghĩa

---

1. « Neue Zeit », 1897 — 1898, V. Bd. 1, S.556.

xã hội là tổng số những yêu sách xã hội của công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại đã nhận thức được tình cảnh và nhiệm vụ của giai cấp mình» (1). Do đó, trong thời kỳ này ông ta không loại trừ tư tưởng đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, nhưng lại cho rằng việc mở rộng dân chủ sẽ cho phép biến cuộc đấu tranh này thành một cuộc đấu tranh hòa bình. Thậm chí sau này, vào năm 1924, phát biểu trong báo cáo: «Chủ nghĩa Mác là gì?», Béc-xtanh đã tuyên bố: «Học thuyết mác-xít đã được những người xã hội trong tất cả các nước thừa nhận từ lâu rồi, nó là cơ sở cương lĩnh của tất cả các đảng xã hội chủ nghĩa» (2).

Như vậy là chủ nghĩa xét lại dưới dạng ban đầu của nó, đã xuyên tạc nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác nhưng lại giả hiệu thừa nhận nó là cơ sở lý luận. Như Béc-xtanh và những môn đồ của ông đã nghĩ, chỉ có vấn đề là thay đổi chiến thuật cho phù hợp với điều kiện đã thay đổi trong các nước tư bản chủ nghĩa mà thôi. Những đồ đệ hiện đại của quan niệm «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» (như nhà bác học Tây Đức G. Bá-pơ chẳng hạn) thừa nhận: một trong những điểm yếu của chủ nghĩa xét lại là nó chỉ hạn chế trong việc phê phán chủ nghĩa Mác, mà không đưa ra được lý luận mới nào đối lập lại chủ nghĩa Mác. E. Béc-xtanh đã không viết được bộ «Tư bản» của mình (3).

Mâu thuẫn nội tại là nét đặc trưng của quan niệm của E. Béc-xtanh. Một mặt nó thừa nhận sự cần thiết phải

---

1. *E. Bernstein*: Was ist Sozialismus? B., 1919, S. 10.
2. *E Bernstein*: Was ist Marxismus? B., 1924, S. 2.
3. *G. Bartsch*: Totalitärer, marxistischer oder demekratischer Sozialismus? — «Aus Politik und Zeitgeschichte». Bonn, 1966, N 28, S. 10.

tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Đồng thời nó lại phát triển cách lý giải những nguyên tắc dân chủ, việc bảo vệ các quyền và tự do, để rồi trên thực tế loại trừ đấu tranh giai cấp và ngấm ngầm thừa nhận nhà nước tư bản chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc tư hữu. Tình trạng mâu thuẫn này là nguyên cớ dẫn đến những quan điểm khác nhau trong bước tiến hóa sau này của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Trong quá trình tiếp tục phát triển các tư tưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » những cách lý giải khác nhau về quan điểm xuất phát của Béc-xtanh đã tạo thành hai khuynh hướng cơ bản.

Khuynh hướng thứ nhất lấy cơ sở là nghiên cứu và giải quyết các vấn đề tự do và dân chủ trên lập trường quan điểm phi giai cấp và do đó gần gũi với lập trường tư tưởng của những người theo chủ nghĩa tự do tư sản. Trong sách báo xã hội dân chủ, khuynh hướng này được gọi là khuynh hướng tự do hoặc tự do thiên tả. Chúng ta còn nhớ rằng K. Cau-xky đã gọi chủ nghĩa xã hội theo cách trình bày của Béc-xtanh là « sự kết thúc của chủ nghĩa tự do » (1). Và nửa thế kỷ sau, một trong những người đại diện hiện đại của khuynh hướng tự do chủ nghĩa trong trào lưu xã hội dân chủ là B. Krây-xki đã trên thực tế nhắc lại ý này khi nhấn mạnh rằng « phong trào xã hội dân chủ trong nhiều năm qua đã phát triển một cách thắng lợi « những tư tưởng của chủ nghĩa tự do » »(2).

---

1. *K. Cau-xky*: Phê phán lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác « Chống Béc-xtanh », M., 1922, tr. 177.

2. *B. Kreisky*: Viele sind Revolutionäre aus Bequemlichkeit.— « Spiegel », 1972, N 10, S. 111.

Quả thực là, những người xã hội dân chủ thuộc khuynh hướng « tự do » đã cố gắng chứng minh rằng quan điểm của họ khác với quan điểm mà các nhà tư tưởng của chủ nghĩa tự do tư sản đã diễn đạt. Thật vậy, nhà lý luận của Đảng xã hội dân chủ Áo N. Lơ-déc đã viết: « Xét về mặt lịch sử, phải hiểu chủ nghĩa xã hội là sự tiếp tục của thời đại chủ nghĩa tự do mà mong muốn cơ bản là đi tới giải phóng bằng những phương tiện thích hợp ». Đồng thời phải hiểu chủ nghĩa xã hội là sự khắc phục chủ nghĩa tự do, và cần định nghĩa nó chính là như vậy » (1). Trong những bài báo gần đây nhất, Vi-li Bran, người đã rất chú ý tới sự « giống nhau về quan điểm giữa những người xã hội dân chủ và những người tự do chủ nghĩa », cũng đã cố gắng luận giải « chủ nghĩa xã hội dân chủ » theo chủ nghĩa tự do. Chẳng hạn như ông ta đã thừa nhận: « Chúng tôi nghiêm chỉnh tiếp thu tính tự do xuất phát từ tinh thần hiến pháp của chúng tôi, và cố gắng sử dụng nó như một phạm trù sinh động chứ không phải như một phạm trù trưng bày bảo tàng » (2). Ông ta còn nhấn mạnh thêm: « Chúng tôi biết rằng tính tự do của xã hội phải trước hết thể hiện trong công bằng xã hội, điều bảo đảm cho sự tồn tại của các công dân... có được một nền tảng vững chắc. Xét theo ý nghĩa này, tính tự do là một trong những cơ sở khởi thủy của đảng chúng tôi » (3).

Về mặt hình thức, những người xã hội dân chủ phái « tự do » không phủ nhận chủ nghĩa Mác. Song trên thực

---

1. Rote Markierungen: Beitrage zur Ideologie und Prasis der osterreichischen Sozial demokratie. Wien, 1972, S. 134.

2. W. *Brandt*: Perspektiven der Neuen Mitte. — « Bulletin des Presse und Informationsamtes der Bunderregierung ». Bonn, 1974, Ibidem. 5 Febr., N4, S. 126.

3. Ibidem.

tế họ xuyên tạc chủ nghĩa Mác, chủ yếu chỉ chú ý đến phần di sản lý luận của Mác và Ăng-ghen mà trong đó trình bày những vấn đề gắn liền với vai trò của cá nhân, bảo đảm các quyền và tự do cá nhân, và tách ra một cách giả tạo những vấn đề này khỏi lập trường quan điểm chung của chủ nghĩa Mác đối với các vấn đề cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy họ đặc biệt quan tâm tới những tác phẩm đầu tay của Mác.

Khuynh hướng thứ hai trong sự tiến hóa của các tư tưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » được đánh giá là khuynh hướng « mác-xít ». Ở' đây muốn nói tới những người xã hội dân chủ thừa nhận một loạt luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác, kể cả sự cần thiết phải tiến hành những cuộc cải tạo có tính cách mạng trong xã hội, nhưng lại phủ nhận chuyên chính vô sản và phê phán các phương thức xây dựng xã hội mới ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Những bất đồng về mặt lý luận thể hiện trong sự trình bày hai quan điểm khác nhau ấy đã bộc lộ ngay trong thời kỳ đầu hình thành trào lưu xã hội dân chủ. Thật vậy, ở Anh năm 1884 đã đồng thời xuất hiện « Liên đoàn xã hội dân chủ cách mạng » dựa vào Mác về mặt lý luận và Hội Pha-biêng mà các cha linh hồn được lựa chọn làm những nhà tư tưởng của chủ nghĩa tự do K. Ben-tam và Giôn X. Mi-lơ.

Cũng chính những nguyên nhân ấy là cơ sở của sự phân liệt trong Đảng xã hội dân chủ Đức và của việc thành lập Đảng xã hội dân chủ đối lập Đức trong năm 1917. Nguyên nhân xuất hiện đảng này là sự bất bình của các đảng viên xã hội dân chủ đối với đường lối chính trị xét lại của ban lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ Đức. Cần nhấn mạnh rằng trong ban lãnh đạo của đảng

mới này có E. Béc-xtanh và K. Cau-xky, những người đã phát triển, trong nhiều tác phẩm của mình, các luận điểm cơ bản của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Thật ra, những người lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ đối lập Đức đã đứng trên lập trường phái giữa thuần túy và không thỏa mãn được những yêu sách của các lực lượng cánh tả trong trào lưu xã hội dân chủ. Nhưng trong trường hợp này, điều quan trọng là phải nhấn mạnh rằng sự phát triển ban đầu của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » diễn ra từ phía các nhà lý luận còn chính thức tiếp tục đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác chứ không phải của chủ nghĩa tự do. Xong việc tiếp tục phát triển những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội dân chủ không có gì khác mà nói chung là ngày càng xa rời chủ nghĩa Mác và ngày càng xích lại gần những quan điểm lý luận của chủ nghĩa tự do tư sản.

Trong việc biện giải lý luận cho quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », hai khuynh hướng này thể hiện khác nhau trong các đảng khác nhau tùy theo các điều kiện đặc thù trong từng nước cụ thể. Trong các giai đoạn khác nhau, chúng tiếp cận nhau, lúc thì hòa vào nhau, khi lại tách rời nhau, vì nó là sự phản ánh những quá trình phức tạp đang diễn ra trong phong trào xã hội dân chủ. Cơ sở của những khuynh hướng này là tình trạng không thuần nhất về cơ sở xã hội của trào lưu xã hội dân chủ, ở đó bên cạnh một đội ngũ đáng kể là công nhân còn có nhiều nhóm xã hội khác mang theo mình nhiều nhân tố của hệ tư tưởng tiểu tư sản. Điều quan trọng cần lưu ý là toàn bộ tình trạng này diễn ra trong các điều kiện của xã hội tư bản, trong đó địa vị thống trị của giai cấp tư sản và tính chất tư hữu của các quan hệ là nhân tố quyết định trong mọi lĩnh vực vật chất của đời sống xã hội cũng như trong lĩnh vực tinh

thần, điều này có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự hình thành ý thức của các tầng lớp nằm trong phạm vi ảnh hưởng của phong trào xã hội dân chủ.

Trong điều kiện hiện nay, những chuyển biến chính trị — xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng làm gay gắt thêm những mâu thuẫn của xã hội tư bản, một mặt là ảnh hưởng ngày càng tăng của các nước xã hội chủ nghĩa đối với sự phát triển xã hội nói chung trên thế giới, mặt khác việc phân định ranh giới tư tưởng trong nội bộ các đảng xã hội dân chủ và các đảng xã hội vẫn tiếp diễn ngấm ngầm từ lúc nảy sinh chủ nghĩa cải lương xã hội, ngày càng sâu sắc thêm. Hiện nay trong thành phần xã hội của các đảng thuộc Quốc tế xã hội đã có nhiều thay đổi quan trọng. Trào lưu xã hội dân chủ, vốn là sự kết hợp phức tạp của nhiều lực lượng chính trị, vẫn như trước đây, mưu đồ dựa trước hết vào giai cấp công nhân. Nhưng trong mấy chục năm qua, trào lưu này đã thu hút vào đội ngũ của nó một bộ phận đáng kể các tầng lớp trung gian (viên chức, trí thức, tiểu chủ, thợ thủ công) và một bộ phận là thanh niên học sinh mà đội ngũ trong những năm qua đã có thêm ngày càng nhiều người xuất thân từ gia đình viên chức, gần gũi với công nhân về mặt thực trạng xã hội và từ các gia đình công nhân và nông dân. Sự thay đổi thành phần xã hội không thể không ảnh hưởng tới thế giới quan của các đảng. Cái công thức thường được sử dụng — trào lưu xã hội dân chủ có hai linh hồn: linh hồn vô sản và linh hồn tiểu tư sản — cần được chuẩn xác lại. Cũng như trước đây, tính tiểu tư sản, tinh thần hướng về các giá trị tiêu dùng của xã hội tư bản vẫn tìm thấy mảnh đất dinh dưỡng trong hàng ngũ các tiểu chủ và thợ thủ công, mà cuộc sống bị chế ước bởi lô-gích của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nó còn bắt

rễ trong các tầng lớp viên chức và công nhân là đảng viên các đảng xã hội dân chủ mà sự cải thiện quy chế xã hội không kéo theo một sự phát triển tương xứng về mặt tinh thần, về ý thức giác ngộ giai cấp.

Nhưng đồng thời một bộ phận các tầng lớp trung gian mà đại biểu là viên chức, cả những viên chức được trả lương cao lẫn những viên chức bình thường, đã góp phần sửa đổi những xu hướng quan trọng của trào lưu xã hội dân chủ. Trong khi những viên chức bình thường, sinh viên và học sinh, mà số lượng ngày càng tăng, có hoàn cảnh gần gũi với giai cấp công nhân và tìm ra tiếng nói chung với giai cấp này (đặc biệt là trong việc đề ra những yêu sách có liên quan tới việc thiết thực bảo đảm các quyền của những người lao động làm thuê trong việc quản lý sản xuất và xã hội ở các cấp khác nhau), thì những viên chức được trả lương cao, những quan chức cao cấp của bộ máy Nhà nước, những nhà quản lý — đòi có một giải pháp «duy kỹ thuật» cho những vấn đề xã hội của xã hội tư bản, đồng thời vẫn giữ những xu hướng quan trọng gần gũi với quan điểm của chủ nghĩa tự do tư sản.

Hơn nữa, không lúc nào được quên rằng sự hình thành các quan điểm trong trào lưu xã hội dân chủ diễn ra trong bầu không khí tinh thần của xã hội tư bản chủ nghĩa, trong đó địa vị thống trị là hệ tư tưởng tư sản, hệ tư tưởng bảo vệ những nền tảng của chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước.

Quan điểm của các trào lưu xã hội khác nhau trong nội bộ phong trào xã hội dân chủ được phản ánh trong sự hình thành các lập trường tư tưởng khác nhau, trong các công trình lý luận về quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Những đảng mà trong đó chủ nghĩa kinh tế,

chủ nghĩa công liên ngự trị, không có các công trình lý luận nghiêm chỉnh về quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Ở đây chủ nghĩa cải lương xuất hiện dưới dạng lộ liễu nhất. Ở những đảng, trong đó giai cấp công nhân có truyền thống đấu tranh chính trị mạnh mẽ, viên chức, học sinh và sinh viên có đại diện đáng kể, những công trình lý luận có xu hướng ngả về chủ nghĩa Mác, hoặc chủ nghĩa tự do tư sản, đã được bổ sung trong những năm qua bằng những quan niệm « duy kỹ thuật » trên cơ sở « chủ nghĩa duy lý phê phán ».

Những người Anh nghiên cứu về trào lưu xã hội dân chủ là J. Gi-pho và S. Hai-đơ-le (1) đã đi đến kết luận rằng có hai loại đảng: « công đảng — dân túy », gắn hoạt động của mình trước hết với việc giải quyết các vấn đề xã hội, và đảng « tự do — cấp tiến » nhấn mạnh tới việc xử lý các vấn đề gắn với những giá trị luân lý — đạo đức, với những vấn đề dân chủ hóa. Các tầng lớp lao động quy định đặc điểm của các đảng loại thứ nhất, còn những giai cấp trung gian với hệ thống các giá trị của họ thì quy định đặc điểm của các đảng loại thứ hai

Việc hệ thống hóa của các nhà nghiên cứu người Anh mắc bệnh đơn giản hóa đến một chừng mực nhất định những xu hướng quan trọng của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, hạ thấp những lợi ích của họ xuống mức là những yêu sách sơ đẳng đòi cải thiện điều kiện sống, dù sao cũng khẳng định sự thật là có tồn tại nhiều quan điểm khác nhau đối với các vấn đề lý luận trong các đội ngũ xã hội dân chủ.

Tuy rất đa dạng, những quan điểm ấy có thể được xếp thành ba nhóm cơ bản:

---

1. *J. Gyford, S. Haseler*: Social Democracy: Beyond Revisionism, L., 1971.

– Thực dụng, trên thực tế né tránh việc xây dựng lý luận cho quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » ;

– Hướng về chủ nghĩa tự do tư sản theo cách giải thích của những người xã hội dân chủ ;

– Hướng về chủ nghĩa Mác theo cách giải thích của những người xã hội dân chủ.

Cần đặc biệt nhấn mạnh rằng cách phân loại này chỉ cho phép nêu bật được một bức tranh chung nhất mà thôi.

Trong nội bộ các đảng xã hội dân chủ mà đảng viên quen thuộc những nguyên tắc tư duy khoa học khúc chiết có thể thấy có sự kết hợp rất đa dạng của các quan điểm trên đây. Nhưng được cái là có mối liên hệ qua lại giữa việc xây dựng lý luận và các quan điểm chính trị. Theo lệ thường, những người cánh tả trong các đảng và các đảng cánh tả trong Quốc tế xã hội định hướng theo chủ nghĩa Mác, còn những phần tử cánh hữu trong các đảng thì theo chủ nghĩa tự do. Những người ôn hòa thì trong việc xây dựng quan điểm của mình, cố gắng kết hợp những yếu tố của chủ nghĩa tự do và của chủ nghĩa Mác.

Sự phân loại này được thấy như thế nào trong hoạt động lý luận của các đảng ở Tây Âu là thành viên của Quốc tế xã hội ? Trong số các đảng chú ý nhiều nhất tới việc xây dựng quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », phải kể tới những nhà lãnh đạo và những cán bộ tuyên truyền của Đảng xã hội dân chủ Đức và Đảng xã hội Anh. Như J. Gi-pho và S. Hai-dơ-le đã hệ thống hóa, đó là những đảng tự do – cấp tiến. Hạt nhân cơ bản trong hàng ngũ các nhà lý luận kỳ cựu nhất của những đảng này liên kết về mặt quan điểm với lập trường của chủ nghĩa tự do. Song, trong những đảng này, đang chịu ảnh

hưởng mạnh của chủ nghĩa Mác, trong những năm qua, phái tả đã lại một lần nữa làm cho đảng mình chú ý tới chủ nghĩa Mác. Cả những nhà lý luận « ôn hòa » cũng thừa nhận chủ nghĩa Mác với sự gia giảm theo ý họ.

Trong thời gian qua, những người xã hội dân chủ Thụy-điển đã dần ngả theo nhóm « tự do — cấp tiến ». Trong những luận điểm có tính cương lĩnh của họ, những vấn đề giá trị luân lý — đạo đức, dân chủ chính trị và kinh tế ngày càng nổi lên hàng đầu, bằng chứng nói lên điều đó là cương lĩnh mới nhất của Đảng xã hội dân chủ công nhân Thụy-điển (năm 1975).

Những người xã hội Pháp, Bỉ, Ý tự gọi mình là những đảng đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác. Xét theo những công trình lý luận gần đây của những người xã hội Bồ-đào-nha và Tây-ban-nha thì họ tự xếp mình vào nhóm « chủ nghĩa xã hội dân chủ Nam Âu ».

Có thể coi là các đảng thực dụng (mà theo phân loại hệ thống hóa của Gi-pho và Hai-dơ-le thì đó là các « công đảng dân túy »): Công đảng Anh, những người xã hội dân chủ Đan-mạch, Na-uy, Hà-lan, Phần-lan. Song cả những đảng này nữa, trong những năm qua, các nhóm cánh tả đã tăng cường rõ rệt hoạt động lý luận và đưa ra nhiều yêu sách trong đó có nhiều điều vay mượn chủ nghĩa Mác. Về phần mình, những người phái hữu trong các đảng này, chẳng hạn như nhóm « liên minh xã hội dân chủ » trong Công đảng Anh, trong khi cố gắng đặt cơ sở lý luận cho lập trường của mình, đã kiên quyết phủ nhận chủ nghĩa Mác và ngả theo chủ nghĩa tự do tư sản. Chính bản thân những người xã hội dân chủ cũng thừa nhận sự thật là trong toàn bộ lịch sử tư tưởng của trào lưu xã hội dân chủ có ảnh hưởng của một bên là chủ nghĩa Mác, và bên kia là chủ nghĩa tự do tư sản.

Quả thật họ nhấn mạnh rằng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã có cách giải thích của mình đối với chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa tự do. Đối với học thuyết mác-xít, « chủ nghĩa xã hội dân chủ » lựa chọn lấy phương pháp luận và cách đặt vấn đề về sự cần thiết phải tích cực giải quyết các vấn đề xã hội. Còn chủ nghĩa tự do thì được « chủ nghĩa xã hội dân chủ » gắn với sự thiết thực bảo đảm những giá trị cơ bản của xã hội loài người là tự do, bình đẳng và đoàn kết.

Song trên thực tế, việc vay mượn từ chủ nghĩa Mác phương pháp luận sau khi vứt bỏ lý thuyết của nó, đặc biệt là vứt bỏ học thuyết mác-xít về chủ nghĩa xã hội trên tư cách là giai đoạn đầu của hình thái cộng sản chủ nghĩa, làm cho các quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » mang tính chất hình thức hoàn toàn. Bởi vì trong chủ nghĩa Mác, phương pháp luận không tồn tại như một nhân tố nào đó ở bên ngoài, độc lập, bổ sung cho lý thuyết, cho hệ thống các quan điểm về các quy luật phát triển của xã hội và về công cuộc cách mạng cải tạo thực tại xã hội. Hệ thống lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác là những nhân tố gắn bó với nhau một cách hữu cơ trong học thuyết của nó. Trong chủ nghĩa Mác, chính hệ thống các quan điểm lý luận, phản ánh các quy luật phát triển của xã hội, đồng thời cũng là phương pháp luận chung để nhận thức và cải tạo thực tại xã hội. Vì vậy, không thể sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác mà lại vứt bỏ những nhân tố này hay nhân tố khác trong lý luận của Người, trong học thuyết của Người về sự phát triển của xã hội. Trên thực tế, vứt bỏ những luận điểm lý luận của chủ nghĩa Mác có nghĩa là vứt bỏ phương pháp luận mác-xít. Vì vậy việc « những người xã hội dân chủ » dẫn ra rằng họ sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác trong khi

bác bỏ học thuyết của chủ nghĩa Mác về chủ nghĩa xã hội, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về chuyên chính vô sản và v.v... chỉ là một thủ thuật mị dân, một cách nói suông mà mục đích là làm ra vẻ trung thành với chủ nghĩa Mác « chân chính », gieo rắc trong lòng giai cấp công nhân ảo tưởng rằng quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » mang tính chất mác-xít. Thực ra phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác không thể dung hợp với chủ nghĩa tự do của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Đồng thời với việc chủ nghĩa tự do ngày càng giống với các quan điểm tự do chủ nghĩa của một bộ phận nhất định trong giai cấp tư sản, phương pháp luận mác-xít, quan điểm cách mạng mác-xít đối với việc nhận thức và cải tạo thực tế xã hội đã hoàn toàn biến khỏi « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Hoặc là chủ nghĩa Mác cả trong lý luận lẫn trong phương pháp luận (chủ nghĩa Mác là một chỉnh thể nhất quán), hoặc là chủ nghĩa tự do cả về mặt lý luận lẫn về mặt phương pháp luận, ngoài ra không thể có một sự lựa chọn thực tế nào khác. Bởi vị kết hợp phương pháp luận của chủ nghĩa Mác với lý luận của chủ nghĩa tự do về sự phát triển của xã hội là một sự hỗn độn và không nhất quán về mặt phương pháp luận và lý luận mà trên thực tế nhất thiết sẽ hóa thành chủ nghĩa tự do triệt để, ngày càng xa rời chủ nghĩa Mác mà bằng chứng nói thẳng ra là toàn bộ hoạt động thực tiễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Cơ sở thuyết đa nguyên luận của quan điểm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không chỉ là tư tưởng của Béc-xtanh về « nhân đạo hóa » cuộc đấu tranh giai cấp mà sự phát triển đã dẫn « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đến chỗ biến thành lý thuyết hòa bình giai cấp với giai cấp tư sản, thành lý thuyết và thực tiễn hợp tác xã hội. Các

tác phẩm xét lại của Cau-xky (1) nhằm chống lại điểm chủ yếu nhất trong lý luận mác-xít, chống lại học thuyết về chuyên chính vô sản, cũng giữ một vai trò nhất định trong việc hình thành « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Hơn nữa, điều rất tiêu biểu là việc Cau-xky đề cập về « tính không dân chủ » của chuyên chính vô sản và, điều ông ta truyền bá là từ bỏ quan điểm giai cấp đối với các vấn đề dân chủ và giai cấp vô sản giành chính quyền, đã đẩy « chủ nghĩa xã hội dân chủ » vào vũng lầy của chủ nghĩa chống cộng.

Năm 1909, trong cuốn « Con đường dẫn đến chính quyền. Những suy nghĩ chính trị về sự phát triển thành cách mạng », K. Cau-xky còn viết về sự cần thiết có các trận chiến đấu quyết liệt để giành chính quyền trong « kỷ nguyên cách mạng đang đến », và « cách mạng trở thành... một khả năng hiện thực trong thời gian sắp tới ». Theo lời V.I. Lê-nin, đây là tác phẩm cuối cùng và tốt nhất của Cau-xky để chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa (2). Nhưng ngay tác phẩm sau đó (năm 1914) « Bãi công chính trị của quần chúng », ông ta lại tuyên bố rằng chế độ nghị viện cho phép « các giai cấp thấp kém giành được quyền lập pháp và giành được chính phủ » và thậm chí trong trường hợp có chiến tranh thế giới và có cách mạng do cuộc chiến tranh này gây ra vẫn cần trông cậy vào các phương tiện nghị viện. Những quan điểm xét lại của Cau-xky được thể hiện đầy đủ nhất trong tác phẩm

---

1. Tiện đây xin nói rằng Cau-xky là một trong những người đầu tiên thuộc trào lưu xã hội dân chủ đã tung ra thuật ngữ « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Năm 1927, ông ta viết : « Cũng như trong xã hội cơ đốc giáo trung cổ, mọi con đường đều dẫn tới Rô-ma, ngày nay mọi con đường của giai cấp vô sản đều dẫn tới dân chủ và chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

2. Xem *V. I. Lê-nin* : Toàn tập, tập 33, tr. 110.

« Chuyên chính vô sản » (1) (năm 1918) trong đó ông ta phê phán các hành động của Đảng bôn-sê-vích là không tuân thủ « dân chủ » trong cuộc Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười.

Tác phẩm của K. Cau-xky « Chuyên chính vô sản » là tác phẩm đặt nền móng cho việc soạn thảo lý luận của chủ nghĩa chống cộng mà trào lưu xã hội dân chủ đã bắt đầu thi hành ngay từ thời kỳ này. Ảnh hưởng của cuốn sách này tới việc tiếp tục hoàn thành quan điểm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » còn được thể hiện ở chỗ nó là cơ sở cho các công trình lý luận của cánh tả « mác-xít ». Thậm chí những nhà lý luận cánh tả của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », trong khi thừa nhận một loạt luận điểm có tính chất nguyên tắc của chủ nghĩa Mác (nhu cầu xã hội hóa tư liệu sản xuất là điều kiện chủ yếu và v.v...), cũng đã kết hợp chủ nghĩa Mác đã bị cắt xén với cái chủ nghĩa chống cộng trọn vẹn của phái xã hội dân chủ « tự do ».

Những luận điểm chống cộng của những người cánh tả được thể hiện đặc biệt trong những quan điểm lý luận của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa, một đảng tách ra từ Đảng xã hội dân chủ Đức trong năm 1931. Lúc đầu Đảng này thừa nhận sự cần thiết phải xã hội hóa các tư liệu sản xuất, phải đập tan bộ máy nhà nước tư sản, nhưng lại cự tuyệt thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, biện lý rằng thực tiễn này phá hoại « các nguyên tắc dân chủ trong nội bộ đảng ».

Trong những năm 20 và những năm 30 « chủ nghĩa xã hội dân chủ » hình thành dần dần đường lối xét lại chủ nghĩa Mác về mọi phương diện. Việc hướng theo triết

---

1. *K. Kautsky*: Diktatur des Proletariats, Wien, 1918.

lý thỏa hiệp trong di sản của Căng, việc nghiên cứu vấn đề « chủ nghĩa xã hội đạo đức », sự xuất hiện của lý thuyết « kinh tế xã hội tự do » trong đó chứa đựng mưu đồ kết hợp các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, cuộc thảo luận xung quanh vai trò của Nhà nước trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại, sự xuất hiện của lý thuyết đa nguyên chính trị, một lý thuyết xét về thực chất là sự phủ nhận dứt khoát đối với những tư tưởng chuyên chính vô sản, – cùng cố nêu ra lý luận mà sau này những nhà tư tưởng xã hội dân chủ đã tập hợp thành một quan niệm duy nhất, quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Và mũi nhọn chủ yếu của tất cả những cố gắng này là học thuyết chống cộng sản, mưu toan kết tội chủ nghĩa xã hội hiện thực vi phạm dân chủ và nhân quyền.

Như ta đã biết, trước khi chủ nghĩa phát-xít lên cầm quyền ở Ý và Đức và trước chiến tranh thế giới thứ hai, trong phong trào xã hội dân chủ còn chưa hình thành hẳn quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Lúc ấy những đường nét của quan niệm này còn chưa rõ ràng. Ban lãnh đạo xã hội dân chủ còn chưa dám công khai và hoàn toàn đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác vì uy tín lớn lao của học thuyết Mác trong các tầng lớp nhân dân lao động. Nhưng cùng lúc ấy đã thấy có tính xác định về nguyên tắc của toàn bộ cái nội dung hãy còn lờ mờ của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Dù xét hướng nào trong việc xây dựng quan niệm này, hướng của những người xã hội dân chủ « tự do » đang giữ địa vị lãnh đạo trong các đảng hay hướng của những người xã hội cánh tả không phủ nhận sự liên hệ của mình với chủ nghĩa Mác, chúng ta thường xuyên chạm trán với những quan

điểm chống cộng sản với sự lên án chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Giai đoạn mới trong hoạt động lý luận của trào lưu xã hội dân chủ, bắt đầu từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, vẫn không thay đổi khuynh hướng chống cộng sản của «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Tất nhiên, vai trò quyết định của quân đội xô-viết trong việc dập tan bộ máy chiến tranh của Hít-le, việc những người cộng sản và những người xã hội dân chủ cùng tham gia kháng chiến, sự mất uy tín của chủ nghĩa tư bản trên tư cách là một chế độ xã hội đã sản sinh ra chủ nghĩa phát-xít, — những tình huống đó và nhiều tình huống khác nữa đã thúc đẩy trào lưu xã hội dân chủ có tính phê phán hơn đối với xã hội tư sản. Đồng thời các môn đệ của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» vẫn tiếp tục bám lấy những quan điểm của chủ nghĩa chống cộng sản.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, trào lưu xã hội dân chủ đã hoàn toàn đoạn tuyệt với những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học và tăng cường gắn bó với những tư tưởng của chủ nghĩa chống cộng sản. Chính trong thời kỳ những năm 50 và những năm 60, quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đã được trình bày như cương lĩnh tư tưởng cơ bản của trào lưu xã hội dân chủ quốc tế nhằm chĩa mũi nhọn chống chủ nghĩa xã hội hiện thực. Điều này được thể hiện đầy đủ nhất trong «Tuyên ngôn Phran-phuốc» của Quốc tế xã hội mà chúng ta đã nói ở phần trên. Theo nhà sử học xã hội dân chủ Iu. Bra-un-tan, đó là văn kiện đầu tiên của trào lưu xã hội dân chủ mà đã hoàn toàn từ bỏ tư tưởng tất yếu lịch sử đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong «Tuyên ngôn Phran-phuốc» không hề thấy sự gắn bó của trào lưu xã hội dân chủ đối với chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác

bị xếp ngang hàng với các trào lưu chính trị – tư tưởng khác mà những người xã hội dân chủ có thể sử dụng để đạt tới một « xã hội công bằng ». Như K.Trếc-nét-sơ, nhà tư tưởng dân chủ xã hội người Áo, đã nhận định, « Tuyên ngôn Phran-phuốc » mang dấu ấn của sự thỏa hiệp (1). Nội dung của nó có phê phán chủ nghĩa tư bản, phê phán ách thống trị thực dân của chủ nghĩa đế quốc, thừa nhận chủ nghĩa tư bản đã làm cho cuộc đấu tranh giai cấp thêm gay gắt, trong một loạt nước, giới đại tư bản ủng hộ chủ nghĩa phát-xít, góp phần phục hồi những hành động tàn bạo man rợ. Tuyên ngôn còn tuyên bố ý định khắc phục chủ nghĩa tư bản bằng cách xây dựng một chế độ xã hội mới, trong đó « lợi ích của tất cả mọi người đứng trên lợi nhuận ».

Song, mặt khác, tuyên ngôn này lại bỏ qua vấn đề then chốt là bằng cách nào để xóa bỏ chủ nghĩa tư bản với tư cách là một hình thái xã hội, hết sức xa lạ với lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động. Định nghĩa « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trình bày trong tuyên ngôn cũng không giải đáp vấn đề này. Văn kiện này nêu mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là mở rộng tự do của cá nhân trên cơ sở sung túc về kinh tế và xã hội và không ngừng nâng cao phúc lợi (2). Công thức này và các công thức khác liên quan với chế độ xã hội mới đều mang tính chất mơ hồ, mập mờ. Trên thực tế, chúng không hề đụng chạm đến những nền tảng của chủ nghĩa tư bản. Trong khi đó, chúng lại kịch liệt công kích, buộc

---

1. *K.Czernetz* : Die Sozialistische Internationale Idee und Wirklichkeit. Wien, 1972, S. 44.

2. « Ziele und Aufgaben des demokratischen Sozialismus ». – In ; *J. Braunthal* : Geschichte der Internationale. Bd. 3, S. 612 – 618.

tội nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên không có dân chủ và «độc quyền Nhà nước với chế độ kế hoạch hóa độc tài» nắm quyền thống trị.

«Tuyên ngôn Phran-phuốc» không tạo ra cơ sở lý luận cho quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» mặc dù chính trong văn kiện này «chủ nghĩa xã hội dân chủ» lần đầu tiên nêu ra mục đích có tính cương lĩnh của trào lưu xã hội dân chủ. Thế nhưng, khuynh hướng chống cộng sản của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» lại đạt đến mức hoàn hảo. Tuyên ngôn này trên thực tế đã xếp chủ nghĩa phát-xít và chủ nghĩa cộng sản cùng một duộc, thực tiễn xây dựng xã hội trong các nước xã hội chủ nghĩa được xem xét một cách hết sức tiêu cực. Những luận điểm chống Liên-xô đã biến «Tuyên ngôn Phran-phuốc» thành một tín điều chống cộng được sự ủng hộ của những kẻ chủ trương «chiến tranh lạnh».

Song sự thay đổi tương quan lực lượng trên trường quốc tế có lợi cho chủ nghĩa xã hội, việc nhanh chóng nâng cao mức sống và hoàn thiện lối sống trong các nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại yêu chuộng hòa bình của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đang làm suy yếu một trong những nền tảng tư tưởng cổ truyền của trào lưu xã hội dân chủ tức chủ nghĩa chống cộng. Tình hình căng thẳng đến tột độ của cuộc đấu tranh giai cấp trong các nước tư bản; sự nâng cao trình độ giác ngộ của đội ngũ giai cấp công nhân và những đồng minh của nó là nông dân, viên chức, trí thức; sự gia tăng những yêu sách của những người lao động — không những đòi cải thiện tình cảnh vật chất mà còn đòi mở rộng các quyền chính trị, được tích cực tham gia quản lý các công việc của xí nghiệp và xã hội,

phát triển những nhu cầu tinh thần — tất cả những cái đó buộc trào lưu xã hội dân chủ phải đề cập theo cách mới đến lý luận, hệ tư tưởng và đường lối chính trị của chủ nghĩa cải lương.

Sự phát triển thắng lợi về mặt kinh tế, chính trị và văn hóa của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, đường lối chính sách đối ngoại có hiệu quả của những nước này, sự tăng cường ảnh hưởng của các đảng cộng sản trong những nước khác, sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc — tất cả tình hình đó là bằng chứng hiển nhiên khẳng định sự đúng đắn có tính lịch sử của học thuyết Mác — Lê-nin. Đứng trước sự tăng cường ảnh hưởng của hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa, sự bất lực về tư tưởng lý luận của chủ nghĩa cải lương xã hội, ý nghĩa phản động của nền tảng cơ bản của nó tức chủ nghĩa chống cộng và sự biện hộ cho chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ đặc biệt rõ rệt.

Trong thời gian nhiều năm, những người lãnh đạo của trào lưu xã hội dân chủ đã biện luận về sự «không cần thiết» của bất kỳ lý luận nào đối với phong trào công nhân, về việc «phi ý thức hệ hóa» phong trào này. Luận cương do K. Su-ma-khơ đưa ra trong năm 1946 về «tính trung lập của thế giới quan» đã được khẳng định trong tuyên ngôn có tính cương lĩnh của Quốc tế xã hội, trong cương lĩnh Gôt-đen-bec của Đảng xã hội dân chủ Đức và trong nhiều văn kiện khác của trào lưu xã hội dân chủ.

Tuy nhiên, đối với những người xã hội dân chủ, luận cương đã được đưa ra về «tự do đối với hệ tư tưởng» vẫn có phương hướng tư tưởng và chính trị rõ rệt — biện minh cho việc họ đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác.

tước vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân, phá hoại ảnh hưởng và uy tín của học thuyết Mác – Lê-nin, lôi kéo về phía mình những cử tri bỏ phiếu cho các đảng tư sản. Luận cương thể hiện rõ chủ nghĩa bảo thủ chính trị của trào lưu xã hội dân chủ, bản chất cơ hội của hệ tư tưởng xã hội dân chủ.

Nhưng thực tiễn của cuộc đấu tranh giai cấp, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân trong những năm 60 và 70, sự phân hóa ngày càng sâu sắc trong hàng ngũ phong trào xã hội dân chủ, sự tăng cường ảnh hưởng của hệ tư tưởng mác-xít, sự quan tâm ngày càng lớn của xã hội đối với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đã buộc các nhà lãnh đạo và các nhà tư tưởng của trào lưu xã hội dân chủ phải xem xét lại lập trường của họ về «tự do đối với hệ tư tưởng». Khẩu hiệu này, hoàn toàn không đưa vào viện bảo tàng mà bắt đầu đi liền với việc ngày càng tích cực tìm kiếm một «sự lựa chọn mới quan trọng» để đối lập lại chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Những người xã hội dân chủ đột nhiên phát hiện thấy «nhu cầu có một quan niệm xã hội dân chủ thống nhất về tổ chức xã hội, đang không ngừng tăng lên» (1). Theo lời ông Tổng thư ký Quốc tế xã hội H. Ya-nhi-trếch, thì cần có «một hình ảnh tư tưởng mới về vai trò, nhiệm vụ và mục đích của phong trào xã hội dân chủ trong xã hội công nghiệp phát triển» (2).

Thật ra thì khẩu hiệu «tự do đối với hệ tư tưởng» luôn luôn mang tính cách ít nhiều mị dân, không có gì khác hơn là một thủ đoạn; một phương sách để phá

---

1. *A. Day*: Die ideologische Offensive der Sozialdemokratie. – «Neue Gesellschaft». Bonn – Bad – Godesberg, 1972, N6, S. 456.

2. *H. Yanitschek*: Social Demokracy facing the seventies. – «Socialist Affairs», IV, 1971, P. 72.

hoại ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin trong phong trào công nhân các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, phạm vi hoạt động chủ yếu của phong trào xã hội dân chủ hiện đại. Nói chung, bước đi hiện nay «chuyển sang hệ ý thức» cũng mang tính thực dụng và chống cộng y hệt như khẩu hiệu «phi ý thức hệ hóa».

Những phương hướng cơ bản của quá trình «tái ý thức hệ hóa» hiện nay lặp lại như anh em sinh đôi những khẩu hiệu xã hội dân chủ hai chục năm trước. Chẳng hạn trong «Tuyên bố về triển vọng của phong trào xã hội dân chủ» được thông qua tại Hội nghị Ủy ban hợp tác các đảng xã hội dân chủ và công đoàn các nước Bắc Âu họp hồi đầu tháng 5-1974 nói một cách quyết đoán rằng «cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa cộng sản đều hàm nghĩa là sự tập trung quyền lực, quan liêu và thu hẹp khả năng tác động vì lợi ích của những người dân thường». Báo cáo cơ bản đọc tại hội nghị của chủ tịch Đảng công nhân xã hội dân chủ Thụy-điển O. Pan-mơ, trước đó ít lâu đã viết một bài báo, trong đó phát triển những tư tưởng tương tự, khẳng định cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa cộng sản đều «xuất hiện từ các huyền thoại». Chủ nghĩa tư bản xuất hiện từ huyền thoại nền kinh tế thị trường sẽ tự động dẫn tới tình trạng hài hòa giữa sự phát triển kinh tế và các nhu cầu của nhân dân, còn chủ nghĩa cộng sản từ huyền thoại về sự tự động đạt tới một «xã hội cộng sản chủ nghĩa hạnh phúc» nếu như nhà nước làm chủ các tư liệu sản xuất (1). Thật vậy người ta đã thực sự tạo ra huyền thoại về chủ nghĩa tư bản «đang phát triển» rất cần được «quản lý hợp lý» và chủ nghĩa cộng sản «nhà

---

4. *O. Palme*: Social Democracy in the corth. «Socialist Affairs», 1974, N 1—2, p. 54.

nước», trong đó các chỉ tiêu kinh tế là tiêu chuẩn duy nhất của tiến bộ xã hội. Tất cả những điều đó, đặc biệt là «hệ tư tưởng «tiên tiến» của chủ nghĩa xã hội dân chủ», chăm lo «hoàn thiện đạo đức, luân lý» của người lao động hơn là quan tâm đến những lợi ích vật chất «tầm thường» là cần thiết để đem đối lập với «chủ nghĩa kinh tế tầm thường» vốn có của chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên bất kỳ bạn đọc nào không có sẵn định kiến, làm quen với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và những sự kiện chủ yếu trong thực tiễn của chủ nghĩa xã hội đều thấy rõ phương pháp luận hoang đường được khẳng định trên đây, trong đó người ta lén lút (đã bao lần rồi!) đưa đến bạn đọc không phải là chủ nghĩa Mác mà là những lời xuyên tạc cơ hội chủ nghĩa tầm thường đối với chủ nghĩa Mác.

Trong điều kiện có sự phát triển của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân lao động, các nhà chiến lược của chủ nghĩa chống cộng ra sức dùng mọi biện pháp ngăn cản sự đoàn kết các lực lượng của giai cấp công nhân, trước hết là ngăn cản sự thống nhất hành động của những người cộng sản và những người xã hội dân chủ. Do đó mà thúc đẩy chủ nghĩa chống cộng trong hàng ngũ những người ủng hộ «chủ nghĩa xã hội dân chủ».

Hiện nay những người tích cực nhất trong việc «đi tìm hệ ý thức», trong việc đi tìm những khẩu hiệu có thể lôi kéo được đông đảo quần chúng lao động, chính là những nhà lý luận và những người lãnh đạo trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu, có tâm trạng chống cộng sản, đang lo ngại một cách hiển nhiên và không phải không có cơ sở cho việc độc quyền nắm giữ các vị trí của mình trong ban lãnh đạo các đảng dân chủ xã hội. Điều này

cũng giải thích một sự thật là các cuộc «tìm kiếm» ấy lại được tiến hành chủ yếu là trong vũng lầy của chủ nghĩa chống cộng sản và biện hộ cho chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa. Tính cách của xu hướng chủ đạo trong quá trình «tái ý thức hệ hóa» hiện nay, mà mục đích vẫn là đi tìm một cách vô ích «con đường thứ ba» giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản, chính là như vậy.

Việc biện hộ cho chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa là một mặt của các quan điểm xã hội dân chủ chống cộng sản và cùng với những quan điểm này tạo thành một chỉnh thể gắn bó. Mặt này của hệ ý thức «chủ nghĩa xã hội dân chủ» thể hiện trong việc phủ định sự cần thiết phải tiến hành những cuộc cải tạo tận gốc trong xã hội tư bản chủ nghĩa, từ bỏ cách mạng xã hội chủ nghĩa, được biểu thị rõ nhất trong lý luận kinh tế và chính trị của phong trào xã hội dân chủ, trong thái độ của nó đối với những vấn đề chính trị – xã hội chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc hiện đại. Những vấn đề gắn liền với tình hình này được phân tích khá đầy đủ trong sách báo Liên-xô dựa theo tài liệu của thời kỳ sau chiến tranh. Những kết luận chính mà những người mác-xít đã rút ra khi phân tích sự biện hộ của chủ nghĩa cải lương đối với chủ nghĩa tư bản đã được thực tiễn trong thời gian gần đây khẳng định xác đáng.

Toàn bộ tòa tháp Ba-bi-lon của những hy vọng tốt đẹp về khả năng có con đường tiến hóa đến chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở không vững đã bị bóc trần từ lâu của luận cương về «sự chuyển hóa của chủ nghĩa tư bản». Ở đây thể hiện đặc biệt rõ rệt sự giống nhau về mặt tư tưởng giữa các nhà lý luận tư sản và các nhà lý luận cải lương – xã hội. Cũng như trong thời kỳ

« phi ý thức hệ hóa », công việc « tái ý thức hệ hóa » hiện nay không làm thay đổi tính chất biện hộ của học thuyết « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Về mặt này nội dung của nó không có những thay đổi quan trọng từ khi thông qua « Tuyên ngôn Phran-phuốc ». Và nếu như có thay đổi chăng nữa, thì chủ yếu là theo hướng làm phức tạp hơn nữa việc ngụy trang cho bản chất giai cấp của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, và những mâu thuẫn cơ bản của nó. Tất nhiên, điều đó không có nghĩa là các nhà tư tưởng xã hội dân chủ (cũng như các nhà tư tưởng tư sản tự do) hoàn toàn nhắm mắt trước những tệ đoan của chủ nghĩa tư bản. Trên thực tế, họ làm như vậy cũng không có hiệu lực vì những tệ đoan đó đã quá rõ ràng đối với nhân dân lao động. Tuy nhiên những người xã hội dân chủ không muốn nhìn ra tính chất khách quan sâu sắc của những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn bắt rễ trong chính bản chất chủ nghĩa tư bản là một chế độ bóc lột, và hy vọng vào khả năng khắc phục những mâu thuẫn ấy từng bước, trên cơ sở cách mạng khoa học kỹ thuật và sử dụng vai trò « điều tiết » của Nhà nước. Cũng như trước kia, tất cả những công thức xã hội mới nhất của trào lưu xã hội dân chủ — dù đó là « cùng tham gia », « bảo đảm chất lượng mới của cuộc sống » hoặc lập « quỹ tư bản » của công nhân toàn quốc (được dự định trong cương lĩnh của công đảng Anh) — đều mang tính cải lương chật hẹp, đều chỉ lái phong trào công nhân đi chệch hướng giải quyết những vấn đề chủ yếu nhất của xã hội tư bản. « Cho đến nay chúng ta đã sử dụng được nhiều nhất những khả năng hiện có, những khả năng thử trở thành những nhà tư bản tốt hơn chính bản thân các nhà tư

bản » (1). Cơ quan lý luận của Đảng công nhân xã hội dân chủ Thụy-điển, một nước trong đó những người xã hội dân chủ đã bốn chục năm nắm quyền điều khiển nhà nước, đã thừa nhận như vậy.

Như vậy là ngay từ buổi khởi đầu hình thành quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », những nhà lý luận của nó đã đưa ra một phương hướng tư tưởng rõ rệt, đã nêu rõ « thuyết đa nguyên » của nó để chống lại lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Nội dung của quan niệm này được đặc trưng bởi hai khuynh hướng cơ bản. Một là, cốt lõi của nó bao gồm một cách hữu cơ: từ bỏ quan điểm mác-xít coi chủ nghĩa xã hội là một nấc thang của hình thái kinh tế — xã hội mới, được xây dựng trên cơ sở công hữu về tư liệu sản xuất; thay thế quan điểm mác-xít về chủ nghĩa xã hội bằng một định nghĩa đa nguyên và trừu tượng (không cụ thể) chủ nghĩa xã hội là sự thể hiện những tư tưởng chính trị và đạo đức thực sự tư sản về tự do, công bằng, bác ái và v.v...; đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội khoa học thể hiện thực tế của nó ở Liên-xô và các nước khác. Hai là, quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » có nét đặc trưng bởi tuyên bố con đường tiến hóa cải biến xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa trong sự tuân thủ những nguyên tắc của nền dân chủ nghị viện — đảng phái tư sản là đường lối hiện thực và duy nhất chấp nhận được đối với các lực lượng xã hội dân chủ.

Quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong thời kỳ hình thành đã theo đuổi mục đích kép. Một mặt nó có sứ mạng làm cho quan điểm chính trị — tư tưởng xã hội

1. « Tiden ». Stockholm, 1972, N 7—8.

dân chủ có sức hấp dẫn đối với các tầng lớp rộng rãi trong nhân dân mà ở đây các đảng phái và trào lưu chính trị tư sản (bảo thủ, dân chủ — thiên chúa giáo, tự do), cũng ra sức gây ảnh hưởng; mặt khác đem quan điểm của mình về chủ nghĩa xã hội và các phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội đối lập với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, với các quá trình hiện thực đang diễn ra trong các nước xã hội chủ nghĩa, với các cương lĩnh cách mạng quá độ lên chủ nghĩa xã hội do các đảng cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa đưa ra.

Hiện nay « chủ nghĩa xã hội dân chủ » vẫn giữ tính hai mặt này. Trong những năm qua dường như đã có một sự chuyển giọng nhất định trong việc lý giải và tuyên truyền cho quan điểm này. Nếu trước kia, trong thời kỳ « chiến tranh lạnh », chủ nghĩa chống cộng sản, chống Liên-xô chiếm vị trí chủ đạo, thì giờ đây, dưới ảnh hưởng trực tiếp của các quá trình khách quan trên thế giới và của quá trình thúc đẩy tính tích cực của quần chúng ở các nước tư bản chủ nghĩa, nội dung chống tư bản hoặc trong mọi trường hợp, nội dung cải lương xã hội của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » hình như được đặt lên hàng đầu. Song chủ nghĩa chống cộng sản vẫn là nền tảng chính yếu của tất cả các cấu trúc lý luận và tư tưởng được tiến hành dưới ngọn cờ « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

3. Tính dễ ngỏ của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». (Thuyết đa nguyên được đề ngỏ cho những tư tưởng nào ?)

Cội nguồn tư tưởng của chủ nghĩa cải lương xã hội hiện đại trước hết là những quan điểm cơ hội chủ nghĩa

của những người khai sinh ra chủ nghĩa xét lại (Béc-xtanh, Cau-xky, Hin-phéc-đin, Bau-e và nhiều người khác). Đường lối xuất phát từ chủ nghĩa xét lại của Béc-xtanh và chủ nghĩa chống cộng của Cau-xky tất yếu dẫn chủ nghĩa cải lương xã hội tới chỗ đoạn tuyệt hoàn toàn với chủ nghĩa xã hội khoa học, đưa tới sự biện hộ cho những « giá trị » chính trị – xã hội của xã hội tư sản và dẫn tới chủ nghĩa chống cộng. Chính những nhà hoạt động cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế II đã đem « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đối lập với chủ nghĩa Mác cách mạng. Thành thử « chủ nghĩa xã hội dân chủ » hiện nay — cả bản thân thuật ngữ lẫn nội dung cơ bản của nó — không phải là một tư tưởng độc đáo, thật ra nhiều nhà tư tưởng xã hội dân chủ cũng đã nêu rõ điều này.

Mặt khác, thuyết đa nguyên của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã mở cửa cho các lý thuyết cải lương tư sản khác nhau, những loại lý thuyết xuất hiện trong thời kỳ hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước. Như các nhà truyền bá quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã nói rõ một trong những đặc điểm chính yếu của nó là một « lý thuyết để ngỏ ». P. Lút, một người xã hội dân chủ Tây Đức, đã viết : « Chủ nghĩa xã hội dân chủ được coi là một lý thuyết để ngỏ về nguyên tắc, thâu tóm những hiện tượng có thể có trong cuộc sống hàng ngày và những biểu hiện tinh thần của chúng, và tất nhiên kể cả những hiện tượng xuất phát từ chủ nghĩa Mác » (1)

Trong thời gian gần đây nhất, các nhà tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã bộc lộ những cơ sở triết

1. *P. Ludtz* : Die Ideologie des « Sozialdemokratismus in der Sicht der Kommunisten. – « Die Neue Gesellschaft ». Bonn – Bad — Godesberg, 1972, N 5, S. 359.

học của quan niệm của mình trong chủ nghĩa duy lý phê phán do K. Pốp-pơ đưa ra.

Chính bằng cách dựa vào chủ nghĩa duy lý phê phán mà những người « xã hội dân chủ » đã biện giải về mặt triết học cho tính cách đề ngỏ của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Vậy cơ chế những biện luận của họ về vấn đề này là thế nào ? Theo ý họ, chủ nghĩa duy lý phê phán vừa là học thuyết về nhận thức vừa là triết học chính trị. Là học thuyết về nhận thức, nó xuất phát từ nguyên lý phải thường xuyên kiểm nghiệm và xem xét một cách có phê phán các lý thuyết của chúng ta trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn. Tiến bộ của nhận thức được thực hiện bằng con đường gạt bỏ khỏi kinh nghiệm những lý thuyết sai lầm (giả mạo) đã phá sản và thay thế chúng bằng những lý thuyết mới. K. Pốp-pơ gọi các quá trình không bao giờ ngừng và luôn luôn đổi mới này là « phương pháp của những dề nghị mạnh dạn và của những thử nghiệm nghiêm túc, đầy ý nghĩa, nhằm cải chính hoặc bác bỏ chúng » (1).

Theo ý K. Pốp-pơ, phương pháp này chú ý đến những giới hạn kiến thức của chúng ta và tính hay thay đổi của chúng, bởi vì chúng thường sụp đổ khi tiếp xúc với hiện thực, đồng thời nó được xây dựng trên cơ sở thừa nhận rằng, bằng cách đề ra lý thuyết mới, chúng ta có khả năng tiến gần tới chân lý. « Phương pháp này có tính duy lý bởi vì nó tin tưởng vào trí tuệ và khả năng nhận thức của con người và có tính tự phê phán, bởi vì nó hiểu những giới hạn của trí tuệ ; nó nâng việc tìm ra và loại trừ những nhầm lẫn thành một nguyên tắc phương pháp luận ». Cũng chính nguyên tắc này quy định tính

1. *K.R. Popper* : Objektive Erkenntnis. Hamburg, 1973, S. 95.

chất của chủ nghĩa duy lý phê phán trên tư cách là triết học chính trị đối lập lại các chính sách độc quyền chân lý và các không tưởng về chính trị. «Nó coi sự tự do cạnh tranh của các quan điểm trong điều kiện dân chủ là hình thức duy nhất hợp lý của sự đối kháng chính trị». Các nhà lý luận của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» cho rằng mối liên hệ giữa các truyền thống triết học của trào lưu xã hội dân chủ và triết học chính trị của chủ nghĩa duy lý phê phán là ở chỗ cả hai đều thừa nhận rằng phê phán cái đang tồn tại là động lực của tiến bộ và đều bảo vệ nền dân chủ trên tư cách là hình thức hợp lý của sự đối kháng chính trị.

Quả vậy, chính bản thân những người «xã hội dân chủ», theo triết học của chủ nghĩa duy lý phê phán, đã tuyên bố để ngỏ quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là «sự tự do cạnh tranh của các quan điểm» và nhấn mạnh rằng đó là sự cạnh tranh phê phán cái đang tồn tại. Song trên thực tế, trong hàng ngũ những người xã hội dân chủ, sự tự do cạnh tranh của các quan điểm lại tuyệt nhiên không được tự do. Chỉ những quan điểm hoàn toàn xác định trong khuôn khổ quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» mới được cạnh tranh, những người sùng mộ quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» cho phép đó là những quan điểm thích hợp với họ từ trước, trước khi có bất kỳ sự cạnh tranh nào, trước khi có bất kỳ một sự phân định phê phán nào đối với những luận cương do những người cải lương xã hội đề ra nhằm, một mặt, biện hộ cho chủ nghĩa tư bản, và, mặt khác, chỉ trích chủ nghĩa xã hội hiện thực. Do có sự hạn chế như vậy đối với tính để ngỏ của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» nên luận điểm do họ đưa ra nói rằng phê phán cái đang tồn tại là động lực của tiến bộ là hoàn toàn không có cơ sở. Bởi vì sự phê phán đối với

cái đang tồn tại lại là sự phê phán không phải đối với tất cả những gì đang tồn tại mà chỉ là đối với chủ nghĩa xã hội đang thực tế tồn tại. Trong quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» ngược với những lời tuyên bố có tính triết học chung chứa đựng trong quan niệm này, phê phán chủ nghĩa tư bản đang thực tế tồn tại lại hóa thành tán tụng nền dân chủ tư sản, biện hộ cho chế độ tư bản chủ nghĩa. Thiết tưởng rằng nền dân chủ tư sản cực kỳ bị hạn chế, cũng thuộc phạm trù «cái đang tồn tại» và, do đó theo triết học duy lý phê phán, cũng phải chịu tác động phê phán của những người «xã hội dân chủ». Trên thực tế sự phê phán cái đang tồn tại trên tư cách là động lực của tiến bộ được những người xã hội dân chủ sử dụng một cách phiến diện. Họ hướng tác động của cái động lực này không phải vào chính bản thân quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ», mà vào cái mà họ đem nó đối lập lại – là chủ nghĩa xã hội khoa học ; không phải vào xã hội tư bản chủ nghĩa với nền dân chủ tồi tệ của nó mà vào xã hội của chủ nghĩa xã hội hiện thực và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thật là kỳ quặc đối với quan niệm của những người «xã hội dân chủ» coi phê phán cái đang tồn tại là động lực của tiến bộ.

Các nhà lý luận của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» trong phái tự do khẳng định rằng tính để ngỏ của quan niệm này (xuất phát từ cơ sở triết học của nó là chủ nghĩa duy lý phê phán) cho phép nó tránh được chủ nghĩa giáo điều, thâu lượm được những giá trị tinh thần mới do loài người tạo ra, giải đáp được những vấn đề mà các nhà tư tưởng thời xưa không thể tính đến. Thật vậy, những người biên tập cuốn sách «chủ nghĩa duy lý phê phán và trào lưu xã hội dân chủ» khẳng định rằng, xét

theo bản chất, chủ nghĩa duy lý phê phán có tính cách « chống giáo điều » và « chống uy quyền » (1).

Nhưng trên thực tế, cả trong cái gọi là khía cạnh « chống giáo điều » và « chống uy quyền », nền tảng triết học của chủ nghĩa xã hội dân chủ cũng phiến diện và lựa chiều như trong khía cạnh phê phán của nó. Chủ nghĩa chống giáo điều và tính chống uy quyền của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », dù được tuyên bố trong lý thuyết ra sao đi nữa, trên thực tế vẫn chỉ là đấu tranh với những luận điểm cơ bản và uy quyền của học thuyết mác-xit. Chính những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác đã bị những người « xã hội dân chủ » tuyên bố là « những giáo điều lỗi thời ». Họ ra sức « cứu vãn » quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », tránh khỏi uy quyền của học thuyết mác-xít. Trong khi truyền bá chủ nghĩa chống giáo điều, những người « xã hội dân chủ » trên thực tế lại sử dụng học thuyết của Căng như một giáo điều. Trong khi truyền bá chủ nghĩa chống giáo điều, họ lại nâng « chủ nghĩa hiện thực đạo đức », « chủ nghĩa duy lý phê phán » và nhiều quan niệm duy tâm – tư sản khác lên thành giáo điều.

Trong khi truyền bá tính chống uy quyền của học thuyết « chủ nghĩa xã hội dân chủ », những người cải lương – xã hội trên thực tế, ra sức thay thế uy tín của Mác bằng uy tín của Căng và Pốp-pơ. Đối với họ, như những người biên tập cuốn sách « Chủ nghĩa duy lý phê phán và trào lưu xã hội dân chủ » đã thừa nhận, ngày nay triết học của Căng vẫn hợp thời và chính bản thân phong trào công nhân (xin đọc là phong trào xã hội dân

---

1. « Kritisher Rationalismus und Sozialdemokratie » B. 1975, S. 1.

chủ) được kết tinh bởi những tư tưởng của Căng. (1) Điều đó có nghĩa là các nhà lý luận hiện đại của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », trong khi khẳng định tính chống uy quyền trong học thuyết của họ, trên thực tế lại hướng về cái uy quyền mà họ đã từng cầu viện đến trong đầu thế kỷ XX. Bởi vì ngay từ lúc đó, những người cải lương — xã hội đã từng khẳng định : « Sức mạnh khoa học của chủ nghĩa xã hội chỉ chiến thắng nếu như trong các tiền đề tinh thần của mình, nó quay trở lại với Căng » (2). Sùng mộ Căng, sùng mộ các giáo điều trong học thuyết của Căng mà chủ nghĩa Mác đã vượt qua, đã để lại sau mình, thực ra vẫn là tính sùng bái uy quyền bất di bất dịch trong hệ tư tưởng của chủ nghĩa cải lương — xã hội và là tính sùng bái giáo lý vững chắc của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Những giáo điều của Căng luôn luôn và luôn luôn được lấy làm nền tảng triết học của « Chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Và người ta làm như vậy chính là để núp dưới các giáo điều, dưới ngọn cờ đấu tranh với chủ nghĩa giáo điều và tính sùng bái uy quyền, mà « bảo vệ » cho « chủ nghĩa xã hội dân chủ » tránh được những chân lý khoa học hết sức nguy hiểm đối với nó mà học thuyết mác-xít đã phát hiện, và để mở rộng cửa cho quan niệm cùng đón nhận những quan điểm duy tâm tư sản và xét lại đang dẫn dắt phong trào công nhân đi chệch hướng chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Trong khi nhấn mạnh tính chống giáo điều và tính chống sùng bái uy quyền của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », các nhà lý luận xã hội dân chủ hiện đại khẳng định :

---

1. « Kritischer Rationalismus und Sozialdemokratie », S. 2.

2. *L. Woltman* : Der historische Materialismus. Dusseldorf 1900, S. 296.

«Trong vấn đề này, học thuyết về nhận thức và triết học chính trị của chủ nghĩa duy lý phê phán hội ngộ với nhau. Triết học chính trị của chủ nghĩa duy lý phê phán ủng hộ một nền dân chủ trong một xã hội cởi mở, vì trong chính trị cũng như trong khoa học ít có chân lý bền vững» (1). Theo quan điểm này thì chủ nghĩa duy lý phê phán trong chính trị có nghĩa là sẵn sàng lắng nghe những luận cứ phê phán và học tập kinh nghiệm, xuất phát từ nguyên tắc của Pốp-pơ: «Tôi có thể bị nhầm lẫn, anh có thể đúng, và có thể là chúng ta đang cùng nhau dò tìm dấu vết của chân lý» (2).

Song nếu như đối chiếu những luận điểm này của triết học duy lý phê phán với cách xử sự thực tế của những người «xã hội dân chủ» thì phải kết luận rằng đối với «chủ nghĩa xã hội dân chủ» trong khoa học chẳng hề có những chân lý nào khác ngoài «những chân lý» do Căng phát hiện ra, rằng trong chính trị chỉ có một chân lý bền vững là biện hộ cho chủ nghĩa tư bản bằng con đường hoàn thiện nó bằng các cuộc cải cách nhỏ, bằng con đường thường xuyên vá viu các chỗ «thủng» và «rách nát» của nó. Trong khi khẳng định một cách mị dân là sẵn sàng lắng nghe mọi ý kiến phê bình và học tập kinh nghiệm, cũng như thừa nhận khả năng có thể nhầm lẫn, «chủ nghĩa xã hội dân chủ» trên thực tế đã bác bỏ, hoàn toàn những lý lẽ phê phán của chủ nghĩa Mác, mặc dù những lý lẽ này được tiến trình hiện thực lịch sử khẳng định: trên thực tế không hề lĩnh hội được gì từ tính vô hiệu quả đã được nhiều lần

---

1. «Kritischer Rationalismus und Sozialdemokratie», S. 16.
2. *K.R. Popper*: Die offene Gesellschaft und ihre Feinde Bd. 2. Bern – München, 1970, S. 276.

chứng minh của việc cải tạo chủ nghĩa tư bản bằng con đường cải lương; trên thực tế đã vũ đoán rằng khả năng nhầm lẫn chỉ có thể xảy ra trong học thuyết của chủ nghĩa xã hội khoa học chứ không khi nào lại xảy ra trong học thuyết của chủ nghĩa duy lý phê phán.

Hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên mà việc phủ nhận các chân lý khoa học, giải thích toàn bộ khoa học nói chung không phải là một sự vận động tới những chân lý ngày càng sâu sắc hơn mà là việc thường xuyên phát hiện ra những sai lầm và lầm lẫn – lại tạo thành nền tảng triết học của «chủ nghĩa xã hội dân chủ».

Sự phủ nhận này là cần thiết cho «chủ nghĩa xã hội dân chủ» để, bằng chính quan niệm triết học về khoa học, vứt bỏ chủ nghĩa xã hội khoa học như một lầm lẫn, để từ chính bản thân học thuyết triết học nhất định, với tất yếu lô-gích, khơi nguồn cho tính thường xuyên để ngỏ của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» cho những phát kiến triết học tư sản và cải lương mà thường xuyên, dứt khoát xác định đóng cửa đối với học thuyết mác-xít về chủ nghĩa xã hội. Việc giải thích toàn bộ khoa học nói chung theo tinh thần của Căng – «thay cho phát hiện chân lý... phòng ngừa lầm lẫn (1) – là cần thiết cho những người cải lương xã hội để biện giải về mặt triết học rằng «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là cứu cánh để tránh những «nhầm lẫn» của chủ nghĩa xã hội khoa học đang thành hiện thực trong các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực (và thực sự dân chủ). Song, như mọi người đều biết, việc gì cũng có hai mặt. Và phải chăng việc biện giải tiến bộ của khoa học là công cuộc đi tìm và khắc phục một cách có hệ thống những sai lầm trong

1. *I. Kant*: Gesammelte Schriften. Bd. 3, B., 1902, S. 517.

các lý thuyết (1) (khi triệt để tiến hành việc biện giải này), không có nghĩa rằng chính bản thân việc biện giải này, và cùng với nó «chủ nghĩa xã hội dân chủ» dựa vào nó về mặt triết học chỉ là một sai sót và nhầm lẫn phải được loại trừ trong quá trình tiếp tục phát triển của hiện thực và của khoa học đang nhận thức nó? Rõ ràng là tính nhất quán lô-gích đòi hỏi quan niệm của chủ nghĩa duy lý phê phán về khoa học cũng phải liên can đến chính bản thân lý thuyết của «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Song các môn đệ của lý thuyết này hoàn toàn không có ý định thực hiện mối quan hệ đó. Sự phủ định chứa đựng trong quan niệm của chủ nghĩa duy lý phê phán về lý thuyết, họ chỉ dành cho lý thuyết của chủ nghĩa xã hội khoa học mà thôi.

Trong khi vay mượn «chủ nghĩa chống giáo điều» và «tính chống sùng bái uy quyền» của chủ nghĩa duy lý phê phán Pốp-pơ, «chủ nghĩa xã hội dân chủ» sử dụng một phương sách tinh ranh và thuận tiện là vứt bỏ các chân lý khách quan, viện cớ những chân lý đó đã lỗi thời mà thực tế là theo sự suy đoán riêng và theo sở thích chính trị. Thực ra nếu tiến bộ của khoa học, như chủ nghĩa duy lý phê phán từng tuyên bố, chỉ là việc thường xuyên vứt bỏ các sai lầm, thì chủ nghĩa Mác, như những người «xã hội dân chủ» khẳng định, không thể còn lại một cái gì cả ngoài những sai lầm. Đó là lập trường lô-gích (nói đúng hơn là lập trường tư tưởng) của những người «xã hội dân chủ», lập trường này phát triển trên cơ sở một luận điểm của chủ nghĩa duy lý phê phán khẳng định rằng: vì hiện thực thay đổi và phát triển, cho nên trong những lý thuyết mô tả hiện

1. «Kritischer Rationalismus und Sozialdemokratie», S. 13.

thực chẳng còn lại cái gì ngoài những sai lầm. Vì vậy, quan niệm này hoàn toàn nhắm mắt làm ngơ trước một tình hình là cả sự thay đổi lẫn sự phát triển của hiện thực, bên cạnh sự tiêu vong của một số mặt và sự ra đời của những mặt và mối liên hệ mới, đều bao hàm, trong bản thân chúng, sự bảo toàn và tính ổn định của các mặt và mối liên hệ khác, và những thay đổi nào đó của các mặt và mối liên hệ thứ ba. Không nghi ngờ gì nữa, chủ nghĩa tư bản chẳng hạn, đã và đang thay đổi, biến dạng theo lịch sử. Nhưng cũng không nghi ngờ gì nữa là nó vẫn được duy trì chừng nào mà cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa thắng lợi. Nó vẫn là chủ nghĩa tư bản, mặc dù có biến dạng và thay đổi trong tiến trình lịch sử. Những mối quan hệ cấu thành nó về cơ bản vẫn được duy trì cũng hệt như tư tưởng chủ đạo chung của sự biến đổi của lịch sử là bất di bất dịch. Lý thuyết của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về sự phát triển xã hội bao gồm những mối quan hệ cơ bản này, về khách quan là chân lý, bởi vì nó phản ánh những mặt cơ bản nhất, trọng yếu nhất trong bước tiến của lịch sử mà Các-Mác là người đầu tiên phát hiện. Điều quan trọng cần lưu ý là lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin không những được duy trì (thông qua những luận điểm cơ bản nhất của mình), mà còn phát triển. Nó được duy trì và phát triển trong chừng mực mà thực tại xã hội được duy trì và phát triển trong tiến trình lịch sử tự nhiên.

Đưa ra tính đề ngỏ toàn diện (trên phương diện lý thuyết, triết học) của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» trên cơ sở chủ nghĩa duy lý phê phán của Căng và Pốp-pơ, «những người xã hội dân chủ» dựa vào tính đề ngỏ của chủ nghĩa duy lý phê phán mà đánh đổ

đối thủ lý luận chủ yếu của mình là quan điểm của chủ nghĩa duy vật về lịch sử. Chính để chống lại cái nền tảng này của triết học mác-xít và chống lại các học thuyết được xây dựng trên nền tảng ấy về sự tất yếu lịch sử đi đến chủ nghĩa xã hội, những người cải lương xã hội đã và đang mài sắc chủ nghĩa duy lý phê phán của Căng và Pốp-pơ. Điều mà những người « xã hội dân chủ » rất tâm đắc trước hết trong triết học của Pốp-pơ là mưu đồ gièm pha những chân lý khoa học mà Mác đã xác định, tính quy luật lịch sử tự nhiên trong sự phát triển của xã hội mà Mác đã phát hiện. Hơn nữa điều không hề có một ý nghĩa nào đối với những người « xã hội dân chủ » là Pốp-pơ hoàn toàn không bỏ công đi tìm một luận cứ khoa học để đấu tranh với chủ nghĩa duy vật lịch sử, chỉ bác bỏ những dự đoán khoa học của Mác bằng cách dán cho chúng nhãn hiệu « tôn giáo tiên tri của Mác » (1), « điều dị đoan thuần túy nhất » (2). Cùng với Pốp-pơ, những nhà tư tưởng này tin rằng có thể dễ dàng thanh toán với học thuyết Mác, chỉ cần tuyên bố nó đã sụp đổ là xong. Họ khẳng định rằng: « Học thuyết Mác chỉ còn lại có cái triết học đoán mò của Hê-ghen, cái triết học được hóa trang trong bộ áo mác-xít và vẫn còn đe dọa làm tê liệt cuộc đấu tranh vì một xã hội cởi mở ».

Các nhà tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã đề ngỏ quan điểm của mình cho triết học của Căng và

---

1. *K. R. Popper*: Die offene Gesellschaft und ihre Feinde. Bd. 2. Bern — München, 1970, S. 211.

2. *K. R. Popper*: Das Elend des Historizismus. Tübingen, 1971, S. 7.

3. *K. R. Popper*: Das Elend des Historizismus. Tübingen, 1971, S. 212.

Pốp-pơ chính là để đóng chặt cửa đối với những tư tưởng của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Theo quan điểm của những người « xã hội dân chủ », quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về sự phát triển của xã hội là quan điểm chủ nghĩa xã hội sẽ đến một cách tất yếu, không sao tránh được có nghĩa là nó sẽ tự đến, tuyệt đối độc lập với hoạt động của con người. Những người « xã hội dân chủ » còn cho rằng niềm tin về sự tất yếu sẽ đến của chủ nghĩa xã hội dường như không để lại một chỗ nào cho hoạt động lịch sử tự giác của con người (1), loại trừ tự do và dân chủ. Do không hiểu phép biện chứng của tự do và tất yếu ; tách rời một cách siêu hình tự do và tất yếu, « những người xã hội dân chủ » chỉ tiếp nhận chủ nghĩa xã hội như một cái gì có tính đạo đức, đáng mong muốn, và gán cho chủ nghĩa duy vật lịch sử là khẳng định chủ nghĩa xã hội sẽ đến một cách tự động. Bằng cách tầm thường hóa một cách thô thiển quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa xã hội, những người xã hội dân chủ cố gắng gièm pha chủ nghĩa xã hội khoa học là « định mệnh », « không tự do », « phản dân chủ ». Hoặc chủ nghĩa xã hội là đáng mong muốn và do đó là dân chủ, hoặc chủ nghĩa xã hội là cần thiết và do đó là phi dân chủ — đó là sự lựa chọn siêu hình mà những người « xã hội dân chủ » đề ra để làm rối trí và dọa nạt những người không hiểu đúng về biện chứng của tự do và tất yếu, của cái đáng mong muốn và cái tất yếu lịch sử.

Những quan điểm của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » xem thường những quy luật khách quan, theo đó quy

---

1. *H. J. Steinberg* : Sozialismus und deutsche Sozialdemokratie. Zur ideologie der Partei vor dem I. Weltkrieg. Bonn — Bad — Godesberg, 1972, S. 97.

định sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa tư bản tất yếu bị thay thế bởi chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, việc tìm hiểu một cách khoa học về những quy luật ấy và khả năng vận dụng chúng là không cần thiết đối với những người nghiên cứu xã hội dân chủ. Đối với những người bảo vệ «chủ nghĩa xã hội dân chủ» thì sự phát triển của xã hội là điều không thể dung nạp được đối với nhận thức khoa học. «Tính tích cực của con người được điều khiển bằng những xung động có ý thức hoặc không có ý thức của con người, làm cho các lực lượng xã hội, trong khi xung đột, đi tới một thế cân bằng lực lượng nào đó mà người ta không thể tính toán trước một cách khoa học, và không thể thực hiện được trong tương lai trước mắt» (1). Việc hoàn toàn bác bỏ chủ nghĩa xã hội khoa học vốn gắn chặt với quan điểm của chủ nghĩa duy vật về lịch sử và với kinh tế chính trị học mác-xít, đã tạo ra cho những người xã hội cánh hữu và những người xã hội dân chủ một sự «tự do tìm tòi» nhất định. Và từ đó cái gì sẽ xảy ra? Đảng viên xã hội dân chủ Tây Đức — giáo sư U. Lô-ma, trong đoạn viết về sự phân định ranh giới tư tưởng giữa «chủ nghĩa xã hội dân chủ» và chủ nghĩa cộng sản khoa học, đã hạ một câu như sau: «Trào lưu xã hội dân chủ xuất phát từ giá trị đạo đức của tự do, bình đẳng và bác ái» (2). Việc thực hiện những giá trị này phải trở thành một quá trình» đòi hỏi một nghị lực ý chí và đạo đức, tương đối độc lập với hạ tầng kinh tế» (3). Ở một chỗ

---

1. *W. Eichler*: Zur Einführung in den demokratischen Sozialismus. Bonn — Bad — Godesberg, 1972. S. 107.

2. *U. Lohmar*: Sozialdemokratie und Kommunismus. — In: «Zeit». Hamburg, 21, IV 1972, S. 56.

3. *W. Brandt*: Friedrich Engels und die soziale Demokratie. Bonn — Bad — Godesberg, 1970, S. 21.

khác, chúng ta lại đọc thấy: «Những tiêu chuẩn và những nguyên nhân của các hành vi chính trị — xã hội và chính trị — kinh tế», theo quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ», «có thuộc tính phi kinh tế» (1).

Như vậy, trái ngược với chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật về lịch sử, «chủ nghĩa xã hội-dân chủ» đi tìm những nguyên nhân tối hậu của mọi quá trình xã hội trong đầu óc con người, trong những ý niệm của con người về tự do, bình đẳng và bác ái.

Trên quan điểm này, «chủ nghĩa xã hội dân chủ» được đánh giá rất chính xác, theo lời Rô-da Luých-Xăm-bua, là «lý tưởng trống rỗng mà sức thuyết phục nằm trong sự hoàn hảo mà nó tự gán cho mình» (2).

Nếu chăm chú xem xét và đối chiếu những nhân tố xuất phát của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» mà các lý luận gia khác nhau của trào lưu xã hội dân chủ đã đưa ra, thì trước hết thấy có sự né tránh và đáng lưu ý là sự lảng tránh một vấn đề quan trọng về nguyên tắc, vấn đề vạch rõ ảnh hưởng của phương thức sản xuất đối với các lĩnh vực thuộc thượng tầng kiến trúc của xã hội, vấn đề phân tích sự cần thiết phải cải tạo tận gốc các mối quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất và thay thế sở hữu tư bản chủ nghĩa bằng sở hữu xã hội chủ nghĩa, coi đó là cơ sở để giải quyết tất cả các vấn đề xã hội hiện đang được đặt ra cho loài người. Mặc dù trong những năm qua, một số nhà lý luận xã hội dân chủ đã cố gắng xác định rõ hơn vấn đề về các nguồn

---

1. «Freiheitlicher Sozialismus». Bonn — Bad — Godesberg, 1973, S. 63.

2. *R. Luxemburg*: Gesammelte Werke. Bd., 1. B., 1970, S. 377.

gốc lý luận của «chủ nghĩa xã hội dân chủ», tất cả đều hoàn toàn xem thường những lĩnh vực khoa học xã hội chịu trách nhiệm nghiên cứu các cơ sở vật chất của đời sống xã hội. Thật vậy, U. Lô-ma đã nêu ra 5 nguồn gốc của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ»: triết học Căng mới, định đề học, nhân chủng tộc, đạo đức học tôn giáo và chủ nghĩa nhân đạo thiên chúa giáo, lý giải lại những tác phẩm đầu tay của Mác (1). Nhà lý luận Tây Đức mà ta đã nhắc đến ở trên P. Lút viết rằng: «chủ nghĩa xã hội dân chủ» trong quá trình phát triển của nó, có bốn nhân tố cơ bản: một loạt luận điểm xuất phát của triết học Mác, những truyền thống dân chủ và xã hội chủ nghĩa của các thế kỷ XIX và XX, di sản thiên chúa giáo và tự do chủ nghĩa, chủ nghĩa duy lý phê phán và chủ nghĩa hiện sinh (2).

Như vậy là những lý thuyết kinh tế, nguồn gốc của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» thậm chí không được nhắc tới. Các mối quan hệ sở hữu, quan hệ sản xuất, có ảnh hưởng quyết định đến bầu không khí tinh thần và đạo đức của xã hội, đã không được xem xét trong mối quan hệ qua lại với những giá trị đạo đức cơ bản của «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Vì vậy trong tất cả các biến dạng của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» không có một sự liên kết hữu cơ nội tại. Vì học thuyết duy nhất có thể có — học thuyết về quan điểm duy vật đối với lịch sử — và cho phép tạo nên một lý luận chặt chẽ nội tại về sự phát triển của xã hội đã bị triệt để loại trừ khỏi các nguồn gốc lý luận của quan niệm «chủ

---

1. *U. Lohmar*: Sozialdemokratie und Kommunismus. — «Die Zeit», Hamburg, 21. IV 1972.

2. *P. Ludtz*: Die Ideologie des «Sozialdemokratismus» in der Sicht der Kommunisten. — «Die Neue Gesellschaft». Bonn — Bad — Godesberg, 1972, N 5, S. 359.

nghĩa xã hội dân chủ» nên tính «để ngỏ» của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» nhất thiết biến nó thành một học thuyết chiết trung.

Tính chiết trung này thể hiện rõ trong các nguyên lý triết học của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Một mặt, quan niệm này là duy tâm (chính bản thân các nhà lý luận xã hội dân chủ đã viện dẫn thuyết Căng mới) còn mặt khác là thực dụng (những quan điểm duy lý phê phán của K. Pốp-pơ đã được đặt làm cơ sở của «chương trình dài hạn của Đảng xã hội dân chủ Đức») Hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà có lần V. Bran đã tự gọi mình là nhà duy tâm thực tiễn. Ở đây, ông ta muốn nói rằng những người xã hội dân chủ, sau khi đặt cho mình những mục đích tinh thần cao cả, đã cố gắng tìm kiếm những con đường cụ thể để thực hiện những mục đích ấy một cách phù hợp với tình huống đã hình thành. Theo ý V. Bran, «chủ nghĩa xã hội dân chủ» phải luôn luôn tìm ra một tương quan đúng đắn giữa cái hiện thực và cái duy tâm. Và ông ta chỉ biện bạch được cho mình trong trường hợp nếu như có khả năng tính đến những nhu cầu đạo đức trong chính sách thực tiễn của mình.

Không nghi ngờ gì nữa, không những có thể mà còn phải đặt vấn đề về nhu cầu tiến hành một chính sách thực tiễn có chú ý tới tình hình phát triển đạo đức của xã hội. Song nếu như một quan niệm chỉ đạo việc giải quyết các vấn đề cụ thể thực tiễn mà V. Bran nói tới, rắp ranh được gọi là một lý thuyết, thì nó phải xây dựng được một phương pháp khoa học để giải quyết các vấn đề đang được đặt ra, nếu không thì nó không phải là một lý thuyết mà chỉ là một tập hợp tùy tiện của các thuật ngữ «có vẻ khoa học».

Tính chiết trung và trình độ lý luận thấp trong nền tảng triết học của «chủ nghĩa xã hội dân chủ», tính «để ngỏ» của quan niệm này dẫn tới chỗ nó tuyệt nhiên không phải là một thế giới quan khoa học có cơ sở nghiêm chỉnh, vạch rõ những triển vọng lịch sử có tính quy luật trong sự phát triển của xã hội. Chắc hẳn nhận thức được khá rõ thế yếu trong các lập trường thế giới quan và triết học của mình, những người xã hội dân chủ thuộc cánh tự do chủ nghĩa, thậm chí đã không có tham vọng coi quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» của mình là một thế giới quan hoặc là một lý thuyết. Đảng viên xã hội dân chủ Tây-Đức Phơ-rét Bran, trong bài «Chủ nghĩa xã hội dân chủ không phải là một thế giới quan» (1), đã biện giải ý kiến trên đây. Theo ông ta, «chủ nghĩa xã hội dân chủ» không có tham vọng trở thành một hệ ý thức vì nguyên nhân là những thế giới quan và học thuyết tồn tại trước nó «đã tỏ ra kém hiệu lực về mặt thực tiễn». «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» vay mượn nhiều yếu tố của các học thuyết khác không phải là để biến mình thành một học thuyết mới mà để làm phong phú thêm nội dung tư tưởng của mình. «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» không đứng vào hàng dài những hệ thống triết học không tưởng, không muốn làm cho nhân loại đau khổ và chán nản phải thất vọng bởi thuyết không tưởng mới. Nó khước từ việc kết thúc quá trình lịch sử bằng cách mạng, để cho lịch sử giải quyết vấn đề này và dành cho lý trí một vị trí thích đáng (2). Chính bản thân

---

1. *F. Brandt*: Demokratischer Sozialismus ist keine Weltanschauung. – «Die Neue Gesellschaft». Bonn – Bad – Godesberg, 1972, N 19.

2. Ibid., S. 866.

những người xã hội dân chủ trước hết là những người thuộc cánh tả trong phong trào xã hội dân chủ, đã nhận thức được tính dễ bị tổn thương này của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Việc họ ngả sang phía chủ nghĩa Mác không phải là ý muốn dựa vào phương pháp khoa học của chủ nghĩa Mác để giải quyết các vấn đề đang được đặt ra cho xã hội hiện đại. Chính bằng cách hướng về một số luận điểm của chủ nghĩa Mác những nhà lý luận của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đang cố gắng khắc phục tính không vững vàng của những nền tảng tư tưởng trong học thuyết của họ vốn được xây dựng trên một cơ sở không vững vàng là thuyết đa nguyên và tính dễ ngỏ cho những tư tưởng, những cấu trúc triết học và ý thức hệ, cải lương tư sản.

Sau khi công bố dự thảo « chương trình dài hạn của Đảng xã hội dân chủ Đức » trong những năm 1973 — 1985, những người xã hội dân chủ cánh tả đã phê phán rằng trong văn kiện này thiếu một sự phân tích mác - xít về quá trình lịch sử — xã hội mà có xuất phát từ đó, (từ sự phân tích) mới dự kiến được một cách thỏa đáng những cuộc cải tạo xã hội ở Tây Đức trong những năm tới. Một trong những người đại diện cho « những người xã hội trẻ tuổi » tại Đại hội Đảng xã hội dân chủ Đức ở Han-nô-vrơ (năm 1973), V. Rốt, khi nói về các nguyên nhân khiến cho những người xã hội trẻ tuổi bài bác tính hợp pháp của quyền tư hữu tư liệu sản xuất, đã nhấn mạnh: « Chúng tôi bài bác nó không phải vì những động cơ tư tưởng hoặc giáo điều, mà vì chúng tôi hiểu rõ việc xã hội kiểm soát không đúng mức tình trạng tập trung tư liệu sản xuất có thể xoay chuyển thành những hiện tượng khủng hoảng như thế nào. Tôi

nghĩ rằng quan điểm này không phải là quan điểm giáo điều, mà là ý muốn tái phát triển, trên cơ sở những vấn đề đang tồn tại trong xã hội, sự phân tích mác-xít cổ truyền» (1).

Nhiều người xã hội Pháp cũng có một quan điểm tương tự như vậy. F. Mitterand, trong lời mở đầu cho chương trình chính phủ của Đảng xã hội, đã viết rằng Đảng xã hội không hề phụ thuộc vào một giáo điều nào và cũng tránh có một học thuyết chính thức, song cơ sở lý luận của nó là chủ nghĩa Mác (2).

Thậm chí một số người xã hội dân chủ thuộc phái tự do cũng nhận thức rõ sự cần thiết phải củng cố những nền tảng trong học thuyết của mình bằng uy tín của học thuyết mác-xít, bằng những viện dẫn về mối liên hệ giữa học thuyết của mình và học thuyết mác-xít. Thật vậy, V. Ai-le trong cuốn «Nhập môn chủ nghĩa xã hội dân chủ» đã tuyên bố không đồng tình với những ai đòi hỏi rằng những người xã hội dân chủ phải công khai thừa nhận sự đoạn tuyệt hoàn toàn với chủ nghĩa Mác. Ông ta viết: «Nếu chúng ta khinh xuất chấp nhận đòi hỏi ấy thì có nghĩa là chúng ta phủ nhận các truyền thống của mình, cũng như phủ nhận tinh thần chân thật cố hữu của chúng ta, bản thân ý nghĩa là những nền tảng khoa học của chủ nghĩa xã hội» (3).

---

1. Trích dẫn theo: *P. Glotz*: Demokratisher Sozialismus als linker Reformismus. — «Aus Politik und Zeitgeschichte». Bonn, 1973, N 23, S. 10.

2. *F. Mitterand*: Présentation. — In: «Changer la vie. Programme de gouvernement du Parti socialiste», P., 1972, p. 8.

3. *W. Eichler*: Zur Einführung in den demokratischen Sozialismus, Bonn — Bad — Godesberg, 1972, S. 11.

Tình trạng phân hóa trong hàng ngũ những người xã hội dân chủ có ảnh hưởng thực sự tới thái độ của họ đối với chủ nghĩa Mác. Những công trình lý luận của những người cánh tả trong tất cả các đảng thuộc Quốc tế xã hội thường được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác, mặc dù bản thân sự giải thích nó có khác (trên các mức độ khác nhau) với những luận điểm có tính nguyên tắc được đặt làm cơ sở cho học thuyết Mác — Lê-nin (chuyên chính vô sản, sứ mệnh tiên phong của giai cấp công nhân, vai trò là lực lượng lãnh đạo của đảng).

Trong các văn kiện có tính chất cương lĩnh của các đảng thuộc Quốc tế xã hội rõ ràng là có vay mượn (mặc dù không phải lúc nào cũng nhất quán) nhiều luận điểm của chủ nghĩa Mác (những người xã hội Pháp, I-ta-li-a Bỉ, Bồ-đào-nha), những người cánh tả đã đi xa hơn nhiều, so với những nhà lý luận tập hợp xung quanh ban lãnh đạo của đảng, trong việc vận dụng các luận điểm mác-xít. Trong các đảng thuộc Quốc tế xã hội có xu hướng thực dụng và có xu hướng tư sản tự do, những người cánh tả có những thái độ khác nhau đối với chủ nghĩa Mác. Những người cánh tả ôn hòa hướng theo mặt có tính triết học cương lĩnh của chủ nghĩa Mác, còn những người cánh tả cấp tiến, đặc biệt là các tổ chức thanh niên, thì tập trung chú ý vào chiến lược giành chính quyền và xây dựng chương trình cải tạo quan trọng cấp thiết nhất (xã hội hóa các tư liện sản xuất then chốt, định kế hoạch phát triển quốc gia, thiết lập sự kiểm soát của công nhàn trong sản xuất), cố gắng vận dụng vào đó những luận điểm thích ứng của chủ nghĩa Mác.

Trong hàng ngũ các nhà lý luận xã hội dân chủ có khuynh hướng tự do — tư sản cũng có thái độ rất khác

nhau đối với chủ nghĩa Mác. Quan điểm phổ biến nhất là quan điểm cho rằng từ nay chủ nghĩa Mác trên tư cách là một lý thuyết triết học và kinh tế chỉ còn là một giai đoạn trong lịch sử phong trào xã hội dân chủ, nó đã đi vào quá khứ. Quan điểm của những người xã hội dân chủ Tây Đức A. Sơ-van và G.Sơ-van trình bầy trong cuốn sách «Xã hội dân chủ và chủ nghĩa Mác» (1) là như vậy. Song đoạn tuyệt trên lời nói với chủ nghĩa Mác không có nghĩa là phong trào xã hội dân chủ vượt được ra ngoài vòng ảnh hưởng của một học thuyết mà nó từng lấy làm nguồn cổ vũ trong nhiều chục năm. Việc V. Bran nhắc lại lời nói của nhà bác học Tây Đức Nen-Brôi-ninh: «Tất cả chúng ta đứng trên vai của Mác» (trong buổi lễ trọng thể kỷ niệm 150 ngày sinh của Ph.Ang-ghen) (2), chứng tỏ rằng cánh hữu xã hội dân chủ không thể làm cho tư tưởng lý luận của trào lưu xã hội dân chủ hoàn toàn thoát khỏi được ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác.

Trong cương lĩnh Gốt-đen-béc của Đảng xã hội dân chủ Đức, các nhà lý luận xã hội dân chủ cánh hữu đã cố gắng đến mức cao nhất để thể hiện quan điểm của mình về quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» và để «vứt bỏ» chủ nghĩa Mác, người ta vẫn thừa nhận, với mọi bảo lưu có thể có, cần thiết phải xã hội hóa tư liệu sản xuất, kế hoạch hóa, kiểm soát «các thế lực hùng hậu trong nền kinh tế» (tư bản độc quyền). Hiện nay

---

1. *A. Schwan, G. Schwan*: Sozialdemokratie und Marxismus. Zum Spannungsverhältnis von Godesberger Programm und Marxistischer Theorie. Hamburg, 1974.

2. *W. Brandt*: Friedrich Engels und die Sozialdemokratie. Rede zum 150. Geburtstag von F. Engels in Wuppertal, Bonn – Bad – Godesberg, 1970, S. 56.

những người cánh tả trong Đảng xã hội dân chủ Đức, đặc biệt là tổ chức « Thanh niên xã hội chủ nghĩa », sử dụng điều đó để biện giải cho nhu cầu giải quyết những vấn đề trên một cách nhất quán và bằng một phương thức cấp tiến.

Cũng vì nguyên nhân này mà hiện nay một bộ phận các nhà lý luận cánh hữu của Đảng xã hội dân chủ Đức đặt vấn đề loại bỏ khỏi cương lĩnh Đảng « mọi điều nước đôi ». Theo tuyên bố của họ, Cương lĩnh Gốt-đen-béc vẫn chưa có được một « cơ sở triết học và nhận thức lý luận có giá trị » (1). Nói cách khác, họ lên tiếng đòi hoàn toàn xóa bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác trong cương lĩnh của đảng.

Song một lập trường như vậy không được mọi người, kể cả những người ôn hòa, trong Đảng xã hội dân chủ Đức tán thành. Thật vậy, trong cuốn « Chủ nghĩa xã hội dân chủ », một trong những công trình nghiên cứu xã hội dân chủ đầu tiên, trình bày quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong một hệ thống nhất định, các tác giả, khi phân tích « những nền tảng tinh thần của chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã được nhắc tới trong cương lĩnh Gốt-đen-béc, – đạo đức học thiên chúa giáo, chủ nghĩa nhân đạo và triết học cổ điển, – có nhấn mạnh rằng chủ nghĩa nhân đạo trên tư cách là nền tảng tinh thần của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » gắn liền với chủ nghĩa nhân đạo của Mác, đặc biệt là chủ nghĩa nhân đạo trong các tác phẩm đầu tay của Mác. Theo ý kiến các tác giả này, ý nghĩa vĩnh cửu của chủ nghĩa Mác nằm trong phương pháp phân tích xã hội, một phương pháp nghiên cứu cặn kẽ và khúc chiết mối quan hệ giữa

---

1. « Kritischer Rationalismus und Sozialdemokratie », S. 11.

các quan hệ kinh tế — xã hội và chế độ chính trị; trong mối liên hệ qua lại giữa lý thuyết và thực hành; trong ảnh hưởng mà chủ nghĩa Mác đã có đối với cao trào cách mạng của phong trào công nhân (1).

A. Rát-man, một người xã hội dân chủ Tây Đức, còn đi xa hơn. Trong bài « Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội dân chủ », ông ta đi đến kết luận rằng « chủ nghĩa Mác dưới dạng nguyên bản của nó là chủ nghĩa xã hội nhân đạo, tự do và dân chủ » (2).

Những nhận định khác nhau ấy — từ tuyên bố của những người xã hội dân chủ cánh hữu là chủ nghĩa Mác đã lỗi thời rồi đến sự đồng hóa của chủ nghĩa Mác với « chủ nghĩa xã hội dân chủ » của những người cảnh tả và một bộ phận những người ôn hòa — cần được lưu ý khi xem xét thực chất của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Nhưng, trong khi ghi nhận mối liên hệ hãy còn tiếp diễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » với chủ nghĩa Mác, tính « để ngỏ » của « chủ nghĩa xã hội » đối với một số luận điểm của chủ nghĩa Mác, cần thấy rằng nó ngày càng mang tính chất hình thức. Chủ nghĩa hình thức trong tính để ngỏ của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đối với chủ nghĩa Mác, trước hết là tính để ngỏ ngày càng có chọn lọc hơn và không trọn vẹn hơn, « chủ nghĩa xã hội dân chủ » chỉ để ngỏ đối với những luận điểm

---

1. *G. Wulhe, H. Yunker*: Demokratischer Sozialismus. — In: Demokratische Gesellschaft. Konsensus und Konflikt. Teil 1. München — Wien, 1975, S. 139.

2. *A. Rathmann*: Marxismus und demokratischer Sozialismus. — « Neue Gesellschaft », Bonn — Bad — Godesberg, 1972, N 8, S. 615.

riêng biệt của chủ nghĩa Mác và bác bỏ hệ thống học thuyết Mác nói chung. Nhưng những luận điểm riêng biệt của chủ nghĩa Mác, tách khỏi bối cảnh của toàn bộ học thuyết Mác thì không còn là chủ nghĩa Mác mà chỉ là một sự xuyên tạc nó theo ý chủ quan. Nhiều đại diện của khuynh hướng tự do trong «chủ nghĩa xã hội dân chủ» chỉ rút lấy trong chủ nghĩa Mác những luận điểm có liên quan trực tiếp đến con người, đến sự phát triển tự do và toàn diện của con người. Vì thế họ không chỉ gắn cho chủ nghĩa Mác tính chất nhân đạo trừu tượng, mà còn hoàn toàn xuyên tạc bản chất của học thuyết Mác. Thí dụ V. Ai-le sau khi trừu tượng hóa mọi luận điểm trực tiếp nói về con người và chủ nghĩa nhân đạo đã tuyên bố: «Tư tưởng của Mác động chạm tới tự do của mỗi cá nhân riêng biệt, chứ không phải đụng chạm đến việc thay đổi sự thống trị của một giai cấp này bằng sự thống trị của một giai cấp khác» (1). Như vậy người ta vay mượn của chủ nghĩa Mác để xuyên tạc nó, «để ngỏ» học thuyết «chủ nghĩa xã hội dân chủ» cho những luận điểm riêng biệt của chủ nghĩa Mác để vứt bỏ chính ngay bản chất của học thuyết này. Vì vậy, Mác và Ăng-ghen, trong thư gửi A. Bê-ben, V. Líp-nếch, V. Brác-cơ và nhiều người khác, đã nhấn mạnh một cách hoàn toàn dứt khoát: «Trong vòng gần 40 năm liền, chúng ta đã nêu lên hàng đầu cuộc đấu tranh giai cấp trên tư cách là động lực trực tiếp của lịch sử, và nhất là cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản trên tư cách là đòn bẩy mạnh mẽ để tạo ra bước ngoặt xã hội hiện nay; vì vậy chúng ta không thể đi cùng với

---

1. *W. Eichler*: Zur Einführung in den demokratischen Sozialismus, S. 43.

những người đang cố công xóa bỏ cuộc đấu tranh giai cấp ấy khỏi sự vận động» (1).

Tính chất hình thức trong tính «dễ ngỏ» của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đối với chủ nghĩa Mác còn thể hiện ở chỗ cái chính trong thái độ hiện nay của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» (ít nhất cũng là của cánh hữu) là mưu đồ tuyên bố chủ nghĩa Mác đã lỗi thời hơn là ý định lợi dụng những luận điểm này hay những luận điểm khác của chủ nghĩa Mác, tìm ra những luận cứ mới có lợi cho lời khẳng định xằng bậy này. Một trong những mưu đồ đó trong thời gian gần đây là tác phẩm đã nhắc đến ở trên của các nhà lý luận cánh hữu trong Đảng xã hội dân chủ Tây Đức «Chủ nghĩa duy lý phê phán và nền xã hội dân chủ». Mục đích chủ yếu của nó là bác bỏ chủ nghĩa Mác trên tư cách là một học thuyết hợp thời, vẫn là chân lý, về sự phát triển của xã hội. Thực ra trong sách cũng có dẫn những phát biểu của Pốp-pơ nói rằng sau Mác mà trở lại với xã hội học trước Mác là một việc hoàn toàn vô nghĩa, và rằng «Mác đã mở mắt cho chúng ta và mài sắc quan điểm của chúng ta về nhiều vấn đề» (2). Nhưng đồng thời họ lại hoài nghi khả năng vận dụng phương pháp biện chứng để phân tích các hiện tượng xã hội, bài bác giá trị khoa học của những kết luận lý luận trong bộ «Tư bản» của Mác.

Sau hết, tính dễ ngỏ của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đối với chủ nghĩa Mác mang tính hình thức vì nét đặc trưng của nó là hồi cố, nhìn về quá khứ chứ không phải nhìn về tương lai. «Những người xã hội – dân chủ

---

1. *Các Mác* và *Ph. Ăng-ghen*: Tuyển tập, tập 19, tr. 175.

2. «Kritischer Rationalismus und Sozialdemokratie», S. 7.

chỉ hướng về chủ nghĩa Mác trên phương diện hồi cố mà thôi. Họ hoàn toàn không biết tới những thành tựu trong việc hoàn thiện chủ nghĩa Mác sau Mác. Đối với họ, không hề có một sự phát triển sáng tạo nào đối với di sản của Mác. Quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» nhằm đấu tranh với chủ nghĩa Mác sáng tạo; với những thành tựu lý luận hiện đại của chủ nghĩa Mác và hiện thân thực tế của chúng trong các nước của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Do đó cùng với những phần tử chống cộng và nối gót họ, cũng không kém phần hăng hái, những người cải lương xã hội, những người xét lại hữu khuynh và «tả khuynh» đang tấn công một cách không kém phần dữ dội so với những phần tử chống cộng, vào học thuyết Mác — Lê-nin và vào chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Nhiều nhà lý luận trong đội ngũ của phong trào cải lương — xã hội không chỉ lên tiếng khẳng định nhiều luận điểm của chủ nghĩa Mác đã lỗi thời mà còn ra sức làm cho phong trào công nhân tin rằng chủ nghĩa Lê-nin chỉ là sự khái quát kinh nghiệm cách mạng Nga mà thôi. Hơn nữa, bất chấp các sự kiện lịch sử, họ còn nói rằng trước Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin không tham gia nhiều vào phong trào cách mạng quốc tế, và chỉ trong vài năm sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin mới gắn với hoạt động của các đảng cách mạng trên thế giới.

Không có gì khó nếu chứng minh (thậm chí không cần chứng minh nếu không có những điều bịa đặt trên đây) rằng Lê-nin không những gắn bó với phong trào công nhân quốc tế trong toàn bộ đời hoạt động cách mạng của mình, mà còn lãnh đạo trào lưu cách mạng của phong trào công nhân thế giới. Lê-nin gánh vác toàn

bộ gánh nặng đấu tranh với chủ nghĩa cơ hội cắm rễ trong Quốc tế II và toàn bộ các hoạt động lớn lao nhằm tập hợp các lực lượng cách mạng xây dựng đảng cách mạng kiểu mới thoạt đầu là trong nước Nga rồi sau đó trong tổ chức cách mạng quốc tế là Quốc tế cộng sản III...

Có thể nói không quá đáng rằng không một nước nào, không một tổ chức chính trị đáng kể nào, không một nhà hoạt động nổi tiếng nào của phong trào công nhân lại không được V. I. Lê-nin chú ý tới.

Trong khi giải quyết các vấn đề lý luận, Lê-nin không những dựa vào thực tiễn đấu tranh cách mạng trong nước Nga, mà còn dựa vào những thành tựu của khoa học thế giới và kinh nghiệm lịch sử toàn thế giới của công cuộc phát triển xã hội và của phong trào giải phóng.

Cần đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa các tác phẩm của Lê-nin trong việc thực hiện trên thực tế công cuộc cải tạo xã hội xã hội chủ nghĩa. Quả thật trong trường hợp này, Người đã phải phân tích khái quát kinh nghiệm của một nước, nước Nga Xô-viết, bởi vì chủ nghĩa tư bản lúc ấy đang thống trị tất cả phần thế giới còn lại. Nhưng Lê-nin đã biết nhìn những quy luật chung của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, trình bày chúng như những luận điểm có tính nguyên tắc của lý luận cách mạng. Và có thể nói không quá đáng rằng những luận điểm chung về những con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, về các quy luật quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có ý nghĩa quốc tế. Tất nhiên kinh nghiệm của các nước khác đã đi vào con đường phát triển xã hội chủ nghĩa cũng cung cấp nhiều cái mới và bổ ích cho việc khái quát lý luận. Song những hiện tượng mới này của

hiện thực xã hội chủ nghĩa không xóa bỏ những quy luật chung do V. I. Lê-nin phát hiện ra, mà lại khẳng định, làm phong phú thêm và cụ thể hóa những quy luật ấy.

Chủ nghĩa Lê-nin không bị giới hạn bởi sinh thời của Lê-nin. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin phát triển trong quá trình hoạt động lý luận của Đảng cộng sản Liên-xô và của các đảng anh em, được làm phong phú thêm bằng kinh nghiệm và tư duy tập thể của phong trào cộng sản quốc tế. Bất chấp mọi lời bịa đặt về « tính lỗi thời » của chủ nghĩa Mác, học thuyết vĩ đại của Mác — Ăng-ghen — Lê-nin vẫn sống, sáng tạo và phát triển trong cuộc đấu tranh vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong những văn kiện được nhất trí thông qua tại các hội nghị quốc tế của đại diện các đảng cộng sản và công nhân đã phản ánh những kết quả của tư duy lý luận tập thể của những người cộng sản. Những kết quả này trước hết phải kể đến việc xác định tính chất của thời đại ngày nay, những động lực chủ yếu và triển vọng của quá trình cách mạng thế giới, việc phân tích sự phát triển sâu sắc của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, việc đề ra chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản quốc tế, việc giải quyết những vấn đề cấp bách của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, việc xác định những con đường và những hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng ngăn ngừa chiến tranh thế giới mới và thiết lập hòa bình bền vững giữa các dân tộc.

Dựa trên kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và các nước khác, Đảng cộng sản Liên-xô và các đảng anh em, đã và đang đóng góp phần cống hiến

lớn lao về mặt lý luận vào việc phát hiện những quy luật cơ bản và những động lực chủ yếu của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đảng cộng sản Liên-xô và các đảng anh em đang phát triển và cụ thể hóa luận điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về sự nghiệp xây dựng kinh tế và văn hóa trong xã hội xã hội chủ nghĩa, về những thay đổi trong cơ cấu giai cấp và những con đường khắc phục những khác biệt giai cấp, về vai trò của giai cấp công nhân và đảng của nó, về nhà nước và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Việc tiếp tục phát triển có tính quốc tế sáng tạo học thuyết Mác — Lê-nin là do trong điều kiện hiện nay, ngoài chủ nghĩa Mác — Lê-nin, không có và không thể có một lý thuyết nào khác khả dĩ có thể cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh về sự phát triển của xã hội, vũ trang cho giai cấp công nhân nhận thức sâu sắc về các quy luật của quá trình cách mạng thế giới, về các con đường và phương pháp đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Những người « xã hội dân chủ » muốn ngăn cách phong trào công nhân với những tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Chính nhằm mục đích ấy mà họ đóng kín học thuyết của họ (mà họ nói là để ngỏ) ngăn chặn học thuyết cách mạng chân chính về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Song họ không đủ sức ngăn trở ảnh hưởng ngày càng tăng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đối với giai cấp công nhân quốc tế.

4. Mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » : làm cho phong trào công nhân xa rời chủ nghĩa xã hội

Ở trên đã nói rằng cả tính đa nguyên của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » lẫn phương hướng thay đổi nội dung tư tưởng của nó trong lịch sử và cái gọi là tính dễ ngỏ của nó đều rõ ràng chĩa mũi nhọn chống chủ nghĩa xã hội hiện thực, chống học thuyết về quan điểm duy vật và chống những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Có thể nói, mũi nhọn này đạt đến đỉnh cao trong mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Hiểu rõ ảnh hưởng to lớn mà sự thể hiện những mục đích của phong trào công nhân trên con đường phát triển của nó, những người xã hội dân chủ cố gắng giao chiến trong phạm vi mục đích với chủ nghĩa xã hội khoa học và hiện thân thực tế của nó là chủ nghĩa xã hội đã và đang được xây dựng ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Chính bằng con đường xác định những mục đích có lợi cho mình, họ cố gắng đưa phong trào công nhân ra khỏi con đường xã hội chủ nghĩa chân chính, hướng nó không đi vào việc xóa bỏ, mà duy trì và tăng cường cái hiện đang tồn tại tức chủ nghĩa tư bản. Ở đây các môn đệ của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không ngần ngại thể hiện những mục đích chống chủ nghĩa xã hội của họ bằng những câu chữ xã hội chủ nghĩa. Vì thế hoàn toàn không phải lúc nào cũng kịp thời nhận ra hệ tư tưởng biện hộ cho tư sản, chống công nhân ẩn sau những lời lẽ xã hội chủ nghĩa.

Những mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » chỉ bộc lộ tính vô căn cứ hoàn toàn của chúng khi được đem đối chiếu với những mục đích và thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực được xây dựng ở Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy

chúng ta hãy xem chủ nghĩa xã hội hiện thực là gì và mang lại những gì cho người lao động, rồi chúng ta đối chiếu những mục đích và thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực với những mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Trong nhiều tác phẩm của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin, chủ nghĩa xã hội được xác định là giai đoạn đầu hay thấp trong quá trình phát triển của hình thái xã hội cộng sản chủ nghĩa. Những dấu hiệu quan trọng nhất của nó là: chính quyền của giai cấp công nhân liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác; vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân do đội tiên phong của nó là đảng mác-xít — lê-nin-nít đứng đầu; sở hữu xã hội đối với những tư liệu sản xuất quan trọng nhất, thủ tiêu các giai cấp bóc lột và nạn người bóc lột người; dân chủ cho nhân dân; hệ tư tưởng và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; bình đẳng và hữu nghị với các dân tộc khác; đoàn kết với giai cấp công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa xã hội là một hình thái phát triển xã hội khác về căn bản so với chủ nghĩa tư bản. Nó đòi hỏi phải làm cách mạng xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, và sau đó bảo đảm việc chuẩn bị quá độ lên giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản.

Quan điểm mác-xít — lê-nin-nít về chủ nghĩa xã hội cho thấy mục đích lịch sử cụ thể của cuộc đấu tranh mà giai cấp công nhân cùng các bạn đồng minh của mình tiến hành nhằm xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng hình thái xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin không chỉ biện giải tính tất yếu của việc thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội mà còn chỉ rõ lực lượng xã hội có tiền đề cần thiết để giải quyết nhiệm vụ này là giai cấp công nhân

cách mạng. Thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản.

Lý luận khoa học về chủ nghĩa xã hội do Mác, Ăng-ghen và Lê-nin xây dựng đã được khẳng định bởi thực tiễn lịch sử từ Đại Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga. Toàn bộ kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác chứng thực điều đó. Do thiết lập được quyền thống trị chính trị của giai cấp công nhân, xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đồng thời không ngừng phát triển theo những nhịp độ cao lực lượng sản xuất của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đã tạo ra những điều kiện cơ bản để thực sự làm cho con người trở thành thước đo của tất cả các sự vật. Làm tất cả *vì phúc lợi của con người, vì hạnh phúc của nhân dân, vì lợi ích của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động – đó là mục đích của chủ nghĩa xã hội.* Ngày càng tăng cường sự thống nhất về chính trị và đạo đức, tinh thần tự giác và tính tích cực sáng tạo của nhân dân lao động, trước hết là của giai cấp công nhân, giáo dục người lao động như một con người tự do, phát triển toàn diện nhân cách – đó là những nét đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, một xã hội được lựa chọn thay thế chủ nghĩa tư bản.

Như kinh nghiệm của Liên-xô cho thấy, trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, ở thành thị cũng như nông thôn đều có một hệ thống kinh tế có kế hoạch, được trang bị kỹ thuật tốt, dựa trên cơ sở công hữu. Trong khi duy trì vai trò chủ đạo của giai cấp công nhân, đang diễn ra quá trình xích lại gần nhau của các giai cấp lao động và các nhóm xã hội, ngày càng củng cố vững chắc

sự đồng nhất xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa, việc xóa bỏ những khác biệt quan trọng giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa các điều kiện sống và lao động ở thành thị và ở nông thôn, cũng đang diễn ra tích cực. Nhiệm vụ làm cho trình độ phát triển kinh tế của các nước cộng hòa xô viết ngang bằng nhau đã được giải quyết về căn bản. Từ lâu nền kinh tế Liên-xô là một bộ máy kinh tế thống nhất, hình thành trên cơ sở những mục đích và lợi ích kinh tế chung của tất cả các dân tộc và bộ tộc. Xã hội xô-viết đã có một bước nhảy vọt khổng lồ trong công cuộc phát triển văn hóa. Việc phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng tiến bước đáng kể. Nhà nước chuyên chính vô sản đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử vĩ đại của mình, đang dần từng bước phát triển thành nhà nước xã hội chủ nghĩa toàn dân mà lực lượng lãnh đạo vẫn là giai cấp công nhân. Trong các điều kiện của chủ nghĩa xã hội chín muồi, lực lượng sản xuất phát triển theo những nhịp độ cao và vững chắc, năng suất lao động tăng và trên cơ sở tăng năng suất lao động và phù hợp với mức gia tăng này, phúc lợi vật chất của nhân dân không ngừng được nâng cao. Tất cả mọi mặt, mọi lĩnh vực của bộ máy xã hội và cả xã hội nói chung đều phát triển một cách năng động khác thường. Xã hội được đặc trưng bởi sự thống nhất về chính trị – xã hội và tư tưởng, tính tự giác cao và tính tích cực sáng tạo của quần chúng. Tất cả những cái đó mở ra những chân trời mới trong lĩnh vực xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất và tất cả các quan hệ xã hội khác, trong cả lĩnh vực tiến bộ về tinh thần của xã hội.

Nhờ có lòng trung thành không gì lay chuyển nổi với chủ nghĩa xã hội khoa học, với học thuyết của Các Mác, Ăng-ghen và Lê-nin, nhờ vận dụng sáng tạo học thuyết

ấy vào các điều kiện lịch sử cụ thể của cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong nước mình, các đảng cộng sản và công nhân, đứng đầu phong trào cách mạng, có khả năng đảm bảo những cuộc cải tạo xã hội to lớn và tạo ra những thành tựu khiến cho chủ nghĩa xã hội ngày càng trở thành một lực lượng quyết định của thời đại chúng ta và đẩy chủ nghĩa đế quốc sang thế phòng ngự. Ngày nay chủ nghĩa xã hội khoa học có thể biểu hiện đầy đủ trong thực tiễn lịch sử toàn thế giới. Thành thử lý thuyết này có bạn đồng minh trong thực tiễn làm cho sức hấp dẫn của nó không ngừng tăng. Ngược lại, « chủ nghĩa xã hội dân chủ » có bản chất hoàn toàn khác. Như đã trình bày ở trên, bản thân khái niệm này là cực kỳ mơ hồ. Sự mơ hồ này nhất thiết dẫn tới tình trạng là trong hàng ngũ của trào lưu dân chủ xã hội, trong giới các nhà lãnh đạo và các nhà tư tưởng của nó, không có một quan niệm thống nhất và được mọi người chấp nhận cả về những « thông số » lẫn về những mục đích chủ yếu của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Không phải ngẫu nhiên mà G. A-pen, nhà hoạt động của Đảng xã hội dân chủ Đức, đã thừa nhận : « Không có một bức tranh được phác họa rõ ràng về chế độ xã hội xã hội dân chủ » (1).

Từ các văn kiện chính thức của Quốc tế xã hội và của các đảng chủ yếu trong Quốc tế này (Công đảng Anh, Đảng xã hội dân chủ Đức, Đảng xã hội Áo và v.v...) cũng như từ những tuyên bố của các nhà lãnh đạo những đảng này, có thể rút ra những đặc điểm sau đây của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trên tư cách là một

1. « Vorwärts ». 20, I 1972, S. 2.

cương lĩnh lý luận – tư tưởng: thừa nhận các nguyên tắc của « đạo đức nhân loại »; « đoàn kết tất cả các nhóm xã hội và các cá nhân », « bình đẳng các điều kiện xã hội »; « hòa hợp các lợi ích của xã hội, của các nhóm và của các cá nhân »; « tính tương trợ và hữu ái anh em »: « dân chủ phổ cập đứng ngoài các giai cấp »; « kết hợp quyền tư hữu và sự điều tiết của nhà nước ».

Những người chủ trương « chủ nghĩa xã hội dân chủ » sau khi tuyên bố không bắt buộc phải xã hội hóa quyền sở hữu để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, lại tuyên bố hồi đầu những năm 50 « lý tưởng đạo đức » và « tự do cá nhân » là nội dung chủ yếu của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », do không nêu đặc điểm kinh tế của nó, nên đã tồn tại không lâu. Nó được lấp đầy bằng những tư tưởng « chủ nghĩa tư bản nhân dân » và « nền kinh tế hỗn hợp ». Trong đa số cương lĩnh của các đảng xã hội và xã hội dân chủ, quyền tư hữu về tư liệu sản xuất được tuyên bố là « nhân tố hợp pháp » của trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng « kế hoạch hóa » vẫn là mảnh vỡ cuối cùng của chủ nghĩa cải lương cũ trong quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Song giờ đây việc xã hội hóa không còn được xem là điều kiện bắt buộc của chủ nghĩa xã hội nên khái niệm xã hội dân chủ về kế hoạch hóa, xét theo thực chất, đã nhập cục với các hình thức hiện nay của sự điều tiết độc quyền nhà nước.

Việc nhiều lãnh tụ cánh hữu phủ nhận các mục đích xã hội chủ nghĩa đương nhiên đi liền với việc dần dần rút bỏ khỏi kho tàng của các đảng xã hội dân chủ tất cả những phương tiện chính trị vượt quá phạm vi nền dân chủ tư sản. Đấu tranh giai cấp bị tuyên bố là một khái niệm lỗi thời. Theo quan điểm của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » thì bản thân đối tượng của cuộc đấu tranh

này, người sở hữu xí nghiệp, đã hoặc đang biến mất. Người chủ vô danh của các cổ phần đã chiếm chỗ của người sở hữu đó. Và trong sản xuất, người công nhân chỉ phải tiếp xúc với các « nhà quản lý » những người không quan tâm bóc lột công nhân. Theo những lý thuyết hợp thời thượng, tất cả những ai trước kia thuộc về các giai cấp khác nhau hầu như đều biểu hiện khuynh hướng, bằng con đường đối chiếu những quan điểm của mình ở các cấp khác nhau của các « thể thức dân chủ » (các cơ quan địa phương, nghị viện và v.v...), đi tới những giải pháp nhất trí và, do đó, tạo ra « các hình thức xã hội dân chủ của đời sống công cộng ».

Những người truyền bá « chủ nghĩa xã hội dân chủ » cố gắng làm cho những khẩu hiệu và lời hứa hẹn trong kế hoạch đạo đức xã hội của họ có vẻ tráng lệ và sức hấp dẫn càng nhiều càng hay. Trong thời đại chúng ta bất cứ mô hình xã hội nào, mang danh có tính dân chủ và tác động tới quần chúng, đều phải có nhiều « nét hấp dẫn ». Nhưng mới thoạt xem xét người chiến sĩ triệt để đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, cũng dễ dàng nhận thấy rằng trong mô hình của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không có cái chủ yếu và cái cơ bản, trong đó không có sự từ bỏ chủ nghĩa tư bản trên tư cách là một chế độ xã hội, không thừa nhận sự cần thiết thay đổi tận gốc tính chất chính quyền và hình thức sở hữu của chế độ đó.

Có thể nói rằng các nhà lý luận của trào lưu xã hội dân chủ quốc tế mô tả và tuyên truyền cho chế độ dân chủ tư sản bằng những lời lẽ xã hội chủ nghĩa. Song dân chủ tư sản, như mọi người đều biết, lại là hình thức chuyên chế chính trị của tư bản (trước hết là của đại tư bản độc quyền) mặc dù nhiều chế định của nó có thể được quần chúng lao động sử dụng trong cuộc đấu

tranh vì lợi ích của mình. Trong khi bảo vệ chế độ này, « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đem những « giá trị có tính chất toàn nhân loại » do chính bản thân nó tuyên bố làm lễ hiến sinh cho lợi ích giai cấp thực tế của thiểu số bóc lột.

Vậy lý thuyết và thực tiễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đặt ra cho mình những mục đích gì? Mặc dù tên gọi của lý thuyết và đường lối chính trị này tưởng như bắt nguồn từ mục đích cuối cùng của họ là xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuyệt nhiên không một nhà lý luận nào, không một nhà chính trị nào của chủ nghĩa cải lương – xã hội thừa nhận chủ nghĩa xã hội là mục đích cuối cùng. Hơn nữa thuật ngữ « xây dựng » phù hợp với chủ nghĩa xã hội lại không hề có trong từ ngữ lý luận và chính trị của chủ nghĩa cải lương – xã hội. Tuy nhiên điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có tiền đề là thủ tiêu chủ nghĩa tư bản. Và trên thực tế chân lý tuyệt đối (1) đối với những người « xã hội dân chủ » là niềm tin kiên định mặc dù vô ý thức, không nói ra, rằng không cần phải thay thế, mà là củng cố chủ nghĩa tư bản, rằng chủ nghĩa xã hội không phải là sự phủ định mà là « sự củng cố » chủ nghĩa tư bản, chỉ có điều là củng cố dưới dạng sửa sang, cải cách.

Nói theo ngôn ngữ chính trị thì « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là xuất phát điểm để những người xã hội dân chủ cánh hữu từ bỏ cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ bỏ cuộc

---

1. Trong khi bác bỏ chân lý tuyệt đối trên tư cách là một phạm trù triết học, các nhà lý luận của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » thực tế lại coi những mục đích cơ bản là cái chân lý tuyệt đối.

đấu tranh nhằm thủ tiêu chế độ tư bản độc quyền nhà nước và quyền lực chính trị của các độc quyền.

Chừng nào còn nói về một « lý tưởng chung » nào đó của chủ nghĩa xã hội, thì còn có thể đối xử với mọi người như nhau, và dựa vào những lời lẽ trừu tượng làm cho người ta ngộ nhận giai cấp tư sản và giai cấp vô sản là những « bạn đường xã hội » và « đồng công dân trong kinh tế », còn có thể hứa hẹn cho mọi người tự do, công bằng và đoàn kết, sự đồng đều các khả năng, các triển vọng. Phải chăng điều này làm thay đổi được cái gì đó trong các quan hệ vật chất — xã hội thực tế của chủ nghĩa tư bản hoặc thủ tiêu được những mâu thuẫn đối kháng cố hữu với nó ? Muốn đi tới thực sự tự do, công bằng và đoàn kết vì lợi ích của những người lao động, và muốn tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp trên cơ sở ấy, không thể bỏ qua không nghiên cứu một cách chính xác các quan hệ xã hội khách quan, trước hết là các quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, cũng như các mâu thuẫn của xã hội tư bản chủ nghĩa. Các nhà tư tưởng xã hội dân chủ cánh hữu tránh một sự phân tích khoa học như vậy đối với chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa nói chung. Họ không hề muốn bước sang « phía bên kia của chủ nghĩa tư bản » và đứng một cách khách quan trên mảnh đất của chính bản thân xã hội này. Điều ấy thể hiện trong luận cương dân chủ xã hội rất nổi tiếng, mà theo đó chủ nghĩa xã hội không phải là mục đích mà là một nhiệm vụ thường xuyên, không bao giờ được hoàn thành, mà người ta chỉ có thể hướng tới mà thôi. Song *xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội là một mục đích có thể đạt được trên thực tế, là tiêu chuẩn cơ bản, để phân biệt phong trào công nhân cách mạng với những hành động của các lực lượng dân chủ tư sản.*

Và ai quên điều này thì người đó « gửi chủ nghĩa xã hội ở phòng gửi áo ngoài » (1).

Các đại diện của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không đủ sức xây dựng một lý thuyết về chủ nghĩa xã hội khả dĩ chịu đựng được sự phê phán của cuộc sống hiện thực, có nghĩa là sự phê phán của khoa học. « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong trường hợp tốt nhất là một ảo mộng tư tưởng, còn trong trường hợp xấu nhất là một sự chủ tâm biện hộ cho cơ cấu độc quyền nhà nước.

Trong các tác phẩm của mình nhiều nhà lý luận của chủ nghĩa cải lương — xã hội đã công khai truyền bá tư tưởng cho rằng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không cần vật chuẩn được xác định rõ ràng, không cần nghiêm ngặt đề ra mục đích cuối cùng trong phong trào « xã hội dân chủ ». V.Bran đã nói « về một nhiệm vụ không bao giờ kết thúc, nhiệm vụ thực hiện liên tục và trên quy mô ngày càng lớn nhu cầu của xã hội về dân chủ trong cuộc đấu tranh chính trị, nói cách khác, là biến quyền của tự do cá nhân và tự do chính trị của con người thành hiện thực xã hội ».

Còn R. Rôi-sen-béc — một người xã hội dân chủ Tây Đức trong bài báo nhan đề « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » không phải là « mục đích cuối cùng, mà là một nhiệm vụ » đã đưa ý nghĩ tới điểm chót lô-gích: « ... những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội dân chủ... không mong muốn tới một chế độ xã hội này hay

---

1. « Zur Auseinandersetzung mit dem « demokratischen Sozislismus » » *V.Wrona, W.Paff*: Der « demokratischen Sozialismus » — eine bürgerliche — Konzeption. « Einheit », B, 1972. Hf 12; *G.Kalex. H.Klug*: Eigentum und Freiheit in rechtscoszialdemokratischer Sicht. — « Einheit », B., 1972, Hf.7

một chế độ xã hội khác như mục đích cuối cùng — vả lại, họ không có mục đích cuối cùng » (1).

Dưới dạng như vậy hoặc gần như vậy, người ta đã và đang giải thích luận điểm của Béc-xtanh « Phong trào là tất cả, mục đích cuối cùng chẳng là gì cả », được đề ra từ cuối thế kỷ trước.

Một số nhà lý luận của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » cố tạo ra một « luận cương khoa học » cho quan niệm này. K. Trếc-nhét, đảng viên xã hội Áo, tuyên bố rằng « vì quá trình phát triển là liên tục nên nói về chủ nghĩa xã hội như về một mục đích cuối cùng là không đúng về mặt phương pháp luận » (2). Một đảng viên xã hội Áo khác, Bin Hây-đen, cũng có ý kiến như vậy. Trong cuốn « những biến thiên của chủ nghĩa xã hội dân chủ » ông ta nói rằng, chủ nghĩa xã hội dân chủ không thể trở thành một lý luận hoàn chỉnh bởi vì ở đây nói tới cuộc sống của con người và xã hội, những cái không ngừng đổi thay (3). Một nhà lý luận khác của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » — nhà chính trị học và kinh tế học Tây Đức G.Đ. Óc-bi-na cũng suy luận như vậy : « Phong trào xã hội dân chủ hoài nghi khái niệm cũ về cấu trúc tư bản chủ nghĩa của xã hội. Song nó cho rằng vấn đề về cấu trúc xã hội là một loạt vấn đề được nhân loại luôn luôn

---

1. *P.Reuschenbach* : Demokratischer Sozialismus — kein « Endziel », sondern Aufgabe. — « Neue Gesellschaft », Bonn — Bad Godesberg 1973, N 5, S. 361.

2. *K.Czernetz* : Uberlegungen znr Strategie des Sozialismus — « Zukunft ». Wien, 1972, N 3, S.2.

3. *B.Hayden* : The implications ofd emocratic socialism. Melbourn, 1968, p.2.

đặt ra và không bao giờ được giải quyết đến cùng cả » (1).

G. Vu-te và H.Iun-ke trong tác phẩm « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã được nhắc đến ở trên, đã viết: « Chủ nghĩa xã hội là một xã hội, không hơn không kém. Nhiệm vụ vĩ đại của nó là ở đó, song các giới hạn của nó cũng ở đó. Hoạt động chính trị nhằm vào hướng này đòi hỏi phải am hiểu các mối quan hệ qua lại trong xã hội — phải phân tích xã hội — và từ đó đề ra một chiến lược chính trị để thực hiện những mục đích đã định. Chủ nghĩa xã hội là một cuộc tranh luận thường xuyên xoay quanh vấn đề mục đích và phương tiện, xoay quanh vấn đề những cuộc tìm tòi lý luận và thực tiễn » (2).

Và thế là, như các môn đệ của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã biện luận, chủ nghĩa xã hội không thể nào trình bày dưới dạng là mục đích cuối cùng nhất định nào đó. Vì sao? Vì mục đích mà lý luận và thực tiễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đặt ra cho nó như những người cải lương — xã hội từng nghĩ và nhấn mạnh, không thể nào được thực hiện do một chuyển biến đột ngột. Nó diễn biến liên tục. Nó thường xuyên biến đổi. Theo đà phát triển của xã hội, nó sẽ có thêm nội dung mới. Và trên thực tiễn sẽ xuất hiện nhu cầu thực hiện các nội dung mới. Vì thế « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không thể là một học thuyết về những mục đích cuối cùng nào đó của phong trào công nhân. Nó chỉ có thể là cuộc tranh

---

1. *H.D.Ortlieb*: Macht und Freiheit in der Sicht des Sozialismus. — In: « Macht und ökonomisches Gesetz ». Bd. — 2. B., 1973, S. 1365 — 1383.

2. *G.Wuthe, H.Yunker*: Demokratischer Sozialismus, S. 128.

cãi bất tận về những mục đích và phương tiện của phong trào này.

Chiều hướng phủ nhận đối với chủ nghĩa xã hội với tư cách là mục đích nhất định cuối cùng của phong trào công nhân, « đối tượng » mà sự phủ nhận đó đối lập về nguyên tắc, là hoàn toàn rõ rệt. Cái « đối tượng » ấy là « chủ nghĩa xã hội hiện thực », hiện thân của chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác — Ăng-ghen — Lê-nin. Những người « xã hội dân chủ » ra sức trình bày chủ nghĩa xã hội hiện thực như thể được thực hiện do một chuyển biến đột ngột, đã trở thành cứng nhắc và thủy chung với mục đích cuối cùng bất biến nào đó, với việc xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa không phải là cái đang mong muốn chủ quan mà là cái cần thiết khách quan, tự nhiên về mặt lịch sử. Ở đây lại một lần nữa thể hiện đầy đủ tính siêu hình, tính cứng nhắc của học thuyết « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Bởi lẽ bản thể triết học của cuộc đấu tranh mà những người chủ trương « chủ nghĩa xã hội dân chủ » tiến hành với quan điểm của họ về chủ nghĩa xã hội như một mục đích cuối cùng đã được xác định về mặt lịch sử, là ở chỗ họ hình dung chủ nghĩa xã hội là mục đích cuối cùng và là một nội dung luôn luôn thay đổi nào đó trên tư cách là những mặt đối lập tuyệt đối tách rời nhau. Đối với họ, coi chủ nghĩa xã hội là mục đích cuối cùng hàm nghĩa rằng không thể giải thích nó như một thành tựu xã hội sinh động, luôn luôn biến chuyển. Hoặc chủ nghĩa xã hội đã trở thành cứng nhắc, bị khép vào khuôn khổ của một mục đích cuối cùng nào đó, hoặc chủ nghĩa xã hội đang biến chuyển cơ động, không có một chuẩn đích cuối cùng nào trước mắt — đó là sự lựa chọn đối trá và siêu hình, đang kìm kẹp cố gắng của những người « xã hội dân

chủ » hình dung về những mục đích của phong trào xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, họ đề ra và tăng cường truyền bá sự lựa chọn này với những mục đích tư tưởng rõ rệt. Bằng cách ấy để tầm thường hóa chủ nghĩa xã hội hiện thực, coi nó là sản phẩm cứng nhắc của học thuyết về chủ nghĩa xã hội, là mục đích cuối cùng tự nhiên. Về mặt lịch sử của phong trào công nhân « những người xã hội dân chủ » một mặt muốn bôi nhọ chủ nghĩa xã hội hiện thực và mặt khác lại đồng thời đưa phong trào công nhân ra khỏi cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội là mục đích dứt khoát cuối cùng.

Vứt bỏ chủ nghĩa xã hội là mục đích cuối cùng (và xét về thực chất, hoàn toàn vứt bỏ chủ nghĩa xã hội), những người « xã hội dân chủ » cho rằng chủ nghĩa Mác đã lãng quên những nhiệm vụ có tính cách xây dựng của việc làm thay đổi xã hội, những nhiệm vụ mà « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đang tập trung sức lực thực hiện, trong khi tuyệt nhiên không nói tới mục đích cuối cùng nào của phong trào xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế chủ nghĩa xã hội hiện thực là hiện thân của học thuyết mác-xít chân chính về chủ nghĩa xã hội, đã giải quyết những nhiệm vụ cải tạo xã hội một cách sáng tạo, chú ý đến bức tranh có tính xác định hợp quy luật, rõ rằng về mặt lịch sử cần được xây dựng vì nhìn thấy triển vọng lịch sử rõ ràng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhìn thấy phương hướng được dự kiến một cách khoa học của phong trào công nhân. Còn những người « xã hội dân chủ » lại khăng khăng nhấn mạnh sự cần thiết của việc thay đổi xã hội có thể nói là không có triển vọng, không có định hướng cuối cùng. Họ định vứt bỏ những mục đích cuối cùng để biện hộ cho thuyết vận động, biến chuyển vĩnh cửu. Song trong trường

hợp này (bị làm cho trầm trọng thêm bởi những thuộc tính của học thuyết « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là tính bất định đa nguyên, tính dễ ngỏ của nó, những tính này nhất thiết dẫn tới tính chiết trung vô nguyên tắc) sự vận động của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trở thành mù quáng, bất định về mặt lịch sử. Hiện nay, thậm chí trong hàng ngũ những người « xã hội dân chủ », đặc biệt là trong hàng ngũ những người cánh tả, người ta cũng nhận thức được tính chất nguy hại của một hệ tư tưởng và đường lối chính trị như vậy, của cái có thể gọi là « tính không có triển vọng lịch sử ». Thật vậy, V.M.Ni-cô-lai-xen, năm 1974 được bầu làm chủ tịch Liên đoàn thanh niên xã hội dân chủ Đan-mạch đã nhấn mạnh (trong khi thảo luận dự án cương lĩnh nguyên tắc mới của Đảng xã hội dân chủ Đan-mạch) tầm quan trọng của việc xem xét đường lối chính trị lâu dài của đảng bởi vì lĩnh vực này chính là lĩnh vực không được nghiên cứu nhiều trong trào lưu xã hội dân chủ. Ni-cô-lai-xen nhấn mạnh rằng những người xã hội dân chủ không bận tâm đến những nhiệm vụ lâu dài bởi vì, một là « đối với một đảng cải lương, không chờ đợi một bước ngoặt cách mạng cả trong tương lai xa thì trong đường lối chính trị rất khó mà giữ được lòng trung thành với các lý tưởng », hai là, khi nói về những triển vọng xa, những người xã hội dân chủ đứng trước tình thế tiến thoái lưỡng nan gắn liền với nỗi lo làm trầm trọng thêm tình hình hiện thời của đảng. Vì vậy, Ni-cô-lai-xen kết luận, « hai tình hình ấy đã tạo ra một hình ảnh mơ hồ của Đảng ta và làm tổn thương tư thế của chúng ta ». Do đó nhiệm vụ của cương lĩnh mới phải là « khôi phục lại mối liên hệ qua lại trước đây giữa các nhiệm vụ của

đường lối chính trị trước mắt và của đường lối chính trị lâu dài » (1).

Đảng viên xã hội Áo I. Hin-đen, một trong những nhà lý luận tích cực nhất của cánh tả trào lưu xã hội dân chủ — người đang cố gắng sử dụng một số luận điểm của chủ nghĩa Mác trong quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ », cũng nêu vấn đề về những mục đích cuối cùng của chủ nghĩa xã hội. Ông ta viết : « Khác với những người xã hội dân chủ cánh hữu đang hình dung chủ nghĩa xã hội như một sự thu xếp các cuộc cải cách xã hội và một sự cải tiến, họ giải thích nó như một phạm trù định lượng chứ không phải là một phạm trù định chất, các giới xã hội cánh tả coi chủ nghĩa xã hội trước hết là một xã hội không có giai cấp ». Rồi I. Hin-đen viết tiếp : « Điều đó không có nghĩa là dưới chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ xóa bỏ được mọi khác biệt đang tồn tại giữa các lớp người hiện nay. Thế nhưng sẽ vĩnh viễn thủ tiêu được sự khác biệt chủ yếu và cơ bản, đang xúc phạm sâu sắc đến phẩm giá con người : sự khác biệt giữa kẻ thống trị và người bị trị, giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột » (2).

Đảng viên xã hội Ý là Đ. Pi-e-ra-xi-ni cũng có những quan điểm gần như vậy. Ông ta viết rằng chủ nghĩa xã hội phải cung cấp cho thanh niên, nhân dân lao động, trí thức, các tầng lớp trung lưu khái niệm về sự lựa chọn cụ thể, thiết thực để thay thế cho tổ chức xã hội hiện nay. Từ thế kỷ XIX đến nay, chủ nghĩa xã hội là lực lượng độc tôn lãnh đạo công cuộc phát triển xã hội, đem lại cho con người sức mạnh và ý chí đấu tranh vì

---

1. *M.F. Nicolaisen* : Forst analysen—sa strategien. — « Ny politik ». Kbenhavn, 1975, N 9, S. 10.

2. *J. Hindels* : Was ist heute links? Sozialistische Strategie im Spätkapitalismus. Wien, 1920, S. 108.

một tương lai tốt đẹp hơn, tinh thần sẵn sàng hy sinh. Nó còn phải là cái sức mạnh ấy và niềm hy vọng ấy, bằng cách mở ra những chân trời mới, chỉ ra những mục đích của giai đoạn lịch sử mới, xuất hiện nhờ có chính bản thân chủ nghĩa xã hội, lực lượng phải giải quyết những mâu thuẫn ấy (1).

Đại diện của những người cánh tả trong Công đảng Anh E. Hep-phe đã kêu gọi Công đảng đặt ra cho mình mục tiêu cơ bản làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa là một cuộc đảo lộn lớn bằng bạo lực, ông ta bảo lưu, song nhất thiết phải trù tính làm thay đổi tận gốc những nền tảng của cái xã hội đang tồn tại. Ở Anh, ông ta bổ sung, phải xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa kiểu hoàn toàn mới, chưa từng có trong bất cứ nước nào trên thế giới (2).

Thế là chính bản thân những người « xã hội dân chủ » cũng đã bắt đầu hiểu ra tính không có triển vọng của con đường mà họ đã chọn, « con đường không có triển vọng », không có những mục đích cuối cùng và những vật chuẩn của công cuộc cải tạo xã hội về mặt xã hội. Chính họ đã đặt ra nhiệm vụ khắc phục tính mơ hồ trong những mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » bằng cách thấu hiểu mục đích cuối cùng của phong trào xã hội dân chủ. Song như vậy thì họ lại đứng trên những lập trường không phù hợp về nguyên tắc với bản chất của phong trào xã hội dân chủ trên tư cách là một phong trào mà đối với nó « mục đích không là gì hết, phong trào là tất cả ». Trong thực tế lại thấy rằng mục đích

---

1. *G.Pieracini*: Ripensare il socialismo. — « Ulisse », Firenze' 1971, vol. 11, N 70, S. 157.

1. *E. Heffer*: Labour' s Future. — « Political Guarterly », L., 1972, vol. 43, N 4, S. 381.

không phải là không có gì hết, mà là không có cái gì đó hơn nữa cái gì đó lại rất quan trọng đối với phong trào, cái gì đó tạo thành nội dung có tính nguyên tắc của nó. Một phong trào mà không xác định được mục đích cuối cùng thì biến thành không là gì cả.

Trong giai đoạn lịch sử hiện nay, điều đó chứng minh kết quả thực tiễn của chính bản thân phong trào dưới ngọn cờ «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Hiện nay chính thực tiễn của phong trào này, với mức xác thực mà thực tiễn vốn có, chứng minh về sự thoái hóa của phong trào trên tư cách là một phong trào xã hội chủ nghĩa và bằng cách đó chứng tỏ sự chuyển hóa của phong trào này thành cái không là gì cả trên thực tế, không hề có gì chung với chủ nghĩa xã hội trên một mức độ đáng kể chính vì bản thân mục đích của phong trào đối với nó cũng không là gì cả. Phong trào (vì chủ nghĩa xã hội), mà đối với nó mục đích cuối cùng (xây dựng chủ nghĩa xã hội) không là gì cả, trên thực tế đặt ra cho nó một mục đích riêng (cải cách nhỏ, thường xuyên không ngừng cải lương chủ nghĩa tư bản), mục đích này đã biến phong trào vì chủ nghĩa xã hội thành không là gì cả, chế biến nó thành phong trào cải lương chủ nghĩa tư bản, thành phong trào làm cho giai cấp công nhân thoái lui và xa rời chủ nghĩa xã hội.

Ngay Ni-cô-lai-xen mà ta vừa nhắc đến đã nhấn mạnh như sau về gốc rễ của những sai lầm mà những người xã hội dân chủ đã mắc: «Tiến hành một sự lựa chọn có lợi cho cái dễ dãi và cấp bách nhất, nên những vấn đề khó khăn nhất đã bị xếp lại và vì những vấn đề cấp bách ngày càng nhiều thêm trong cái xã hội bệnh hoạn mà bản chất không thay đổi ấy, nên đảng không chỉ đơn giản định hướng vào những thỏa hiệp mà còn cùng

với thời gian biến chúng thành mục đích tự thân » (1). Việc khinh thường những nhiệm vụ lâu dài, khó khăn và có tính nguyên tắc nhiều hơn cả của phong trào vì chủ nghĩa xã hội, việc đặt trọng tâm lý thuyết và thực tiễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » vào những nhiệm vụ trước mắt, nói chung đã làm cho phong trào công nhân xa rời chủ nghĩa xã hội. Như Ni-cô-lai-xen đã nhận xét, do thấy không đúng mức những nhiệm vụ lâu dài trong những thời kỳ thuận lợi về mặt vật chất, trong nhân dân hầu như đã mất đoàn kết, còn những vấn đề nảy sinh trong xã hội thì được giải quyết bằng cách đơn giản phân phối lại những giá trị giúp các nhóm người lao động làm thuê khác nhau và những khác biệt giai cấp cổ truyền khi bị động chạm một cách không đáng kể. Vì thế trong việc ứng đối lại đường lối chính trị này của đảng xã hội dân chủ đã phát triển phong trào của những người không muốn đóng thuế; vì thiếu đề cập một cách hoàn chỉnh những vấn đề nhỏ đã bùng nổ thành những vấn đề lớn. Đến đó dẫn tới tình trạng là « phong trào xã hội dân chủ bị tước mất sự đoàn kết trước đây » (2).

Cần bổ sung thêm vào những kết luận này rằng việc vứt bỏ chủ nghĩa xã hội trên tư cách là tiền đồ, mục đích cuối cùng của phong trào, nhất thiết làm cho phong trào xã hội dân chủ không những mất đoàn kết mà còn hoàn toàn mất tính chất xã hội chủ nghĩa. Bởi vì trong xã hội loài người không thể có một phong trào không có

---

1. *M. F. Nicolaisen*: Forst analysen – sa strategien. – « Ny politik ». Koenhavn, 1975, N 9, S. 10.

2. *M. F. Nicolaixen*: Forst analysen – sa strategien. – « Ny politik ». Koenhavn, 1975, N 9, S. 10 – 11.

mục đích. Tuyên bố rằng mục đích không là gì hết, phong trào là tất cả, điều đó chưa có nghĩa là hoàn toàn xa rời việc xác định mục đích của phong trào chính trị. Điều đó đơn giản hàm nghĩa là thực hiện trên thực tế, núp dưới khẩu hiệu « Mục đích không là gì hết, phong trào là tất cả », sự thay thế một mục đích này của phong trào bằng một mục đích khác. Đối với phong trào xã hội dân chủ, điều đó đơn giản có nghĩa là vứt bỏ chủ nghĩa xã hội trên tư cách là mục đích cuối cùng của phong trào công nhân và đáng lẽ phải xác định mục đích đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội thì lại xác định mục đích bảo vệ chủ nghĩa tư bản bằng cách cải lương nó.

Các môn đệ của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » hiểu rằng con người không thể tồn tại nếu không có mục đích. Nhưng họ cũng hiểu sự cần thiết phải đem lại cho người công nhân những mục đích khả dĩ làm cho phong trào công nhân xa rời một cuộc cách mạng thực sự để cải tổ chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội. Họ cũng hiểu rất rõ rằng việc vứt bỏ chủ nghĩa xã hội như một mục đích cuối cùng là một nhân tố thực chất, cần thiết của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » như một sự cải lương nhỏ giọt đối với chủ nghĩa tư bản. Nhận thức được điều đó, họ lại càng đả kích dữ dội chống lại quan điểm hiểu chủ nghĩa xã hội là mục đích cuối cùng đã được xác định về mặt lịch sử của phong trào công nhân. Thật vậy, các tác giả cuốn sách « Chủ nghĩa duy lý phê phán và phong trào xã hội dân chủ » ra sức « lập luận » hòng làm lợi cho quan điểm coi cải cách cái đang tồn tại (xin đọc : cải cách chủ nghĩa tư bản) là mục đích cơ bản của phong trào dưới ngọn cờ « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». « Hiển nhiên là con người cần có mục đích và lý tưởng, và con người cần có khái niệm về một « xã hội

tốt đẹp hơn». – họ viết – song những cố gắng của con người phải được hướng vào việc cải cách cái đang tồn tại, tức vào cuộc đấu tranh nhằm xóa bỏ những nguyên nhân của một tai họa cụ thể, chống lại cảnh đói nghèo, bệnh tật, sự áp bức và bóc lột dưới bất kỳ hình thức nào. Thực vậy, việc thỏa thuận với nhau về những thiếu sót cụ thể của xã hội và đấu tranh chống lại chúng thì dễ hơn là việc thỏa thuận về những hình ảnh trừu tượng của tương lai» (1).

Mặc dù ở đây có tuyên bố «xóa bỏ» bóc lột, nhưng lại là xóa bỏ mà không quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, bằng con đường «cải cách cái đang tồn tại» trên cơ sở thỏa thuận.

Thành thử, lại một lần nữa có sự thừa nhận (trên lĩnh vực lý thuyết) rằng «chủ nghĩa xã hội dân chủ» lấy làm mục tiêu chủ đích của phong trào công nhân cái mà người ta «có thể dễ dàng thỏa thuận» với nhau, cái mà người ta dễ thực hiện hơn. Sợ các khó khăn, tuyệt đối hóa chúng, lùi bước trước chúng – đó là những nét đặc trưng cho những mục tiêu chủ đích của những người «xã hội dân chủ», tính dễ giải quyết của những vấn đề này hay những vấn đề khác là tiêu chuẩn để lựa chọn những mục tiêu của phong trào «xã hội dân chủ». Cần nhấn mạnh: chính tính dễ dàng, chứ không phải là tầm ý nghĩa của chúng đối với việc đạt tới chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là độ chín muồi thực sự về mặt lịch sử của chúng, được hiểu và rút ra từ việc phân tích một cách khoa học quá trình lịch sử hiện thực của

1. «Kritischer Rationalismus und Sozialdemokratie», S. 40.

sự phát triển xã hội ở nước này hoặc nước khác và trên toàn thế giới nói chung.

Những người « xã hội dân chủ » trong lý thuyết và thực tiễn của mình, không muốn khắc phục những khó khăn của sự vận động tới chủ nghĩa xã hội, mà bằng những khó khăn của sự vận động ấy biện hộ cho việc họ xa rời chủ nghĩa xã hội. Dưới mắt họ, những khó khăn trong việc cải tạo chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội là những trở ngại không sao khắc phục nổi trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, được dùng để biện hộ cho việc đặt ra những nhiệm vụ nhỏ nhặt nhằm cải cách chứ không xóa bỏ chủ nghĩa tư bản. Cải cách cái đang tồn tại đó là tất cả những gì mà những người « xã hội dân chủ » dám làm, là tất cả những gì mà họ có khả năng thừa nhận và đang thừa nhận, trong khi xây dựng những mục tiêu chủ đích cho phong trào của họ. Thêm nữa, như lý thuyết và thực tiễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã chứng tỏ, trong mục tiêu chủ đích « cải cách cái đang tồn tại », những môn đệ của thứ « chủ nghĩa xã hội » ấy nhấn mạnh không phải vào việc « cải cách » mà vào « cái đang tồn tại ». Ở họ việc « cải thiện cái đang tồn tại » chủ yếu không phải là « cải cách », mà duy trì « cái đang tồn tại » là bằng mọi cách bảo vệ cho nó tránh được những cuộc « cải cách » quá đáng, tránh được một cuộc « cải cách » có thể đe dọa đưa cái đang tồn tại ra ngoài khuôn khổ của cái đang tồn tại, đe dọa đụng chạm thực sự đến những nền tảng thực của chủ nghĩa tư bản. Theo lý thuyết và thực tiễn của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » tất cả những cuộc cải cách cái đang tồn tại, phải là những công cuộc hoàn thiện chủ nghĩa tư bản chứ không phải là biến nó thành một xã hội khác tốt hơn.

Đối với những người « xã hội dân chủ » khái niệm coi chủ nghĩa xã hội là mục đích cuối cùng đã được xác định về mặt lịch sử là không thể chấp nhận được, trước hết, bởi vì họ coi chủ nghĩa xã hội hiện thực, theo cách diễn đạt của họ, là thực hiện một « mục đích cuối cùng không tưởng ». Ở đây họ cố gắng đe dọa phong trào công nhân và phong trào dân chủ bằng mối liên hệ khăng khít của cái « mục đích cuối cùng không tưởng » với bạo lực và phản dân chủ. Và đây là một trong những hình ảnh đặc trưng của sự đe dọa ấy nhằm vào tính hèn nhát hủ lậu.

Các tác giả cuốn sách « chủ nghĩa duy lý phê phán và nền xã hội dân chủ » biện luận: « Mục đích cuối cùng không tưởng và bạo lực không ngừng gắn liền với nhau. Mục đích này biện hộ cho mọi thủ đoạn để khắc phục những khó khăn trên đường thực hiện nó. Vì một đề án không tưởng chỉ có thể được thực hiện với điều kiện là các mục tiêu xã hội trên đường dài thực hiện đồ án không thay đổi, nên việc chế áp những lệch lạc và những chuyển biến có thể đem lại tổn thất cho mục đích không tưởng là kết quả tất yếu của mưu đồ thực hiện điều không tưởng. Những đau khổ và hy sinh không sao chịu đựng nổi mà xã hội phải chịu có vẻ như là không đáng kể khi người ta so sánh chúng với lời hứa hẹn về các « mục đích cuối cùng ». Kỹ thuật xã hội không tưởng hay Ki-li-a-xtích*, mà nhờ có « xã hội trên tư cách một chính thể » phải được « cải tạo theo một kế hoạch chung cứng rắn », đòi hỏi bên cạnh một quyền lực vô

(*) Từ chữ Chiliasm. Chiliasm là một thuyết tôn giáo xuất hiện từ cổ xưa, phản ánh những nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân bị áp bức trong xã hội, nhưng mang tính chất là một sự phản kháng tiêu cực thụ động (N.D)

hạn còn phải có một tri thức vô hạn, không cho phép công khai phê phán và loại trừ khả năng nhầm lẫn »(1).

Như vậy là các tác giả này đã không hề có bất cứ một luận chứng khoa học nào mà chỉ dựa vào có mỗi một định kiến tư tưởng và chủ nghĩa chủ quan để ra sức bài bác quan điểm coi chủ nghĩa xã hội là mục đích cuối cùng của phong trào công nhân. Họ ra sức gièm pha chính bản thân tư tưởng của mục đích cuối cùng trong phong trào xã hội chủ nghĩa là sự liên hệ khăng khít giữa mục đích cuối cùng và bạo lực. Tiếp nữa các tác giả này còn ra sức trình bày sự việc như thể là việc chấp nhận mục đích cuối cùng đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội có nghĩa là chấp nhận xác định một lần và vĩnh viễn cho phong trào xã hội chủ nghĩa, những mục đích này không thay đổi trong suốt một thời kỳ lịch sử dài. Ở đây chúng ta bắt gặp mưu toan tầm thường hóa những mục đích của chủ nghĩa xã hội khoa học và sự hiện thân thực tế của nó trong lịch sử, trình bày những mục đích cuối cùng của chủ nghĩa xã hội khoa học là những mục đích duy nhất của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong khi trên thực tế chủ nghĩa xã hội khoa học không những đề ra những mục đích cuối cùng, chiến lược không thay đổi trong một thời gian dài, của công cuộc cải tạo thế giới theo con đường xã hội chủ nghĩa, mà còn đề ra những mục đích trước mắt, chiến thuật do những nhu cầu cấp bách của xã hội đòi hỏi, gắn liền không phải với toàn bộ thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội mà với những giai đoạn cụ thể này hay những giai đoạn cụ thể khác của thời kỳ này. Ngoài những mục đích cuối cùng mà việc thực hiện có nghĩa là xây dựng

---

1. « Kritischer Rationalismus und Sozialdemokratie », S. 40

chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội khoa học thường xuyên đề ra những nhiệm vụ thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo nội dung thực tế của thời kỳ này hay thời kỳ khác trong toàn bộ quá trình vận động lên chủ nghĩa cộng sản. Những người « xã hội dân chủ » lặng thinh không nói đến sự thật này trong khi ra sức xuyên tạc những mục đích của chủ nghĩa xã hội khoa học, cách đề cập có phân biệt của nó đối với việc đặt ra những mục đích cuối cùng và những mục đích trung gian. Họ còn lặng thinh bỏ qua sự thật là những mục đích của chủ nghĩa xã hội khoa học được hình thành trên cơ sở của biện chứng giữa những mục đích cuối cùng và những mục đích trung gian, trong đó những mục đích cuối cùng thuộc tiền đồ của phong trào được coi là trọng tâm. Điều đó có nghĩa rằng những mục đích trung gian được xã hội xã hội chủ nghĩa đề ra. Xuất phát từ những thành tựu thực tế của nó và theo cách sao cho không xa rời tiền đồ chung của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sao cho góp phần chứ không làm trở ngại việc thực hiện mục đích cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những mục đích trung gian trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội hiện thực phù hợp cả với những đỉnh cao đã đạt được lẫn với những đỉnh cao mà sứ mạng chỉ rõ triển vọng của toàn bộ phong trào xã hội chủ nghĩa.

Khi những người « xã hội dân chủ » vũ đoán cắt xén toàn bộ sự phong phú của mục đích của chủ nghĩa xã hội khoa học, chỉ huy toàn bộ sự phong phú ấy vào những mục tiêu cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, khi họ kịch liệt đả kích lòng thủy chung của những người cộng sản đối với các mục đích cuối cùng, xét về thực chất không phê phán gì khác mà phê

phán tính chủ đích của những người mác-xít – lê-nin-nít, sự tập trung của họ vào cái chủ yếu trong quá trình phức tạp và gồm nhiều chi nhánh, gồm nhiều yếu tố của công cuộc cải tạo thế giới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Họ phê phán những người cộng sản vì rằng những người mác-xít – lê-nin-nít chưa từng bao giờ để mất phương hướng về tiền đồ của phong trào công nhân, nhìn thấy nó trong mọi tình huống lịch sử. Họ ra sức gièm pha những người cộng sản vì rằng những người mác-xít – lê-nin-nít nhận thức rõ mình muốn gì, biết thực hiện cái mà mình muốn và lịch sử cần, mà không hòa tan những mục đích cuối cùng có tính nguyên tắc trong những nhiệm vụ và khó khăn trước mắt, khắc phục những khó khăn này và giữ gìn cái chủ yếu, cái mà nếu không có thì sẽ trở thành vô nghĩa đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên tư cách là một xã hội dân chủ và nhân đạo thực sự và chân chính. Họ ra sức gây nghi ngờ những người mác-xít – lê-nin-nít vì rằng những người này không đầu hàng mà lại ra sức khắc phục những khó khăn trong công cuộc cải tạo thế giới theo con đường xã hội chủ nghĩa, vì rằng những người mác-xít – lê-nin-nít không tìm kiếm những con đường dễ dãi để đi lên chủ nghĩa xã hội, mà tìm kiếm những con đường thực sự và xác định về mặt lịch sử của phong trào xã hội chủ nghĩa.

Cuộc đấu tranh của những người « xã hội dân chủ » chống lại việc hướng theo những mục đích cuối cùng đã được xác định một cách nghiêm túc của phong trào công nhân thực ra là cuộc đấu tranh với quan điểm học thuyết về chủ nghĩa xã hội là một thế giới quan nhất định trong lịch sử – thế giới quan của giai cấp công

nhân, là cuộc đấu tranh chống lại quan điểm giai cấp trong việc hình thành những mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Ngay trong cương lĩnh Gốt-đen-bếc của Đảng xã hội dân chủ Đức, việc bác bỏ chủ nghĩa xã hội trên tư cách là mục đích cuối cùng đã dẫn tới tình trạng là « chủ nghĩa xã hội dân chủ » xét theo thực chất xuất hiện như thể một quan điểm chính trị nào đấy phủ nhận việc biện giải một cách khoa học, nghiêm túc những mục đích của phong trào xã hội chủ nghĩa xuất phát từ quan điểm thế giới quan của giai cấp công nhân. Hiện nay xu hướng luận giải của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không phải trên tư cách là hệ tư tưởng và thế giới quan của giai cấp công nhân mà trên tư cách là một học thuyết chính trị thường xuyên giải quyết vấn đề về những mục tiêu và phương tiện cụ thể của việc cải cách chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội, trở thành một xu hướng ngày càng mạnh và thậm chí thống trị trong hàng ngũ xã hội dân chủ cánh hữu. Một trong những bằng chứng nói lên điều này là những thư từ trao đổi giữa V. Bran, B. Krây-xky và O.Pan-mơ, mà chúng ta sẽ còn nhiều lần nhắc tới như một trong những văn kiện lý luận mới nhất của trào lưu xã hội dân chủ. Thật vậy trong một bức thư, O.Pan-mơ nhận định « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là một « hệ tư tưởng, đang đưa ra những yêu cầu của mình » (1).

V.Bran không đồng tình với O.Pan-mơ chỉ ra rằng khi xem xét các mục đích của mình, những người xã hội dân chủ cố ý khước từ dựa vào « một học thuyết chính trị hay triết học duy nhất và hợp nhất tất cả » (2). Ở một

1. *W.Brandt, B.Kreisky : O.Palme.* Briefe und Gespräche, S. 20.
2. *W.Brandt, B.Kreisky : O.Palme,* Briefe und Gespräche, S. 36.

đoạn khác, V.Bran nhấn mạnh rằng là một đảng nhân dân, Đảng xã hội dân chủ Đức không ngừng là cộng đồng những người đồng tâm nhất trí và cố ý từ chối phải đóng vai trò là « một đảng dựa vào một thế giới quan » (1).

B.Krây-xki, sau khi được biết quan điểm của O.Panmơ và V.Bran, đã phát biểu những ý kiến có khác đôi chút so với quan điểm của V.Bran, B.Krây-xki nhấn mạnh nét chủ yếu trong các cương lĩnh của Đảng xã hội Áo, Đảng xã hội dân chủ Đức, Đảng công nhân xã hội dân chủ Thụy-điển là chúng xa cách mọi vấn đề của thế giới quan. Nhưng theo thời gian B.Krây-xki phát triển tư tưởng của mình, việc nhập cục tất cả vào một chí hướng chính trị đã lỗi thời rồi. Thành thử ra việc nhận thức các vấn đề đặt ra trước mắt chúng ta lại phát triển nhanh hơn so với khả năng chúng ta giải đáp vấn đề « thế giới của chúng ta sẽ ra sao? ». Vấn đề thế giới quan lại một lần nữa được đặt ra trước mắt chúng ta và nó sẽ tỏa bóng lớn trên con đường của phong trào xã hội dân chủ đi tới tương lai (2).

Về vấn đề này những người cánh tả trong trào lưu xã hội dân chủ còn nói rõ ràng hơn. Đảng viên cộng sản cánh tả E.Hép-phe trách đảng mình đã để mất phương hướng tư tưởng (3). Đảng viên xã hội cánh tả Pháp là G.Sê-ven-men cho rằng chủ nghĩa xã hội « không phải là sự không tưởng mà là một hệ tư tưởng sẽ dần dần thâm nhập vào quần chúng » (4). Những người xã

---

1. *W.Brandt* : *B.Kreisky, O.Palme.* Briefe und Gespräche, S. 12
2. Ibid. S. 115.
3. *E.Heffer* : Lafour's future — « Political guarterly », L., 1972, vol. 43, N 4, S. 380.
4. *G.P.Chevenement* : La viex, la crise, la neue, . p220.

hội cánh tả Phần-lan đòi hỏi để đảng phải tiến hành một cách nhất quán hơn công tác tư tưởng nhằm quán triệt những nền tảng của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» và xác định những con đường tiến đến chủ nghĩa này (1).

Do vậy, trong một vấn đề rất quan trọng là vấn đề xác định bản thể của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ», có nhiều ý kiến khác nhau, đôi khi trái ngược hẳn nhau. Trong cuộc tranh cãi «quan niệm chính trị» hay «hệ tư tưởng» trên thực tế có hai quan điểm đối lập nhau — quan điểm giai cấp và quan điểm phi giai cấp — và nếu trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu phủ định quan điểm giai cấp đối với việc cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa (điều hoàn toàn không ngẫu nhiên là trong từ ngữ của trào lưu này khái niệm «công nhân» bị thay thế bởi thuật ngữ. «người nhận việc» thì những nhà lý luận coi «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là một hệ tư tưởng (theo lệ thường, tất cả những người này đều có xu hướng thiên tả), lại cố gắng gắn những mục tiêu cải tạo xã hội với các quan điểm của những người lao động, với những đòi hỏi cấp bách của họ và thể hiện điều đó thành những công trình lý luận thích hợp (tiêu biểu về mặt này là Tuyên ngôn của cánh tả đã được hình thành về mặt tổ chức trong năm 1975 của Đảng xã hội Áo «vì đường lối chính trị xã hội chủ nghĩa của Đảng xã hội Áo» (2), trong đó, phê phán gay gắt đường lối cải lương của ban lãnh đạo đảng.

---

1. *P.Aaro, E.Taivalsaari*: «SPD'n jäsenkirja», Hämeenlinna, 1974.

2. «Für eine sozialistische Politik der SPÖ», Wien, 1975.

Những khác biệt trong việc đánh giá bản chất tư tưởng của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » cũng đã thể hiện khi đối chiếu những mục tiêu cơ bản mà các đảng khác nhau trong Quốc tế xã hội vạch ra.

Song dù những đại diện của các đảng và các khuynh hướng tư tưởng trong nội bộ các đảng tham gia Quốc tế xã hội giải thích một cách khác nhau như thế nào đi nữa về những mục tiêu của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » thì họ vẫn thống nhất với nhau trong ý muốn lẳng tránh hoặc làm dịu bớt vấn đề đấu tranh giai cấp, nhất thiết nảy sinh trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Những mục đích cơ bản của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » được hình thành trên tinh thần nhân đạo trừu tượng. Mẫu mực về mặt này, là cương lĩnh Gốt-đen-béc của Đảng xã hội dân chủ Đức. Theo cương lĩnh này, chủ nghĩa xã hội có nhiệm vụ thực hiện trong xã hội tự do, bình đẳng và bác ái, những cái được coi là các điều kiện chủ yếu bảo đảm cho mỗi người phát triển toàn diện, tự khẳng định mình và tự tồn tại. Các tác giả bản cương lĩnh này thừa nhận rằng đòi hỏi ấy không thể được luận giải về mặt khoa học, chúng có tính chất đạo đức và bám rễ trong kinh nghiệm trước kia của nhân loại — đạo đức học Thiên chúa giáo, chủ nghĩa nhân đạo và triết học cổ điển, mà từ đó nảy ra tư tưởng cho rằng con người cần tự quản, có quyền giữ vị trí của mình trên tư cách là một cá thể có tự do tư tưởng trong xã hội. Người nào ủng hộ những đòi hỏi đó và đồng ý thực hiện chúng trên cơ sở các nguyên tắc dân chủ, vốn là yếu tố không sao tách rời được của những giá trị cơ bản ấy, đều có thể tham gia phong trào « chủ nghĩa xã hội dân chủ » bất kể tín ngưỡng và chính kiến của người đó như thế nào.

Ngôn ngữ xã hội chủ nghĩa của một trong những văn kiện chủ yếu của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là như thế.

Vậy thì hệ tư tưởng nào ẩn náu sau ngôn ngữ ấy? Những đòi hỏi của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », như văn kiện nói trên đã ghi nhận, bám rễ trong kinh nghiệm của toàn nhân loại. Song trên thực tế, từ kinh nghiệm đó người ta chỉ rút lấy cái triết học tư sản cổ điển nhân đạo — trừu tượng với những tư tưởng của nó coi con người là một nguyên tử xã hội, chủ nghĩa cá nhân tư sản và tính tự quản của con người. Thành thử trên thực tế, ngôn ngữ của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » nhập cục với triết học nhân văn tư sản, với những tư tưởng tư sản về con người trừu tượng và tự do tư tưởng, với quan điểm hiểu chủ nghĩa xã hội không xuất phát từ thế giới quan của giai cấp công nhân có sứ mạng thực hiện chủ nghĩa xã hội, mà từ các lập trường thế giới quan của giai cấp tư sản, kẻ thù giai cấp của giai cấp công nhân.

Việc chối từ quan điểm giai cấp thúc đẩy những nhà lý luận thuộc khuynh hướng tự do tư sản đặc biệt chú ý nghiên cứu vấn đề « những giá trị cơ bản » (tự do, bình đẳng, đoàn kết), những giá trị này, theo ý họ, phải được thực hiện bởi quan niệm chính trị « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Đã có rất nhiều sách và bài báo được viết ra để luận giải những giá trị này, song cho tới thời gian gần đây nhất, trên thực tế vẫn chưa làm sáng tỏ được vấn đề cốt yếu — đặc thù của quan điểm xã hội dân chủ đối với những giá trị cơ bản này là ở chỗ nào? Đáng chú ý cuộc tọa đàm tổ chức tại bộ biên tập Tạp chí Tây Đức « Der Spiegel », trong đó có sự tham gia của K.Bi-đen-kốp, nhà tư tưởng chủ chốt của Đảng dân chủ

thiên chúa giáo và H.Em-ke một trong những đồng chủ tịch của ủy ban dự thảo «chương trình hành động đến năm 1985» của Đảng xã hội dân chủ Đức (1). Trong quá trình thảo luận những luận đề cơ bản của bản chương trình này, và đặc biệt là trong quá trình thảo luận những giá trị cơ bản, mà chương trình này dựa vào, K.Bi-đen-cốp đã nhận xét rằng chúng chẳng khác mấy so với những luận đề cương lĩnh của những người dân chủ thiên chúa giáo. H.Em-ke đã phải giải thích tỉ mỉ về những nét khác biệt ấy, nhưng những lời giải thích của ông ta không tỏ ra có sức thuyết phục đúng mức.

Để lấp chỗ trống này, trong Đảng xã hội dân chủ Đức đã lập một ủy ban đặc nhiệm nghiên cứu và xác định rõ những giá trị cơ bản. Đảng xã hội dân chủ Đức trù định xem xét kết quả làm việc của ủy ban này tại một đại hội đặc biệt của Đảng. Và trong thời gian ấy, cả ở trong đảng lẫn ở ngoài đảng người ta đã tăng cường phê phán tính mơ hồ của những phương hướng giá trị của trào lưu xã hội dân chủ.

Dường như để trả lời sự phê phán này, V.Bran trong thư từ trao đổi với B.Krây-xky và O.Pan-mơ đã phát biểu ý kiến sau đây: «Ở một bộ phận bè bạn của chúng ta, hơn nữa không chỉ ở số bạn trẻ (hàm ý nói tới tổ chức «Những người xã hội trẻ tuổi» trong Đảng xã hội dân chủ Đức, tổ chức này đã đề ra một cương lĩnh thiên tả để thay thế cho đường lối của đảng), những thay đổi đang diễn ra trên thế giới, đã làm nảy sinh nỗi buồn

1. «Ob wir denselben Marx gelesen haben? Kurt Biedenkopf (CDU) und Horst Ehmke (SPD) uber das sozialdemokratische Langzeitprogramm». – «Der Spiegel». 1975, N 7, S.24 – 28.

phiền về chuyện « thống nhất các quan điểm », và đôi khi về khả năng có những câu trả lời « đơn giản » hơn. Tôi đã khẩn thiết khuyên đảng mình trong mọi trường hợp đều không được quay trở lại với chủ nghĩa giáo điều và vì nguyên nhân đó cần có thái độ nghiêm túc hơn đối với việc hiểu biết lẫn nhau xung quanh các vấn đề có liên quan tới những giá trị cơ bản và những đòi hỏi cơ bản » (1).

Tuy vậy, những lời kêu gọi kiểu này không bổ khuyết được những thiếu sót trong việc lý giải những giá trị cơ bản, trên cơ sở đó xây dựng nên cơ cấu học thuyết lý luận của những người theo quan điểm tư sản tự do trong trào lưu xã hội dân chủ. Nhân đây, chúng ta lưu ý đến đoạn thư của B.Crây-xky : « Không nghi ngờ gì nữa – ông ta nhấn mạnh – hướng hoạt động của những đảng viên xã hội dân chủ cánh tả cần phải được xác định rõ ràng theo những giá trị cơ bản của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Nhưng chính những giá trị của chủ nghĩa xã hội dân chủ này lại cần được thảo luận, làm sáng tỏ và phân tích sâu rộng bản chất của vấn đề. » (2).

Nói chung cần kết luận rằng những mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » được hình thành sao cho quan niệm lý thuyết của nó và hoạt động thực tiễn xuất phát từ lý thuyết này, được nhằm hướng, một là, đấu tranh với chủ nghĩa xã hội khoa học và hiện thân thực tế của nó, và hai là, duy trì chủ nghĩa tư bản. Trên phương diện lý luận, điều đó có nghĩa là vứt bỏ chủ nghĩa xã hội trên tư cách là mục tiêu cuối cùng đã được xác định về mặt lịch sử, lảng tránh giải quyết

---

1. W.*Brandt*, *B.Kreisky*, *O.Palme*: Briefe und Gespräche, S. 106.

2. Ibid, S. 27.

những vấn đề có tính chất nguyên tắc và khó khăn nhất trong công cuộc cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội, đặt những mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » phụ thuộc hoàn toàn vào những phương sách cải lương để thực hiện chúng. Chính nội dung của phong trào « chủ nghĩa xã hội dân chủ » – cải cách nhỏ giọt đối với chủ nghĩa tư bản – quyết định những mục đích của phong trào này, chứ không phải là ngược lại ; không phải những mục tiêu của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với xã hội quy định, như trong mối tương quan thực tế giữa mục đích và phương tiện, cả việc lựa chọn những phương tiện thích hợp để thực hiện sự cải tạo này, lẫn những nhiệm vụ lịch sử cụ thể trung gian trên đường đi tới chủ nghĩa xã hội. Việc đem những mục đích của phong trào công nhân trong quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » phục tùng những phương tiện thực hiện phong trào này đã làm cho phong trào này trở thành không là cái gì hết, bởi vì sự phục tùng này có nghĩa là làm mất hoàn toàn tính chất xã hội chủ nghĩa của phong trào công nhân. Đặc điểm này của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » thể hiện rõ trong việc trên thực tế biến « chủ nghĩa xã hội » cải lương thành sự biện hộ cho chủ nghĩa tư bản.

5. Chủ nghĩa cải lương của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là sự biện hộ cho chủ nghĩa tư bản.

Mặc dù những trào lưu khác nhau của những người « xã hội dân chủ » tiến hành tranh cãi về các mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », về việc có cần hay không cần phân đoạn các triển vọng của phong trào này, xác định chính xác hơn nữa những nhiệm vụ của nó, các trào lưu thiên tả và thiên hữu đều giống nhau ở một điểm : chỉ có thể đạt được những mục tiêu của « chủ

nghĩa xã hội dân chủ » bằng con đường cải lương mà họ gọi là con đường dân chủ. Như vậy là những phương tiện của phong trào « xã hội dân chủ » đã được lựa chọn từ trước. Những mục đích của phong trào phải phù hợp với những phương tiện ấy. Tất cả những gì không thể đạt tới được bằng con đường cải cách, bằng con đường dân chủ hóa đời sống xã hội một cách trừu tượng, đều phải loại khỏi những mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Song, xét về thực chất, những gì đạt được bằng con đường dân chủ hóa trừu tượng, hòa bình cải tạo chủ nghĩa tư bản, đều không phải là cái gì khác mà là một sự làm biến dạng chủ nghĩa tư bản mà không vượt quá khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản. Điều đó có nghĩa rằng chủ nghĩa cải lương của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không thể là cái gì khác mà là việc lẩn tránh những công cuộc cải tạo thực sự có tính chất xã hội chủ nghĩa, là sự đề cập tới chủ nghĩa tư bản như một xã hội cần được duy trì nếu như phải làm cho thay đổi, song trước khi duy trì thì phải làm cho thay đổi, làm cho thay đổi chính là để duy trì. Chủ nghĩa cải lương của chủ nghĩa « xã hội dân chủ » chỉ có thể là sự biện hộ trực tiếp hoặc gián tiếp, công khai hoặc bí mật, song chính là sự biện hộ cho chủ nghĩa tư bản. Thậm chí khi những người « xã hội dân chủ » cho phép mình phê phán chủ nghĩa tư bản, thì sự phê phán đó, xét về thực chất, cũng chỉ là những lời lẽ văn hoa trống rỗng mà đằng sau có ẩn náu hệ tư tưởng biện hộ cho chủ nghĩa tư bản. Nguyên nhân làm cho chủ nghĩa cải lương của những người « xã hội dân chủ » tất yếu có nội dung biện hộ cho chủ nghĩa tư bản là những người « xã hội dân chủ » đem lại một ý nghĩa tuyệt đối, không giới hạn cho cái hình thức này, hình thức có những giới hạn hoàn toàn xác định, của những chuyển

biến xã hội, thẳng cánh vứt bỏ hẳn hoặc hoàn toàn hòa tan trong các cuộc cải cách; một phương thức khác tất yếu về mặt lịch sử, để tiến hành các công cuộc cải tạo xã hội, phương thức cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, những người mác-xít, trong khi nhấn mạnh vai trò quyết định của cách mạng xã hội trong công cuộc cải tạo tận gốc xã hội, vẫn không gạt bỏ các cuộc cải cách trên tư cách là phương thức để tạo ra những chuyển biến xã hội, nhưng cho rằng cần nhìn thấy ranh giới rõ rệt giữa cái có thể đạt được, trong những điều kiện lịch sử nhất định bằng các cuộc cải cách, và cái chỉ có thể thực hiện được bằng một cuộc cách mạng xã hội. Thực chất quan điểm mác-xít về biện chứng của những con đường cải tạo đời sống xã hội là cách mạng xã hội và cải cách xã hội đã được V.I.Lê-nin trình bày như sau: « Khái niệm cải cách, không nghi ngờ gì nữa, đối lập với khái niệm cách mạng; quên mất sự đối lập này, quên mất cái ranh giới phân chia hai khái niệm này thì luôn luôn phạm phải những sai lầm hết sức nghiêm trọng trong mọi suy luận lịch sử. Song sự đối lập này không tuyệt đối, giới hạn này không phải là một giới hạn chết cứng mà là một giới hạn sinh động, cơ động, mà ta cần biết xác định trong từng trường hợp cụ thể một » (1).

Từ quan điểm này về biện chứng của cách mạng và cải cách mà nảy sinh quan điểm lịch sử – cụ thể mà những người mác-xít giải quyết vấn đề tương quan giữa cải cách và cách mạng. Nội dung cơ bản của quan điểm này trước hết là sự thừa nhận rằng các cuộc cải cách không loại trừ và không thể loại trừ cách mạng mà nói cho cùng bất kỳ đảng

1. *V. I.Lê-nin*: Toàn tập, tập 20, tr.167.

công nhân chân chính nào cũng phải định hướng theo. Nội dung cơ bản của quan điểm này còn là sự thừa nhận rằng các cuộc cải cách có thể và phải được tiến hành không phải để chống lại cách mạng mà như thể là các nấc thang dẫn tới cách mạng. Ở đây, tiêu chuẩn để đánh giá các cuộc cải cách có khả năng làm bước mở đầu cho cách mạng là khả năng của những cuộc cải cách thể hiện lợi ích của giai cấp công nhân, của các tầng lớp nhân dân bị bóc lột chứ không phải của các giai cấp thống trị, không phải của thiểu số bóc lột trong xã hội. Tất cả những điều đó có nghĩa rằng chủ nghĩa Mác xa lạ với quan điểm vô chính phủ phủ định các cuộc cải cách cũng như với quan điểm xét lại, kể cả quan điểm « xã hội dân chủ », tuyệt đối hóa ý nghĩa của các cuộc cải cách. Thái độ có tính nguyên tắc đối với những người mác-xít là thái độ lịch sử — cụ thể đối với các cuộc cải cách, mà đặc điểm là kết hợp cuộc đấu tranh vì những cuộc cải cách với các nhiệm vụ phát triển sâu rộng quá trình cách mạng.

Xin vạch ra rằng hai khuynh hướng chính của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » giải thích bản thân khái niệm « phương thức dân chủ của những thay đổi » một cách có khác nhau trên một mức độ nào đó. Cách nhìn nhận khác nhau này tạo ra sự căng thẳng thường xuyên trong các đảng xã hội dân chủ và các đảng xã hội thường làm cho các đảng bị phân liệt, các phe nhóm có lập trường cấp tiến hơn rút ra khỏi các đảng, chưa kể những cuộc tranh luận gay gắt trong nội bộ các đảng về vấn đề này.

Vậy nội dung cơ bản của cuộc tranh cãi là gì? Là quan niệm khác nhau về khả năng và sự cần thiết của việc làm thay đổi chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa bằng con đường cải cách, tức con đường duy trì chủ nghĩa tư bản.

Nối gót Béc-xtanh, những người xã hội dân chủ phái tự do xuất phát từ khả năng làm thay đổi chủ nghĩa tư bản bằng con đường tiến hóa dần từng bước. Ý kiến này được thể hiện rõ rệt trong những luận cứ của một trong những đại diện nổi tiếng của Đảng xã hội dân chủ Đức G. Vê-nhe, khi trả lời phỏng vấn của tạp chí « Die Neue Gesellsechaft » cơ quan lý luận của Đảng xã hội dân chủ Đức, ông ta nói như sau: « Mới đây người ta hỏi tôi : « Có phải quả thật là đảng xã hội dân chủ không còn ý định xóa bỏ chủ nghĩa tư bản nữa hay không? » Tôi trả lời : « Quả thật là nó không có ý định ấy. Bởi vì chủ nghĩa tư bản không phải là một cái gì đó mà người ta có thể lật đổ. Chỉ cần quan tâm làm cho nó thay đổi mà thôi » (1).

Theo lời khẳng định của những người xã hội dân chủ cánh hữu, trong mấy chục năm qua, chủ nghĩa tư bản đã biến đổi đến mức là những sự đánh giá cổ truyền không còn thích hợp với nó nữa rồi, và do đó không còn cần phải đánh đổ chủ nghĩa tư bản nữa. « Chúng ta đang sống, – H. Smít viết – ít nhất cũng trong một xã hội có nhiều giai cấp, nhưng trên thực tế là trong một xã hội đa nguyên, trong đó giữa các giai cấp và tập đoàn xã hội khác nhau đang tồn tại những tình trạng căng thẳng và những mâu thuẫn có ý nghĩa và mức độ khác nhau. Việc đánh giá chế độ kinh tế của chúng ta là « chế độ hậu tư bản chủ nghĩa » không nêu bật được thực chất của hiện tượng. Trên thực tế đó là một chế độ kinh tế và xã hội hỗn hợp, trong đó, một bên là pháp luật và quyền quản lý của Nhà nước, – một bên nữa là những

1. « Auf dem Weg zur sozialen Demokratie! Gespräch mit Herbert Wehner ». – « Die neue Gesellschaft », Bonn – Bad – Godesberg, 1971, N 1, S.4.

giải pháp phi tập trung hóa, có phần ganh đua nhau của các chủ thể kinh tế riêng biệt và một bên thứ ba nữa là các loại liên minh và các-ten khác nhau, đối lập lẫn nhau và ảnh hưởng lẫn nhau » (1).

Ph. Klen-ne, đảng viên xã hội cánh hữu Áo, cũng nói lên tư tưởng như vậy. Theo ý ông ta : « Chủ nghĩa tư bản ngày nay không còn là một hệ thống thuần nhất nữa mà ngược lại, là một hình thức phát triển rất khác biệt của kinh tế và xã hội. Chủ nghĩa tư bản ngày nay không phải là một khối đơn nhất, trong đó hiện có nhiều lực lượng tương ứng với những lợi ích khác nhau, tiêu biểu cho những xu hướng xã hội trái ngược nhau » (2).

Những ý kiến này đã bỏ qua nét cơ bản của xã hội tư bản hiện nay nắm địa vị thống trị và tư bản độc quyền có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các mặt khác nhau trong đời sống của xã hội. Trong mọi quá trình phức tạp hóa và phân liệt hiện đang diễn ra, các giới độc quyền không chịu để mất các vị trí của chúng. Tình trạng chênh lệch rất lớn về tài sản vẫn tiếp tục được duy trì và đôi khi còn tăng mạnh hơn nữa. Chính những người « xã hội dân chủ », nhất là những người thuộc cánh tả chứ không phải ai khác, đã thú nhận điều này. Trong việc đánh giá chủ nghĩa tư bản, quan điểm cải lương thiên hữu có tính chất biện hộ rõ ràng đã và đang gây ra sự phản đối mạnh mẽ từ phía những người « xã hội dân chủ » và những người xã hội cánh tả và đôi khi có từ phía những người xã hội dân chủ ôn hòa nữa. Những người này nhận định một cách đúng

---

1. *H. Schmidt* : Auf dem Fundament des Godesberger Programms. Bonn – Bad – Godesberg, 1973, S. 21 – 22.

2 *F. Klenner* : Sozialismus in der Sackgasse Wirtschaft und Gesellschaft im Umbruch. Wien, 1974, S. 415.

đắn rằng trong « xã hội hậu tư bản chủ nghĩa » các mâu thuẫn và những sự tương phản trong xã hội ngày càng phát triển gay gắt hơn, đã thế lại có thêm nhiều hiện tượng mới chứng tỏ rằng chủ nghĩa tư bản trở thành một trở ngại ngày càng lớn trên con đường tiếp tục tiến lên của nhân loại. Trong thời gian qua, đứng trước những hậu quả xấu hiển nhiên của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, những người ôn hòa ngày càng liên kết với những người cánh tả.

Thật vậy, tổ chức thanh niên của Đảng xã hội dân chủ Đức, trong một văn kiện được phổ biến tại Đại hội đảng này họp hồi tháng 11 năm 1975 ở Man-hêm, đã vạch ra rằng ở Cộng hòa liên bang Đức hiện nay 1,4% số dân cả nước chiếm hữu 75% tổng số tư liệu sản xuất (1). Ở Thụy-điển, nơi mà những người xã hội dân chủ đang cầm quyền trong bốn chục năm qua, 94% tổng số xí nghiệp tập trung trong tay tư bản tư nhân (2). Ở Phần-lan, như những người xã hội cánh tả Phần-lan P. A-rô và E. Tai-van-xa-ri đã cho thấy trong cuốn sách của họ « Thẻ đảng viên Đảng xã hội nhân dân », tư bản tư nhân kiểm soát 3/4 nền kinh tế Phần-lan (3). Năm 1972, trong một văn kiện có tính chất cương lĩnh, những người Công đảng Anh cho biết rằng ở Anh 1% số dân chiếm hữu 2/3 tổng số tài sản của đất nước (4).

---

1. « Demokratie und Gleichheit. Jungsozialisten in der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands » Hrsg: Bundesvorstand der Jungsozialisten in derSPD, Bonn, 1975, S.5.

2. *B. Henningsen*: Skandinavischer Sozialismus. — « Merkur», Stuttgart, 1975, N 7, S. 660.

3. *P. Aaro, E. Taivasaari*: « SPD' n jasenkirja ». 1974.

4. « Labour programme for Britain ». — « Times ». 7. XII 1972, S. 4.

Trong những tài liệu ấy đã thừa nhận rằng tình trạng bất công xã hội vẫn như trước đây ngự trị trong những nước tư bản chủ nghĩa có tham vọng giành quyền được gọi là xã hội « thịnh vượng chung ». Trong khi mức sống của 4 triệu người ở Anh không cao quá mức nghèo khó do Nhà nước ấn định, bọn giầu tự cho phép bằng mọi cách gia tăng các số tư bản của họ và trốn nộp thuế mà không hề bị trừng phạt (« Cương lĩnh Công đảng Anh »(1). Ở Cộng hòa liên bang Đức, 375 nghìn căn hộ trị giá 55 tỷ mác bị bỏ trống bởi chúng không hợp với túi tiền của người lao động (văn kiện của những người « xã hội trẻ tuổi » (2). Ở Áo, trong những năm qua (1969 – 1973) vẫn thấy có tình trạng chênh lệch về thu nhập như trước đây. Trong thời gian này, thu nhập của những người lao động tăng 47%, còn lợi nhuận của các nhà kinh doanh tăng 107% (tuyên ngôn của những người xã hội cánh tả Áo) (3).

Tất cả những hiện tượng và sự thật ấy dường như được tổng kết lại trong cương lĩnh mới của những người xã hội Bỉ: « Mặc dù có những thành quả đáng kể mà phong trào xã hội chủ nghĩa đã giành được, chủ nghĩa tư bản vẫn như trước đây dựa trên cơ sở của một sự bóc lột làm nảy sinh ra tình trạng bất công và phân biệt đối xử rõ rệt » (4).

Từ sự đánh giá bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa sẽ nảy sinh một cách lô gích sự đánh giá bộ máy kinh

---

1. « Labour programme for Britain ». — « Times ». 7. XII 1971, P.4

2. « Demokratie und Gleicheit. Jungsozialisten in der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands, S. 23.

3. « Für eine Sozialistische Politik der SPÖ », Wien, 1975, S.23.

4. « La Charte doctrinale' 74 ». — « Peuple », 18. XI 1974.

tế của chế độ này. Những nhà lý luận cánh hữu của trào lưu xã hội dân chủ lên tiếng tích cực ủng hộ nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa tư nhân. Quan điểm của họ là một sự hỗn hợp, một mặt là của những lý thuyết kinh tế tư sản rất phổ biến hiện nay, thuyết Kennét mới, phản ánh tính chất tư bản độc quyền nhà nước của hệ thống tư bản chủ nghĩa hiện đại, thuyết chủ nghĩa tự do mới, mưu toan làm cho quá trình độc quyền hóa ngày càng mạnh có khuynh hướng xã hội (« nền kinh tế hàng hóa xã hội »), và mặt khác là của tư tưởng xã hội dân chủ về khả năng sử dụng các chế định dân chủ tư sản để bằng con đường hòa bình nắm lấy nhà nước « siêu giai cấp » và biến nó thành một chế định kiểm soát chính trị đối với nền kinh tế.

Trong Đảng xã hội dân chủ Tây Đức, đang chú ý nhiều tới vấn đề này, đặc biệt từ sau khi lên nắm chính quyền, quan điểm này được tích cực phát triển bởi H. Smít, người đã có lúc làm Bộ trưởng kinh tế, và H. E-ren-be, chuyên gia của đảng về các vấn đề kinh tế. Trong khi biện giải lập trường hòa mình, H.Smít viết: « Trên quan điểm sở hữu, trong xã hội chắc hẳn có thể nghĩ đến những giải pháp dân chủ và công minh hơn. Song những giải pháp này không được phá hoại cơ chế thị trường, cũng như chế độ cùng tham gia ngang nhau, mà tôi lên tiếng ủng hộ với tất cả nhiệt tình và niềm tin sâu sắc, (1). Về phía mình, H. E-ren-be trong tác phẩm « Giữa Mác và thị trường » đã cố gắng gắn liền bản chất tự phát của thị trường tư bản chủ nghĩa với khả năng điều tiết nó. Theo E-ren-be, cần duy trì nền kinh tế thị trường trên những quy

1. *H. Schmidt*: Der Orientierungsrahmen 85 in der Diskussion,— « Langzeitprogramm-5 ». Bonn — Bad — Godesberg, 1973, S. 13.

mô lớn và ủng hộ sự cạnh tranh sôi nổi trong ông thị trường này, và để làm cho « hiệu quả của nó phục tùng những mục đích kinh tế chung », cần tiến hành kế hoạch hóa lâu dài và có chọn lọc. E-ren-be kết luận : « Trong một sự kết hợp như vậy, hệ thống kinh tế hỗn hợp sẽ thực sự liên kết « một cách tốt hơn hai thế giới », do đó bảo đảm một hiệu quả lớn hơn và một mức tự do lớn hơn so với bất kỳ hệ thống thuần túy xã hội chủ nghĩa hay thuần túy tư bản chủ nghĩa nào » (1).

Sự phát triển gay gắt thêm của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản hồi đầu những năm 70 đã buộc những người xã hội dân chủ phải nói theo một giọng khác, hoài nghi nhiều cái, kể cả cơ chế thị trường tư bản chủ nghĩa tư nhân. Những sự thừa nhận kiểu này xuất phát trước hết là từ những người lãnh đạo các đảng xã hội dân chủ. Đánh giá tình thế đã hình thành ở Tây Âu, O. Pan-mơ ghi nhận : « Thậm chí không cần phải học chủ nghĩa Mác để hiểu rằng có những nguyên nhân nằm sâu hơn. Sự phát triển hiện nay gắn chặt với các cơ cấu kinh tế, tình hình mà hiện giờ chúng ta đang phải trải qua, có thể gọi là « tình trạng nôn nao khó chịu (sau cơn say) của xã hội công nghiệp » (2). B. Krây-xky cũng phát biểu theo tinh thần này. Ông ta tuyên bố. « Chủ nghĩa tư bản không đủ sức giải quyết những vấn đề của xã hội công nghiệp. Và vì thế, những người « xã hội dân chủ » phải gánh vác việc này. Cho đến khi mà mọi chuyện đều tốt đẹp, tìm được biểu thức « nền kinh tế thị trường xã hội » cho hệ thống tư bản chủ nghĩa thì ở khắp nơi,

---

1. *H. Ehrenberg* : Zwischen Marx und Markt. Frankfut a. M., 1974, S. 53.

2. *W. Brandt, B. Kreisky : E. Palme.* Briefe un Gespräche, S. 91.

các đảng xã hội dân chủ đều vội vã núp dưới mái của công thức này và nói rằng: «Thật ra chúng tôi cũng muốn cái đó, chỉ có điều là muốn cho nó tốt hơn mà thôi» (1).

Vậy những người «xã hội dân chủ» có khuynh hướng tự do tư sản định dùng cách nào để giải quyết những vấn đề đã nảy sinh và làm thay đổi «nền kinh tế thị trường xã hội» đã tỏ ra không còn thích hợp nữa? B. Krây-xky nhận xét: «Chúng ta hiện đang ở trong giai đoạn đầu trong quá trình ra đời của tư tưởng kế hoạch hóa kinh tế» (2). Về phần mình, O. Pan-mơ đi đến kết luận: «cần điều khiển những lực lượng đang hoạt động trên thị trường» (3). Quan điểm của ông ta là: «Cần thiết lập chế độ kế hoạch hóa của Nhà nước trong những hình thức có phần tham gia trực tiếp của nhà nước» (4).

Song những giải pháp đã được đề xuất (cải tổ lại một phần cơ cấu kinh tế, tăng cường cơ chế điều tiết và kế hoạch hóa, kiểm soát các hoạt động đầu tư có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế nói chung) đều không vượt quá khuôn khổ hoạt động điều tiết của nhà nước, mà hiện nay tất cả các nước tư bản chủ nghĩa đều tiến hành bất kể đảng nào đang cầm quyền. Trong thư từ trao đổi, V. Bran thấy cần phòng ngừa chống lại sự thổi phồng quá đáng việc kế hoạch hóa. Bran viết: «Không một sự phê phán nào đối với tình hình phát triển lý luận chưa đúng mức trong những năm sau chiến tranh có

---

1. W. *Brandt, B. Kreisky, E. Palme*: Briefe und Gespräche, S. 121.

2. Ibid, S. 83.

3. Ibid. S. 61.

4. Ibid., S. 80.

thể thay thế được nhu cầu giải quyết một vấn đề cơ bản: trong khu vực của chúng ta trên trái đất này, liệu chúng ta có phải từ bỏ những cái lợi của nền kinh tế thị trường (trong những lĩnh vực mà người ta có thể nói một cách nghiêm túc đến việc này), và mạo hiểm xây dựng một nền kinh tế được điều khiển từ một trung tâm hay không. Tôi nghĩ rằng toàn bộ kinh nghiệm chín chắn của chúng ta đều lên tiếng chống lại việc chúng ta đi vào con đường ấy, ủng hộ việc chúng ta tiếp tục trên những mức độ lớn có thể, phát triển các thế lực của thị trường và cạnh tranh » (1).

Thành thử dù những người « xã hội dân chủ » đánh giá phê phán như thế nào đi nữa đối với xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại, các đại biểu của lực lượng xã hội dân chủ theo khuynh hướng tự do – tư sản, vẫn như trước đây, không dám đặt ra một cách cấp tiến vấn đề về các vị trí kinh tế của tư bản độc quyền, chứ đừng nói là vấn đề về bản thân tính chất của nền kinh tế dựa trên quyền tư hữu cạnh tranh và bóc lột các tầng lớp lao động. Những người « xã hội dân chủ » có khuynh hướng tự do thừa nhận những hiện tượng tiêu cực xuất phát từ chế độ tư hữu tư liệu sản xuất nhưng đồng thời lại khẳng định rằng vấn đề chủ yếu là vấn đề kiểm soát nền kinh tế. Theo ý họ, chỉ có thể thực hiện xã hội hóa trên mức độ, trong lĩnh vực và bằng cách không làm cho hiệu quả hoạt động của cơ chế thị trường mà họ cho là cơ chế tối ưu nhất trong tất cả các cơ chế kinh tế đang hoạt động hiện nay, bị phá hoại.

---

1. *W. Brandt. B. Kretsky, O. Polme*: Briefe und Gespräche. S. 66.

Những người « xã hội dân chủ » cánh hữu ra sức biện bạch cho lập trường của mình bằng cách viện dẫn vai trò ngày càng tăng của Nhà nước, là người điều tiết nền kinh tế, viện dẫn sự phát triển của khu vực kinh tế xã hội hóa (trong dự thảo « Chương trình dài hạn » của Đảng xã hội dân chủ Đức đến năm 1985 có dự định tăng tỷ trọng của khu vực xã hội trong toàn bộ tổng sản phẩm quốc dân lên đến 34%), viện dẫn sự phân chia các chức năng sở hữu và quản lý tài sản hiện có trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, và viện dẫn một loạt nhân tố khác nữa. Tại Đại hội Đảng xã hội dân chủ Đức họp trong năm 1973 ở Han-nô-vơ, V. Bran đã xem xét tỷ mỷ vấn đề này. Viện dẫn cương lĩnh Gốt-đen-béc, trong đó chỉ ra rằng riêng việc xã hội hóa không thể tự động đem lại cho mọi người nhiều tự do hơn, và sau khi liệt kê một loạt biện pháp khiến thực hiện được việc kiểm soát đối với quyền lực kinh tế (kiểm soát đầu tư mở rộng các quy mô kế hoạch hóa và phối hợp tất cả các giải pháp quan trọng của tư nhân, hạn chế ảnh hưởng của các lợi ích kinh tế đối với các quyết định chính trị và v.v.). V. Bran đã đi đến kết luận rằng « thị trường có tính chất của một công cụ có thể kiểm soát được » và vì vậy « với sự hỗ trợ của quyền lực chính trị có thể thay đổi từng bước » (1) các điều kiện ở Cộng hòa liên bang Đức.

Những vấn đề xã hội hóa các tư liệu sản xuất đã được K. Lan-đao-e, một trong những nhà lý luận lão thành của phong trào xã hội dân chủ, tác giả của nhiều công trình nghiên cứu trong lĩnh vực này, xem xét trong

1. *W. Brandt*: Rede auf dem SPD – Parteitag in Hennover 10–14. IV 1973. Unkorrigiertes Protokoll.

nhiều năm về phương diện lý thuyết khoa học. Lên tiếng chống lại việc xã hội hóa, Lan-đao-e xuất phát từ tiền đề sau đây: « Mỗi việc làm thay đổi các quan hệ sở hữu phải được kiểm nghiệm theo quan điểm là nó ảnh hưởng như thế nào đến việc sử dụng các tư liệu sản xuất, mức sống của các thành viên trong xã hội tùy thuộc mức sinh lợi của các tư liệu sản xuất » (1). Ông ta khẳng định rằng thực tiễn xã hội hóa hiện đang tồn tại trên thế giới không chứng minh được tính ưu việt của nó. Ông ta coi lối thoát là khả năng thu hút công nhân vào việc « phân phối lợi nhuận một cách công bằng hơn ».

Những ý kiến của Lan-đao-e không chỉ trái ngược với tình hình thật sự trong các nước xã hội chủ nghĩa, nơi mà trên cơ sở xã hội hóa các tư liệu sản xuất, trong một thời gian lịch sử ngắn, nền kinh tế đã thực sự được cải tạo và phát triển và do đó mức sống của nhân dân được nâng cao mạnh mẽ. Ông ta còn bỏ qua kinh nghiệm quốc hữu hóa những ngành công nghiệp cá biệt trong các nước tư bản chủ nghĩa, điều này nói lên sự gia tăng hiệu quả của các xí nghiệp thuộc khu vực xã hội (2).

Lập trường của Lan-đao-e và nhiều người xã hội dân chủ khác trong phái tự do đã bị những người xã hội và những người xã hội dân chủ cánh tả phê phán. Trong các đảng xã hội và các đảng xã hội dân chủ, người ta ngày càng hiểu rõ hơn sự cần thiết phải xã hội hóa các ngành kinh tế then chốt. « Những người xã hội trẻ tuổi » trong Đảng xã hội dân chủ Đức, những người Công đảng cánh tả, những người xã hội I-ta-li-a và Pháp,

---

1. *K. Landauer*: Die Sozial—Demokratie. Hamburg, 1972, S. 59.
2. *R. Pryke*: Public enterprise in practice. The British experience of nationalisation over two decades. L., 1971.

những người xã hội và những người « xã hội dân chủ » trong nhiều nước khác nhau đã đặt vào chương trình nghị sự đòi hỏi xã hội hóa tư liệu sản xuất. Một trong những văn kiện có tính chất cương lĩnh gần đây nhất của trào lưu xã hội dân chủ Tây Âu, cương lĩnh của Đảng Bỉ, đã nêu bật sự cần thiết « phải xã hội hóa những ngành hoặc những xí nghiệp có vai trò quyết định sự phát triển của nền kinh tế hoặc làm cho những người sở hữu chúng có quyền lực ảnh hưởng đến hoạt động của những cơ quan chịu trách nhiệm về việc phát triển một cách có kế hoạch nền kinh tế, đặc biệt là trong ngành năng lượng, ngành tín dụng » (1).

Song đồng thời trong quan điểm của những người tán thành xã hội hóa tư liệu sản xuất cũng có những khác biệt mà nêu ra là việc quan trọng để cố định ý niệm chung của họ về « quan niệm chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Thật vậy, một trong những cách để cập vấn đề này đã được K.Tréc-nhét, đảng viên Áo, nhà hoạt động tích cực của Quốc tế xã hội đề xuất. Trong ý niệm của ông ta, mô hình xã hội chủ nghĩa của xã hội dự kiến chế độ kinh tế kiểu hỗn hợp, trong đó những tư liệu sản xuất quan trọng sẽ được xã hội hóa, song bên cạnh khu vực xã hội, tất nhiên còn tồn tại một thời gian dài các xí nghiệp tư nhân loại nhỏ và vừa trong nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp. K. Tréc-nhét viết : « Ba thành phần của mô hình xã hội chủ nghĩa—xã hội hóa, kế hoạch hóa và dân chủ - là một khối thống nhất liên tục » (2).

---

1. « La Charte doctrinale' 74 ».—« Peupl », 18. XI. 1974.
2. *K. Czernetz* : Uberlegungen zur Strategie des Sozialismus.— « Zukunft » 1972, N 3, S. 4.

Trong cái «mô hình xã hội chủ nghĩa kiểu Pháp» mà Ph. Mít-tê-ran trình bày trong cuốn sách «Chủ nghĩa xã hội của cái có thể», cũng trù định «một nền kinh tế kiểu hỗn hợp», hơn nữa «trong vòng vài năm, chính quyền xã hội chủ nghĩa sẽ phải duy trì khu vực tư nhân đáng kể bên cạnh khu vực xã hội chủ nghĩa» (1). Cũng quy định một quá trình quốc hữu hóa từng bước các ngành kinh tế trong một khoảng «thời gian tương đối dài». Trong giai đoạn đầu sẽ quốc hữu hóa tất cả các ngân hàng lớn, tất cả các xí nghiệp công nghiệp quân sự, tất cả các xí nghiệp công nghiệp lớn và có địa vị độc quyền trong nền kinh tế. Trong lĩnh vực kế hoạch hóa, «mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Pháp» phải quán triệt nguyên tắc tự quản và quản lý tập thể (2). Đồng thời cũng thừa nhận rằng «khó mà có thể một lần xác định xong được cơ cấu tự quản và quản lý tập thể ở cấp xí nghiệp» (3).

I. Hin-đen, đảng viên xã hội cánh tả Áo, coi việc tiến hành «dân chủ kinh tế» trong sản xuất là điều kiện chủ yếu để xã hội hóa tư liệu sản xuất. Ông ta viết: «Xã hội xã hội chủ nghĩa với các hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa chỉ xuất hiện khi mà người sản xuất và người tiêu thụ có quyền biểu quyết như nhau, khi có nền dân chủ kinh tế chân chính, khi nguy cơ quan liêu hóa bộ máy quản lý bị thủ tiêu» (4). Song cũng chính Hin-đen lại thừa nhận rằng việc xác lập những mối quan hệ qua lại mới giữa những người tham gia quá trình sản xuất

---

1. *F. Mitterand*: Un socialisme du possible. P., 1970, p. 57.
2. Z. Ibid., p. 70.
3. Ibidem.
4. *I. Hindels*: Was ist heute links? S. 103.

với nhau là vấn đề mà việc giải quyết đòi hỏi lao động và cố gắng của nhiều thế hệ.

«Chủ nghĩa xã hội dân chủ» được xây dựng trong cương lĩnh mới của Đảng xã hội Bỉ, cũng đề cao «nền dân chủ kinh tế». Trong một chương cùng tên của cương lĩnh này có nêu: «Dân chủ kinh tế đòi hỏi các cuộc cải cách cơ cấu dựa trên 3 nguyên tắc: xã hội hóa, kế hoạch hóa và tự quản» (1). Kế hoạch phải có tính bắt buộc song cũng phải mềm dẻo, việc xây dựng kế hoạch phải dân chủ và tập trung. Việc tự quản phải được ứng dụng không chỉ trong sản xuất mà cả trong các lĩnh vực xã hội khác.

Đòi hỏi xã hội hóa tư liệu sản xuất xuyên suốt tất cả các công trình có tính cương lĩnh của các nhóm cánh tả trong tất cả các đảng thuộc Quốc tế xã hội. Chẳng hạn như P. A-ro và E. Tai-van-xa-ri, những đảng viên xã hội cánh tả Phần-lan, đã viết rằng vấn đề trung tâm trong cương lĩnh chiến đấu của đảng là vấn đề chuyển tư bản, đặc biệt là của các ngân hàng và các hội bảo hiểm, thành tài sản xã hội (2), E. Hép-phe (3) đảng viên Công đảng cánh tả, cho rằng chính phủ, do những người Công đảng đứng đầu, phải tiến hành quốc hữu hóa rộng rãi, hợp nhất các ngân hàng và các công ty bảo hiểm, thành lập một bộ phận kinh tế mới để thực hiện việc kiểm soát thực sự các nguồn tài chính ngân sách của nhà nước, tuân theo những chỉ thị trong kế hoạch nhà nước có tính bắt buộc đối với mọi người.

Trong khi khăng khăng đòi quốc hữu hóa những ngành công nghiệp then chốt, những người «xã hội trẻ tuổi» ở Cộng hòa liên bang Đức đồng thời nêu yêu sách

---

1. «La Charte doctrinale' 74». – «Peuple», 18. XI 1974.
2. *P. Aaro, E. Taivasaari.* SPP'n jäsenkirja, S. 78.
3. *E. Heffer*: Labour's future. – «Political quarterly». L., 1972, N4, P. 388.

đòi xây dựng quy chế để có thể kiểm soát và điều tiết được các hoạt động đầu tư của tư nhân. Những người «xã hội trẻ tuổi» đã đưa yêu sách này ra thảo luận tại đại hội Đảng xã hội dân chủ Đức họp tại Măng-hèn, trong tháng 11 năm 1975, và tuy yêu sách đó bị bác bỏ, cuộc tranh luận xung quanh vấn đề này vẫn đang tiếp diễn trên sách báo xã hội dân chủ ở Cộng hòa liên bang Đức.

Những yêu sách đòi có những cuộc cải tạo trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trực tiếp dụng chạm đến vấn đề chính quyền. Thế nào là một nhà nước hiện đại trong xã hội tư bản chủ nghĩa? Nó thể hiện lợi ích của ai? Cần cải cách nó hay cần triệt để cải tạo nó? Những vấn đề này nằm trong trung tâm chú ý của các sách và bài báo của những người xã hội dân chủ, dành cho vấn đề xây dựng quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Và trong vấn đề này cũng rõ rệt thấy có nhiều quan điểm khác nhau cũng như có quan điểm cải lương biện hộ cho nhà nước tư bản chủ nghĩa.

Sau khi đoạn tuyệt hoàn toàn với chủ nghĩa Mác trong vấn đề này, sau khi khước từ học thuyết về chuyên chính vô sản, trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu và cánh ôn hòa đang đặc biệt chú ý tới vấn đề này.

Theo ý kiến những người xã hội dân chủ phái tự do, theo đà của những thay đổi trong cơ cấu xã hội của xã hội, theo đà lớn mạnh của phong trào xã hội dân chủ và vì một loạt yếu tố khác nữa, dân chủ đã bắt đầu được mở rộng tới các tầng lớp ngày càng rộng rãi hơn trong xã hội. Từ lúc đó những người xã hội dân chủ sau khi khước từ những tư tưởng mác-xít về việc đập tan bộ máy nhà nước tư sản, đã đặt ra cho mình nhiệm vụ: hết sức làm cho nền dân chủ và xã hội đang tồn tại có

một sắc thái xã hội lớn nhất. Quan niệm xã hội mới xã hội chủ nghĩa bị đẩy lùi bởi quan niệm dân chủ xã hội. Từ nay chủ nghĩa xã hội, trong ý niệm của những người xã hội dân chủ tự do, biến thành công cuộc thường trực cải cách xã hội (1). Từ nay mối quan tâm chủ yếu của những người « xã hội dân chủ » không phải là cải tạo mà là duy trì nền dân chủ tư sản.

Về vấn đề này V.Bran đã nói như sau: « Chúng ta sẽ rất chăm chú theo dõi xem liệu những nguyên tắc dân chủ của chúng ta có bị nghi ngờ hay không và nếu có thì bị nghi ngờ như thế nào và ai nghi ngờ. Chúng ta không chịu nổi cách phê phán vô liêm sỉ cái gọi là dân chủ hình thức, vì người ta sử dụng nó làm phương tiện để bào chữa cho những mục đích phản dân chủ đáng nghi ngờ... Kẻ thù của nền dân chủ nghị viện, tự do là kẻ thù của Đảng xã hội dân chủ Đức. Chúng không có gì để làm trong nước ta » (2).

Những người « xã hội dân chủ », để luận giải những lập trường mà từ đó họ triển khai công cuộc bảo vệ nền dân chủ tư sản về thực chất là chế độ đại nghị tư sản, đưa ra luận điểm sau đây làm luận điểm chính: nhà nước tư bản hiện đại, đang thực hiện nhiều chức năng trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội nên không còn là công cụ thống trị chính trị của giai cấp tư sản đang thống trị về mặt kinh tế, nhưng đồng thời không

---

1. *G. Bartsch*: Totalitärer, marxistischer oder demokratischer Sozialismus? — « Aus Politik und Zeitgeschichte ». Bonn, 1966, S. 20.

2. *W. Brandt* Politik in Deutschland — Wertvorstellungen unter Ideologieverdacht. Rede vor der Evangelischen Akademie in Bad — Segeberg. « Bulletin des Press — und Informationsamtes der Bundesregierung ». Bonn, 1973, N 102, S. 1022.

thể trở thành cơ quan điều tiết mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, – điều khiển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Về vấn đề này, khi trình bày quan điểm trên H. Vê-nhe một trong những nhà tư tưởng chủ yếu của Đảng xã hội dân chủ Tây Đức, đã viết: «Quan niệm của những người xã hội dân chủ về nhà nước có khác, trong những điều kiện cụ thể nhất định... chỉ quản lý nhà nước và thông qua nhà nước hợp pháp hóa quyền lực của những lực lượng vốn đã có một quyền lực kinh tế to lớn. Nhưng đồng thời quan điểm của những người xã hội dân chủ về nhà nước cũng khác một cách rõ rệt với quan điểm của những ai muốn biến nhà nước thành một cấp điều tiết mọi việc và quản lý mọi người» (1).

Văn kiện có tính chất cương lĩnh mới nhất của Đảng xã hội dân chủ Đức «Phương hướng chính trị – kinh tế cho những năm 1975 – 1985», đến lượt nó, đã nhấn mạnh: nhà nước tuyệt nhiên không phải là một cơ quan trung lập, song cũng không phải là «người đại lý của các nhà độc quyền đã hợp nhất lại» đang hoạt động một cách có kế hoạch. Cả hai quan điểm đều đánh giá thấp mối quan hệ qua lại chặt chẽ và sự tùy thuộc thâm nhập lẫn nhau, chứ không đơn phương giữa nhà nước dân chủ và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa (2).

Trong khi phát triển những luận điểm này, G. Métghe trong bài «Những người xã hội dân chủ và chính

---

1. *H. Wehner:* Godesberg kennzeichnet den Aufbruch der Sozialdemokratie. «Neue Gesellschaft». Bonn – Bad – Godesberg, 1974, N. 12, S. 1030.

2. «Zweiter Entwurf eines ökonomisch – politischen Orientierungs – rahmens füz die Jahre 1975 – 1985». Hrsg: Vorstand der SPD. Bonn, 1971, S. 25.

quyền » (1) đã viết rằng, trong một nhà nước như vậy, theo quan điểm của ông ta, cần tuân thủ ba điều kiện bắt buộc: bảo đảm các quyền tự do chính trị; phát triển các quyền hạn xã hội, mà nếu không có thì công dân không thể tham gia vào đời sống dân chủ của xã hội; khắc phục những mâu thuẫn giữa lợi ích của người lao động và tư bản.

Không phải ngẫu nhiên vấn đề khắc phục mâu thuẫn giữa lợi ích của lao động và tư bản lại được nêu ra cuối cùng trong luận thuyết của G. Mét-ghe. Những người xã hội dân chủ đã giành nhiều cố gắng để giải thích « chủ nghĩa xã hội dân chủ » theo khuynh hướng tự do — tư sản nhằm chứng minh rằng vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất không còn là dấu hiệu chủ yếu của tính chất chính quyền. Nói riêng, có nhiệm vụ phục vụ cho mục đích này, là lý thuyết chủ nghĩa xã hội chức năng do nhà kinh tế Thụy-điển G. Át-le-Các-xơn đề xướng (2). Theo quan niệm này, bản chất xã hội của sản xuất được xác định không phải bởi kiểu sở hữu mà bởi nội dung và tính chất của các chức năng đang được thực hiện. Hoạt động của xí nghiệp tư nhân có thể được xã hội hóa (tức phải phục tùng trước hết là các lợi ích của xã hội) bằng các biện pháp « kiểm soát dân chủ » thông qua hệ thống nhà nước điều tiết và lập chương trình kinh tế.

Và trào lưu xã hội dân chủ Tây Đức cũng giải thích vấn đề về sở hữu tư liệu sản xuất theo tinh thần này. Chức năng làm chủ tài sản bị tách rời chức năng sử dụng

---

1. *G. Matzger:* Sozialdemokraten und Staat. — In: « Langzeitpro gramm — 5 ». Bonn — Bad — Godesberg, 1973, S. 19 — 27.

2. *G Adler — Karlsson.* Funkzionaler Sozialismus. Ein schwedisches Glaubensbekenntnis zur moderner Demokratie. Düsseld orf, 1973.

tài sản. Đáp lại lời phê phán của những người « xã hội trẻ tuổi » nói rằng trong chế độ tư bản chủ nghĩa hiện tại không thể cải thiện được gì hết chừng nào chưa xóa bỏ được « mâu thuẫn cơ bản » là chế độ tư hữu tư liệu sản xuất, V. Bran đã đưa ra luận chứng như sau: « Tư tưởng xã hội dân chủ hiện đại đã từ bỏ ảo tưởng cho rằng làm thay đổi một cách đồng loạt và có hệ thống các quan hệ sở hữu thì có thể tạo ra một đột phá khẩu quyết định và cho rằng việc xóa bỏ chế độ tư hữu tư liệu sản xuất sẽ tự động mở rộng tự do cho mọi người. Tình hình xã hội bị quy định bởi nhiều nhân tố và từ lâu nay rồi không phải chỉ bởi một mình chế độ tài sản mà trên mức độ ngày càng tăng bởi những hình thức sử dụng khác nhau, nhân đây xin nói thêm: bởi khả năng sử dụng tiềm lực nghiên cứu của xã hội hiện đại; bởi sự tương quan giữa quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị — và không phải ở bước cuối cùng — bởi các hình thức tổ chức giáo dục và dạy nghề. Để cải thiện tình cảnh của con người và của xã hội, cần phải huy động nhiều đòn bẩy » (1).

Những người xã hội dân chủ coi một trong những đòn bẩy ấy là yêu sách của các tầng lớp lao động đòi mở rộng dân chủ hóa đến mọi lĩnh vực của đời sống trong xã hội tư bản chủ nghĩa, và trước hết là đến sản xuất Trong những năm gần đây, sách báo xã hội dân chủ đã tăng cường trình bày vấn đề « cùng tham gia », trong đó bao hàm cả việc mở rộng sự tham gia của lao động làm thuê vào công tác quản lý xí nghiệp và quản lý kinh tế

1. W. *Brandt*: *B.Kreisky*, *O. Palme*: Briefe und Gespräche. S. 68 — 69.

nói chung, lẫn việc khơi động tính tích cực chính trị của nhân dân ở các cấp khác nhau.

Vấn đề là ở chỗ những nét không hoàn bị của nền dân chủ nghị viện trong các điều kiện của nhà nước tư bản chủ nghĩa hiện tại hiển nhiên đến mức là những người thủy chung với quan điểm tự do khi quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không thể phủ nhận. Một trong những đại diện nổi bật nhất của khuynh hướng này. V. Ai-le, khi đánh giá bầu không khí của xã hội tư bản chủ nghĩa đã viết : « Cho đến hiện nay, các mối quan hệ phụ thuộc vẫn chưa bị xóa bỏ. Sự kiểm soát vô danh của quyền lực kinh tế và tinh thần, sự thống trị của các công-xoóc-xi-om trong sản xuất và phân phối, sự tập trung quyền lực trong « kỹ nghệ văn hóa », tình trạng không có khả năng cho mọi người được học hành — những hiện tượng này và nhiều hiện tượng khác nữa chứng tỏ rằng con đường đi tới bình đẳng và tự do chân chính vẫn còn bị vây hãm » (1).

Những đại diện của khuynh hướng tự do cánh tả trong trào lưu xã hội dân chủ cho rằng phát triển chế định cùng tham gia thì khắc phục được những thiếu sót nói trên, hoàn thiện được « nền dân chủ xã hội ». Họ đánh giá sự tham gia quản lý sản xuất của những người lao động làm thuê là một nhiệm vụ lịch sử và việc thực hiện sẽ làm cho nền dân chủ có thêm một nội dung mới. Ở đây việc cùng tham gia quản lý bị ràng buộc với hệ thống kinh tế thị trường và được tăng cường bởi việc thi hành (các phương sách) gây quan tâm thêm nữa (tham gia hưởng lợi nhuận, cùng tăng vốn của các xí

1. *W. Eichler* : Zur Einführung in den demokratischen Sozialismus, S. 46.

nghiệp, lập nhiều quỹ khác nhau). Những người tuyên truyền cho việc « cùng tham gia » vội vã trấn an giai cấp tư sản, nhấn mạnh rằng việc này không đe dọa tư bản Theo ý kiến của Ph. Klen-ne đảng viên xã hội dân chủ Áo, việc cùng tham gia quản lý trái ngược với chế độ một mình nắm quyền của chủ xí nghiệp, song nó cũng không phải là quyền của những người lao động và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được có nghĩa là chuyên chính của giai cấp vô sản » (1). Ph. Klen-nê chỉ ra rằng phải loại trừ những giải pháp một chiều do những người lao động quyết định. Việc cùng tham gia cũng không nhằm trưng dụng tài sản mà chỉ trù định đưa những người lao động vào các cơ quan quản lý, bên cạnh những nhà tư bản. Những người lao động phải thường xuyên nhận rõ rằng việc nâng cao mức tham gia của họ vào công việc của xí nghiệp đồng thời nâng cao phần trách nhiệm của họ. Để nhận ra rằng đòi hỏi này của việc cùng tham gia chỉ có tác dụng làm cho những người lao động của các xí nghiệp hoàn toàn biến thành nhân tố ổn định xí nghiệp tư bản chủ nghĩa. « Dân chủ hóa » kiểu này làm lợi chủ yếu là cho các nhà tư bản.

Các nhà lý luận xã hội dân chủ đặc biệt chú ý nghiên cứu vấn đề dân chủ. Có nhiều kiến giải về quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong các đảng thuộc Quốc tế xã hội nhưng các kiến giải này đều thống nhất ở một dấu hiệu đặc trưng tuyên bố ý định cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa bằng cách nhất thiết phải tuân thủ những nguyên tắc của « nền dân chủ đa nguyên ». Những người xã hội dân chủ

1. *F. Klenner* : Sozialismus in der Sackgasse ? S. 362.

thuộc tất cả các khuynh hướng đều quả quyết rằng vi phạm những nguyên tắc của nền dân chủ tư sản thì sớm hoặc muộn cũng đều đi tới chỗ làm sai lệch chính ngay bản thân tư tưởng của chủ nghĩa xã hội.

Đồng thời nhiều người xã hội dân chủ (chủ yếu là những người cánh tả) thừa nhận rằng: nói về việc triệt để tuân theo các quy tắc dân chủ trong các điều kiện của xã hội tư bản chủ nghĩa, nơi các tập đoàn độc quyền nắm được địa vị thống trị cả trong kinh tế lẫn trong chính trị, thì trong trường hợp tốt nhất cũng là tỏ ra ngây thơ về mặt chính trị. Do đó mà xuất hiện nhiều công trình vào loại «chiến lược 2 mặt» của tổ chức thanh niên thuộc Đảng xã hội dân chủ Đức, mà sứ mạng là đẩy mạnh hoạt động của đảng và nhân dân. Trên phương diện này quy chế cùng tham gia của những người lao động được xem như là sự bổ sung cần thiết cho các thể chế của nền dân chủ nghị viện.

Cho đến gần đây, nền dân chủ nghị viện kết hợp với chế định cùng tham gia đã được những người đại diện của quan điểm tự do – tư sản trong trào lưu xã hội dân chủ tưởng là giải pháp tối ưu nhất cho vấn đề hoạt động của cơ chế dân chủ chính trị. Song sự phát triển gay gắt của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản đã buộc những người xã hội dân chủ phải có một lời thú nhận cả trong lĩnh vực này nữa. O. Pan-mơ ghi nhận: «Hiện nay chế độ đại nghị ở châu Âu đang lâm vào tình trạng hỗn loạn. Từ nhiều phía khác nhau đã có ý kiến e ngại rằng tình hình sẽ diễn ra không phải là tốt đẹp nhất với tương lai của nền dân chủ» (1).

---

1. *W. Brandt, B. Kreisky, O. Palme*: Briefe und Gespräche, S. 90

B. Krây-xky chỉ ra rằng trong lòng nhà nước tư bản chủ nghĩa hiện đại đã xuất hiện nhiều dạng xung đột mới. Về phần mình, V. Bran viết: « Đời sống dân chủ nghị viện của đa số nước Tây Âu làm tôi rất lo phiền; nó được đánh dấu bằng nhiều xu thế lung tung và bất đồng » (1). Ở một đoạn khác trong thư từ trao đổi, Bran ghi nhận: « Chúng ta phải xuất phát từ một tình thế là chế độ nhà nước của chúng ta trong tương lai sẽ phải chịu nhiều thử thách trong quá trình xung đột giữa nhu cầu của xã hội nói chung và những tham vọng vô trách nhiệm của những nhóm cá biệt đang chiếm giữ nhiều vị trí then chốt và của các tổ chức hùng cường. Chúng ta phải gìn giữ cho nhà nước dân chủ của chúng ta, tránh được sự chuyên chính của những nhóm như vậy» (2).

« Những nhóm như vậy » đó trước hết là tư bản độc quyền mà những lãnh tụ xã hội dân chủ định danh một cách rất đỗi quanh co.

Các sự vật được gọi bằng chính tên của chúng trong các công trình lý luận định hướng theo chủ nghĩa Mác trong cách diễn giải của những người xã hội dân chủ. Những người xã hội tuổi trẻ ở Cộng hòa liên bang Đức vạch rõ sự lệ thuộc hiển nhiên của chính phủ trong các nước tư bản chủ nghĩa vào các côn-xoóc-xi-om — quốc gia và đa quốc gia. Trong một văn kiện có tính chất cương lĩnh (3) của mình, những người cánh tả Áo nhận xét rằng chức năng chính của nhà nước tư bản chủ nghĩa là điều tiết các vấn đề của thị trường hướng

---

1. *W. Brandt, B. Kreisky, o. Palme*: Briefe und Gespräche, S. 76.
2. Ibid, S. 109.
3. « Für eine sozialistische Politik der SPO », Wien, 1975, S. 7.

theo lợi nhuận. G. Sê-ven-man nhà lãnh đạo của những người xã hội cánh tả Pháp (1) ghi nhận : nhà nước không phải là một cái khung rỗng mà là nhân tố quyết định trong tổ chức của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn phát triển hiện nay của nó, và do đó, là chỗ dựa chủ yếu trong cuộc đấu tranh giai cấp. Những người xã hội cánh tả Phần-lan (2) viết rằng việc tìm hiểu về tính giai cấp của nhà nước lại một lần nữa có tính thời sự trong phong trào xã hội dân chủ. Thực tiễn của chủ nghĩa tư bản cho thấy rằng sự tăng cường vai trò của nhà nước trong nền kinh tế không làm thay đổi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong một văn kiện có tính chất cương lĩnh của những người xã hội Bỉ (3) nói rằng: đảng xã hội không có nhiệm vụ quản lý chế độ tư bản chủ nghĩa. Sự tham gia của đảng trong chính phủ tùy thuộc vào khả năng bảo vệ lợi ích của những người lao động bằng cách dần từng bước thực hiện các cuộc cải cách cơ cấu mà đảng phấn đấu.

Vậy cái gì phải thay thế cho nhà nước tư bản chủ nghĩa? Trong đa số công trình lý luận thuộc xu hướng này, người ta nêu ra một khả năng thay thế là chủ nghĩa xã hội tự quản. Cương lĩnh của những người xã hội Bỉ (4) đã giải thích quan niệm của mình về chủ nghĩa xã hội này như sau : Tự quản lý là một nguyên tắc có thể được vận dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực. Nền dân chủ xã hội cần phải bảo đảm cho mỗi người được tham gia một cách trực tiếp nhất vào việc thông

---

1. *J. P. Chevenement* : Le vieux la crise, le neue, P. 220.
2. *P. Aaro, E. Taivalsaari* : SPD'n jäsenkirja, S. 94.
3. « La Charta doctrinale' 74 » — « Peuple », 18. XI. 1974.
4. « La Charta doctrinale' 74 ». — Peuple », 18. XI 1974.

qua các quyết định về những vấn đề có liên quan đến mình, xã hội xã hội chủ nghĩa phải bảo đảm phi tập trung hóa và tự trị đến mức tối đa.

P. Hôn-be, người xã hội dân chủ cánh tả Thụy-điển đã đưa ra một định nghĩa rùm beng về chủ nghĩa xã hội tự quản. « Chính quyền thuộc phong trào của các tầng lớp lao động phải là chính quyền của chính bản thân những tầng lớp ấy, phải do chính họ thực hiện quyền và phải phục vụ cho lợi ích của họ » (1).

Song cần nhận thấy rằng những đại diện của khuynh hướng này, như Ph. Mít-tơ-ran đã thận trọng hơn trong việc đánh giá các triển vọng của chủ nghĩa xã hội tự quản. Năm 1974, Mít-tơ-ran viết : « Tự quản chưa tìm ra được những cơ cấu làm cho nó trở thành hiện thực » (2). Trước đó (năm 1970) Ph.mít-tơ-ran đã viết : « Tôi cho rằng trong một thời gian nào đó chúng ta sẽ phải chung sống với các cơ cấu tư bản chủ nghĩa, vì không thể ngày một ngày hai mà cải tạo được chúng » (3). Nhưng đồng thời, ông ta lại luôn luôn nhấn mạnh : Tự quản là tiền đồ của chúng ta.

Xu hướng cải tạo nhà nước tư bản chủ nghĩa theo hướng chủ nghĩa xã hội tự quản mâu thuẫn với xu hướng hoàn thiện nền dân chủ nghị viện tư sản được bổ sung bằng chế định cùng tham gia. Điều đó lập tức thể hiện trong thời gian hội nghị các đảng xã hội dân chủ trong các nước thành viên Cộng đồng kinh tế châu Âu, họp ở Cộng hòa liên bang Đức năm 1973, và đã thông qua văn kiện « Vì châu Âu xã hội ». Trong khi

---

1. *P. Holmberg* : Makt och Venmakt. Stockholm, 1971, S. 178.
2. *F.Mitterand* : L'homme, les ide'es. P 1974, tr. 97.
3. *F.Mitterand* : Un socialisme du possible. P., 1970, tr. 17.

thảo luận vấn đề cùng tham gia, những người xã hội Pháp và Ý đã giữ một lập trường quanh co, và vì nguyên nhân này hội nghị đã thông qua một nghị quyết, trong đó có lưu ý và thừa nhận kinh nghiệm của mỗi nước.

Thành thử chúng ta được chứng kiến một sự thật là trong khuôn khổ cùng một quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» lại tồn tại hai quan điểm khác nhau về một vấn đề rất cơ bản – thái độ đối với nhà nước và khả năng cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa theo hướng «chủ nghĩa xã hội dân chủ».

Thế là, chúng ta đang tiếp cận nhóm các vấn đề khác của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» – các vấn đề về con đường và phương sách đạt tới mục tiêu đó – trong các tác phẩm lý luận của trào lưu xã hội dân chủ. Nói cách khác, chúng ta sẽ nói về chủ nghĩa cải lương trong ý nghĩa hiện đại của nó.

Sách báo xã hội dân chủ trong những năm vừa qua đã phân loại cách xác định bản chất của các cuộc cải cách. Có những cuộc cải cách «ổn định chế độ», có những cuộc cải cách «kìm nén chế độ» và thậm chí có cả những cuộc cải cách «làm bùng nổ chế độ». Ẩn náu sau những cách xác định khác nhau ấy là cuộc luận chiến tư tưởng dữ dội, lôi cuốn tất cả các xu hướng của trào lưu xã hội dân chủ, và trong quá trình luận chiến này phải giải quyết một vấn đề, liệu trào lưu xã hội dân chủ phải đứng trên lập trường của chủ nghĩa xu thời cải lương đối với chủ nghĩa tư bản, hay có thể kỳ vọng một quan điểm cấp tiến hơn đối với việc giải quyết các vấn đề xã hội. Trong vấn đề này cũng thấy có một sự phân hóa nhất định.

Chính bản thân những người xã hội dân chủ cũng thừa nhận rằng đã nhiều năm rồi trào lưu xã hội dân chủ thi

hành đường lối chính trị của một chủ nghĩa cải lương không có sức sáng tạo. Thật vậy K. Mát-xen người xã hội dân chủ Đan-mạch, khi đánh giá 100 năm hoạt động của đảng mình, đã viết: «Trong một trăm năm qua, đảng ta đã đặc biệt chú ý đến việc khắc phục nhiều mặt yếu kém của xã hội tư bản chủ nghĩa. Có thể nói rằng việc này đã thành công trên một mức độ nào đó. Nhưng dù sao vẫn cảm thấy nặng nề khi nhìn lại quá khứ lịch sử, một quá khứ được đặc trưng đến một mức độ nào đó, bởi những thỏa hiệp, ít nhiều thành công với các đảng tư sản. Những luận điểm có tính nguyên tắc đã lần lượt bị bỏ rơi để rồi sau đó lại được đem ra tán tụng, điều này đã ảnh hưởng tới việc thông qua một quyết định này hoặc một quyết định khác» (1). Lời đánh giá hùng hồn này có thể là thích đáng cho nhiều đảng thuộc Quốc tế xã hội.

Song trong nhiều công trình lý luận mới của trào lưu xã hội dân chủ người ta vẫn coi con đường cải lương là con đường duy nhất có thể có để thực hiện những mục đích của «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Trong cương lĩnh mới của những người xã hội dân chủ Thụy-điển đã có những lập luận theo kiểu sau đây: kinh nghiệm khẳng định quan niệm của trào lưu xã hội dân chủ cho rằng hòa bình cải tạo xã hội trên cơ sở chủ nghĩa xã hội dân chủ là con đường duy nhất có thể có để giải phóng loài người... Con đường này có thể tỏ ra khó khăn gian khổ và lâu dài. Nhưng con đường này có ưu thế quyết định là nó dự định cải tạo với sự tham gia tích cực của mọi thành viên trong xã hội (2).

1. *K. Madsen*: Tankeri anledning af et jubileum. — «Ny politik». Kbenhavn, 1971, N 6, S. 12.

2. «Fofslag till nytt partiprogramm». — «Aktuellt i politiken», Stockholm, 1971, N 13, S. 13 - 23.

Những người đứng về phía các quan điểm định hướng bảo vệ các chế định dân chủ nghị viện và nhà nước tư sản, coi các cuộc cải cách là « làm thay đổi chế độ ». P. Héc-kê-rúp, người xã hội dân chủ Đan-mạch (1), cho rằng nhiều bước nhỏ trên con đường cải cách tập trung lại thành một cuộc cách mạng, một cuộc cách mạng kiên cường so với trong các nước có tiến hành những bước nhảy vọt cách mạng lớn. Việc phân chia các cuộc cải cách thành « hoàn thiện » và « khắc phục » chế độ là một việc làm có tính cách ước định cả đối với V. Bran nữa (2). Ông ta cho rằng mỗi cuộc cải cách đều chứa đựng trong bản thân nó một nhân tố làm thay đổi chế độ hiện tại. B. Krây-xky (3) cũng không thấy có giới hạn giữa các cuộc cải cách « ổn định chế độ » và các cuộc cải cách « làm thay đổi chế độ ». Theo ý ông ta, khi giải đáp vấn đề này cần vận dụng nguyên tắc biện chứng: số lượng các cuộc cải cách đã được thực hiện sớm hay muộn sẽ dẫn đến chất lượng mới.

Song cũng chính ông V. Bran (4), trong thư trao đổi với B.Krây-xky và O. Pan-mơ, đã thừa nhận rằng những khả năng tiến hành đường lối cải cách của chính phủ liên hợp Cộng hòa liên bang Đức, trong đó có những người xã hội dân chủ và những người tự do tham gia, đã được đánh giá quá cao trong các điều kiện có sự chống đối mãnh liệt từ phía các nhóm đang đơn phương

---

1. *P.Hoekkerup*: Socialdemokratiet — et praktisk parti.— « Ny politik », khenhavn, 1971, N 6, S. 14—15.

2. *W. Brandt, B.Kreisky, O.Palme*: Briefe und Gespräche' S. 17.

3. Ibid., S. 50.

4. Ibid., S. 104.

bảo vệ lợi ích của mình và trong trường hợp này ý muốn nói đến trước hết là các tập đoàn độc quyền.

Con đường cải cách trong cách lý giải của các đảng và phe nhóm cánh tả lại là một con đường khác. Theo quan niệm của Ph. Mít-tơ-ran thì các cuộc cải cách có nghĩa là một hành động cách mạng nếu như chúng nhằm hoàn toàn phá vỡ trật tự chính trị đã được xác lập, phá rã xã hội tư bản chủ nghĩa. Ông ta nhấn mạnh: «Cuộc đấu tranh hàng ngày để kiên quyết cải cách các cơ cấu xã hội có thể mang bản chất cách mạng» (1). Ph. Mít-tơ-ran nói phải biết sử dụng mọi hình thức đấu tranh (hoạt động nghị trường, hoạt động trong sản xuất), xác định những điểm yếu nhất của địch thủ và hướng đánh đòn chủ yếu vào đó. Song đòn đánh này lại được coi không phải là một hành động nhất thời, mà là việc gây áp lực thường xuyên.

Những người xã hội Bỉ cũng đứng trên lập trường này. Trong cương lĩnh mới của mình, họ nhấn mạnh rằng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi thực hiện những cuộc cải cách cơ cấu sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực. Cương lĩnh chỉ ra rằng: chủ nghĩa xã hội đấu tranh nhằm hoàn toàn cải tạo xã hội. Ý chí cách mạng của nó được thể hiện ở điểm này (2).

Những người cánh tả trong Công đảng Anh cũng nói về việc làm thay đổi tận gốc chính bản thân những nền tảng của chế độ hiện đang tồn tại, nhưng vẫn là làm thay đổi bằng các cuộc cải cách (3).

---

1. *F. Mitterand*: L'homme, les idées, S. 78.

2. «La Charte doctrinale' 74», – «Le Peuple», 18. XI 1974.

3. *E. Heffer*: Labour's Future. – «Political Guarterly». L., 1972, N 4, P. 384.

Tổ chức « thanh niên xã hội » trong Đảng xã hội dân chủ Đức đã nhiều năm nghiên cứu « chiến lược hai mặt » nhằm thực hiện các cuộc cải cách. Chiến lược này dự định sử dụng nghị viện và đảng để tiến hành một đường lối chính trị theo tinh thần của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » và đồng thời tích cực hóa « cơ sở hạ tầng », tức những người làm trong sản xuất và các đảng viên thường của đảng, nhằm mục đích gây áp lực với các trung tâm thông qua các quyết định trong kinh tế, nhà nước và xã hội, còn bản thân các cuộc cải cách thì phải nhằm mục đích làm thay đổi chế độ. Như đã nói ở trên, giữa hai quan điểm đánh giá chủ nghĩa cải lương có diễn ra một cuộc luận chiến gay gắt. Những người tán thành cải cách trong « khuôn khổ chế độ » khẳng định rằng việc tiến hành các cuộc cải cách « khắc phục chế độ » sẽ không những gây ra thảm họa chính trị, mà còn gây ra thảm họa kinh tế nữa. Vì có sự xâm phạm tới cơ chế của chế độ tư bản chủ nghĩa và có phản ứng trả đũa quyết liệt của tư bản nên tình cảnh vật chất của quần chúng sẽ xấu đi. « Người nào muốn cải tạo hoặc đánh đổ « chế độ » — một người xã hội dân chủ Tây Đức là P. Gơ-lốt khẳng định – thì không được hy vọng rằng mình có thể hành động một cách êm dịu, dân chủ và theo kiểu đại nghị » (1), và như vậy là trái ngược hẳn với chính bản thân tư tưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». P. Gơ-lốt thậm chí còn cố gắng đưa ra một cái gì đó tựa hồ như nguyên tắc tiến hành các cuộc cải cách. Theo lý giải của ông ta thì nguyên tắc này là như sau:

---

1. *P. Glotz*: Systemüiberwindende Reformen ? Strategische Uberlegungen zur Technik von Machterwerb und Machterhalt in der Bundesrepublik. – « Beiträge zur Theorie – Diskussion ». Berlin – Bad – Godesberg, 1973, S. 228.

tốc độ của những thay đổi trong xã hội cần phải là một tốc độ sao cho đa số rộng lớn trong nhân dân có thể đi theo (1).

Không phản đối cách đặt vấn đề như vậy, những người ủng hộ các cuộc cải cách « khắc phục chế độ » chỉ ra rằng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » nhằm hoàn toàn khắc phục chủ nghĩa tư bản, và nó chỉ có thể được thực hiện do có một sự nhảy vọt về chất. Thật vậy, người xã hội cánh tả Pháp G. Sê-ven-man nhấn mạnh rằng cần quan niệm « cuộc cách mạng tự quản » không phải là việc dần từng bước mở rộng các cuộc cải cách xã hội mà là một sự nhảy vọt tiến tới triệt để đoạn tuyệt với xã hội cũ tư bản chủ nghĩa.

Dưới ánh sáng của những luận giải này có thể hiểu được thái độ khác nhau đối với tổng thể các cuộc cải cách được nêu dưới tên gọi là « chất lượng cuộc sống ». Đảng xã hội dân chủ Đức đã phát triển tư tưởng « chất lượng cuộc sống » trong trào lưu xã hội dân chủ. Trên nguyên tắc, đây là mưu toan tìm kiếm một định nghĩa có tính chất then chốt, bao quát được các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội, bằng cách này hoặc cách khác ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động của từng người (điều kiện lao động, bầu không khí tâm lý trong sản xuất, tổ chức sinh hoạt và nghỉ ngơi, tình trạng môi trường xung quanh, khả năng vươn tới học vấn và văn hóa và v.v.). Như các tác giả quan điểm này đã khẳng định, đòi hỏi cải thiện « chất lượng cuộc sống » trù định một bước quá độ từ chỗ định hướng một chiều vào phát triển kinh tế sang chỗ định hướng vào các nhu

---

3. *P. Glotz*: Demokratischer Sozialismus als linker Reformismus. — « Aus Politik und Zeitgeschichte », Bonn, 1973, N 23, S. 3 — 29.

cầu của con người. Từ đó mà có kết luận: các cuộc cải cách phải phối hợp thâm nhập vào những hình thức khác nhau của đời sống và dẫn tới việc thành lập một hạ tầng xã hội mới về nguyên tắc.

Ngoài Đảng xã hội dân chủ Đức, những người xã hội dân chủ Áo, những người xã hội dân chủ Thụy-điển, tức những đảng mà ban lãnh đạo định hướng theo những phương châm giá trị của chủ nghĩa tự do, cũng tán thành những tư tưởng này trong các công trình khoa học, trong khi đó thì những người xã hội Phần-lan, I-ta-li-a, những người cánh tả và các tổ chức thanh niên trong hầu hết các đảng xã hội dân chủ hầu như không phản ứng lại những tư tưởng này trong lĩnh vực lý luận. Đối với những người này, nếu xuất phát từ lô-gích quan điểm của họ, thì tổng thể các cuộc cải cách dẫn đến một « chất lượng cuộc sống » cao hơn, thực ra vẫn không làm thay đổi chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa, đó là những cuộc cải cách « ổn định chế độ ».

Thành thử, trong khi đánh giá những quan điểm khác nhau đối với các cuộc cải cách, có thể nhận thấy: dưới ảnh hưởng của một loạt nhân tố, chủ nghĩa cải lương của trào lưu xã hội dân chủ hiện đại đã mang màu sắc thiên tả trên một mức độ nào đó. Muốn tách biệt mình với các đảng tư sản, những đảng này, không trừ một đảng nào, hiện nay đã lấy các khẩu hiệu cải cách xã hội và đôi khi cả các khẩu hiệu cải cách chính trị nữa làm vũ khí của mình, các đảng thuộc Quốc tế xã hội đã xây dựng những đề nghị mới, mà họ cho là có khả năng lôi kéo những tầng lớp rộng rãi trong nhân dân đi theo chiều hướng của chủ nghĩa cải lương theo cách diễn giải của những người xã hội dân chủ. Những người xã hội dân chủ ra sức gán tính chất cấp tiến hơn cho các cuộc

cải cách cả trong những trường hợp khi họ tiếp xúc với các đảng cộng sản trong nước hoặc khi họ định kéo quần chúng lao động ra khỏi ảnh hưởng của các đảng cộng sản. Ở đây ta thấy rằng chủ nghĩa cải lương của cánh tả trên một mức độ ngày càng lớn, đang mở ra những khả năng để tiến hành đối thoại trong khuôn khổ một sự thống nhất hành động đang được xác lập giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ.

6. « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » là một biến dạng của chủ nghĩa chống cộng.

Cùng với chủ nghĩa cải lương, sản phẩm do ảnh hưởng của giai cấp tư sản đối với giai cấp công nhân tạo ra, chủ nghĩa chống cộng, mà những người truyền dẫn là các nhà tư tưởng của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu, cùng thâm nhập vào phong trào công nhân. Song những điều đã nói ở trên hoàn toàn không có nghĩa là chủ nghĩa chống cộng của giai cấp tư sản, của chủ nghĩa đế quốc giống hệt như dạng xã hội cánh hữu của chủ nghĩa chống cộng. Ngược lại, hoàn toàn hiển nhiên rằng nếu chủ nghĩa chống cộng là cố hữu với hệ tư tưởng và chính trị của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa thì đối với phong trào công nhân, mà một bộ phận là trào lưu xã hội dân chủ, nó là một loại khác về mặt giai cấp và tư tưởng. Điều này có ảnh hưởng nhiều đến tính chất dạng xã hội cánh hữu của chủ nghĩa chống cộng, quy định đặc điểm của nó trong hệ thống chủ nghĩa chống cộng nói chung. Chính vì thế mà cuộc đấu tranh của những người cộng sản nhằm khắc phục chủ nghĩa chống cộng trong các hàng ngũ xã hội dân chủ không những là một hành động đối kháng tư tưởng mà còn là

biện pháp để khắc phục tình trạng chia rẽ của giai cấp công nhân, tập hợp giai cấp công nhân dưới ngọn cờ của lợi ích và mục đích chung của giai cấp.

Mâu thuẫn nội tại nằm trong lập trường chống cộng của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu – việc thực tế chuyển sang lập trường giai cấp tư sản và nhu cầu khách quan giữa một mức tối ưu cho khuynh hướng chống tư bản—là nhân tố chủ yếu quyết định đặc điểm của dạng xã hội cánh hữu của chủ nghĩa chống cộng. Biểu hiện trước hết của đặc điểm này là trong các điều kiện có sự phát triển gay gắt của những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, đường lối chính trị cải lương buộc phải thích ứng với các đòi hỏi của hiện thực tư bản chủ nghĩa mà bản chất thực sự ngày càng trở nên rõ rệt hơn đối với các tầng lớp lao động.

Đặc điểm ấy còn biểu hiện trong tính cách của các vấn đề mà cácn hà lý luận của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu đặt vào trung tâm những quan niệm cơ bản của họ về chủ nghĩa chống cộng. Nó được xác định bởi chính bản chất của hệ tư tưởng xã hội dân chủ trên tư cách là hệ tư tưởng của chủ nghĩa cơ hội. Những bất đồng tư tưởng cơ bản giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ bao trùm lên các vấn đề như: những phương pháp và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bản thân nội dung của các khái niệm «chủ nghĩa xã hội», tự do, chuyên chính và dân chủ. Tự thân những bất đồng tư tưởng này chưa phải là chủ nghĩa chống cộng. Ở đa số người xã hội dân chủ bình thường, chúng là kết quả của việc không am hiểu ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của chủ nghĩa xã hội hiện thực, bị chế ước bởi những ảo tưởng cải lương của họ. Còn nhiều nhà lãnh đạo và các nhà tư tưởng của trào

lưu xã hội dân chủ cánh hữu, những bất đồng ấy gắn liền với sự xuyên tạc và vu khống chủ nghĩa xã hội hiện thực, và là dạng xã hội cánh hữu của chủ nghĩa chống cộng, chính cái gọi là chủ nghĩa chống cộng « dân chủ » (anticommunisme« démocratique »), giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa nhận thức rõ những khả năng và việc sử dụng dạng « dân chủ » của chủ nghĩa chống cộng do các nhà tư tưởng xã hội cánh hữu đưa ra trong chính sách chống công nhân bởi vì đặc điểm của nó là xu hướng « chống tư bản chủ nghĩa » ngoài vỏ.

Các nhà tư tưởng của chủ nghĩa cải lương xã hội coi lập trường của họ là lập trường vừa đối lập với chủ nghĩa đế quốc vừa đối lập với chủ nghĩa cộng sản, là một con đường thứ ba nào đó, con đường « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». B. Pít-tê-man nhà hoạt động có tiếng của phong trào xã hội dân chủ Áo và quốc tế, đã viết: « Chủ nghĩa xã hội dân chủ đối lập cả với chủ nghĩa tư bản độc quyền lẫn với bất cứ hình thức nào của nền kinh tế độc quyền (tức chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa trong cách nói của những người xã hội cánh hữu — tác giả —) » (1). Trong bài « Triển vọng của trào lưu xã hội dân chủ trong những năm 70 », chủ tịch Đảng xã hội Áo, B. Krây-xky, đã khẳng định: « Tuân theo tư tưởng thường xuyên dân chủ hóa xã hội, kiên quyết bảo vệ và thực hiện nó ở nơi mà mình có chính quyền, nền xã hội dân chủ trở thành sự lựa chọn thay thế một mặt cho chủ nghĩa bảo thủ, còn mặt khác cho chủ nghĩa cộng sản, và trên phương diện chính trị chung, lựa chọn nền xã hội dân chủ là hợp thời hơn cả » (2).

---

1. *B. Pittermann*: Zur Strategie der sozialistischen Bewegung« Die Zukunft », 1970, N 15–16, S. 24.

2. « Die neue Gesellschaft », 1970, N 3, S. 289.

Ngôn ngữ « dân chủ » và sắc thái « chống chủ nghĩa tư bản » của chủ nghĩa chống cộng của những người xã hội cánh hữu phục vụ không tồi cho những cố gắng tuyên truyền của chủ nghĩa đế quốc trong cuộc đấu tranh với hệ tư tưởng Mác—Lê-nin, trong mưu đồ dùng mọi cách duy trì bất di bất dịch những nền tảng của chế độ tư bản chủ nghĩa. Những nhà tư tưởng nhìn xa trông rộng nhất của chủ nghĩa đế quốc cố gắng sử dụng tới mức tối đa các « ưu thế » của dạng xã hội cánh hữu của chủ nghĩa chống cộng, góp phần tới mức tối đa vào việc phổ biến nó nhằm mục đích « tước bỏ thực chất của chủ nghĩa xã hội từ bên trong ».

Đặc điểm của chủ nghĩa chống cộng hiện đại của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu còn được thể hiện trong các hình thức tuyên truyền chống cộng. Nhận thức được rằng chủ nghĩa chống cộng nguyên thủy đã không đem lại một hiệu quả thích đáng, các nhà tư tưởng xã hội cánh hữu ra công vun đắp « cơ sở lý luận » cho những hình thức « thiết thực » nhất của chủ nghĩa chống cộng. Họ hiểu rằng công khai công kích, vu cáo, trực tiếp khiêu khích tư tưởng và chính trị hàm hồ và thô bạo, ra sức làm mất uy tín của chế độ chính trị — xã hội trong các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa thì đứng trước những thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học và văn hóa, họ sẽ mất quyền năng tinh thần đóng vai trò là « những chiến sĩ tích cực đấu tranh cho tiến bộ xã hội và dân chủ ».

Không ghi ngờ gì nữa, chủ nghĩa chống cộng « dân chủ », được ngụy trang bằng những lời lẽ giả danh chủ nghĩa xã hội, đang bắt đầu công khai tuyên truyền « cuộc thập tự chinh chống chủ nghĩa cộng sản ».

Và sở dĩ như vậy thì trên một mức độ nhất định là vì chính sách đối nội và đối ngoại của các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh trước sau như một của những người cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa vì quyền lợi của nhân dân lao động đã làm cho chính bản thân khái niệm « chủ nghĩa chống cộng » trở thành nhơ nhuốc và mất uy tín đến nỗi là nó thậm chí đã và đang gây ra những liên tưởng phủ định trong các tầng lớp xã hội khó bị nghi ngờ là có thiện cảm với chủ nghĩa cộng sản. Trong dư luận xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa, khái niệm « người chống cộng » trở thành hầu như tương đồng với khái niệm « tên phản động », « kẻ bảo thủ », Người lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ Đức là V. Bran đã thừa nhận : « Hiện nay, chủ nghĩa chống cộng được sử dụng như một tấm màn ngụy trang để đấu tranh chống lại tiến bộ nói chung » (1).

Tuy nhiên chủ nghĩa chống cộng vẫn là một bộ phận quan trọng trong lập trường tư tưởng của trào lưu xã hội – dân chủ hiện tại, đặc biệt là của cánh hữu trong trào lưu này. Toàn bộ tổng thể các lý thuyết do những nhà tư tưởng xã hội cánh hữu đề xướng và sử dụng vào các mục đích chống cộng, có thể được chia thành hai nhóm lớn. Nhóm thứ nhất là các lý thuyết nhằm « bác bỏ » hoặc bôi nhọ, trên một mức độ nào đó, học thuyết Mác – Lê-nin nói chung hoặc từng bộ phận cấu thành của học thuyết này nói riêng. Nhóm thứ hai là các thứ lý thuyết mà nội dung cơ bản được quy thành những mưu toan làm mất uy tín thực tiễn phát triển xã hội trong các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa

---

1. Seminar of Socialist Research Departments. – « Socislist affairs », I 1971, p. 23.

thế giới, trước hết là ở Liên-xô, và thực tiễn của phong trào công nhân cách mạng. Ở đây, mặt trái của các quan điểm chống cộng, cùng với những quan điểm này tạo thành một chính thể duy nhất, là sự biện hộ cho chế độ kinh tế và chính trị – xã hội tư bản chủ nghĩa, sự biện hộ này cũng được « trình bày » dưới dạng là một hệ thống quan điểm hoàn chỉnh.

Trong một thời gian dài, các nhà tư tưởng xã hội cánh hữu đã cố gắng chứng minh « tính lỗi thời » của chủ nghĩa Mác. Luận điểm này của các nhà lý luận xã hội cánh hữu hiện nay xuất hiện dưới dạng là lý thuyết về tính đa nguyên của chủ nghĩa Mác – Lê-nin với nội dung cơ bản là những mưu đồ làm mất uy tín học thuyết của Mác – Ăng-ghen – Lê-nin bằng cách nhận chìm học thuyết này trong đám đông các trào lưu xét lại hữu và « tả » khuynh. Thật vậy, G.Bác-trở, nhà chống cộng người Tây Đức, khẳng định rằng các khuynh hướng khác nhau của phong trào « cánh tả mới » không phải cái gì khác mà là những dạng khác nhau của « chủ nghĩa Mác mới », xuất hiện để đối lập lại chủ nghĩa Mác « cũ », « giáo điều »(!). Tất cả những lệch lạc xa rời chủ nghĩa Mác – Lê-nin, những luận giải dân tộc chủ nghĩa và tiểu tư sản về chủ nghĩa Mác – Lê-nin đều được các nhà tư tưởng của chủ nghĩa chống cộng tuyên bố là những hình thức « mới », « dân tộc » của chủ nghĩa Mác, coi những trào lưu cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh và « tả » khuynh là bằng chứng về « tính đa trung tâm » của phong trào cộng sản quốc tế. Đầu năm 1976, trong một dịp trả lời phỏng vấn, B. Krây-xky đã khẳng định « thế giới đang đứng trước

1. « D Parlament », Bonn, 1971, N 42, S. 14.
2. « Europäische Rundschau », 1976, N 2, S, 4.

sự xuất hiện của một chủ nghĩa cộng sản có ba cực hoặc thậm chí có nhiều cực» (2). Về thực chất, những lời khẳng định như vậy là sự trực tiếp xuyên tạc thực tế hiện thực, bởi vì: một là, tất cả các hình thức của chủ nghĩa xét lại, do chính bản chất của chúng, không thể nào là «các hình thức của chủ nghĩa Mác», mà ngược lại là hình thức phá hoại và giải thích xuyên tạc chủ nghĩa Mác, và thứ hai là chúng khuyếch đại những quy mô ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội.

Một phương pháp khác để mưu toan phá hoại hệ tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học là đem đối lập chủ nghĩa Mác «thời trẻ», chủ nghĩa Mác «nhân đạo», với Mác «đã trưởng thành», đem đối lập Lê-nin với Mác, đối lập chủ nghĩa Lê-nin với chủ nghĩa Mác. Hiện nay phương pháp đối lập này là một trong những phương hướng chủ yếu trong hệ thống các phương pháp của chủ nghĩa chống cộng để xuyên tạc học thuyết Mác — Lê-nin.

Các nhà lý luận xã hội cánh hữu đem chủ nghĩa Lê-nin đối lập với chủ nghĩa Mác trước hết là trong những vấn đề cốt yếu của việc thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong những vấn đề về nguyên tắc tổ chức và chức năng của chính đảng giai cấp công nhân. Tất cả những gì mà Lê-nin đã nói để làm sâu sắc thêm và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác đều bị họ tuyên bố là «trái ngược» với di sản của Mác.

Như vậy là bằng cách xuyên tạc học thuyết duy nhất của Mác và Lê-nin, các nhà tư tưởng xã hội dân chủ cánh hữu mưu toan chứng minh «tính hạn chế» của phạm vi ứng dụng chủ nghĩa Lê-nin. Họ khẳng định là một học thuyết mà giá trị thực tiễn bị hạn chế bởi khuôn khổ của xã hội tiểu tư bản chủ nghĩa hoặc của xã hội tư bản chủ nghĩa kém phát triển.

Mục đích chính trị và tư tưởng của những chuyện bịa đặt này là rõ ràng: hạ thấp và nguyên thủy hóa cha nghĩa Lê-nin, mô tả nó chỉ là một học thuyết địa phương, không có ý nghĩa quốc tế, không thể vận dụng được trong các điều kiện của chủ nghĩa tư bản phát triển. Bằng cách đó mà nêu giả tạo rằng chủ nghĩa Lê-nin là không thể chấp nhận được đối với giai cấp công nhân trong những nước tư bản chủ nghĩa hiện đại, tức địa bàn hoạt động cơ bản của trào lưu xã hội dân chủ.

Một hướng khác có ý nghĩa ngày càng lớn của chủ nghĩa chống cộng kiểu xã hội cánh hữu là xuyên tạc thực tiễn của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, thực tiễn phát triển chính trị – xã hội của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Nối gót các nhà tư tưởng tư sản, các nhà lý luận xã hội cánh hữu xuyên tạc bản chất của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chẳng hạn như họ khẳng định rằng đã không có những tiền đề vật chất cần thiết cho Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười giành được thắng lợi, vì ở nước Nga hồi đó chủ nghĩa tư bản chưa phát triển « đúng mức ». Trực tiếp gắn liền với âm mưu đem chủ nghĩa Lê-nin đối lập với chủ nghĩa Mác, lời khẳng định này biến thành phi lý trước sự thật về tình trạng kinh tế lạc hậu của nước Nga trước cách mạng so với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển hồi đầu thế kỷ XX là Đức, Anh, Mỹ. Ở đây họ làm ngơ như không biết rằng ở nước Nga đã diễn ra quá trình độc quyền hóa nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, còn trình độ tập trung và tổ chức của giai cấp công nhân tại các xí nghiệp (nhân tố mà những người cải lương có khuynh hướng gán cho tính cách thứ yếu) thì đã rất cao rồi. Nước Nga chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới, là nơi tập trung các mâu thuẫn của chủ

nghĩa đế quốc. Lý thuyết của Lê-nin về chủ nghĩa đế quốc, trong đó phát triển những tư tưởng của chủ nghĩa Mác theo các điều kiện lịch sử mới, luận thuyết của Lê-nin về tính quy luật và tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga đã được chứng minh bởi toàn bộ tiến trình phát triển sau đó của lịch sử.

Dùng mọi cách làm giảm bớt ý nghĩa của kinh nghiệm xô-viết, các nhà tư tưởng xã hội cánh hữu xuyên tạc những nền tảng kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa, phủ nhận tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, khẳng định rằng trong các nước này chỉ tồn tại một hình thức nào đấy của « chủ nghĩa tư bản nhà nước độc tài » mà thôi. Gắn chặt với luận điểm này là sự xuyên tạc của các nhà lý luận xã hội dân chủ cánh hữu, đối với bản chất xã hội của chủ nghĩa xã hội. Trong văn kiện có tính cương lĩnh của Quốc tế xã hội nhan đề « Mục đích và nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã khẳng định : « Chủ nghĩa cộng sản là công cụ của chủ nghĩa đế quốc mới.. Sản sinh ra những sự tương phản rất lớn trong tình hình phân phối của cải và các đặc quyền đặc lợi, nó đã tạo ra một xã hội có giai cấp mới » (1). Như vậy thì tính quy luật tồn tại dưới chế độ tư bản chủ nghĩa (khi những khác biệt về tài sản và giai cấp trùng hợp với nhau về cơ bản) tự động lan rộng đến xã hội xã hội chủ nghĩa, xã hội không có các giai cấp đối kháng. Đương nhiên là những lời khẳng định như vậy nhằm chủ yếu vào tầng lớp « trung lưu » trong thế giới tư bản chủ nghĩa, tầng lớp bị bao vây từ bốn phía bởi màng lưới tuyên truyền

(1). « Declarations of the Socialist International », L., 1964, p.3.

chống cộng, và sự thật về những thành tựu của chủ nghĩa xã hội cũng ngày càng đến với nhiều người, thì hiệu quả của những luận điệu tuyên truyền ấy như chính bản thân các tác giả của họ đã thừa nhận, càng giảm mạnh.

Những người cộng sản không bao giờ giấu giếm sự thật là dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, khi của cải vật chất còn chưa dồi dào, thì tất yếu còn có nhiều khác biệt trong thu nhập trên tư cách là một hiện tượng quá độ và không ngừng được khắc phục. V.I. Lê-nin chỉ rõ: «Chủ nghĩa xã hội không phải là một chế độ đã hoàn hảo vì sẽ mang lại phúc lợi cho loài người. Chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản ngày nay đang đi từ một mục đích của hôm nay đến mục đích khác của ngày mai nhân danh mục tiêu căn bản của mình và mỗi ngày càng tiến gần tới mục tiêu đó» (1). Chủ nghĩa xã hội chấm dứt tình trạng phân chia mọi người thành kẻ bóc lột và người bị bóc lột, thành kẻ sở hữu và người không được sở hữu tư liệu sản xuất, và đó là thể hiện trên thực tế của việc thực hiện mục tiêu chủ yếu của chủ nghĩa xã hội — xóa bỏ mọi hình thức đối kháng giai cấp. Việc thủ tiêu những tàn tích của các khác biệt giai cấp, như thực tiễn xã hội đã cho thấy, diễn ra trên cơ sở nâng cao phúc lợi của toàn dân, việc nâng cao này, như đã nhấn mạnh tại các Đại hội XXIV và XXV của Đảng cộng sản Liên-xô, trở thành một đòi hỏi ngày càng cấp thiết trong công cuộc phát triển kinh tế quốc dân của chúng ta, một trong những tiền đề kinh tế quan trọng để nhanh chóng phát triển sản xuất.

---

1. *V.I.Lê-nin*: Toàn tập, tập 23, tr.51.

Phủ nhận lý thuyết của chủ nghĩa cộng sản khoa học và kinh nghiệm của chủ nghĩa xã hội hiện thực, những người xã hội dân chủ cánh hữu, trong cương lĩnh hành động thực tế của mình, không vượt quá khuôn khổ của chủ nghĩa tự do tư sản, mưu toan chuyển cuộc đấu tranh vì dân chủ thành những mưu đồ thực hiện « sự hợp tác xã hội » với giai cấp tư sản, chuyển cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội thành những mảng « vá víu từng phần» những tệ đoan của chủ nghĩa tư bản khiến cho, như V.I. Lê-nin đã chỉ rõ « nhiều khi làm cho các chiến sĩ đi trệch khỏi con đường cách mạng chân chính » (1). Chính đây là sự biểu hiện của mối liên hệ chặt chẽ giữa chủ nghĩa chống cộng và sự biện hộ cho chủ nghĩa tư bản trong hệ tư tưởng xã hội cánh hữu.

Những trang bị lý luận và đường lối chính trị của các lãnh tụ xã hội dân chủ cánh hữu thấm sâu tinh thần biện hộ cho chế độ tư bản chủ nghĩa và thấm sâu chủ nghĩa chống cộng, mâu thuẫn ngày càng gay gắt với những lợi ích căn bản của giai cấp công nhân, với những lợi ích của tiến bộ xã hội. Nếu trong thời kỳ kinh tế hoạt động sôi nổi, những người lãnh đạo xã hội dân chủ còn có thể cố gắng làm cho các giới cầm quyền thực hiện một số yêu sách cá biệt của giai cấp công nhân trong lĩnh vực kinh tế – xã hội và do đó bảo đảm cho mình có được một ảnh hưởng chính trị trong quần chúng, thì bây giờ tình hình đã thay đổi.

Cuộc khủng hoảng đã đồng thời làm tổn thương những trung tâm chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc. Sản xuất giảm sút, thất nghiệp tăng, lạm phát không sao kìm hãm nổi, tiền tệ tài chính chấn động, đó là tất cả những nét đặc

1. Xem *V.I. Lê-nin* : Toàn tập, tập 11, tr.370.

trưng của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện nay. Ngoài ra, các hiện tượng khủng hoảng còn bao trùm lên cả thượng tầng chính trị, các cuộc khủng hoảng tư tưởng và đạo đức phát triển ngày càng gay gắt. Do đó huyền thoại về «sự hợp tác xã hội» và «nhà nước thịnh vượng chung» đã bị mất uy tín nghiêm trọng trước mắt các tầng lớp nhân dân đang nhận thức ngày càng rõ ràng chủ nghĩa cải lương không thể xóa bỏ quyền chuyên chế của các độc quyền.

Bất chấp những lời khẳng định của các nhà tư tưởng xã hội dân chủ cánh hữu về «sự hợp tác giai cấp», những năm gần đây được đánh dấu bằng sự tiếp tục lớn mạnh của cuộc đấu tranh giai cấp, những cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng của những người lao động ở Mỹ, Anh, Pháp, I-ta-li-a, Nhật-bản và nhiều nước khác để bảo vệ các yêu sách kinh tế và chính trị của mình. Thậm chí trong các hàng ngũ của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu, cũng đã xuất hiện những tuyên bố công khai thừa nhận «sự hạn chế khả năng» của chủ nghĩa cải lương, của đường lối «hợp tác giai cấp» về mặt chính trị. Thí dụ như hồi đầu năm 1971, G. Tam-bua-ran, ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội I-ta-li-a, đã viết: «Ngày nay những người xã hội thật khó mà khẳng định rằng những cuộc cải cách được tiến hành ở nước Anh hoặc các nước Xcăng-đi-na-vơ đã bảo đảm được công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hoặc đưa những nước đó tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa» (1). Trong văn kiện có tính cương lĩnh do Đảng xã hội Bỉ thông qua tại đại hội họp trong tháng mười một năm

1. *G.Tambürrano*: The time is right for a dialogue. «Socialist Affairs». L., II 1971. p. 10.

1974 có nói: «... Mặc dù phong trào xã hội chủ nghĩa đã giành được nhiều thành tựu quan trọng, chủ nghĩa tư bản vẫn như trước đây được xây dựng trên cơ sở bóc lột, và sự bóc lột vẫn sản sinh ra cảnh bất công và phân biệt đối xử» (1).

Sự bất lực của chủ nghĩa cải lương xã hội trong việc chấm dứt quyền lực của các độc quyền đã trở thành đặc biệt hiển nhiên trong các điều kiện của cuộc cách mạng khoa học—kỹ thuật mà những thành tựu được tư bản độc quyền sử dụng rộng rãi để củng cố các vị trí của chúng. Cao trào đấu tranh có tính quần chúng của những người lao động, gắn liền với những quá trình này, đã buộc các nhà lãnh đạo xã hội dân chủ phải từ bỏ một số khẩu hiệu chính trị mà hôm qua vẫn còn được coi là những khẩu hiệu cổ truyền và đôi khi thậm chí phải làm căng thẳng quan hệ với nhà nước tư bản để không mất ảnh hưởng trong quần chúng.

Nét tiêu biểu về mặt này, là tình hình trong Đảng xã hội Bỉ. Họp trong tháng mười một năm 1974, Đại hội của Đảng này phản ánh rõ ràng bước chuyển sang phía tả đang diễn ra trong hàng ngũ của đảng. Bằng chứng nói lên điều này là các nghị quyết đã được thông qua về những vấn đề thuộc đường lối kinh tế, và về nhiều vấn đề chính trị — tư tưởng quan trọng khác. Trong suốt cả 89 năm tồn tại của Đảng xã hội Bỉ, đây mới chỉ là đại hội thứ 3 dành cho các vấn đề tư tưởng. Tài liệu có tính chất cương lĩnh do Đại hội này thông qua, trong nhiều đoạn, đưa đảng «quay trở về» với «các cội nguồn» của mình — với cương lĩnh thông qua hồi cuối thế kỷ XIX, khi tính giai cấp của đảng còn chưa

---

1. *Ch. Lepère*: Apello dei socialisti ai comunisti e ai cattolici. «Rinascita», 6 XII 1974, p. 19—20.

bị làm lu mờ bởi những công thức trừu tượng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Chủ tịch đảng A.Côn-sơ đã tuyên bố trước đại hội: « Sứ mệnh của đảng xã hội không phải lãnh đạo chế độ tư bản chủ nghĩa. Sự tham gia của đảng vào chính phủ tùy thuộc vào khả năng bảo vệ lợi ích của những người lao động, bằng cách thực hiện dần từng bước những cuộc cải cách cơ cấu mà đảng cho là cần thiết » (1). Để thực hiện các mục tiêu của mình, đảng dự định « theo gương của Pháp » tiến hành đường lối thống nhất các lực lượng cánh tả, kể cả những người lao động theo đạo thiên chúa, những người cộng sản và v.v... Trong văn kiện có tính cương lĩnh của đảng có đoạn viết: « Đảng xã hội tin tưởng rằng cuộc đấu tranh cần được tiến hành để chống lại các lực lượng bóc lột đòi hỏi phải đoàn kết tất cả các lực lượng tiến bộ với điều kiện là tôn trọng từng bộ phận hợp thành, điều này sẽ dẫn tới sự phân cực của đời sống chính trị, tới sự đối lập của khối các lực lượng tiến bộ với khối các thế lực bảo thủ » (2).

Quá trình tích cực hóa cánh tả diễn ra trong cả một loạt đảng. Có thể dẫn ra hoạt động của tổ chức « Thanh niên xã hội » trong Đảng xã hội dân chủ Đức. Nội dung cơ bản trong hoạt động của tổ chức này là kêu gọi trở lại với các tư tưởng xã hội dân chủ của quá khứ, trở lại với « chủ nghĩa cải lương cũ ». Vấn đề là ở chỗ cương lĩnh Gốt-đen-béc hiện còn hiệu lực của Đảng xã hội dân chủ Đức đã chuyển sang phía hữu so với tất cả các cương lĩnh trước đó của Đảng xã hội dân chủ Đức đến

---

1. *Ch. Lepère* Apello dei socialisti ai comunisti e ai cattolici. « Rinascita », 6. XII. 1974, p. 19—20.

(2) Ibidem.

mức là những đòi hỏi hiện nay của tổ chức « Thanh niên xã hội » (tổ chức này nói chung không vượt qua khuôn khổ của chủ nghĩa cải lương cổ truyền) có vẻ tưởng như có tính « cách mạng ». Chỉ cần so sánh cương lĩnh Gốt-đen-béc với cương lĩnh Gây-đen-béc trước nó (thông qua trong tháng chín năm 1925) chẳng hạn là có thể thấy rõ sự khác nhau giữa chủ nghĩa cải lương cũ và chủ nghĩa cải lương mới tức « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Nếu cương lĩnh cũ vẫn còn lưu ý đến những mâu thuẫn giai cấp trong hệ thống tư bản chủ nghĩa và đặt ra mục đích là « biến nền sản xuất tư bản chủ nghĩa thành nền sản xuất xã hội chủ nghĩa » (hơn nữa còn nhấn mạnh rằng « nếu không nắm được chính quyền, giai cấp vô sản không thể thực hiện được việc xã hội hóa tư liệu sản xuất »), thì cương lĩnh Gốt-đen-béc (thông qua trong tháng mười một năm 1959) đã vứt bỏ hoàn toàn mọi dấu vết của thuật ngữ giai cấp, tuyên bố « chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ lâu dài », nhiệm vụ « giành tự do và công lý ».

Về mặt nầy, cương lĩnh Gốt-đen-béc của Đảng xã hội dân chủ Đức là một hình mẫu của tính trừu tượng, tính không có nội dung giai cấp trong thuyết « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Nó còn là hình mẫu của tính chống cộng. « Những người cộng sản cầm quyền cương lĩnh khẳng định, đang vun trồng một quyền lực kinh tế và chính trị, quyền lực này là mối nguy cơ ngày càng lớn đối với tự do ». Chính cương lĩnh Gốt-đen-béc là ngọn cờ của ban lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ Đức trong cuộc đấu tranh của họ chống lại cánh tả. Trong văn kiện chính trị — tư tưởng hết sức quan trọng gần đây nhất « Đề án phương hướng kinh tế — chính trị những năm 1973 — 1985 » vẫn giữ cho cương lĩnh Gốt-đen-béc một vai trò

căn bản. Trong văn kiện này, có nói: « Những mục đích của cương lĩnh Gốt-đen-béc là một trật tự xã hội mới, phù hợp với những giá trị căn bản của chủ nghĩa xã hội » (1). Hơn nữa, hiển nhiên rằng ban lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ Đức còn coi cương lĩnh Gốt-đen-béc tựa hồ như « kinh thánh » của Đảng. Nếu không thì làm sao có thể giải thích sự thật là các nhà hoạt động bênh vực « chủ nghĩa đa nguyên tư tưởng » lại không thể chấp nhận mọi ý kiến bóng gió tỏ ý hoài nghi sự đúng đắn của các luận điểm trong cương lĩnh Gốt-đen-béc. Thí dụ, trong một cuộc trả lời phỏng vấn, chủ tịch Đảng V. Bran tuyên bố: « Khuôn khổ của cuộc thảo luận trong nội bộ đảng có giới hạn là cương lĩnh Gốt-đen-béc ». Ông ta nhấn mạnh: « Cương lĩnh Gốt-đen-béc là bắt buộc đối với tất cả các đảng viên của đảng. Ai không tán thành những luận điểm và đòi hỏi chủ yếu của cương lĩnh đều không có chỗ đứng trong đội ngũ chúng ta » (2). Trong trường hợp này, ý muốn nói đến cánh tả trong Đảng xã hội dân chủ Đức, họ đang kêu gọi xem xét lại cương lĩnh Gốt-đen-béc. Ban lãnh đạo Đảng Xã hội dân chủ Đức không dấu diếm gì điều đó. Trong cuốn sách của mình nhan đề: « Nhìn vào ngày mai » (3). V. Bran viết: « Ai không phân rõ ranh giới với các đảng và trường phái tư tưởng cực quyền, ai ủng hộ một đảng khác hoặc hợp tác với các nhóm cộng sản, thì người đó không có chỗ đứng trong Đảng xã hội dân chủ Đức.

---

1. « Entwurf eines ökonomisch – politischen Orientirungsrahmens fur die Jahre 1973 – 1985 ». Hrsg. Parteivorstand der SPD. Bonn, 1972, S. 6.

2. « Westfälische Rundschau », 15. XI 1974.

3. *W. Brandt:* Uber den Tag hinaus. Eine Zwischenbilanz. Hamburg, 1974.

Đảng xã hội dân chủ Đức không phải là nơi nương náu cho những kẻ thù và những người bạn giả mạo của chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Tác giả còn ghi nhận một cách không phải là không tự hào : « Nhưng cũng không được quên rằng ở nước Cộng hòa liên bang chúng ta những người xã hội dân chủ và các công đoàn đã đảm nhận phần chủ yếu trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa cộng sản ». Thiết nghĩ rằng bình luận là thừa.

Đó không phải là những ý kiến riêng biệt và ngẫu nhiên của những người lãnh đạo trào lưu xã hội dân chủ hiện đại. Nét tiêu biểu là cả những đảng xã hội dân chủ có lập trường thực tế trong lĩnh vực chính trị đối ngoại (Đảng xã hội dân chủ Đức, Đảng xã hội Áo) cũng đang tăng cường lên tiếng chống cộng trong lĩnh vực chính trị đối nội, như muốn biểu dương đi biểu dương lại lòng trung thành của họ đối với chế độ tư bản chủ nghĩa, « Tôi cho rằng cùng hành động với những người cộng sản là một bất hạnh chính trị đối với trào lưu xã hội dân chủ » — Chủ tịch Đảng xã hội Áo B. Krây-xky đã tuyên bố như vậy tại một cuộc họp báo trong năm ngoái (1).

Trong những năm vừa qua, một số lập trường của phong trào xã hội dân chủ quốc tế đã có những thay đổi nhất định đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị đối ngoại. Chủ nghĩa chống cộng và bài Xô trắng trợn, hiếu chiến, thái độ thù địch với chính sách cùng tồn tại hòa bình do các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành, đã đang dần từng bước nhường chỗ cho một thái độ thực tế hơn. Sự hòa dịu trong tình hình quốc tế là nhân tố quan trọng của cuộc đấu tranh để khắc phục chủ nghĩa chống cộng trong các hàng ngũ xã hội dân chủ của cuộc đấu tranh

1. « Volksstimme », 28. III 1974.

để thống nhất giai cấp công nhân. Nó đã phơi bày rõ rệt độ sâu của cuộc khủng hoảng của hệ tư tưởng chống cộng trong chủ nghĩa cải lương – xã hội, đã tạo những điều kiện khiến ngày càng khó, thậm chí không thể đầu cơ huyền thoại « sự đe dọa từ bên ngoài » để giải thích những hiện tượng khủng hoảng này hay khác trong kinh tế và chính trị tư bản chủ nghĩa. Việc làm dịu tình hình căng thẳng quốc tế phơi bày rõ rệt những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn vốn cố hữu với nó và đang phát triển gay gắt thêm trong giai đoạn tổng khủng hoảng hiện nay của chủ nghĩa tư bản. Việc làm dịu tình hình căng thẳng quốc tế phá rã những luận điểm cơ bản của bộ máy tuyên truyền chống cộng và chứng tỏ tính xác đáng, tính khoa học trong đường lối chính trị mác-xít — lê-nin-nít của các đảng cộng sản trong lĩnh vực quốc tế cũng như trong lĩnh vực chính trị đối nội. Hòa dịu là nhân tố quan trọng để nâng cao ý thức giai cấp của những người lao động, góp phần làm cho những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội được phổ cập ngày càng sâu rộng hơn.

Trong điều kiện làm dịu tình hình căng thẳng, khi vai trò của cuộc đấu tranh tư tưởng ngày càng tăng thì những kẻ chống cộng dưới mọi mầu sắc lại mưu toan dùng những phương sách mới để bôi nhọ chính trị đối nội và đối ngoại của các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, phá hoại vị trí của phong trào cộng sản quốc tế.

Và những kẻ chống cộng từ trong hàng ngũ xã hội dân chủ cũng không tránh khỏi ham muốn lợi dụng sự làm dịu tình hình căng thẳng quốc tế để tiến hành những cuộc đả kích mới vào chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Những nguyên nhân đã rõ ràng. Mỗi thắng lợi của các nước xã

hội chủ nghĩa dù trong lĩnh vực đối nội hay trong lĩnh vực quốc tế đều là một bằng chứng nữa nói lên sức sống của học thuyết Mác — Lê-nin quốc tế duy nhất và mặt khác, nói lên sự phá sản của mô hình phát triển thế giới của chủ nghĩa cải lương cánh hữu. Vì vậy, điều hoàn toàn có thể giải thích được là thắng lợi xuất sắc ủa chính sách đối ngoại xã hội chủ nghĩa bảo đảm được sự quá độ từ « chiến tranh lạnh » sang hòa dịu – làm cho những kẻ chống cộng có những cố gắng mới nhằm làm lu mờ thực chất của các quá trình đang diễn ra trên thế giới, hạ thấp vai trò của của nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới mà trong hoạt động của mình đang tuân theo những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học, chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Ý muốn phá hoại tính quốc tế của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã luôn luôn giữ một vị trí quan trọng trong chiến lược của chủ nghĩa chống cộng và ngày nay trở thành một trong những phương hướng trung tâm của chủ nghĩa chống cộng. Trong thời gian vừa qua, các nhà tư tưởng của chủ nghĩa chống cộng, trong các chiến dịch tuyên truyền của họ, ngày càng ra sức đem chính sách đoàn kết công nhân trong phạm vi quốc gia ra đối lập với những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản, đưa ra với những người cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa một yêu sách coi là « cái giá » phải trả để có sự hợp tác là : từ bỏ mọi quan hệ quốc tế với các đảng cộng sản của các nước khác, trước hết, là của các nước xã hội chủ nghĩa, từ chối thừa nhận tính quốc tế của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, các quy luật chung trong công cuộc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội mà kinh nghiệm phát triển của Nhà nước Xô-viết và của các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã kiểm nghiệm là đúng. Thật vậy, O. Pan-mơ

lãnh tụ của những người xã hội dân chủ Thụy-điển, cho rằng hiện nay những người cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa cần « thay đổi hệ tư tưởng của mình » trước hết là, như ông ta nhấn mạnh, trên ba điểm cơ bản : 1) từ bỏ lý thuyết chuyên chính vô sản và thừa nhận nhà nước đa nguyên và các quyền tự do tư sản ; 2) từ bỏ « cái gọi là chủ nghĩa quốc tế vô sản », tức theo ý ông ta, bá quyền của Đảng cộng sản Liên-xô ; 3) từ bỏ chế độ tập trung dân chủ, chế độ này « không phải là cái gì khác mà là quan niệm của giới thượng lưu về chính trị » (1). Ông ta được B. Krây-xky phụ họa : « Nếu những người cộng sản thực sự muốn trở thành những người dân chủ, thì đơn giản phải từ bỏ quan niệm chuyên chính vô sản... không được giữ lại một cái gì là đặc trưng cho chủ nghĩa cộng sản (2). Nói cách khác, những người cộng sản được đề nghị trở thành những người cải lương xã hội không hơn, không kém.

Những người mác-xít – lê-nin-nít cương quyết bác bỏ những hoạt động phá hoại tư tưởng như vậy của những kẻ chống cộng, nhấn mạnh rằng chủ nghĩa quốc tế là vũ khí đáng tin cậy và hùng mạnh của giai cấp công nhân, rằng đem đối lập trách nhiệm quốc gia và trách nhiệm quốc tế của những người cộng sản thì có nghĩa là chủ tâm làm hư

1. « Espresso », Roma, 1976, N26, p.43.
2. « Socialiat Affairs », 1977, vol. 27. N 5, p. 119.

hỏng bản chất của phong trào cộng sản. Trong văn kiện tổng kết Hội nghị Béc-linh của các đảng cộng sản và công nhân châu Âu có nhấn mạnh: « Chủ nghĩa chống cộng đã là và đang còn là công cụ của các thế lực đế quốc và phản động trong cuộc đấu tranh của chúng không những để chống lại những người cộng sản, mà còn để chống lại những người dân chủ khác và các quyền tự do dân chủ. Các thế lực này đang tung ra những chiến dịch chống lại các đảng cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là Liên-xô, chống lại các lực lượng xã hội chủ nghĩa và tiến bộ, tiến hành những cuộc vận động với mục đích làm mất uy tín đường lối và lý tưởng của những người cộng sản đối với quần chúng nhân dân, ngăn cản sự thống nhất của phong trào công nhân và sự hợp tác của các lực lượng dân chủ và nhân dân. Vì lợi ích của các lực lượng nhân dân đang khao khát đi tới tiến bộ và phát triển dân chủ — phải cô lập và chiến thắng chủ nghĩa chống cộng » (1).

Các nhà tư tưởng cải lương cánh hữu vu khống chủ nghĩa quốc tế, khẳng định rằng chủ nghĩa quốc tế là công cụ để biện minh cho sự can thiệp của đảng này vào công việc nội bộ của đảng khác, để thiết lập bá quyền của đảng này đối với đảng khác. Những lời bịa đặt như vậy đã đang bị chính bản thân thực tế bác bỏ. Chính tình đoàn kết và tương trợ của các đảng anh em là nhân tố đáng tin cậy bảo đảm quyền độc lập của các đảng, tăng cường các vị trí của các đảng trước những cuộc tiến công của chủ nghĩa đế quốc. Dựa vào sự ủng

1. « Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân châu Âu ở Béc-lin, 29 — 30 tháng 6 năm 1976 ». M., 1977, tr. 20.

hộ của giai cấp công nhân, của các tầng lớp rộng rãi trong nhân dân lao động, các đảng cộng sản đang tiến hành một đường lối chính trị có tính giai cấp, thực sự quốc tế chủ nghĩa, đem tình đoàn kết của mình, quyết tâm triệt để đấu tranh để thực hiện những lợi ích cốt tử của giai cấp vô sản đối lập lại khối các kẻ thù của hòa bình và tiến bộ xã hội.

Tóm lại, trong khi đánh giá hệ tư tưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » do các nhà lãnh đạo cánh hữu của trào lưu xã hội dân chủ truyền bá, chúng ta cần trước hết nhấn mạnh chủ nghĩa chống cộng của hệ tư tưởng này, sự thật là hệ tư tưởng này không phải chĩa mũi nhọn chống chủ nghĩa tư bản, mà chống chủ nghĩa xã hội khoa học.

CHƯƠNG II

CÁC TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG TRONG LÒNG « CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ »

Những tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không chỉ được phản ánh trong lý luận và thực tiễn của những người xã hội dân chủ và của những người xã hội. Những quan điểm thuộc loại tương tự, cũng đã xuất hiện dù dưới một hình thức đã biến động đôi chút trong nhiều trào lưu chính trị khác, có tham vọng, một mặt là, mang tính chất xã hội chủ nghĩa, và mặt khác là tự đối lập với chủ nghĩa xã hội khoa học, mác-xít. Bản thân việc các lực lượng chính trị xa lạ với phong trào xã hội chủ nghĩa muốn mang lại một sắc thái xã hội chủ nghĩa cho kho tàng tư tưởng của họ cũng chứng tỏ rằng họ đã miễn cưỡng phải thừa nhận sự hùng hậu và sự được lòng dân của những tư tưởng xã hội chủ nghĩa, thế không sao kìm hãm được của quá trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Sự xuất hiện của quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong kho tàng tư tưởng của những trào lưu chính trị này đồng thời còn là sự phản ánh của xu hướng ngả theo những lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong những tầng lớp nhất định thuộc hàng ngũ nhân dân lao động, nhất là trong giai cấp công nhân, những tầng lớp, do

nhận thức chính trị phát triển chưa đầy đủ, còn mang nhiều tàn tích của chủ nghĩa chống cộng, có nhiều liên hệ xã hội và tâm lý với tầng lớp tiểu tư sản và do nhiều nhân tố khác không đủ sức vươn lên tới mức tiếp thu được chủ nghĩa xã hội khoa học.

Dưới đây chúng ta sẽ tập trung xem xét một số trào lưu chính trị – tư tưởng xa lạ với chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã sử dụng ngôn ngữ xã hội chủ nghĩa như thế nào, gắn bó với những người xã hội dân chủ cánh hữu ra sao.

1. « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » của những người xét lại cánh hữu và của những kẻ phản bội.

Trong cuộc đấu tranh chống lại phong trào cộng sản, chống lại học thuyết Mác – Lê-nin, những người xét lại cánh hữu và những kẻ phản bội cũng hướng về những tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » (1).

Những nét đặc trưng của những người xét lại cánh hữu, đã từng hoạt động trong các đội ngũ của phong trào cộng sản, là : phủ nhận những luận điểm cơ bản và có tính nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đánh giá quá cao vai trò của các cuộc cải cách để vứt bỏ các hình thức đấu tranh cách mạng, đánh giá thấp các hình thức đấu tranh của quần chúng ngoài nghị trường, đưa giới trí thức kỹ thuật lên hàng đầu trên tư cách là người nắm bá quyền lãnh đạo công cuộc phát triển xã hội, coi giới này như là lực lượng có khả năng bảo đảm « chuyển hóa » chủ nghĩa tư bản. Trong lĩnh vực

1. Sự phê phán các quan điểm xét lại được nêu ra trong cuốn « Chủ nghĩa cộng sản khoa học và sự xuyên tạc nó của những kẻ phản bội », (M., 1974) và trong nhiều ấn phẩm khác

tổ chức, những người xét lại cánh hữu và những kẻ phản bội có xu hướng muốn hạ thấp vai trò của đảng và đi tới chủ nghĩa thủ tiêu, khước từ các nguyên tắc tập trung dân chủ. Tất cả những cái đó đều được vay mượn trên một mức độ đáng kể ở tổ hợp các tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Những người xét lại cánh hữu, đặc biệt là những tên phản bội như R. Ga-rô-đi, O. Sích, Ph. Ma-rếch và nhiều kẻ khác, đã đang chĩa mũi nhọn tấn công không phải để chống lại kẻ thù giai cấp mà để chống lại các đảng cộng sản đứng trên lập trường mác-xít — lê-nin-nít ; đã đang tiến hành một cuộc đấu tranh gây chia rẽ và bè phái chống lại các đảng ấy, cố gắng lôi kéo đảng chuyển sang địa hạt của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Những kẻ xét lại, trong khi mưu toan hiện đại hóa chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thay thế nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin bằng những quan điểm đã được bài trì trong « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Và họ mạo xưng sự đổi lốt này là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh hiện thực ngày nay. Họ đem những luận điểm cơ bản của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đối lập với chủ nghĩa xã hội hiện thực đã được xây dựng ở Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Để củng cố những quan niệm của mình, bọn xét lại dùng mọi cách tuyên truyền thuyết đa nguyên của các « mô hình » chủ nghĩa xã hội. Hoạt động tuyên truyền này nhằm chia rẽ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và phong trào cộng sản quốc tế. Khi nói về « chủ nghĩa xã hội » châu Âu, châu Á, châu Phi và v.v... về các « mô hình » Liên-xô, Tiệp-khắc, Pháp và các « mô hình » khác của chủ nghĩa xã hội, bọn xét lại tuyệt đối hóa cả một số nét đặc thù dân tộc của các nước cá biệt (chẳng hạn như những tập

quán dân tộc cũ đã lỗi thời) lẫn những phương pháp và hình thức cụ thể, nhất thời trong lịch sử của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đầu cơ những thiếu sót lẻ tẻ trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Bọn xét lại đặc biệt tích cực công kích « mô hình » Liên-xô của chủ nghĩa xã hội, ra sức trình bày nó như một hiện tượng hết sức đặc biệt về mặt dân tộc, có tính địa phương chật hẹp, có tính thuần túy « Nga », rất xa lạ với chủ nghĩa Mác. Trong trường hợp này, bọn xét lại lên tiếng trực tiếp và công khai chống lại những luận điểm nổi tiếng của V.I. Lê-nin nói rằng mẫu mực Nga, cho tất cả các dân tộc thấy một cái gì đó rất cơ bản, mà nếu không có thì họ không thể vượt qua được, rằng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội có một loạt quy luật chung, vốn có với tất cả các nước (1).

Sự giống nhau về mặt tinh thần giữa những người xét lại cánh hữu và những người cải lương — xã hội biểu hiện đặc biệt rõ trong sự sùng mộ của họ với một trong những dạng mới nhất của chủ nghĩa xã hội dân chủ là quan niệm « chủ nghĩa xã hội nhân đạo ». Những tư tưởng được bài trí trong lý thuyết này công khai bác bỏ hệ thống kinh tế của chủ nghĩa xã hội đang thực tế tồn tại, đánh giá quá cao khả năng chuyển hóa của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cố tình thay thế tương quan giữa chuyên chính vô sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa bằng tương quan giữa chuyên chí h và dân chủ, trình bày hoàn toàn sai lệch thực tiễn thực hiện chế độ tập trung dân chủ. Và tất cả những việc đó đều nhằm mục đích dựng lên một « chủ nghĩa xã hội nhân đạo » trừu tượng nào đó để làm đối trọng với chủ nghĩa xã hội đang thực tế tồn tại.

---

1. Xem *V.I.Lê-nin*: Toàn tập, tập 41, tr.3 — 4.

Những kẻ xét lại đưa ra một « mô hình chủ nghĩa xã hội », trong đó cơ chế chính trị của nền dân chủ tư sản hình thức, của xã hội có đối kháng giai cấp, được di chuyển sang một địa hạt hoàn toàn khác — địa hạt xã hội xã hội chủ nghĩa, nơi không có các giai cấp với các lợi ích đối lập nhau và nơi mà tiêu chuẩn tư sản về tính dân chủ là không thể chấp nhận được. Hơn nữa, họ hoàn toàn làm ngơ một kết luận cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử nói rằng trong mỗi thời đại lịch sử, phù hợp với một phương thức sản xuất nhất định, với một chế độ kinh tế — xã hội nhất định, là một hệ thống chính trị nhất định mà tính chất chỉ có thể được giải thích trên cơ sở xuất phát từ bản chất hạ tầng kinh tế của xã hội.

Tiêu chuẩn của một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa hiện thực không phải là số lượng các đảng chính trị như những người xét lại thường nói, mà là mức độ tham gia của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động vào việc quản lý đất nước, vào việc lãnh đạo đời sống chính trị — xã hội, kinh tế và văn hóa của xã hội.

Trong khi đập lại một cách thích đáng bọn cải lương và bọn xét lại, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô L.I. Brê-giơ-nép đã nói : « Dầu cho kẻ thù của chúng ta có buồn phiền đến đâu đi nữa về « sự không hoàn hảo » của chủ nghĩa xã hội, dù cho họ quan tâm đến đâu đi nữa về việc « hoàn thiện », « nhân đạo hóa » chủ nghĩa xã hội, chúng ta vẫn tự hào nhắc lại lời Lê-nin nói rằng nền dân chủ vô sản, xã hội chủ nghĩa vẫn dân chủ gấp triệu lần bất cứ nền dân chủ tư sản nào. Nhà nước của chúng ta đã, đang và sẽ là nhà nước của nhân dân lao động, nhà nước vì

nhân dân lao động, nhà nước do nhân dân lao động quản lý ». (1)

Kinh nghiệm lịch sử xây dựng chủ nghĩa xã hội cho thấy rằng giai cấp tư sản và bọn tay sai tư tưởng của nó có sức sử dụng các khẩu hiệu về tuyệt đối « tự do » ngôn luận và báo chí để đấu tranh chống giai cấp công nhân. Như V.I. Lê-nin đã từng nói lúc sinh thời : « Từ dân chủ, tự do, họ dựng lên khẩu hiệu dẫn đến việc lật đổ chính quyền xô-viết » (2). Tự do là một giá trị hết sức vĩ đại, song chỉ hết sức vĩ đại khi nó phục vụ cho sự nghiệp tiến bộ chứ không phải khi nó phục vụ cho sự phản động. Bởi vậy giai cấp công nhân, nhân dân lao động các nước xã hội chủ nghĩa, được các đảng mác-xít — lê-nin-nít giáo dục, đấu tranh không khoan nhượng với hệ tư tưởng tư sản và xét lại, với chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa sô-vanh, với tất cả các loại « mô hình chủ nghĩa xã hội » phản khoa học, không cho phép tự do tuyên truyền những mục đích chống chủ nghĩa xã hội.

Những kẻ truyền bá các quan điểm xét lại đã viết không ít về chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa, mạo nhận là những người duy nhất thuyết minh học thuyết mác-xít về chủ nghĩa nhân đạo. Trên thực tế, cách lý giải chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa của họ hoàn toàn không phù hợp với nội dung thực tế của chủ nghĩa này, với quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đối với vấn đề này.

---

1. *L.I. Brê-giơ-nép* : Theo con đường Lê-nin, Tuyển tập diễn văn và bài viết, tập 2, M., 1973, tr. 578.

2. *V.I. Lê-nin* : Toàn tập, tập 13, tr. 31.

Chủ nghĩa Mác – Lê-nin giải thích chủ nghĩa nhân đạo xuất phát từ hiện thực xã hội, từ hoàn cảnh giai cấp thực tế của những con người cụ thể, từ tính chất của những quan hệ xã hội nhất định ; cho con người đi tới sự giải phóng hoàn toàn khỏi mọi dạng áp bức và chiếm đoạt, đạt tới sự phát triển toàn diện và cân đối của cá nhân. Ngược lại, những kẻ xét lại cánh hữu, đi vay mượn những tư tưởng từ trong kho tàng của chủ nghĩa cải lương xã hội, suy luận về chủ nghĩa nhân đạo xuất phát từ cá nhân con người trừu tượng, phi giai cấp, từ những thuộc tính nhàn chủng của con người, từ tự do « nói chung », và từ những lập trường ấy mưu toan « xây dựng lại » những con người thực tế. Đối với họ, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa không phải là kết quả của một cuộc đấu tranh giai cấp và những cuộc cải tạo có tính chất cách mạng, mà là sự vận động tự phát của con người đi tới một căn nguyên đạo đức phi giai cấp, toàn nhân loại nào đó.

Để phát triển toàn diện mọi khả năng của con người cần có cả một tổng thể những tiền đề vật chất, xã hội và tinh thần. Những tiền đề ấy trong xã hội bóc lột không thể được tạo ra cho đa số nhân dân. Còn chủ nghĩa xã hội thì tạo ra những điều kiện thực sự để phát triển nhân phẩm của những người lao động, không phải của từng cá thể, mà là của toàn thể thành viên trong xã hội. Do đó mà quá trình giáo dục con người mới là phức tạp và chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa là thực tế.

Ngược lại, thuyết mị dân bằng chủ nghĩa nhân đạo trừu tượng của bọn xét lại không nâng cao cá nhân con người xã hội chủ nghĩa, không làm cho cá nhân con người phát triển được tư duy khoa học của mình, triển khai được những sức sáng tạo vốn có ở mỗi con người,

mà ngược lại, làm lu mờ ý thức, tạo ra những tiền đề để con người bị nô dịch về mặt tinh thần bởi hệ tư tưởng tư sản xa lạ, hướng tính tích cực của con người về hướng đối ngược với lợi ích của những người lao động, cản trở quá trình triển khai chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa.

Do đó, phân tích tổng quát những nét cơ bản của « mô hình chủ nghĩa xã hội » mà bọn xét lại cánh hữu đưa ra để thay thế cho chủ nghĩa xã hội khoa học, người ta thấy rõ rằng các tác giả của mô hình này đã xa rời học thuyết Mác – Lê-nin về chủ nghĩa xã hội đến chừng nào và các quan điểm của họ trái ngược như thế nào với những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Trong lĩnh vực kinh tế, « mô hình chủ nghĩa xã hội » của bọn xét lại có đặc điểm là: làm biến dạng các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thả lỏng cho tính tự phát của thị trường hoành hành, và mở đường đi tới những thành phần kinh tế tư hữu. Trong lĩnh vực chính trị nó làm cho hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa chân chính chuyển hóa thành một dạng của nền dân chủ tư sản và tiểu tư sản. Trong lĩnh vực đời sống tinh thần, mô hình này mở rộng cửa cho hệ tư tưởng tư sản và hướng vào việc làm cho con người bị nô dịch về tinh thần.

Tất cả những điều nói trên chứng tỏ bản chất phản động sâu sắc của các « mô hình chủ nghĩa xã hội » do bọn xét lại dựng lên. Chúng định tâm bôi đen chủ nghĩa xã hội hiện đang thực tế tồn tại, dẫn nó đi đến đủ mọi loại lệch lạc, trình bày chủ nghĩa xã hội hiện thực là quan liêu, không dân chủ, và bằng cách ấy làm giảm tác động nêu gương của chủ nghĩa xã hội hiện thực đối với quá trình cách mạng thế giới.

Trong cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân lộ ra những mục đích đối lập nhau một cách hoàn toàn rõ rệt: giai cấp tư sản đấu tranh để duy trì những trật tự tư bản chủ nghĩa hiện tại, giai cấp công nhân không ngừng đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa, coi đó là phương sách để tự giải phóng mình và giải phóng toàn thể bộ phận bị bóc lột và áp bức trong xã hội. Vai trò lãnh đạo và hướng dẫn của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh cách mạng biểu hiện ở sự hình thành của một mặt trận rộng rãi chống đế quốc do giai cấp công nhân đứng đầu.

Còn bọn xét lại thì coi giai cấp công nhân là « nhân tố bình thường » trong phong trào cách mạng, tiến hành đường lối nhằm tự trị hóa các đội ngũ đang tham gia đấu tranh chống độc quyền. Những quan niệm như vậy không phải là cái gì khác mà là những quan niệm bóp nhỏ vai trò của giai cấp công nhân, chia rẽ các lực lượng cách mạng, biệt lập từng lực lượng cách mạng bằng khuôn khổ ~~của~~ những mục tiêu hạn chế, làm cho các lực lượng này mất viễn cảnh chiến lược cơ bản — lật đổ chế độ xã hội hiện tại.

Mưu toan làm tổn hại vai trò tiên phong của giai cấp công nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa, những kẻ xét lại đã khẳng định rằng sự lãnh đạo của giai cấp công nhân sẽ dẫn tới một sự « phục tùng » nào đó của tri thức đối với giai cấp công nhân. Nhưng vấn đề này được đặt ra như vậy ở đâu, nếu không phải là trong tưởng tượng của bọn xét lại đang không từ sử dụng những thủ đoạn xấu xa nhất ? Cả lý thuyết của chủ nghĩa Mác — Lê-nin lẫn chủ nghĩa xã hội hiện thực đều hùng hồn khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa hoàn toàn không có nghĩa rằng giai

cấp này có những đặc quyền đặc lợi nào đó so với các nhóm xã hội khác, hoặc sự lãnh đạo của giai cấp công nhân lại dẫn tới một sự lấn át nào đó đối với các lợi ích, phẩm giá vai trò vốn có và các chức năng xã hội của các nhóm xã hội khác. Điều đó trái ngược với toàn bộ tinh thần của chủ nghĩa xã hội, với những nguyên lý, quy luật của nó.

Thống nhất và đoàn kết là những đặc điểm cơ bản nhất của các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa. Vai trò hướng dẫn và lãnh đạo của giai cấp công nhân không ngừng gắn liền với sự hợp tác ngày càng tăng của nó với tất cả các tầng lớp xã hội trong việc giải quyết những nhiệm vụ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong điều kiện cuộc đấu tranh kiên cường của chủ nghĩa xã hội thế giới chống lại chủ nghĩa tư bản, nhằm thiết lập một nền văn minh mới cộng sản chủ nghĩa trên trái đất này, bọn phản bội tiếp tục hoạt động nhằm củng cố giai cấp bóc lột, giai cấp tư bản. Mưu toan tăng cường cố gắng của những kẻ đồng tư tưởng với mình, bọn phản bội gắng công « chứng minh » rằng chính chủ nghĩa xét lại mới tượng trưng cho sự phát triển sáng tạo học thuyết của giai cấp công nhân.

Song có thể nói về một sự phát triển sáng tạo nào của bọn xét lại đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nếu như các mục đích của họ ngày càng trùng hợp nhiều hơn không những với các luận điểm lý luận của chủ nghĩa cải lương xã hội, mà còn với các mục đích công nhiên chống cộng sản, chống Liên-xô của chủ nghĩa đế quốc? Còn những nhà tuyên truyền tư sản thì đã đề ra những tiêu chuẩn về «tính có thể chấp nhận được» của chủ nghĩa xã hội và về « những người cộng sản biết điều ». Những

tiêu chuẩn này, tác giả không phải là ai khác mà là D. Brê-din-xki, rút lại như sau:

– Xa rời Liên-xô và, như các nhà tư tưởng tư sản thường nói, không phục tùng « nền chuyên chính » của Liên-xô;

– Ủng hộ quan niệm « dân chủ » do các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản dựng lên, và quan niệm « chủ nghĩa xã hội có bộ mặt nhân đạo »;

– Từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ;

– Thi hành một đường lối chính trị phù hợp với « những truyền thống dân tộc » của mỗi nước và xóa nhòa cuộc đấu tranh giai cấp;

– Chấm dứt chỉ trích đường lối xâm lược của các giới phản động Mỹ (khi nào mà sự chỉ trích này là không thể tránh được thì phải đánh đồng chính sách của Mỹ và chính sách của Liên-xô) (1).

Phân tích một cách khách quan những phát biểu của bọn xét lại hiện đại, người ta nhất thiết đi đến kết luận rằng chúng muốn:

– Làm cho các đảng cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa ở châu Âu đối lập lại các đảng cộng sản trong các nước xã hội chủ nghĩa;

– Bôi nhọ chủ nghĩa xã hội đang thực tế tồn tại, tức những nước trên thực tế đã xây dựng được một xã hội mới và trước hết là Liên-xô;

– Bác bỏ tất cả các kết luận mà những người cộng sản châu Âu đã cùng nhau rút ra, tất cả những mục tiêu đấu tranh mà họ đã đề ra vì lợi ích của giai cấp công

---

1. Xem « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội », số 1, 1978, tr. 40.

nhân, của toàn thể nhân dân lao động, vì sự nghiệp hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đối lập lại tất cả những kết luận và mục tiêu ấy, bọn xét lại đã đưa ra một cương lĩnh hoàn toàn khác – một cương lĩnh xét về thực chất, không những làm tăng cường tình trạng phân liệt châu Âu thành các khối quân sự đối lập, mà hơn nữa còn làm tăng cường khối xâm lược Bắc Đại-tây-dương (NATO).

Đối chiếu những mục tiêu này của chủ nghĩa đế quốc quốc tế và của chủ nghĩa xét lại hiện đại, người ta thấy rõ ràng rằng việc bỏ qua những nguyên tắc quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, những cố gắng « đi tìm » một cách phản khoa học những con đường « mới » nào đó để cải tạo xã hội sẽ dẫn tới đâu.

Phương hướng hoạt động cốt yếu của bọn xét lại hiện đại là xét lại hoặc bỏ qua những nguyên tắc quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác–Lê-nin và « phê phán » những thành tựu kinh tế – xã hội của chủ nghĩa xã hội hiện thực, thậm chí phủ nhận thắng lợi của các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong những thành tựu đó.

Trong khi chuẩn bị cơ sở để chia rẽ phong trào cộng sản quốc tế, chủ nghĩa xét lại mưu toan thay đổi một cách « sáng tạo » khái niệm chủ nghĩa quốc tế vô sản trong khi trên thực tế lại ra sức đối lập giai cấp công nhân các nước của chủ nghĩa xã hội hiện thực với giai cấp vô sản các nước tư bản chủ nghĩa. Rõ ràng rằng trong cách đặt vấn đề như vậy chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính không còn gì nữa. Trên thực tế bọn xét lại đang tranh đấu để gây chia rẽ giữa các đảng cộng sản ở Tây Âu và các đảng cộng sản những nước của chủ nghĩa xã hội hiện thực, giữa Đảng cộng sản Liên-xô với các đảng cộng sản ở những nước xã hội chủ nghĩa khác và sau hết, để gây chia rẽ trong nội bộ những đảng cộng sản

ở các nước tư bản chủ nghĩa. Phương hướng hoạt động này của chủ nghĩa xét lại hiện đại được sự ủng hộ hoàn toàn và vô điều kiện từ phía chủ nghĩa cải lương – xã hội quốc tế. Chính một sự « biệt lập » như vậy của phong trào cộng sản Tây Âu đã được nói đến tại Đại hội của Quốc tế xã hội họp ở Thụy-sĩ trong năm 1977, B. Krây-xky đã kêu gọi những người xét lại đi đến một « sự tái sinh » như vậy.

Song việc xét lại chủ nghĩa Mác – Lê-nin không chỉ được tiến hành trong vấn đề tìm cách giải thích « mới » cho chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đa số vấn đề trong lý thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã đang bị xét lại. Khinh thường lý thuyết, từ bỏ lý thuyết, xem xét lại các luận điểm cơ bản của nó, đó là những nét đặc trưng của chủ nghĩa xét lại, trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Nhân đây Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Mỹ Giêm-xơ U-ét-xtơ đã viết: « Mô phỏng những phát biểu của Gốt-tơ, Brau-de-rơ thích nghị luận rằng lý thuyết đã ngả sang màu xám rồi, còn kinh nghiệm thì đời đời xanh tươi. Bằng cách đó ông ta định biện hộ cho việc xa rời lý thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Nhân dây tôi nhớ lại rằng bí thư đảng bộ khu mà lúc bấy giờ tôi hãy còn là đoàn viên Liên đoàn thanh niên cộng sản, có nói: « Làm sao chúng ta có thể bắt đầu được chiến dịch phổ biến các tác phẩm chọn lọc của Lê-nin, nếu như Brau-de-rơ khẳng định rằng ngày nay các lý thuyết cũ không còn thích dụng nữa? » (1).

---

1. « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội », số 1, 1978, tr. 44.

Bọn xét lại hiện đại cũng khẳng định như vậy. Có khác chăng chỉ là họ đã trở thành lộ liễu hơn. Có thể đánh giá điều đó qua những lời tuyên bố của chúng nói rằng chúng từ bỏ khái niệm chủ nghĩa Mác — Lê-nin, vì từ lâu chúng đã cho là lỗi thời trên nhiều khía cạnh và v.v... Liệu làm sao có thể nói được là sẽ phát triển lý thuyết cách mạng của giai cấp công nhân, khi mà ngay từ đầu đã tuyên bố từ bỏ hạt nhân của lý thuyết này? Thực ra núp sau một khái niệm đáng kính là khái niệm «phát triển sáng tạo» lý thuyết, người ta phản bội lại lý thuyết này và liên kết với các quan niệm khác mà đa số là những quan niệm phản mác-xít. «Cái mới» trong những tìm tòi của bọn xét lại hiện đại chỉ là tình hình của ngày hôm nay, còn các hình thức, các phương pháp và đặc biệt là những kết luận của họ thì lại trùng hợp một cách lạ thường với những lập trường của bọn xét lại trước đây. Có thể bắt gặp «cái mới» dư thừa đó trong các bài viết của các lãnh tụ xã hội dân chủ cánh hữu, của những người theo chủ nghĩa tự do, vô chính phủ v.v... «Bất kỳ» chủ nghĩa cơ hội nào, cho dù là trước đây hay là hiện nay, đều sớm hay muộn trượt đến chỗ xét lại và phủ nhận chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Quá trình này đặc biệt bắt đầu từ sự coi thường lý thuyết của Lê-nin, coi thường vai trò của giai cấp công nhân nói chung...» (1).

Kinh nghiệm cho thấy rằng những kẻ xét lại bắt đầu từ việc đem những quan điểm của mình đối lập những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản khoa học, và tất yếu sa vào lập trường trắng trợn chống cộng. Điều

1. «Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội», số 1, 1978, tr. 44.

đó thể hiện trước hết trong việc « rút bỏ » những luận điểm có tính nguyên tắc của học thuyết Mác — Lê-nin. Thường thường, chúng từ bỏ quan điểm giai cấp đối với việc đánh giá những sự kiện đang thực sự diễn ra, và điều đó tất yếu dẫn đến chỗ phủ nhận đấu tranh giai cấp. Tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của những người cộng sản Mỹ với chủ nghĩa xét lại, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Mỹ Gớt Hôn đã viết: « Quan điểm giai cấp là nét không thể tách rời của lý thuyết và phương pháp luận, là bộ phận cơ bản cấu thành quan điểm mác-xít – lê-nin-nít đối với tất cả các hiện tượng xã hội. Khoa học không chỉ giúp chúng ta hiểu các hiện tượng, mà còn, điều này quan trọng hơn, dạy chúng ta phải nghiên cứu những hiện tượng ấy *như thế nào*. Quan điểm giai cấp là cốt yếu đối với phương pháp nhận thức của chúng ta, bởi vì phương pháp nhận thức này phù hợp với bản chất của sự vật.

Đi theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin không có nghĩa là « gài » « quan điểm giai cấp » vào mọi việc. Thiếu sót không phải là khước từ việc sử dụng những từ « đấu tranh giai cấp » và « quan điểm giai cấp ». Xem xét các hiện tượng trên quan điểm giai cấp có nghĩa là đi sâu vào bản chất của chúng. Quan điểm giai cấp không thể là cái phụ, thứ yếu. Không nên hòa tan nó trong quan điểm tổng quát đối với các vấn đề » (1).

Quan điểm phi giai cấp của những kẻ xét lại đối với những hiện tượng tối quan trọng của thời đại ngày nay đã làm cho họ có một ý niệm hoàn toàn sai lệch về chiến lược phát triển cách mạng, vì thế mà đánh giá quá cao

---

1. « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội », số 8, 1977, tr. 17.

hoặc đánh giá quá thấp lực lượng của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động. Thật vậy, đánh giá quá cao những khả năng của chủ nghĩa đế quốc, bọn xét lại cũng như những người cải lương xã hội, không tin tưởng vào khả năng của giai cấp công nhân. Bọn xét lại cho rằng cách mạng khoa học – kỹ thuật chỉ mang lại nhiều ưu thế cho chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp công nhân không có kiến thức và kinh nghiệm, không đủ thành thạo trong lĩnh vực kỹ thuật, khoa học, quản lý nhà nước và các quan hệ giữa các quốc gia, vì vậy không có khả năng giải quyết những vấn đề nảy sinh trước mắt.

Các quan niệm xét lại đánh giá quá thấp sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc cũng không kém phần độc đáo. Chúng khẳng định rằng chủ nghĩa đế quốc không nghĩ tới việc gây ra các cuộc chiến tranh hủy diệt. Từ đây sẽ đi đến kết luận rằng « chúng ta đã đạt được mục đích của mình », đấu tranh giai cấp đã mất tính cấp bách của nó (1).

Các đảng mác-xít — lê-nin-nít của giai cấp công nhân luôn luôn đã và đang tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống lại chủ nghĩa xét lại, vạch trần hoạt động phá hoại của nó như là vật truyền dẫn những tư tưởng cải lương-xã hội trong phong trào cộng sản và công nhân. Nếu đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong nội bộ là chức năng và nghĩa vụ đầu tiên nhất của đảng cộng sản thì đồng thời cần nhấn mạnh là các đảng cộng sản, toàn bộ phong trào cộng sản không thể thờ ơ với kết cục của cuộc đấu tranh đó. Đương nhiên, những người cộng sản, thấm nhuần tư tưởng của chủ

1. Xem « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội », số 1 1978, tr. 42.

nghĩa quốc tế vô sản, luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ tất cả đồng chí của mình, đều phát biểu ý kiến chống lại chủ nghĩa xét lại mỗi khi ảnh hưởng của nó bừng lên ở bất cứ đâu.

Sự thống nhất và quan tâm của những người cộng sản đối với sự trong sáng của học thuyết Mác — Lê-nin gây ra phản ứng phủ định mạnh mẽ từ phía bọn xét lại, bọn người coi biểu hiện đoàn kết của những người cộng sản là sự can thiệp vào công việc nội bộ của đảng khác. Nhưng đối với họ thì công khai can thiệp và ủng hộ bọn xét lại và cải lương xã hội trong các nước khác là việc làm hoàn toàn hợp quy luật và tự nhiên, còn phê phán hành động của những người cộng sản trong các đảng khác là việc làm hoàn toàn hợp pháp và v.v...

Khi các xu thế cơ hội hữu khuynh phát triển mạnh trong Đảng cộng sản Mỹ, Giác Đuy-clô nhân danh Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Pháp đã gửi tới Đại hội XVI của Đảng cộng sản Mỹ bức thư trong đó có đoạn nói: « Đấu tranh giai cấp đã và vẫn là động lực của lịch sử. Chỉ có đảng mác-xít — lê-nin-nít có thể nhận thức được những quy luật của nó và đưa giai cấp công nhân đến chỗ chiến thắng chủ nghĩa tư bản...

Không một người cộng sản chân chính nào có thể phủ nhận tính phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thật sai lầm nếu cho rằng những nguyên tắc lê-nin-nít về xây dựng đảng và xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể áp dụng được ở Liên-xô mà thôi, rằng, do đó có những đặc điểm dân tộc mà Lê-nin đã khuyên phải thận trọng cân nhắc, chế độ xã hội chủ nghĩa không có giá trị vĩnh hằng. Từ bỏ những luận điểm cơ bản ấy có nghĩa là sa vào vũng lầy của chủ nghĩa cơ hội xã hội dân chủ, hơn nữa, là rơi vào chủ nghĩa xét lại thủ tiêu, tức rời bỏ

cách mạng, rời bỏ chủ nghĩa cộng sản, rời bỏ đấu tran giai cấp...

« Chủ nghĩa xét lại » làm ra vẻ hoài nghi mọi cái, son đồng thời lại thay thế một cuộc đấu tranh ngày càn thêm tích cực và kiên cường chống chủ nghĩa tư bản chủ nghĩa đế quốc và thế lực phản động bằng việc đư phong trào cách mạng tới chủ nghĩa cải lương « dân chủ », tới những ảo tưởng về « các quyền tự do dân chủ », kêu gọi tin tưởng giai cấp tư sản có khả năng thực hiện « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Những người cộng sản Pháp cho rằng họ không thay đổi cương lĩnh của mình mà phải mài sắc tính chất giai cấp của cương lĩnh, vạch ra sách lược đấu tranh linh hoạt hơn. Họ cho rằng phe xã hội chủ nghĩa càng được củng cố thì đấu tranh giai cấp trên phạm vi quốc tế càng gay gắt...

Chúng tôi cho rằng củng cố tình đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản, và do đó củng cố các đảng của giai cấp công nhân trong mỗi nước, là một trong những mệnh lệnh phải thực hiện một cách vô điều kiện trong giai đoạn hiện nay của cuộc đấu tranh giai cấp quốc tế. Điều đó đòi hỏi sự đoàn kết với chính sách đối ngoại của Liên-xô, một chính sách phù hợp với lợi ích sống còn của giai cấp vô sản quốc tế, của hòa bình và chủ nghĩa xã hội, phù hợp với lợi ích của cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước bị áp bức và phụ thuộc. Chính vì vậy nên bất kỳ tiếng vang nào của chủ nghĩa chống cộng sản và chống Liên-xô thâm nhập vào hàng ngũ của chúng ta đều bị kháng cự một cách kiên quyết nhất và không thỏa hiệp... » (1).

---

1. Trích dẫn theo « *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội* », số 1, 1978, tr. 41.

Bức thư này được những người cộng sản Mỹ tiếp nhận một cách nồng nhiệt, đúng đắn, coi đó là biểu hiện của sự giúp đỡ anh em, còn bọn cơ hội thì lên án nó một cách tức giận và kiêu ngạo.

Dưới chiêu bài phát triển « sáng tạo » chủ nghĩa Mác – Lê-nin, chủ nghĩa xét lại dẫn đến phủ nhận chủ nghĩa Mác – Lê-nin, và đồng thời chống lại chủ nghĩa xã hội hiện thực. Những kẻ theo chủ nghĩa xét lại ra sức « chứng minh » rằng những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học « không hoàn hảo », họ xuyên tạc thực chất và các quá trình hiện thực đang diễn ra tại các nước mà trong đó chủ nghĩa xã hội đang biến thành hiện thực cuộc sống, học thuyết vĩ đại của Các Mác, Ph. Ăng-ghen và V. I. Lê-nin được biểu hiện trong thực tiễn. Làm như vậy, họ mới có thể tuyên bố rằng Liên-xô « không phải là một nhà nước xã hội chủ nghĩa chân chính » (1).

Nét đặc trưng của chủ nghĩa xét lại là trong khi chỉ trích những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, không thừa nhận tính chất xã hội chủ nghĩa của những nước trong đó các tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học được thực hiện một cách rõ ràng, thì chính bản thân những kẻ xét lại lại không thể đưa ra một quan niệm tích cực và duy nhất nào về các vấn đề xã hội xã hội chủ nghĩa là gì và phải xây dựng nó bằng cách nào, nếu như không kể tới việc lập lại những luận điểm quen biết từ lâu về chủ đề này trong kho tàng của chủ nghĩa cải lương – xã hội.

---

1. Dẫn theo Tạp chí « *Thời mới* », số 3, 1978, tr. 13

2. Biến dạng xi-ô-nít « chủ nghĩa xã hội dân chủ »(*)

Một biến dạng đặc thù và là một trong những biến dạng phản động nhất của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » được gọi là chủ nghĩa xi-ôn xã hội chủ nghĩa, xuất hiện hồi cuối thế kỷ trước.

Ngay sau khi thành lập tổ chức xi-ô-nít toàn thế giới vào năm 1899, một bộ phận các nhà hoạt động của tổ chức này đã hết sức cố gắng che giấu bản chất giai cấp thực sự của chủ nghĩa xi-ôn bằng cách cầu viện đến ngôn ngữ « xã hội chủ nghĩa ». Bằng con đường này, họ muốn hạn chế sự tham gia của những người lao động Do-thái vào phong trào cách mạng, lôi kéo họ vào hàng ngũ các tổ chức xi-ôn-nít.

Tự tuyên bố là những « người xã hội chủ nghĩa » và « những người bảo vệ các lợi ích của giai cấp vô sản », những lãnh tụ xi-ô-nít cánh « tả » ra sức không những mở rộng cơ sở của phong trào xi-ô-nít mà còn tìm bạn đồng minh trong phong trào công nhân và công đoàn ở châu Âu và châu Mỹ, trong các đảng xã hội dân chủ và trong hàng ngũ các lãnh tụ của Quốc tế II. Vì mục đích của nó, chủ nghĩa xi-ôn đã xây dựng một hệ tư tưởng « công nhân » riêng biệt. Điểm nổi bật ở đây là các nhà tư tưởng xi-ô-nít – xã hội đã vay mượn (có nhào nặn lại đôi chút không quan trọng) tất cả những luận điểm cơ bản của những kẻ theo chủ nghĩa xi-ôn tư sản. Còn như hoạt động của các đảng « xã hội chủ nghĩa » xi-ô-nít thì trừ những ngoại lệ hết sức hãn hữu (có trong giai

---

*. Tư liệu phần này do nghiên cứu viên khoa học cao cấp của Viện nghiên cứu xã hội học thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô L. Ya. Da-đi-a-nhi cung cấp.

đoạn đầu tồn tại của chủ nghĩa xi-ôn – xã hội là chủ yếu) luôn luôn diễn ra trong luồng lạch « thống nhất dân tộc » và « cộng đồng vận mệnh » với giai cấp tư sản.

Luận cương phản khoa học, hoàn toàn dân tộc chủ nghĩa, về con đường phát triển đặc biệt của giai cấp công nhân Do-thái đã rất nhanh chóng dẫn các môn đệ của « chủ nghĩa xã hội » xi-ô-nít đi vào hàng ngũ các thế lực phản động và phản cách mạng. Sau Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, các đảng « xã hội chủ nghĩa» xi-ô-nít đã cùng với các đảng tư sản Do-thái tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của các lực lượng liên hợp phản cách mạng và nước ngoài can thiệp để chống lại Nhà nước xô-viết trẻ tuổi.

Trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới' các đảng xã hội – xi-ô-nít hoạt động ở Pa-le-xtin và trong một loạt nước tư bản chủ nghĩa, đã tận lực cố gắng tách những người lao động Do-thái ra khỏi cuộc đấu tranh chung của những người vô sản thuộc tất cả các dân tộc vì dân chủ và giải phóng xã hội, đã đầu độc ý thức của họ bằng độc tố của chủ nghĩa dân tộc tư sản Do-thái và của chủ nghĩa cải lương xã hội.

Lô-gích nội tại của chủ nghĩa xi-ôn – xã hội với tính khắc nghiệt của quá trình lịch sử tự nhiên đã dẫn tới một tình hình là những sơ đồ mơ hồ chiết trung và lãng mạn – không tưởng của các nhà tư tưởng xi-ô-nít – xã hội như B.Bô-rô-khốp và N.Xúc-kin vẫn phải nằm lại trên giấy, còn bản chất dân tộc chủ nghĩa tư sản và sô-vanh trong các lý thuyết của họ và hoạt động phản động của những học trò, người kế tục và người kế thừa của họ đã mang lại những hậu quả hết sức độc hại, mà ngay từ buổi bình minh của phong trào xi-ô-nít những người mác-xít – lê-nin-nít đã lên tiếng cảnh tỉnh.

Từ năm 1933, đảng xi-ô-nít – xã hội – MAPAI (Đảng công nhân Do-thái I-xra-en)(1) đã quản lý trên thực tế công xã kiều dân Do-thái ở Pale-xtin mà nó là lực lượng chủ đạo từ năm 1930. Sau khi thành lập nhà nước I-xa-en, MAPAI (rồi sau đó là Đảng MAI (2) (cho đến mùa hè năm 1977 là đảng cơ bản trong chính phủ liên hiệp.

MAPAM (Đảng công nhân thống nhất) đã và đang có một ảnh hưởng nhất định ở trong nước. Trong nhiều năm, nó là một đảng xi-ôn-nít cánh tả.

Sau khi thành lập quốc gia I-xra-en vào năm 1948, và đặc biệt sau khi các giới cầm quyền I-xra-en gây ra một số cuộc chiến tranh xâm lược, quá trình thường xuyên thiên hữu của các đảng xi-ô-nít – xã hội đã tiến xa đến mức là hiện nay rất khó, và thậm chí hầu như không thể phân định ranh giới giữa các đảng tư sản xi-ô-nít và các đảng «công nhân» xi-ô-nít. Trong các phe phái xi-ô-nít, không có đấu tranh giai cấp và không có đấu tranh tư tưởng, mà ít nhiều có những bất đồng sách lược nghiêm trọng và kéo dài, trong khuôn khổ đường lối chính trị xi-ôn-nít nói chung, có sự cạnh tranh giữa các đảng hoặc cá nhân nhằm mục đích mở rộng và củng cố địa vị của đảng ấy trong bộ máy nhà

---

1. Do-thái – I-xra-en – Tên gọi trong kinh thánh của toàn bộ lãnh thổ Pa-le-xtin bằng tiếng Do-thái cổ đại. Do đó, bản thân tên gọi của đảng MAPAI đã nói lên tính chất sô-vanh, chống Ả-rập của nó rồi.

2. MAI (Đảng lao động I-xra-en) được thành lập trong tháng giêng năm 1968, sau khi thống nhất hai đảng cùng loại là đảng MAPAI và Đảng «thống nhất lao động» (không nên lẫn đảng này với một đảng trùng tên tồn tại ở Pa-le-xtin trong những năm 1919–1930) và một tập đoàn thiên hữu hơn là RAFI (danh sách công nhân I-xra-en).

nước và trong nền kinh tế I-xra-en, trong các tổ chức xi-ô-nít quốc tế, có sự chạy đua của những người lãnh đạo để giành những địa vị cao hơn và có lợi hơn.

Đảng MAPAI – MAI chưa bao giờ có một lập trường tư tưởng và cương lĩnh chính trị rõ ràng và dứt khoát dưới dạng là một, hoặc nhiều văn kiện do các cơ quan lãnh đạo của đảng thông qua. Các tác giả xi-ô-nít cũng như các tác giả tư sản khác đều nhấn mạnh tính chất hết sức thực dụng của đảng này mà họ gọi là đảng « Nhân dân » hoặc đảng « Nhà nước » (1).

Đã từ lâu MAPAI – MAI nằm dưới quyền lãnh đạo của những người gọi là duy kỹ thuật, kết nạp trên thực tế tất cả những ai muốn vào.

Lập trường tư tưởng của Đảng MAPAI – MAI là một hỗn hợp chiết trung pha tạp nhiều định đề và luận cương thu nhặt từ các học thuyết giả danh xã hội chủ nghĩa cũng như từ một số học thuyết tư sản hợp thời khác. Trong khi xem xét vấn đề về cơ sở lý luận của « chủ nghĩa xã hội » xi-ô-nít hiện đại, những người lãnh đạo đảng này cố gắng bằng mọi cách che dấu bản chất phản động trong hệ tư tưởng của họ. Song những tuyên bố riêng lẻ của họ đã cho thấy trên một mức độ nào đó những cội nguồn hành trang tư tưởng của các môn đệ của chủ nghĩa xi-ô-nít — xã hội. Chẳng hạn như Đ. Ben-Gu-ri-ôn viết : « Phong trào, nơi sản sinh và củng cố Đảng công nhân I-xra-en xuất hiện từ ba nguồn gốc : những học thuyết và lời tiên đoán của các nhà tiên tri I-xra-en, các cuộc cách mạng dân tộc và xã hội

---

1. *E. Seligman* : Leadership in a New Nation. Political Developpment in Israel. L – N.Y., 1964, P. 91 ; « Socialist International Information », vol. XII, N35, 1962, P. 508.

trong thời đại chúng ta và nhiệt tình của những người khai sáng; những nguồn gốc này được thể hiện trong những đợt nhập cư vào nước ta của nhiều thế hệ mới.

Nếu như gạt sang một bên sự mị dân thông thường của phái xã hội dân chủ cánh hữu, cũng như sự ngụy trang bằng từ ngữ của chủ nghĩa xi-ôn, thì những phát biểu vừa dẫn ra trên nói lên rằng những người xi-ô-nít – xã hội hoàn toàn tán đồng tất cả những giáo lý cơ bản của chủ nghĩa xi-ôn nói chung: về sự tồn tại của một « dân tộc Do-thái toàn thế giới » tại ngoại pháp quyền, về « tính lâu đời của chủ nghĩa bài Do-thái », những khả năng và sự cần thiết giải quyết « vấn đề Do-thái » bằng con đường « hồi hương » những người Do-thái về « đất tổ » và v.v...

Bọn sô-vanh xã hội thường cố sức che dấu chủ nghĩa sô-vanh chống A-rập và chủ nghĩa vị chủng của họ bằng những từ ngữ mỹ miều khác nhau, và cố giả dối mạo nhận mình như là những người quốc tế chủ nghĩa. Song không một thủ đoạn mị dân và ngụy trang nào đủ sức che dấu thái độ xét về thực chất là sô-vanh – vị chủng của chủ nghĩa xi-ôn – xã hội đối với người Ả-rập.

Phù hợp với những luận điệu dối trá của chủ nghĩa xi-ôn nói chung « Đất không dân, dân không đất », các chính phủ I-xra-en do Đảng « công nhân » xi-ô-nít lãnh đạo đã đối xử với người Ả-rập Pa-le-xtin không phải như với một dân tộc có chủ quyền, mà như đối với những người ngoại bang không đáng có. Cũng như tất cả những người xi-ô-nít khác, những người xi-ô-nít – xã hội hoàn toàn phủ nhận quyền của nhân dân A-rập Pa-le-xtin được tự quyết và thành lập bên cạnh quốc gia I-xra-en một quốc gia dân tộc của mình

như những nghị quyết nổi tiếng của Liên hợp quốc đã quy định.

Cần đi đến một sự giả nhân giả nghĩa và ngạo mạn đến thế nào để tuyên bố chính sách sô-vanh — vị chủng phi Ả-rập hóa Pa-le-xtin để I-xra-en («nhiều đất hơn nữa, ít người Ả-rập hơn nữa»), liên kết với đảng cực hữu của đường lối cải lương — xã hội «hợp tác giai cấp» với giai cấp tư sản, là phù hợp với chủ nghĩa xã hội và hơn nữa tạo cơ sở để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa!.

Cũng chính lúc này những người xi-ô-nít — xã hội khẳng định một cách mị dân rằng «chủ nghĩa xi-ôn lần đầu tiên kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào giải phóng dân tộc» và phấn đấu «vì sự liên minh của những lực lượng ấy» (1).

Chính sách vị chủng xi-ô-nít đã dẫn tới chỗ tạo ra một vấn đề bi thảm, vấn đề người Pa-le-xtin tị nạn (hiện nay có khoảng 3 triệu người) và sự phân biệt đối xử dân tộc với hơn 500 ngàn dân Ả-rập ở I-xra-en đang bị đẩy vào tình trạng vô quyền và thiếu thốn (2). Chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa vị chủng đã bắt rễ ở nước I-xra-en hiện đại sâu đến mức là cả những người gọi là «Do-Thái phương Đông» — xuất thân từ những nước Á — Phi, chiếm hơn một nửa dân số Do-thái trong nước

---

1. *Dm. Zolar*: Political Parties in Israel. New York, Washington, London, 1974, P. 38.

2. Cựu cố vấn về các vấn đề Ả-rập của ba thủ tướng I-xra-en liên tiếp là S. Tô-lô-đa-nô đã tuyên bố trong tháng giêng năm 1977 rằng «tình cảnh của thiểu số quốc dân là người A-rập ở I-xra-en là tồi tệ nhất thế giới» (xem phụ lục báo «Haaretz» ngày 28-1-1977).

này – cũng bị sống trong các điều kiện của nạn phân biệt đối xử hàng ngày.

Một trong những luận điểm cơ bản trong hệ tư tưởng và chính trị của chủ nghĩa xi-ôn – xã hội, cũng như của toàn bộ chủ nghĩa xi-ôn nói chung, luôn luôn là sùng bái sức mạnh, dựa vào chủ nghĩa quân phiệt và xâm lược. Đ. Ben – Gu-ri-ôn đã nói rằng: « Tài trí của quốc gia là tài trí làm chiến tranh » (1).

Cũng như những người xi-ô-nít khác, các lãnh tụ của hai đảng MAI và MAPAM đã phô trương chủ nghĩa xi-ôn là « cuộc cách mạng Do-thái », tuyên bố I-xra-en là « sự thực hiện tư tưởng xi-ô-nít », « nhà nước đặc biệt », « Tổ quốc của mọi người Do-thái », cũng như những người tích cực ủng hộ lý thuyết « lòng trung thành kép » (hay « quốc tịch kép (hai quốc tịch ») của người Do-thái, một lý thuyết vi phạm trắng trợn các tiêu chuẩn đã được mọi người thừa nhận của luật pháp quốc tế.

Nhiều người xi-ô-nít – xã hội tán thưởng luận thuyết « vị chủng – (ethnocentriste) lấy dân tộc làm trung tâm – của chủ nghĩa xi-ô-nít về « tính ngoại lệ », « tính được thánh lựa tuyển » của người Do-thái và về « định mệnh đặc biệt của I-xra-en », mặc dù họ cố gắng bằng mọi cách che giấu điều này.

Cũng như những người xi-ô-nít tư sản lộ liễu, những người xi-ô-nít – xã hội sống bám vào chủ nghĩa bài Do-thái và thậm chí có khi còn giả tạo thổi phồng chủ nghĩa này, đã và đang hợp tác trên lập trường chung chống cộng với những kẻ bài Do-thái cực đoan.

---

1. *Z. Sharef*: Three. Days L., 1968, P. 191.

Chủ nghĩa chống cộng và chủ nghĩa bài Xô của những người xi-ô-nít — xã hội quả thực là không có giới hạn. Thật vậy, Đ. Ben — Gu-ri-ôn đã ngạo mạn tới mức là so sánh giữa Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười và... sự thống trị của Hít-le ở châu Âu, tuyên bố đấy là «hai nỗi bất hạnh khủng khiếp» đối với người Do-thái (1).

Những tư tưởng của cái gọi là «chủ nghĩa xã hội tôn giáo (hoặc là chủ nghĩa xã hội tiên tri)» là một trong những yếu tố cơ bản cấu thành hệ tư tưởng của Đảng MAI.

Đạo Do-thái cần cho những người xi-ô-nít — xã hội (2) (cũng như cho tất cả các trào lưu xi-ô-nít khác) để thiết kế chức năng của «một dân tộc Do-thái thống nhất», bởi vì họ nhận thấy rằng những thành tố do họ bịa đặt ra của «sự thống nhất dân tộc», như «tinh thần Do-thái chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác», «sự hấp dẫn tự nhiên đến xi-ôn», huyền thoại về «tính cổ xưa của chủ nghĩa bài Do-thái» v.v... và v.v..., là không đủ để kiểm soát những cộng đồng người Do-thái ở nhiều nước khác nhau.

Trong hành trang tư tưởng của những người xi-ô-nít xã hội, còn có những lý thuyết đồng loại và gần gũi với «chủ nghĩa xã hội thánh kinh», của M. Géc-xơ, người xi-ô-nít «xã hội chủ nghĩa» đầu tiên và là một trong những đại diện tuyệt nhiên không xa lạ với những người

---

1. «Davar», 24.. XII, 1971.

2. «Ngày nay chủ nghĩa xi-ôn và nhà nước I-xra-en phải tái tạo Đạo Do-thái» — một nhà hoạt động xi-ô-nít xã hội, cựu bộ trưởng I. A-lông đã viết như vậy. («The Ierusalem Post», 29. V 1969).

xi-ô-nít của cái gọi là « chủ nghĩa xã hội chân chính » của M. Bu-he, nhà thần học Do-thái giáo nổi tiếng và nhà triết học – hiện sinh xi-ô-nít.

Quan điểm của M. Gác-xơ thậm chí còn cách xa cả với chủ nghĩa xã hội không tưởng và là một chủ nghĩa dân tộc tôn giáo đã được lãng mạn hóa. M. Bu-bê đã bênh vực sự liên minh của Do-thái giáo và chủ nghĩa xi-ôn và trong tác phẩm của mình, đã cố gắng tạo ra cho chủ nghĩa xi-ôn một luận chứng nhân đạo tự do. Ông ta tuyên bố các ki-bút là lý tưởng của chế độ xã hội và của chế độ nhà nước. Đa số các ki-bút là những điểm dân cư được tổ chức như kiểu hợp tác xã — công xã nông nghiệp quân sự hóa trong đó tài sản của các thành viên bị giới hạn trong phạm vi ở các vật dụng sinh hoạt cá nhân là chủ yếu. Các ki-bút hoàn toàn lệ thuộc vào các ngân hàng, quỹ tín dụng và các xí nghiệp tư nhân tư bản chủ nghĩa, những tổ chức này bóc lột cả những thường dân trong các ki-but lẫn các ki-bút nói chung trên tư cách là một đơn vị có tổ chức. Trong thời gian gần đây các ki-bút thuê mướn ngày càng nhiều công nhân ở bên ngoài, chủ yếu là người A-rập, và do đó trở thành những tập thể bóc lột lao động làm thuê. Trong nước I-xra-en hiện đại, các ki-bút là một hình thức có hiệu quả nhất để có sức lao động rẻ mạt và là công cụ thuận tiện để giáo dục thanh niên và những người mới nhập cư theo tinh thần chủ nghĩa xi-ôn, và chúng cũng được gọi một cách rộng rãi (không có bất kỳ một căn cứ nào để được gọi như thế) nhằm mục đích tuyên truyền là những « đơn vị cơ sở của chủ nghĩa xã hội ». Hiện nay có dưới 3% số dân cả nước đang làm việc trong các ki-bút. M. Bu-bê lên tiếng đòi hỏi rằng ở

I-xra-en cả xã lẫn thành phố đều phải gồm có những ki-bút « tự quản » (1).

Có tác động đáng kể đến các quan điểm lý luận và hoạt động thực tiễn của ban lãnh đạo các đảng xi-ô-nít – xã hội, đặc biệt trong thời kỳ thuộc địa hóa Pa-le-xtin, là chủ nghĩa công liên và các dạng khác nhau của chủ nghĩa xã hội « hợp tác » hay chủ nghĩa xã hội « ghin-dây », tức các biến dạng của chủ nghĩa xã hội cải lương – tư sản mà cánh hữu xã hội dân chủ đã cải biến qua loa rồi làm vũ khí của mình.

Ngay ở Pa-le-xtin màng lưới rất rộng rãi các hợp tác xã thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau cùng các công đoàn, gắn bó chặt chẽ với các hợp tác xã và nằm dưới quyền lãnh đạo của những người xã hội chủ nghĩa giả hiệu, đã bị biến thành một bộ phận quan trọng cấu thành bộ máy thực dân xi-ô-nít hoạt động trong sự tiếp xúc đầy đủ với chính quyền Anh và đôi khi dưới sự chỉ đạo thực tế của chính quyền này, để đặt cơ sở cho một nền kinh tế tư sản của « quốc gia Do-thái » tương lai. Được thành lập trên cơ sở phong trào hợp tác, khu vực kinh tế hợp tác hóa và có công đoàn đã rất nhanh chóng không những biến thành bộ máy tài trợ và củng cố cả các đảng và tổ chức xi-ô-nít – xã hội lẫn giới công nhân quý tộc, mà còn biến thành nguồn gốc tạo ra những khoản lợi nhuận kếch xù cho giai cấp tư sản. Tư bản tài chính, kể cả tư bản tài chính nước ngoài ở một mức độ nhất định đáng kể, đã thông qua hệ thống tiền tệ – tín dụng và các quỹ chứng khoán, luôn luôn tích cực, và hiện nay đang sử dụng trong những phạm

---

1. Xem « The Writings of Montin Buber », 1956, N.Y., P. 133 – 134.

vì ngày càng lớn khu vực này (cũng như khu vực quốc doanh) của nền kinh tế I-xra-en mà những người xi-ô-nít xã hội tuyên bố hầu như là một chế định xã hội chủ nghĩa.

Hoạt động kinh doanh của các hợp tác xã ở I-xra-en không khác gì hoạt động kinh tế của nhà nước tư sản và của khu vực tư nhân tư bản chủ nghĩa và cùng với khu vực quốc doanh, là cơ sở để phát triển thành phần tư bản nhà nước ở I-xra-en. Khác với ở nhiều nước trẻ tuổi ở châu Á và châu Phi, phong trào hợp tác hóa ở I-xra-en không có cả xu hướng chống bóc lột lẫn xu hướng chống chủ nghĩa đế quốc. Ở I-xra-en chủ nghĩa tư bản hợp tác — nhà nước đã xuất hiện và đang rất nhanh chóng phát triển thành chủ nghĩa tư bản hợp tác nhà nước độc quyền. Xét về thực chất, đã diễn ra quá trình hoàn toàn nhất thể hóa bộ máy lãnh đạo của các công đoàn và các hợp tác xã thành hệ thống chủ nghĩa tư bản nhà nước độc quyền. Cái gọi là khu vực « có công đoàn » ở I-xra-en thực ra là một mắt xích cấu thành của tổ hợp quân sự — công nghiệp.

Cũng như những người xi-ô-nít tư sản lộ liễu, các nhà lãnh đạo những đảng xi-ô-nít « công nhân » đã luôn luôn ra sức và hiện nay đang đặc biệt ra sức dựa vào ý thức của những người lao động ảo tưởng về « cộng đồng lợi ích và số phận » của nhân dân Do-thái, về « hòa bình giai cấp », về « hòa hợp xã hội », về « hợp tác lao động và tư bản » (1).

---

1. Điển hình cho các nhà lý luận xi-ô-nít — xã hội là lời tuyên bố của A. Yat-lin một trong số những nhà hoạt động của Đảng MAPAI — MAI: « Con đường cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội I-xra-en trong suốt một thời kỳ dài là như sau: xây dựng chủ nghĩa xã hội không có nghĩa là nhất thiết phải thủ tiêu chủ nghĩa tư bản » (*« Zo laberech »*. Tel-Aviv, I, 1961, P. 17)

Kết hợp « chủ nghĩa xã hội dân chủ » với những giáo lý của chủ nghĩa xi-ôn trong cách giải thích của chủ nghĩa xi-ôn xã hội, tức còn được ngụy trang nhiều hơn, với thuyết mị dân xã hội dân chủ cánh hữu, các nhà lãnh đạo đảng MAI đã đầu độc một cách có hệ thống ý thức giai cấp của những người lao động I-xra-en, và phải nói thẳng rằng dù sao họ cũng đạt được những kết quả rất lớn trong việc này. Các giới cầm quyền ở I-xra-en bằng mọi cách phô trương « nền kinh tế hỗn hợp », cố gắng thuyết phục những người lao động rằng nhà nước I-xra-en hiện đại không phải là nhà nước bóc lột. G. Mây-e đã tuyên bố rằng: « Giai cấp công nhân nước ta là lực lượng không thể tách rời khỏi nhà nước và là lực lượng chịu trách nhiệm về nhà nước » (1). Vào năm 1960, G. I-ô-xép-tan, lúc ấy là Tổng bí thư Đảng MAPAI, đã mô tả những nhiệm vụ của đảng này như sau: « Chúng ta không phải đấu tranh cho quyền sở hữu tài sản hoặc quyền phân phối nó. Chúng ta phải gia tăng của cải và tạo ra cho lớp thanh niên đã học xong cấp phổ thông và cho những người mới nhập cư có khả năng làm việc và hình thành các công xã khác nhau của những người nhập cư nước ta theo mẫu của nước I-xra-en lao động » (2).

Chúng ta hãy nhớ rằng trong nước « I-xra-en lao động » hơn 10 ngàn gia đình giàu nhất và các công ty nước ngoài đang hoạt động ở đây hàng năm chiếm hữu gần nửa thu nhập quốc dân. Trong khi nhân dân lao động I-xra-en phải đóng những thứ thuế cao nhất thế giới, bọn giầu có và các độc quyền nước ngoài đang vơ

---

1. « Information Buletin Communist Party of Israel ». Tel – Aviv, 1969, N 10, P. 7.

2. « SII », 1960, N 42, vol, X, P. 617.

vét được những khoản lợi nhuận kếch xù lại chỉ phải chịu có một phần tư tổng số thuế. Các nhà kinh doanh lợi dụng nhiều kẽ hở để trốn thuế. Theo sự thừa nhận của chính quyền I-xra-en, trên một nửa số dân I-xra-en đang sống « dưới mức nghèo khổ ».

Hệ tư tưởng của chủ nghĩa xi-ôn thống trị trong nước, chính sách đối ngoại bành trướng và xâm lược, chính sách đối nội chống công nhân, chống nhân dân của các giới cầm quyền, trên thực tế biến nước I-xra-en hiện đại thành tên sen đầm của chủ nghĩa đế quốc ở Cận-đông, thành một trong những quốc gia phản động nhất trên thế giới.

Con đường của Đảng MAPAM là lịch sử khủng hoảng liên tục, biến chất hoàn toàn và phá sản của « phong trào công nhân xi-ô-nít cánh tả ».

Trong những năm đầu tồn tại của I-xra-en, đảng MAPAM (thực ra không phải lúc nào cũng nhất quán) đã tham gia đấu tranh vì hòa bình, chống « Kế hoạch Mác-san » và khối NATO, vì đường lối trung lập, đã đưa ra một loạt yêu sách dân chủ, đã chống lại sự câu kết giữa giới cầm quyền I-xra-en và chính phủ A-đê-nau-ơ, chống lại các vụ đàn áp của cảnh sát đối với các chiến sĩ đấu tranh vì hòa bình và lợi ích của những người lao động.

Hiện nay những lời nói suông tả khuynh vẫn còn thể hiện trên một mức độ đáng kể, trong kho tàng của MAPAM, song trên thực tế, các công thức ba gộp một của họ « vì sự tổng hợp của chủ nghĩa xi-ôn, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác » — đã từ lâu trở thành tấm bình phong và cương lĩnh hành động của đường lối chính trị thỏa hiệp và cơ hội, mà ban lãnh đạo của Đảng đem thi hành trong nhiều năm, từ năm 1955 khi đưa Đảng tham gia

nội các do D. Ben – Gu-ri-ôn đứng đầu. Từ đó trở đi, MAPAM, nhờ vào những lời lẽ mị dân và những thủ đoạn sách lược, đã trên thực tế từ phía tả che chở cho chính phủ phản động. Tháng 3 năm 1968 gia nhập khối với Đảng MAI đã biến thành cái đuôi của đảng MAI.

Thành thử, nếu Đảng lao động MAI là một đảng phản động nhất trong số các thành viên của Quốc tế xã hội thì Đảng MAPAM không nghi ngờ gì nữa là đảng hữu nhất trong số các đảng xã hội cánh tả trên thế giới. Và chủ nghĩa xi-ôn đã làm chúng trở thành như vậy.

Đường lối chính trị chống nhân dân, thân đế quốc của chính phủ khối «Maapax» (MAI – MAPAM) đã dẫn tới tình trạng là trong cuộc bầu cử nghị viện tháng 5 năm 1977, nhiều cử tri I-xra-en đã gạt bỏ khối ấy, và lựa chọn khối Li-kút («liên minh») còn hữu hơn nữa, mà những người cầm đầu, bằng thủ đoạn mị dân tinh xảo và các thủ thuật sách lược đã biết làm rối trí một bộ phận cử tri và khôn khéo lợi dụng những thất bại và sai lầm của ban lãnh đạo xi-ô-nít – xã hội trong nhiều vấn đề khác nhau thuộc chính sách đối nội và đối ngoại.

Hiện nay, về mặt hình thức, Đảng lao động I-xra-en đang đứng trong phe đối lập ở nghị viện, và các lãnh tụ của nó đang chỉ trích chính phủ của «khối liên minh» về một số vấn đề thuộc chính sách đối ngoại, song nói chung vẫn đứng trên lập trường phản động của chủ nghĩa xi-ôn. Điều đó lại một lần nữa chứng tỏ «chủ nghĩa xã hội dân chủ» dưới dạng xi-ô-nít của nó là cái gì rồi.

3. Phong trào thiên chúa giáo cánh tả và sự giải thích về chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển của quá trình cách mạng thế giới đã có ảnh hưởng nhất định tới nhiều tầng lớp nhân dân đang

chịu tác động của hệ tư tưởng Thiên chúa giáo. Dưới ảnh hưởng của một bên là những thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sự mở rộng của phạm vi phổ cập học thuyết Mác – Lê-nin, và của bên khác là sự phát triển ngày càng gay gắt của những mâu thuẫn trong xã hội tư bản chủ nghĩa kết hợp với cuộc khủng hoảng tư tưởng của nhà thờ, quá trình giải phóng nhiều lớp người lao động là tín đồ Thiên chúa giáo khỏi ảnh hưởng của hệ tư tưởng chính thống của nhà thờ được đẩy nhanh, và đang diễn ra quá trình chuyển biến ý thức của họ xa dần sự sùng mộ các giáo lý tôn giáo.

Đặc điểm quan trọng nhất của những chuyển biến đang diễn ra trong lĩnh vực này là xu hướng ngả theo những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội ngày càng tăng trong giới Thiên chúa giáo, trong tín đồ công nhân, nông dân, trí thức và đại diện của các tầng lớp trung lưu thành thị theo đạo.

Ngày nay nhiều người theo đạo thiên chúa đã không còn coi trọng những lời lẽ lên án chủ nghĩa xã hội của các đấng tu hành bề trên.

Bộ phận này trong hàng ngũ tín đồ Thiên chúa giáo coi chủ nghĩa xã hội là lực lượng đang cải tạo xã hội hiện đại, làm cho nó trở thành nhân đạo hơn, bình thường hóa các quan hệ quốc tế và có đủ sức bảo đảm hòa bình trên trái đất. Những giáo dân này cho rằng họ đã thực hiện một sự lựa chọn có lợi cho chủ nghĩa xã hội.

« Một số nhất định những tín đồ Thiên chúa giáo có đầu óc tìm tòi đã ít nhiều lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa » – đó là nhận xét trong bài xã luận của tuần báo Thiên chúa giáo cánh tả ở Pháp là tờ « Témoignage

chrétien » (1). E. Ô-brê-gôn, một tín đồ cánh tả người Tây-ban-nha, cũng đã phát biểu theo tinh thần này, tuyên bố rằng đối với ý thức thiên chúa giáo, chủ nghĩa xã hội đã là một trung tâm hấp dẫn duy nhất hợp quy luật.

Những tín đồ Thiên chúa giáo cánh tả tuyên bố có thiện cảm với chủ nghĩa xã hội, đã gia nhập cả một loạt tổ chức quốc gia và quốc tế như: Tổ chức quốc tế « Thiên chúa giáo vì chủ nghĩa xã hội », « Tổ chức những người xã hội » (ở Áo), Liên đoàn lao động dân chủ Pháp, các hiệp hội Thiên chúa giáo của những người lao động I-ta-li-a, v.v...

Cần nhấn mạnh rằng trong thời gian gần đây, đã thấy khá nhiều người theo đạo thiên chúa tham gia các đảng xã hội chủ nghĩa. Những người theo đạo thiên chúa trong Đảng xã hội Pháp đã bắt đầu giữ một vai trò tích cực.

Một trong những hiện tượng đáng lưu ý là sự phát triển tính tích cực chính trị của nông dân trong những năm vừa qua. Thật vậy, việc phân tích thái độ của những người nông dân theo đạo thiên chúa ở Pháp trong các cuộc bầu cử năm 1965, 1969, 1973 và 1974 chứng tỏ phương hướng chính trị của một bộ phận đáng kể trong số nông dân theo đạo đã chuyển biến có lợi cho các ứng cử viên thuộc những lực lượng cánh tả. Trong các tỉnh ở miền Đông và miền Tây nước Pháp, những tỉnh có truyền thống Cơ đốc giáo và theo lệ thường là chỗ dựa của các lực lượng cánh hữu, người ta nhận thấy có sự tiến triển tương đối nhanh sang phía tả của các tầng lớp rộng rãi trong dân Cơ đốc giáo.

---

1. « *Témoignage chrétien* » P., 12. VI 1974.

Trong các cuộc bầu cử năm 1973 và 1974, ở tất cả 20 tỉnh miền Tây và miền Đông nước Pháp những lực lượng cánh tả đã giành được thắng lợi đáng kể so với cuộc bầu cử năm 1969; tính trung bình họ đã thu được nhiều hơn trước 16% số phiếu.

Các tầng lớp rất khác nhau trong các nước Tây Âu ngày càng nhận thức sâu sắc hơn vì tác động tai hại của chủ nghĩa tư bản hiện đại đối với công cuộc phát triển kinh tế, đối với các quyền tự do dân chủ và đối với văn hóa. Vì vậy ngày càng nhiều tín đồ đứng lên chống lại áp lực của các độc quyền, của các công ty và các tơ-rớt đa quốc gia. Nét đặc trưng cho các tổ chức tôn giáo hoạt động trong công nhân là họ giữ một lập trường kiên định nhất. Thật vậy như trong một báo cáo tại Hội nghị toàn quốc lần thứ X của tổ chức hành động công nhân Thiên chúa giáo Pháp nhấn mạnh: «Điều kiện sống do chính quyền tư bản áp đặt, trở nên không sao chịu đựng nổi đối với các tầng lớp ngày càng rộng rãi hơn trong nhân dân» (1).

Khi phân tích các tuyên bố của những người Thiên chúa giáo cánh tả và các tổ chức của họ về sự gắn bó của họ đối với chủ nghĩa xã hội, cần lưu ý rằng bản thân khái niệm «chủ nghĩa xã hội» được họ hiểu nhầm theo cách riêng của họ. Những người Thiên chúa giáo cánh tả này đã tuyên bố hệ tư tưởng chính thức của họ là «chủ nghĩa xã hội dân chủ», mà chủ nghĩa này là «nhân đạo», «có tính chất công xã» và v.v..,

Hệ thống các quan điểm của họ có đặc điểm là cực kỳ chiết trung, đầy rẫy những luận điểm vay mượn từ học thuyết chính thống của nhà thờ Thiên chúa giáo,

---

1. «Cahiers du communisme», P., 1975, a. 51, N1, p. 19.

những quan niệm của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » của những người xã hội dân chủ từ các lý thuyết tư sản tự do. Trong những năm vừa qua một bộ phận tín đồ Thiên chúa giáo cánh tả đã bắt đầu ham mê các lý thuyết tả cực đoan của bọn mao-ít, bọn trốt-kít và bọn vô chính phủ (1). Nhưng cần nhận thấy rằng, trong nhiều trường hợp cá biệt, những người Thiên chúa giáo cánh tả đã thừa nhận uy tín của Các Mác.

Vậy những luận điểm cơ bản trong quan niệm Thiên chúa giáo về « chủ nghĩa xã hội dân chủ » là những gì?

Những người ủng hộ quan niệm này đã đến với chủ nghĩa xã hội thông qua Cơ đốc giáo. Họ cho rằng chủ nghĩa xã hội nảy nở từ Cơ đốc giáo, tiếp thu của học thuyết Cơ đốc giáo tất cả những gì là ưu tú nhất và biết vận dụng những yếu tố ấy vào đời sống xã hội của thế kỷ XIX – XX. Vì vậy, việc những người Thiên chúa giáo đến với chủ nghĩa xã hội, theo nhận thức của họ là việc quay về một cách hợp quy luật với những lý tưởng của đạo Cơ đốc thời kỳ đầu. Theo họ, giữa chủ nghĩa xã hội « thuần túy » (« dân chủ ») và đạo Cơ đốc « thuần túy » không có những khác biệt gì lớn. Chúng không những không đối kháng nhau mà thậm chí lại bổ sung lẫn nhau và làm phong phú thêm cho nhau.

Thật vậy, người Thiên chúa giáo cánh tả Pháp J. Đuy-ken cho rằng chủ nghĩa xã hội « như đã được nhận xét nhiều lần, có nhiều khía cạnh giáo hội » (2). Một số người

---

1. Sự bái phục chủ nghĩa Mao là nội dung cuốn sách của người thiên chúa giáo cánh tả Áo. V.Đai-mơ « Những người Trung-quốc ở châu Âu » (*W. Diam* : Chinesen in Europa. Wien — München. 1975).

2. *J. Duquesne* : La sivistra di Cristo, 1972, p. 149.

Thiên chúa giáo tự gọi mình là những người xã hội Thiên chúa giáo.

Trong khi tuyên bố đứng về chủ nghĩa xã hội, nhiều người Thiên chúa giáo cánh tả lại không thừa nhận những thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và các nước khác thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đặt và trung tâm hoạt động tuyên truyền của họ những chuyện bịa đặt về tình trạng không có tự do tín ngưỡng ở những nước đó. Một trong những lãnh tụ được thừa nhận của những người Thiên chúa giáo cánh tả ở Châu Mỹ la-tinh — E. Can-đe-ra đã phê phán, theo lập trường thiên tả, chính sách đối ngoại của Liên-xô, tuyên bố nó là một chính sách « đế quốc chủ nghĩa » trái ngược với những lý tưởng xã hội chủ nghĩa và v.v...

Trong hàng ngũ những người Thiên chúa giáo đang truyền bá « chủ nghĩa xã hội dân chủ », đã phát triển xu hướng kết tội « chủ nghĩa xã hội xô-viết » không chú ý đúng mức tới vấn đề con người, những giá trị đạo đức và luân lý, và một người Thiên chúa giáo cánh tả Tây-ban-nha là A.Cô-min nhận xét là « một dạng mới của chủ nghĩa sản vật Gia-cô-banh » (1). Theo ý họ, cái chính yếu trong « chủ nghĩa xã hội dân chủ » phải là đưa vấn đề con người lên hàng đầu.

Giống những người xã hội dân chủ, những người Thiên chúa giáo tán thưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » ôn hòa phê phán chủ nghĩa tư bản vì tin vào sự « chuyển hóa hòa bình » của nó và phủ định con đường cách mạng cải tạo xã hội. Những người Thiên chúa giáo cánh tả tin rằng chủ nghĩa tư bản « có tổ chức » có khả năng

---

1. *A. Comin*: Struttura capitalista, lotte sociali e prassi di chiesa. Madrid, 1970, p. 212.

khắc phục, bằng cách « kế hoạch hóa dân chủ » những tệ đoan cố hữu của nó. Trong các giới Thiên chúa giáo cũng có những nhận xét cấp tiến hơn. Tổng thư ký phong trào « Những người Thiên chúa giáo trong thế giới nông thôn » R. Lê-li-ơ-vrơ đã tuyên bố rằng : « Tôi phấn đấu vì một tương lai, trong đó chủ nghĩa tư bản sẽ nhường chỗ cho một loại hình mới của các mối quan hệ kinh tế xã hội và chính trị » (1).

Trong khi thừa nhận sự thật là sự tồn tại của đấu tranh giai cấp, những người Thiên chúa cánh tả lại không coi nó là phương tiện để bảo đảm lợi ích của những người lao động, mà đặt hy vọng vào những con đường « hòa bình » tìm ra những giải pháp thích hợp. Liên đoàn lao động dân chủ Pháp đứng trên lập trường này, ghi rõ trong cương lĩnh năm 1970 của mình rằng mục đích của liên đoàn là xây dựng xã hội « xã hội dân chủ », và chỉ rõ rằng phát triển chế độ tự quản là con đường để đạt tới mục đích ấy.

Những người Thiên chúa giáo cánh tả phê phán ban lãnh đạo giáo hội thiên chúa giáo đã kết bạn chặt chẽ với các giới cầm quyền trong xã hội tư bản. Sự phê phán này nằm trong nghị quyết của Đại hội đồng Liên đoàn thanh niên Thiên chúa giáo nông thôn Pháp, năm 1972. A. Cơ-nôn người Thiên chúa giáo cánh tả nổi tiếng của Áo, khẳng định rằng đã quá lâu rồi giáo hội không có « một chương trình tích cực cải cách xã hội » (2) và vì vậy đã không kịp thời chú ý tới người lao động.

---

1. Réflexion chrètienne et perspectives democratiques (Entretien entre — Claude GrusonB Georges Velten et Antoine Casanowa) — « La Nouvele critique », P., 1974. N 75, p. 34.

2. *A. Koll* : Katholische Kirche und scholasche Naturrecht. Wien, 1962, S. 34.

Những người Thiên chúa giáo phấn đấu vì « chủ nhgĩa xã hội dân chủ » cố gắng hợp tác với trào lưu xã hội dân chủ.

Có ấn tượng rằng trong một số nước (thí dụ như ở Áo, ở Pháp) những người Thiên chúa giáo cánh tả lại đặt hy vọng vào sự củng cố các vị trí của các đảng xã hội. Thật vậy ở Pháp, các báo thiên chúa giáo cánh tả « Èsprit » và « Témoignage chrétien » trong những năm gần đây đã đăng một loạt bài tỏ ý mong muốn biến đảng xã hội thành đảng cánh tả chủ đạo trong nước, để nó có thể vượt quá đảng cộng sẵn về ảnh hưởng đối với đời sống chính trị của đất nước.

Về phần mình, những người xã hội dân chủ coi những người tán thưởng dạng Thiên chúa giáo của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », là bạn đồng minh tư tưởng, là nguồn hậu bị của mình và không có những quan điểm bất đồng nghiêm trọng với họ. Trong một số văn kiện có tính chất cương lĩnh của trào lưu xã hội dân chủ, rõ ràng là có mưu đồ đặt cơ sở lý luận cho phong trào xã hội dân chủ xích lại gần với giáo hội, xóa bỏ một loạt bất đồng đã từng có trong quá khứ. Thật vậy, V. Ai-le, nhà tư tưởng của trào lưu xã hội dân chủ Tây Đức, chủ tịch Ủy ban soạn thảo cương lĩnh Gốt-đen-béc, năm 1972 đã phân tích các thư luân lưu của giáo hoàng và nhận thấy trong đó chứa đựng « một sự xích lại gần nhau đáng lưu ý giữa những yêu cầu tuyên truyền của chủ nghĩa xã hội và những định đề cải cách xã hội của Thiên chúa giáo » (1). Ông ta đã đi đến kết luận rằng những giá trị cơ bản ghi trong cương lĩnh Gốt-đen-béc (năm 1959) và thư luân lưu « Ma-te-vơ Ma-gi-xtra » (năm 1961) là

1. *W.Etchler* : Zur Einführung in den demokratischen Sozialismus. Bonn – Bad – Godesberg, 1972, S. 78.

trùng hợp với nhau. Người xã hội Ao A. Mát-xi-trếc cũng cho rằng: « Không có mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội không liên kết với chủ nghĩa Mác và những giáo lý của Thiên chúa giáo » (1). R. Brau-ne một đảng viên khác của Đảng xã hội Áo, cũng đứng trên lập trường như vậy. Ông ta cho rằng không có những khác biệt nghiêm trọng giữa các quan niệm của chủ nghĩa xã hội dân chủ và của thiên chúa về « chủ nghĩa xã hội dân chủ » (2). Trong các cơ quan lý luận của Đảng xã hội dân chủ Đức « Die Neue Gesellschaft » và của Đảng xã hội Áo « Die Zukunft » thường xuyên đăng các tài liệu về sự dung hợp của chủ nghĩa xã hội với đạo Thiên chúa.

Khi nhấn mạnh sự giống nhau về mặt tinh thần, giữa những người tán thưởng quan niệm của phái Thiên chúa giáo cánh tả và của trào lưu xã hội dân chủ về « chủ nghĩa xã hội dân chủ » cần lưu ý rằng trong hệ tư tưởng và thực tiễn của một số nhóm Thiên chúa giáo cánh tả có một loạt nét nói lên rằng những người cộng sản có thể và cần nói chuyện và phối hợp hành động với những lực lượng này, tăng cường cố gắng giải thích cho họ về những lập trường chính trị — tư tưởng của phong trào cộng sản.

Trong số những nét nó ấy có:

— Nhiều trào lưu Thiên chúa giáo cánh tả thừa nhận uy tín và sức mạnh của các đảng cộng sản, vai trò của các đảng này trong đời sống chính trị — xã hội, nhận thức rằng nếu không có những người cộng sản thì không

---

1. *A. Massiczek*: Warum sozialistische Katoliken? Wien, 1959, S. 37.

2. *R. F. Brauner*: Christlicher Sozialismus — sozialistisches Christentum. — « Die Zukunft », Wien, 1969, N 20, S. 16 — 17.

thể giải quyết được những vấn đề có tầm quan trọng sống còn của các nước tư bản chủ nghĩa. J. Mòn-ta-rôn, nhà hoạt động nổi tiếng trong phong trào Thiên chúa giáo cánh tả đã thừa nhận: « Ở Pháp không thể nào giành được thắng lợi trong việc đấu tranh với quyền lực của đồng tiền, bảo vệ công lý xã hội, góp phần phát triển các quyền tự do dân chủ, nếu không có sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân đoàn kết xung quanh đảng cộng sản » (1)

— Nhiều người Thiên chúa giáo cánh tả tỏ ra đồng tình với các kết luận của chủ nghĩa Mác về sự diệt vong tất yếu về mặt lịch sử của chủ nghĩa tư bản, thừa nhận, dù có ngoại trừ, uy tín của chủ nghĩa Mác. Chủ tịch phong trào sinh viên Thiên chúa giáo cánh tả Pháp đã tuyên bố trong năm 1972 khi phát biểu trước hội đồng giám mục Pháp: « Chúng tôi thiết tưởng rằng phương pháp mác-xít là công cụ có hiệu quả để phân tích hiện thực và xây dựng chủ nghĩa xã hội » (2).

— Thừa nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Luận điểm này thường xuất hiện nhiều hơn cả trong các tài liệu của các tổ chức công nhân hành động thiên chúa giáo, tổ chức công đoàn Thiên chúa giáo. Một trong những người lãnh đạo của những người Thiên chúa giáo cánh tả Chi-lê là L. Mô-ra-létx, khi phân tích kinh nghiệm của Chi-lê, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của « quyền độc tôn của của giai cấp công nhân », (3) coi nó là tiền đề cơ bản để xây dựng một xã hội mà cơ sở là các nguyên tắc công lý:

---

1. « Temoignage chrétien », P., 21. XII 1972, p. 3.
2. Ebidem.
3. « Testimonianze ». Firenze, 1973, N 160, p. 806.

– Đấu tranh vì hòa bình quốc tế và công lý xã hội. Nhiều người Thiên chúa giáo cánh tả và các tổ chức của họ trong khi giữ quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » của họ, đã tích cực tham gia các chiến dịch vì hòa bình, chống hành động xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Những người Thiên chúa giáo cánh tả đã tích cực đấu tranh chống cuộc xâm lược của Mỹ ở Việt-nam, đã tham gia các đại hội Brúc-xen của những lực lượng xã hội vì an ninh và hợp tác ở châu Âu trong những năm 1972, 1975, Đại hội toàn thế giới các lực lượng yêu hòa bình họp ở Mát-xcơ-va trong năm 1973 và v.v...

Xuất phát từ đó, những người cộng sản cho rằng có thể coi những người Thiên chúa giáo cánh tả là một lực lượng có thể góp phần vào cuộc đấu tranh chống đế quốc, tiến hành trong giới này một công tác giải thích kiên trì, tổ chức những cuộc thảo luận tư tưởng góp phần khắc phục nhận thức đơn giản hóa, không đúng đắn về những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội; thu hút những người Thiên chúa giáo cánh tả vào con đường có những hành động chung cụ thể trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì tiến bộ xã hội. Thật vậy, theo ý kiến những người cộng sản Pháp, hành động chung của những người cộng sản và những người Thiên chúa giáo ở nước Pháp hiện nay đã là một hiện thực. Hơn nữa Đảng cộng sản Pháp còn đạt được sự thống nhất quan điểm ở mức độ chính trị với một số tổ chức Thiên chúa giáo. Nhiều tổ chức tôn giáo, như hành động công nhân cơ đốc giáo và thanh niên công nhân Thiên chúa giáo, đã tuyên bố ý muốn cùng đấu tranh vì sự phát triển của nước Pháp theo con đường xã hội chủ nghĩa (1).

---

1 « *Cahiers du communisme* », P., 1975, N 1, p. 23.

Những vấn đề hoạt động của phong trào cộng sản gắn liền với những vấn đề hợp tác với những người Thiên chúa giáo đã được thảo luận tại Hội nghị các đảng cộng sản và công nhận châu Âu họp tại Các-lô-va Va-ri năm 1957; tại Hội nghị quốc tế các đảng cộng sản và công nhân họp ở Mát-xcơ-xa năm 1969, tại Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân các nước Tây Âu họp tại Brúc-xen năm 1974.

Trong văn kiện tổng kết Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân châu Âu (năm 1976) đã nhấn mạnh vai trò quan trọng ngày càng nhiều của lực lượng Cơ đốc giáo, của các đại diện những giáo phái khác trong Thiên chúa giáo, của những tín đồ các tín ngưỡng khác trong cuộc đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân lao động, vì dân chủ và hòa bình. Trong văn kiện này còn nói tiếp rằng các đảng cộng sản và công nhân nhận thức rõ nhu cầu nói chuyện, hành động chung với các lực lượng này, coi đó là một thành tố không thể tách rời của cuộc đấu tranh để phát triển châu Âu theo tinh thần dân chủ, theo phương hướng tiến bộ xã hội. (1)

Lập trường này của những người cộng sản không có gì chung giống với những nhượng bộ về các vấn đề tư tưởng như L.I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh, « Điều đặc biệt quan trọng là trong khi đoàn kết với các trào lưu dân chủ rộng rãi, kể cả những người xã hội dân chủ và những người Thiên chúa giáo trong cuộc đấu tranh chống các giới đế quốc chủ nghĩa phản động, những người

---

1. Xem « Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân châu Âu Béc-lin, ngày 29 – 30-6-1976 », tr.22.

cộng sản vẫn là những người cách mạng, những chiến sĩ trung kiên đấu tranh để thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa bằng chế độ xã hội chủ nghĩa» (1).

4. Đảng «xã hội dân chủ Nhật-bản»

Trước chiến tranh thế giới thứ hai, quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» thịnh hành chủ yếu trong các nước tư bản chủ nghĩa công nghiệp phát triển ở châu Âu. Sau chiến tranh, và đặc biệt là các thập kỷ vừa qua (*), một loạt đảng trong các nước công nghiệp phát triển hoặc các nước nông công nghiệp ngoài phạm vi châu Âu như Nhật-bản, Úc, Tân-tây-lan... đã chọn quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» làm lập trường tư tưởng của mình.

Vậy «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là gì trong cách luận giải của đảng đã gọi quan niệm này làm tên của mình? Ở đây muốn đề cập tới Đảng xã hội dân chủ Nhật-bản.

Đảng xã hội dân chủ được thành lập tháng giêng năm 1960 bởi những nhóm cực hữu đã ly khai hàng ngũ Đảng xã hội Nhật-bản. Như đã nêu trong cương lĩnh của Đảng xã hội dân chủ Nhật-bản, nguyên nhân cơ bản gây ra phân liệt là «sự đối lập về mặt tư tưởng giữa những người xã hội dân chủ với những người xã hội mác-xít» (2). Sự chia rẽ trực tiếp xảy ra nhân có bất

---

1. Xem «Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân châu Âu, Béc-lin, ngày 29 – 30-6-1976», tr. 82.

*. Trong khi chuẩn bị đoạn này, có sự tham gia của chuyên viên khoa học của Viện thông tin khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô, I. A. Đu-nai-ép-va.

2. Cương lĩnh Đảng xã hội dân chủ Nhật-bản. Trong sưu tập «Đảng xã hội dân chủ. Lý luận và thực tiễn của nó». Nhà xuất bản Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nhật-bản. Tô-ki-ô, 1972, tr.280, (tiếng Nhật).

đồng về vấn đề liên minh quân sự Nhật – Mỹ trong thời gian đấu tranh rầm rộ chống lại « Hiệp ước an ninh » Nhật — Mỹ. Những người lập ra Đảng xã hội dân chủ đã lên tiếng ủng hộ Hiệp ước này và như những người cộng sản Nhật-bản đã nhấn mạnh, từ đó trở đi, trong suốt thời kỳ tồn tại của nó, Đảng xã hội dân chủ, xét theo thực chất, đã luôn luôn thi hành « đường lối thân Mỹ, thân phái dân chủ tự do và chống cộng sản » (1),

Cơ sở xã hội của Đảng xã hội dân chủ, cũng như của nhiều đảng xã hội dân chủ ở Tây Âu, là tầng lớp tư sản loại vừa và loại nhỏ cũng như tầng lớp trên của giai cấp công nhân. Đảng này gắn bó chặt chẽ với các tập đoàn cầm quyền và nhận sự ủng hộ vật chất của chúng. Trong những thời kỳ mà tình hình nội chính phát triển đặc biệt gay gắt trong nước, Đảng xã hội dân chủ có thể lên tiếng chỉ trích Đảng dân chủ tự do đang cầm quyền, mạo nhận là đảng đối lập, đảng « cách tân ». (2) Song, về thực chất, Đảng xã hội dân chủ vẫn luôn luôn là « đảng bảo thủ thứ hai », đứng trên lập trường bảo vệ chế độ hiện tại.

Trong những năm 70, khi Nhật-bản làm vào cảnh kinh tế suy sụp mạnh, lạm phát, suy thoái kéo dài, khi mà « sự cầm quyền vĩnh viễn » của Đảng dân chủ tự do

---

1. *Iu. Na-kát-da-va* : Đảng xã hội dân chủ trong thời kỳ khủng hoảng. Trong sưu tập « Đảng xã hội dân chủ », tr. 11.

2. Những lực lượng cách tân – là một thuật ngữ được dùng rất phổ biến ở Nhật-bản để chỉ các lực lượng tiến bộ, đang đấu tranh nhằm « đổi mới » chế độ hiện tại, chống lại sự phụ thuộc vào Mỹ của chính sách đối ngoại Nhật-bản, chống lại chính sách bảo vệ lợi ích của những độc quyền lớn và chống lại việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt và việc đàn áp dân chủ (Biên tập).

bị hoài nghi (1), Đảng xã hội dân chủ đã đóng vai trò một lực lượng chính trị, phá hoại sự thống nhất của phe tiến bộ. Chẳng hạn, Đảng xã hội dân chủ đã phá cuộc tẩy chay của các lực lượng đối lập tiến bộ đối với nội các bảo thủ của Mi-ki trong thời gian có chuyện « Lốc-hít » mà nhiều nhà kinh doanh và quan chức chính phủ Nhật-bản dính líu vào.

Việc Đảng xã hội dân chủ thỏa thuận tham gia phiên họp của Ủy ban ngân sách hạ nghị viện trong khi vắng mặt đại diện của 3 đảng đối lập — Đảng xã hội Nhật-bản, Đảng cộng sản Nhật-bản và Đảng Komeito (2) — đã giúp những người bảo thủ từ ngày 7 tháng tư năm 1976 làm cho nghị viện bị tê liệt trong thời gian tháng ba đầu tháng tư trở lại hoạt động. Bằng cách đó, Đảng xã hội dân chủ đã tạo khả năng cho Đảng dân chủ tự do cầm quyền, tạm thời thoát khỏi cuộc khủng hoảng chính trị.

Nhân đây, điều có ý nghĩa đặc biệt là vạch trần bản chất của Đảng xã hội dân chủ, vai trò khách quan của nó là kẻ bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trào lưu xã hội dân chủ xuất hiện ở Nhật-bản trong thời gian trước khi bước vào thế kỷ XX. Đặc điểm trong một thời gian dài của trào lưu xã hội dân chủ Nhật-bản, kể cả Đảng xã hội Nhật-bản thành lập sau chiến tranh

---

1. Người ta đã gọi chế độ một mình Đảng dân chủ tự do nắm chính quyền là « sự cầm quyền vĩnh viễn ». Chế độ này tồn tại đã 25 năm nay từ sau chiến tranh. *(Biên tập)*

2. Đảng Komeito (Đảng chính trị thuần khiết) có chỗ dựa chủ yếu là công nhân vô tổ chức và các tầng lớp tiểu tư sản thành thị *(Biên tập)*.

thế giới thứ hai (1), là tình trạng non yếu và không hoàn chỉnh về lập trường lý luận. Xét về thực chất, cương lĩnh của những người xã hội dân chủ Nhật-bản chỉ giới hạn trong một số khẩu hiệu mà thôi. Chỉ mãi đến năm 1953, Đảng xã hội Nhật-bản mới lần đầu tiên bắt đầu nghiêm túc xây dựng cương lĩnh nhằm hợp nhất những người xã hội cánh tả và cánh hữu, cương lĩnh của Đảng xã hội, được hợp nhất lại trong tháng 10 năm 1955, đã phản ảnh trên một mức độ đáng kể lập trường của những người xã hội cánh hữu, bởi vì cơ sở của cương lĩnh này là « Dự thảo cương lĩnh Đảng xã hội thống nhất » do những người xã hội cánh hữu đưa ra. Tham gia xây dựng « dự thảo » (2) có các đại biểu của Liên đoàn xã hội dân chủ, liên đoàn này được thành lập ngay trong lần phân liệt đầu tiên của Đảng xã hội Nhật-bản và năm 1953 đã công bố « Cương lĩnh của chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Như vậy là cương lĩnh của Đảng xã hội Nhật-bản chủ yếu dựa vào lý thuyết « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Bản « Dự thảo » mang tính chất chống cộng sản rất rõ rệt. Trong khi xác định chủ nghĩa cộng sản là « công cụ của một hình thức mới của chủ nghĩa đế quốc » các tác giả bản « dự thảo » tuyên bố rằng: « Chủ nghĩa cộng

---

1. Đảng xã hội Nhật-bản được thành lập tháng 11 năm 1945 trên cơ sở hợp nhất các đảng và nhóm xã hội dân chủ trước chiến tranh. Tháng 10 năm 1951, do có những bất đồng gay gắt giữa những người xã hội cánh tả và cánh hữu về các vấn đề tính chất của Đảng xã hội Nhật-bản, hòa ước Xan-phran-xi-xcô và hiệp ước an ninh « Nhật — Mỹ », Đảng xã hội Nhật-bản phân liệt thành các đảng xã hội cánh tả và cánh hữu. (*Biên tập*)

2. Dự thảo này có đăng trong sưu tập « Đảng xã hội dân chủ Nhật-bản », tr. 13 — 14. (*Biên tập*)

sản quốc tế... gây phân liệt trong phong trào xã hội chủ nghĩa và phong trào công nhân công đoàn trên toàn thế giới, đã hàng chục năm nay rồi cản trở việc thực hiện những tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong nhiều nước». Đảng cộng sản Nhật-bản bị buộc tội «phục tùng chủ nghĩa cộng sản quốc tế», «phá hoại nước Nhật từ bên trong», ra sức chuẩn bị cơ sở cho một cuộc «xâm lược từ phía chủ nghĩa cộng sản quốc tế». Bản «dự thảo» khẳng định rằng sách lược mà Đảng cộng sản đang thi hành là «trở lực nghiêm trọng đối với việc thực hiện một cách bình thường những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội ở Nhật-bản». Dự thảo nêu nguyên nhân cơ bản làm cho thế giới chia thành hai phe là «sự xâm lược có tính chất đế quốc chủ nghĩa của chủ nghĩa cộng sản quốc tế» mà «các nước dân chủ đứng đầu là Mỹ kiên quyết chống lại». Nhấn mạnh sự phụ thuộc của Nhật-bản vào «thế giới tự do», trong chiến lược mà Nhật-bản «giữ vai trò quyết định là mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau với Mỹ».

Dạng Nhật-bản của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» không đưa ra một định nghĩa có tính giai cấp về các lực lượng cầm quyền trong nước, đánh giá họ là những lực lượng «bảo thủ», và chỉ buộc tội họ là không «sốt sắng thực hành chính trị dân chủ», «phá hoại chính bản thân các cơ sở để thực hành chính trị này». Tất cả những điều đó khiến người ta nghi ngờ tính chân thành trong những ý định của những người xã hội dân chủ Nhật-bản khi xác định trong một văn kiện của họ, nhiệm vụ cơ bản của chủ nghĩa xã hội là «thay đổi tính chất của các quan hệ sản xuất và chế độ xã hội nhằm mục đích xây dựng một xã hội hoàn toàn giải phóng con người và tôn trọng phẩm giá của cá nhân con người». Xét về thực chất, bản «dự thảo» đã lắp lại những

luận điểm cơ bản trong văn kiện có tính cương lĩnh của Quốc tế xã hội, trong « Tuyên ngôn Phơ-răng-phuốc » năm 1951.

Cương lĩnh của Đảng xã hội dân chủ được thông qua tại đại hội lần thứ IV của đảng này trong tháng giêng năm 1962. (1) Cũng như « Dự thảo cương lĩnh Đảng xã hội thống nhất », cương lĩnh này được duy trì theo tinh thần của « Tuyên ngôn Phơ-răng-phuốc » và đồng thời mang trong bản thân nó dấu ấn của sự tiến hóa mà trào lưu xã hội dân chủ đã trải qua trước khi bước vào những năm 60. Đảng xã hội dân chủ tự xác định mình là « chính đảng của nhân dân lao động thuộc những tầng lớp rất khác nhau trong nhân dân kể cả công nhân, nông dân, ngư dân, trung và tiểu thương, trung và tiểu kỹ nghệ gia, trí thức kỹ thuật, quan chức, những người làm nghề tự do, những người nội trợ và v.v». Cương lĩnh có nói: « Đảng ta không phải là một đảng có tính giai cấp, một đảng cho rằng sứ mệnh lịch sử thực hiện chủ nghĩa xã hội chỉ thuộc về một giai cấp nhất định, và chỉ thể hiện lợi ích của một giai cấp mà thôi. Đảng ta là một đảng thừa nhận những lợi ích chung của dân tộc bên cạnh những mâu thuẫn về lợi ích giữa tập đoàn cá biệt trong xã hội ». Như thế là Đảng xã hội dân chủ đã tự đặt cho mình ở phía cực hữu nhất của trào lưu xã hội dân chủ quốc tế, ở cùng một hạng với các đảng như Đảng xã hội dân chủ I-ta-li-a, nhóm « Liên minh xã hội dân chủ » trong Công đảng Anh.

Trong cương lĩnh cũng có vài chỗ phê phán xã hội tư bản, và nói riêng, có thừa nhận rằng chủ nghĩa tư bản « đã dẫn đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, nhưng

1. Cương lĩnh Đảng xã hội dân chủ đăng trong tuyển tập « Đảng xã hội dân chủ », tr. 277–290.

đồng thời lại biến con người thành hàng hóa, sản sinh ra nạn người bóc lột người». Ngoài ra, nội dung của chủ nghĩa xã hội được trình bày là «phát triển các lực lượng sản xuất và phân phối công bằng» điều này bao hàm nghĩa cụ thể là «xây dựng quốc gia phồn vinh trên cơ sở một nền kinh tế hỗn hợp».

Cương lĩnh của Đảng xã hội dân chủ còn trắng trợn đả kích chủ nghĩa xã hội khoa học: «Mác... đã tuyệt đối hóa chủ nghĩa duy vật lịch sử vốn chỉ là một trong những giả thiết, đã đánh giá thấp nguy cơ của cách mạng và chuyên chính, đã không thể luận giải về dân chủ». Cương lĩnh này còn đả kích thô bạo «lý thuyết hiện đại về xây dựng chủ nghĩa cộng sản». Chủ nghĩa cộng sản bị đặt cùng hàng với chủ nghĩa phát xít.

Trong «những nguyên lý cơ bản» mở đầu văn bản, cương lĩnh khẳng định rằng «lợi ích giai cấp» đối lập với «sự phát triển một cách tự do của cá nhân», «lợi ích của giai cấp» đối lập với «lợi ích của nhân dân». Nhấn mạnh rằng Đảng xã hội dân chủ là «Đảng nhân dân» mà mục đích là đối lập với chủ nghĩa tư bản, với chủ nghĩa độc tài cánh hữu và cánh tả, giải phóng tất cả các thành viên của xã hội khỏi mọi ách áp bức và bóc lột và xây dựng xã hội, trong đó phẩm giá của con người được tôn trọng, trong đó cá nhân có thể phát triển một cách tự do. Cương lĩnh nói: «Chúng tôi rất coi trọng phẩm giá con người, cái mà chúng tôi đặt cao hơn tất cả không phải là chính quyền nhà nước, không phải là những lợi ích giai cấp, và càng không phải là sự giàu có về vật chất, mà chính là sự phát triển tự do của cá nhân con người».

Trong chương «Chủ nghĩa xã hội Nhật-bản» thể hiện niềm tin rằng, tuyệt đối có thể vận dụng những tư tưởng

chủ nghĩa xã hội dưới dạng ban đầu của nó (dạng trước Mác) vào tất cả các nước, kể cả Nhật-bản, với điều kiện là những hình thức cụ thể của việc thực hiện của chủ nghĩa xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển xã hội, tiến bộ khoa học, cũng như hoàn cảnh thực tế đã hình thành trong nước này hay nước khác. Cương lĩnh xác định vị trí và vai trò của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » như là một sự kế thừa những lý tưởng xã hội chủ nghĩa dưới dạng ban đầu của chúng, khi mà cơ sở của chúng là những nguyên tắc của « chủ nghĩa nhân đạo ».

Trong chương « Những nhiệm vụ trước mắt chúng ta » có nhận định rằng trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, vẫn còn có « nhiều thiếu sót » mà người ta chỉ có thể khắc phục được bằng chủ nghĩa xã hội dân chủ. Tiến bộ khoa học kỹ thuật, việc sử dụng năng lượng nguyên tử đã chuẩn bị cơ sở vật chất để giải quyết vấn đề cơ bản của nhân loại — thoát khỏi cảnh nghèo đói. Đồng thời trong thế kỷ XX, con người đang chịu đựng ách áp chế chưa từng thấy từ phía 2 hệ thống do chính con người tạo ra: một nền sản xuất cơ khí hóa, trong đó con người không phải là chủ nhân mà chỉ là « phần phụ » của máy móc, và từ phía nhà nước mà đại diện là các thế lực cầm quyền đang lạm dụng những phương tiện thuộc quyền định đoạt của họ. « Tất cả những cái đó tăng cường nguy cơ chuyên quyền kiểm soát đời sống của con người, khi mà dân chủ thoái hóa thành một nền dân chủ hình thức thuần túy ».

Một trong những luận điểm cơ bản trong dạng Nhật-bản của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », luận điểm được sử dụng trước hết trong hoạt động thực tiễn của Đảng xã hội dân chủ là luận điểm khẳng định rằng việc công nhân tham gia quản lý sản xuất, sự phát triển của trình

độ kiến thức kỹ thuật đã dẫn tới sự phân hóa của giai cấp công nhân, tới sự kết tủa từ giai cấp công nhân của một tầng lớp trung gian mới. Hệ thống phức tạp các quan hệ xã hội hiện nay đã không còn dung hợp nữa với những khuôn khổ của « sự đối kháng cơ bản giữa lao động và tư bản », không thể giải quyết những mâu thuẫn hiện đang tồn tại chỉ bằng một cách đấu tranh giai cấp mà thôi. Điều này, theo các tác giả của bản cương lĩnh có liên quan trước hết tới Nhật-bản, một nước chỉ trong một thời gian hết sức ngắn đã từ một nước phong kiến trở thành một nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao độ. Trong khuôn khổ nền kinh tế nhiều thành phần của Nhật-bản, đang cùng tồn tại các siêu độc quyền, các tờ-rớt khổng lồ và các xí nghiệp hết sức nhỏ, trong đó nhiều khi lực lượng lao động chỉ là một gia đình mà thôi. Cho đến hiện nay vẫn có 10% số dân là những người không có tài sản. Chú ý tới « tính không thuần nhất » của các lực lượng bảo thủ ở Nhật-bản, trong đó bên cạnh những lực lượng « sẵn sàng kiểm nghiệm chủ nghĩa tư bản bằng những phương pháp dân chủ » còn có những lực lượng biện hộ cho các trật tự trước chiến tranh của nước Nhật-bản quân phiệt và muốn phục hồi những trật tự ấy, những người xã hội dân chủ cánh hữu Nhật-bản trong cương lĩnh vẫn trước hết nêu lên hiểm họa của một « cuộc cách mạng bạo lực », cuộc cách mạng này, theo sự khẳng định của họ, chỉ có nghĩa là « thay đổi một tai họa này bằng một tai họa khác ». Ở đây người ta đối lập các hình thức đấu tranh nghị trường với phong trào quần chúng, coi phong trào quần chúng là « một trong những hình thức biểu hiện ý chí của nhân dân, nhưng lại là một hình thức có thể dễ bị lợi dụng nhằm mục đích phá hoại trật tự hiện đang tồn tại ». Mục đích mà Đảng xã hội dân chủ đặt ra một cách mị dân

là « bảo vệ dân chủ » không những trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền mà cả sau khi đã giành được chính quyền.

Trong cương lĩnh đó nói nhiều về « trật tự kinh tế ». Trong khi trình bày nhiệm vụ của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là « phát triển lực lượng sản xuất và phân phối một cách công bằng các kết quả lao động », những người xã hội dân chủ Nhật-bản thấy cần phải cải cách cơ cấu kinh tế và tiến bộ kỹ thuật. Họ đề nghị thiết lập một trật tự kinh tế, trong đó « các lợi ích xã hội sẽ được chú ý trước hết ». Và chỉ có thể đạt tới trật tự này bằng cách « hết sức nhanh chóng xây dựng một nhà nước phồn vinh trên cơ sở một nền kinh tế hỗn hợp » Trong khi thừa nhận sự cần thiết phải kế hoạch hóa kinh tế nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cương lĩnh lại không chấp nhận tiến hành (trừ trường hợp đặc biệt) « chế độ phân phối tuyệt đối », chế độ này tiêu hủy thế chủ động sáng tạo của cá nhàn. Lưu ý tới sự cần thiết trong một số trường hợp phải thực hiện sự kiểm tra hành chính đối với các hoạt động đầu tư và các cơ chế khác trong hoạt động kinh tế, cương lĩnh lại lên tiếng tán thành sử dụng toàn diện cơ chế định giá và tự do cạnh tranh. Về vấn đề quốc hữu hóa có nói: « Chúng ta phản đối quốc hữu hóa vì quốc hữu hóa. Chúng ta thừa nhận công hữu hóa, xã hội hóa sản xuất là một phương sách công bằng, phục vụ cho lợi ích của xã hội, trong trường hợp cần bảo đảm việc kế hoạch hóa kinh tế hoặc cần đặt những sức mạnh kinh tế lớn lao dưới quyền kiểm soát của nhân dân ». Họ đề nghị nhà nước kiểm soát các ngành sản xuất « có ý nghĩa quan trọng sống còn đối với nền kinh tế quốc dân, đòi hỏi phải đầu tư nhiều và đang được nhà nước tài trợ ». Họ đề nghị mở rộng thương nghiệp, hết sức phát triển

các ngành sản xuất hiện đại và rút ngắn ngày lao động, coi đó là cơ chế bảo đảm có đầy đủ công ăn việc làm nhằm xóa bỏ nạn thất nghiệp, nạn này « có nghĩa là một sự phung phí các tài nguyên thiên nhiên và một sự suy đồi về mặt tinh thần ».

Bằng cách thi hành chính sách đánh thuế toàn diện vào những thu nhập lớn, phi lao động, cương lĩnh đề nghị dần dần xóa bỏ tình trạng chênh lệch về mặt vật chất, biến toàn thể nhân dân thành một « giai cấp trung lưu ».

Như vậy là trong dạng Nhật-bản của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » vẫn có sự biện hộ cho chế độ tư bản chủ nghĩa y hệt như trong các công trình lý luận của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu ở Tây Âu. « Nền kinh tế hỗn hợp », khước từ xã hội hóa tư liệu sản xuất, duy trì chế định tư hữu tư liệu sản xuất, không hề phân tích hoạt động của các giới độc quyền và ảnh hưởng quyết định của chúng đối với đời sống chính trị của xã hội, tuyệt đối hóa những nguyên tắc của « cương lĩnh đa nguyên », tất cả những cái đó có nhiều phần lắp lại những luận điểm cơ bản của các văn kiện như cương lĩnh Gốt-đen-béc của Đảng xã hội dân chủ Đức.

Cương lĩnh của những người xã hội dân chủ cánh hữu Nhật-bản trong phần chính sách đối ngoại, có những lời kêu gọi « đi tới một nền hòa bình trên toàn thế giới mà cơ sở không phải là lực lượng vũ trang », và kết quả cuối cùng của việc này phải là việc thành lập « một nhà nước toàn thế giới ». Trong khi kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, cấm vũ khí nguyên tử hạt nhân và ký kết hiệp ước về giải trừ quân bị « trên cơ sở một chế độ kiểm soát đầy đủ », Đảng xã hội dân chủ Nhật-bản lại

đồng thời đứng lên đòi tăng cường tiềm lực quân sự của Nhật-bản, điều này trái với Hiến pháp Nhật-bản.

Lý luận và hoạt động thực tiễn của Đảng xã hội dân chủ đã bị Đảng cộng sản Nhật-bản thường xuyên phê phán. Đảng cộng sản Nhật-bản xác định Đảng xã hội dân chủ là « con ngựa thành Tơ-roa của các lực lượng bảo thủ ». Trong những năm 70 mà ở Nhật-bản gọi là « thời kỳ mặt trận thống nhất », vấn đề cơ bản khi đánh giá một đảng đối lập này hay một đảng đối lập khác là vấn đề đảng ấy đến chừng mực nào trong ý nguyện « đổi mới » chân thành chế độ hiện đang tồn tại. Trên cơ sở phân tích lý luận và hoạt động thực tiễn của Đảng xã hội dân chủ, xét thấy rằng chủ nghĩa chống cộng sản của Đảng xã hội dân chủ đã được bộc lộ rõ ràng, những người cộng sản Nhật-bản không nhận đảng này có quyền tự xưng là đảng của sự đổi mới. Lên tiếng phản đối tư tưởng về « cuộc đấu tranh chung của tất cả các đảng đối lập », do Đảng xã hội Nhật-bản đề ra và đề nghị nhất thiết phải đưa Đảng xã hội dân chủ vào mặt trận thống nhất, Đảng cộng sản đã từ chối tham gia bất cứ hành động chung nào với Đảng xã hội dân chủ.

Về phần mình, Đảng xã hội Nhật-bản, để lý giải cho quyết định thu hút Đảng xã hội dân chủ vào cuộc đấu tranh chung, đã tuyên bố : « Thật là một sai lầm nghiêm trọng nếu từ chối đoàn kết với hai triệu công nhân thuộc trung tâm công đoàn Domei (1) đang nằm dưới ảnh hưởng của Đảng xã hội dân chủ, và bằng cách đó đẩy họ sang phía kẻ thù (2). Đảng xã hội, mà một bộ

---

1. Liên hiệp lao động toàn quốc Nhật-bản ủng hộ Đảng xã hội dân chủ *(Biên tập)*.

2. Lập trường của 4 đảng đối lập về vấn đề chính phủ liên hợp dân chủ. Tuyển tập văn kiện — « Xô-bê Trêc-can », Tô-ki-ô, 1974, số 191, tr.9.

phận nhất định nằm dưới ảnh hưởng của Đảng xã hội dân chủ trong việc lựa chọn một trong hai dạng liên minh đối lập (hoặc liên minh Đảng xã hội Nhật-bản — Đảng cộng sản Nhật-bản, hoặc liên minh Đảng xã hội Nhật-bản — Đảng Kô-mây-tô) — Đảng xã hội dân chủ đã chọn dạng thứ hai.

Lý luận và hoạt động thực tiễn của Đảng xã hội dân chủ là đối tượng phê phán không những của Đảng cộng sản Nhật-bản, mà còn của những người khác đại diện cho tư tưởng xã hội tiến bộ của đất nước. Nhà chính trị học nổi tiếng, phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Tô-ki-ô «Minh trị» Phu-cu-gi Ta-gu-chi đã xác định cương lĩnh của Đảng xã hội dân chủ là một hỗn hợp từ nhiều khái niệm luân lý tư tưởng và không tưởng» (1), mà các nét cố hữu là «tính trừu tượng, tính lập lờ nước đôi, sự luân lý hóa và tính không thực tiễn». Nếu chủ nghĩa xã hội dân chủ chỉ là một tên gọi của chủ nghĩa cải lương — Ta-gu-chi viết — thì nó không nên tự xưng là chủ nghĩa xã hội bởi vì chủ nghĩa cải lương không nêu vấn đề biến chế độ hiện tại thành xã hội xã hội chủ nghĩa». (2)

Tính không rõ ràng của những luận điểm trong cương lĩnh đã nhiều lần dẫn tới tình trạng chia rẽ ngay trong nội bộ Đảng xã hội dân chủ, mỗi khi cần giải quyết các vấn đề cụ thể trước mắt. Thật vậy, đầu những năm 60, trong Đảng xã hội dân chủ đã có một cuộc tranh luận về việc giải thích quy chế «những biện pháp tối thiểu» cần thiết cho công cuộc phòng thủ Nhật-

---

1. *F.Taguchi*: The Democratic Socialist Party. — In: «Journa of Social and Political Ideas in Japan». Tokyo, XII 1961, vol. N 3, p. 60 — 61.

2. Ibidem.

bản. Ở đây, như ông Ta-gu-chi đã nhấn mạnh, chỉ có ban lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ «do biết uyển chuyển giải thích Hiến pháp» đã thừa nhận cho Nhật-bản có quyền duy trì các lực lượng vũ trang, trong khi một bộ phận đại biểu của những tổ chức ngoại vi của đảng đã cương quyết lên tiếng đòi trung lập không vũ trang, vì như thế là giữ một lập trường tương tự như của Đảng xã hội Nhật-bản.

Và ban lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ cũng đã cảm thấy rằng lập trường lý luận của họ không được luận giải đúng mức. Vì vậy đã thành lập «Hội nghiên cứu chủ nghĩa xã hội dân chủ». Song quen biết các công trình lý luận mà Hội này đã thực hiện, người ta phải rút ra kết luận rằng quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» trong dạng Nhật-bản có nhiều mâu thuẫn không nhất quán. Thật vậy, trước khi khai mạc Hội nghị lần thứ 17 của «Hội nghiên cứu chủ nghĩa xã hội dân chủ» (năm 1976), trên các tạp chí «Kai-ka-ku-xi-a» («Nhà cải cách cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội dân chủ) đã đăng nhiều bài phát biểu của ông Xê-ki – Yô-xi-khi-cô, chủ tịch Hội nói trên. Trong một bài đề cập tới việc xác định những vấn đề đang được đặt ra cho «chủ nghĩa xã hội dân chủ» trong tình hình quốc tế mới, Yô-xi-khi-cô đã hoài nghi tính thẩm quyền của việc tuyệt đối hóa những luận điểm cơ bản làm nền tảng cho quan niệm này. Trong khi chỉ ra rằng trong «các nước dân chủ – tự do» – người ta gọi các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây như vậy – đã xuất hiện vấn đề «khả năng của nền dân chủ bảo đảm quản lý xã hội», Yô-xi-khi-cô nhấn mạnh rằng cái gọi là việc chú ý trước hết đến các quyền của cá nhân làm suy yếu «tinh thần lo cho cái chung», làm nảy sinh quan điểm cho rằng đời sống cá nhân là phương thuốc vạn năng để chữa trị mọi tai họa.

« Điều đó không những làm yếu khả năng của xã hội chống lại áp lực từ bên ngoài, mà còn dẫn tới việc hủy hoại xã hội từ bên trong. Xuất hiện vấn đề : liệu nền dân chủ có còn sống sót được ở các nước phát triển trong nửa cuối thế kỷ XX hay không ? » (1).

Cũng như tất cả các đảng xã hội dân chủ trong đó địa vị thống trị thuộc về các lực lượng xã hội dân chủ cánh hữu. Đảng xã hội dân chủ Nhật-bản được coi là « một đảng trung gian », « một đảng bảo thủ thứ hai ». Chính bản thân Đảng xã hội dân chủ đã giải thích tiếng tăm xấu của mình bằng « tình trạng lạc hậu về chính trị » của người Nhật, bằng « tính nhất quyết của họ, khi mà tất cả đều bị phân chia thành cái đen và cái trắng ».

Theo số liệu của Quốc tế xã hội, Đảng xã hội dân chủ Nhật-bản có 60.000 đảng viên (2). (Đảng xã hội Nhật-bản có 36.000 đảng viên). Không ngừng gắn bó với Đảng xã hội dân chủ, Doméi, Liên đoàn lao động toàn quốc Nhật-bản, trung tâm công đoàn đứng thứ 2 ở Nhật-bản về số lượng đoàn viên, đại diện cho công nhân các xí nghiệp tư nhân, có ảnh hưởng lớn. Năm 1977, Đảng xã hội dân chủ đã được tăng mạnh số đại biểu của mình trong quốc hội (hạ nghị viện).

Tháng ba năm 1976, Đại hội bất thường lần thứ XX của Đảng xã hội dân chủ được triệu tập để xác lập chương trình hành động và đường lối của đảng trong cuộc bầu cử hạ nghị viện sắp tới. Lập trường về vấn đề thành lập chính phủ của mặt trận thống nhất các lực lượng tiến bộ đã chứng tỏ Đảng xã hội dân chủ đi vào con đường

---

1. *X.Yô-xi-khi-cô*: Những chuyển biến trong tình hình quốc tế và chủ nghĩa xã hội dân chủ ». – « Kai-ka-ku-xi-a », Tô-ki-ô, 1975, số 189 (tháng chạp), tr.4 (tiếng Nhật).

2. « Socialist affairs », L., 1975, vol XXV, N6 p. 106.

của chủ nghĩa chống cộng sản. Trong khi tuyên bố chống lại chính phủ bảo thủ, Đảng xã hội dân chủ lại nhấn mạnh vào sự cần thiết đối lập với chủ nghĩa cộng sản. Một trong những người lãnh đạo của Đảng này là I.Ka-xu-ga đã tuyên bố : Đảng xã hội dân chủ cho rằng sứ mệnh của mình là « bảo vệ tự do và dân chủ chống lại chủ nghĩa cộng sản ». Trong tất cả các vấn đề cơ bản (về « Hiệp ước an ninh », về liên minh quân sự với Mỹ, về chính phủ liên hiệp, cũng như về tính cách « bất hợp pháp » của cuộc tổng bãi công mùa thu năm 1975), lập trường của Đảng xã hội dân chủ đã xích lại gần với lập trường của Đảng dân chủ — tự do đang cầm quyền. Bằng cách đó, Đảng xã hội dân chủ lại một lần nữa khẳng định việc xác định nó là một « đảng bảo thủ thứ hai » là đúng.

Tất cả những điều trên chứng tỏ rằng quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » được xây dựng ở Nhật-bản bởi những lực lượng đang truyền bá chủ nghĩa chống cộng sản và chủ nghĩa chống Liên-xô, đang chủ trương công khai thích nghi với chế độ tư bản chủ nghĩa và đang cố đẩy giai cấp công nhân Nhật-bản vào con đường đó.

5. Những âm mưu xâm nhập tư tưởng vào các nước đang phát triển của trào lưu xã hội dân chủ. « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » châu Phi *

Sự củng cố của các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sự tăng cường ảnh hưởng của các nước này trên vũ đài thế giới về việc thực hiện thắng lợi chính sách làm dịu tình hình căng thẳng..., tạo ra những điều kiện thuận lợi để nhân dân các nước triển khai cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội, chống lại các âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động trong nước

* Tham gia soạn thảo phần này có N.I.Vư-xô-kai-a, chuyên viên cao cấp của viện châu Phi thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên-xô.

phục hồi và củng cố các vị trí đã suy yếu của chúng. Ngày càng có nhiều nước lựa chọn cho tương lai của mình con đường cải cách xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa trở thành ngôi sao dẫn đường đối với các nước này.

Song chính sự hiểu biết về bản chất của chủ nghĩa xã hội của nhân dân các dân tộc đã từng sống hàng thế kỷ trong hoàn cảnh bị áp bức, không có quyền hành và dốt nát, được xây dựng trong những điều kiện phức tạp của cuộc đấu tranh tư tưởng giữa một bên là các lực lượng hòa bình và tiến bộ và một bên là các thế lực của chủ nghĩa đế quốc. Trong quá trình đấu tranh chống đế quốc, phong trào giải phóng dân tộc càng tiếp tục xích lại gần với hai lực lượng chủ chốt khác của thời đại ngày nay là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và phong trào công nhân quốc tế, do đó tạo ra những điều kiện để hình thành những quan điểm khoa học về chủ nghĩa xã hội.

Yêu cầu khách quan của nhân dân các nước đang phát triển xây dựng con đường phát triển xã hội chủ nghĩa cũng được các trào lưu chính trị — tư tưởng khác trên thế giới, những trào lưu, đang ra sức mở rộng ảnh hưởng và truyền bá quan điểm xã hội chủ nghĩa của mình sang những nước này, chú ý đến. Trong số những trào lưu chính trị tư tưởng ấy, trào lưu xã hội dân chủ quốc tế, cơ quan lãnh đạo của nó — Quốc tế xã hội — tỏ ra đặc biệt tích cực. Thấy rõ quan niệm « chủ nghĩa xã hội dân chủ » không thể được các nước đang phát triển tiếp thu dưới dạng được trình bày ở các nước Tây Âu, do điều kiện đặc thù và trình độ phát triển, Quốc tế xã hội mưu tìm những hình thức xâm nhập về tư tưởng, những hình thức không ra vẻ bắt buộc nhưng cho phép lôi kéo

những nước này vào quỹ đạo của phong trào xã hội dân chủ.

Để tạo cơ sở cho việc xâm nhập tư tưởng, Quốc tế xã hội trước hết xây dựng những cơ cấu tổ chức có thể cho phép thực hiện một cách linh hoạt hơn những mục tiêu được đặt ra. Việc nghiên cứu tổng hợp các vấn đề có liên quan đến [« chiến lược của chủ nghĩa xã hội đối với các nước « thế giới thứ ba »] được trao cho một nhóm nghiên cứu trực thuộc Quốc tế xã hội.

Ngay trong văn kiện có tính cương lĩnh đầu tiên sau chiến tranh của Quốc tế xã hội là bản « Tuyên ngôn Phran-phuốc » năm 1951, trào lưu xã hội dân chủ đã làm ra vẻ đoạn tuyệt với chính sách thuộc địa của các nước đế quốc chủ nghĩa. Trong văn kiện có nói : « Nhân dân các dân tộc trong những vùng kinh tế chậm phát triển của thế giới bắt đầu nhận được ở chủ nghĩa xã hội một sự giúp đỡ quý báu cho cuộc đấu tranh vì tự do và những điều kiện sống tốt lành hơn. Dưới ảnh hưởng của nhiều hoàn cảnh khác nhau, ở đây đã xuất hiện nhiều hình thức của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Những người xã hội ở các nước này đấu tranh chống lại những hình thức bóc lột và ăn bám của các tập đoàn tài phiệt bản xứ, cũng như chống lại ách bóc lột thuộc địa của các nhà tư bản nước ngoài » (1).

Song những lời đã được tuyên bố lại không phù hợp với việc làm cụ thể của các đảng xã hội dân chủ, đặc biệt là của những đảng đang cầm quyền trong các nước Tây Âu, gắn bó bằng nhiều hiệp ước và mối quan hệ với các nước đế quốc chủ nghĩa khác, và buộc phải

---

1. Aims and tasks of democradic socialism in declarations of Socialist International. L., 1972.

thực hiện cùng một chính sách thực dân mới. Nhân dân các nước đang phát triển không thể không nhận thấy điều đó, và họ hiểu rõ rằng chính Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã và đang ủng hộ họ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, chứ không phải là các nước đế quốc chủ nghĩa mà chính sách của chúng được trào lưu xã hội dân chủ góp phần xác định.

Trong những năm qua, trào lưu xã hội dân chủ ra sức uốn nắn lại tình thế, xoa dịu ấn tượng xấu của nhân dân các nước đang phát triển về vai trò hai mặt, đồng lõa với chủ nghĩa thực dân của trào lưu dân chủ xã hội.

Trong khi nêu rõ ý muốn lôi kéo các trào lưu khác nhau của chủ nghĩa xã hội phi vô sản, « dân tộc » trong các nước Á, Phi Mỹ La-tinh về phía các lực lượng xã hội dân chủ, Tổng thư ký Quốc tế xã hội G. La-ni-tréc ngay từ năm 1970 đã tuyên bố: « Chúng ta phải có mặt ở đó, chúng ta phải thiết lập các cuộc tiếp xúc. Chúng ta là những người bạn tự nhiên của những dân tộc này và phải cùng nhau làm tất cả những gì có thể làm để họ hiểu rõ điều đó » (1).

Trong phạm vi thực hiện cụ thể những mục tiêu đã được đặt ra, các nhà lãnh đạo Quốc tế xã hội cố gắng khắc phục những bất đồng đang tồn tại giữa các đảng xã hội dân chủ ở Tây Âu và các đảng xã hội dân chủ trong một loạt nước châu Á về vấn đề những con đường và phương pháp đấu tranh vì độc lập dân tộc. Lúc ấy những bất đồng này đã dẫn tới sự biệt lập hoàn toàn của Hội nghị các đảng xã hội ở châu Á (1953 – 1962). Năm 1967, để khắc phục bất đồng, Quốc tế xã hội tiến hành ở Tô-ki-ô « Diễn đàn Hợp tác quốc tế ». Ba năm

1. « SII », 1970, N2, vol. XX, p. 14.

sau, năm 1970, theo sáng kiến của Quốc tế xã hội, Hội nghị các đảng xã hội ở châu Á và châu Đại dương đã họp ở Oa-sinh-tơn. Tham gia hội nghị này có các đảng xã hội dân chủ Úc, I-xra-en, Nhật-bản (Đảng xã hội dân chủ), Ma-lai-xi-a, Tân Tây-lan và Xinh-ga-po; Miến-điện và In-đô-nê-xi-a có tham gia với tư cách quan sát viên.

Đại hội lần thứ XII của Quốc tế xã hội họp năm 1972 đã hợp pháp hóa Tổ chức xã hội chủ nghĩa châu Á và châu Đại-dương. Đại hội đã phê chuẩn các biện pháp được đánh giá là hỗ trợ cho công cuộc phát triển kinh tế của các nước đang phát triển.

Quốc tế xã hội cũng có chuyển biến thái độ đối với các nước Mỹ La-tinh. Đặc biệt là vấn đề sử dụng các phương pháp cách mạng được các nhà tư tưởng của Quốc tế xã hội xem xét có hơi khác một chút. Một trong những nhà tư tưởng nổi tiếng của Quốc tế xã hội là K. Tréc-nhét, người cho đến nay vẫn giữ một lập trường công khai thù địch với việc làm dịu tình hình căng thẳng, trong cuốn sách nhan đề « Quốc tế xã hội — Những tư tưởng và hiện thực », đã thừa nhận rằng: do có sự kiện cách mạng ở Chi-lê, Quốc tế xã hội đã buộc phải quan tâm nghiên cứu « một vấn đề mới... » đó là vấn đề liệu Quốc tế có phải ủng hộ hay không các phong trào và các đảng đã sử dụng những phương pháp không dân chủ trong cuộc đấu tranh với nạn nghèo đói của nhân dân các dân tộc và với các chính thể chuyên chính quân sự ở châu Mỹ La-tinh. Sau nhiều cuộc thảo luận kéo dài, Hội đồng quyết định chiếu cố những điều kiện đặc biệt ở Mỹ La-tinh và thừa nhận chiến lược chính trị cho phép giành dân chủ và chiếm chính quyền để hành động vì chủ nghĩa xã hội trong những nước này. Do đó, Mặt

trận nhân dân ở Chi-lê đã được công nhận trong chừng mực nó hoạt động vì chủ nghĩa xã hội trong các khuôn khổ dân chủ » (1). Như mọi người đều biết, sau đó Quốc tế xã hội đã họp Ban chấp hành ở Xan-ti-a-gô. Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Quốc tế xã hội đã thừa nhận một chính phủ có những người cộng sản tham gia, tuyên bố và bắt đầu thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tháng 5 năm 1976, tại Ca-ra-cát, thủ đô Vê-nê-xu-ê-la, đã có cuộc họp 3 ngày của những người lãnh đạo các đảng xã hội và các đảng xã hội dân chủ ở Tây Âu và Mỹ La-tinh. Đó là một hành động hết sức lớn đã được tiến hành trong khuôn khổ thái độ của Quốc tế xã hội đối với các nước Mỹ La-tinh. Tham dự Hội nghị này có các nhà hoạt động nổi tiếng của Quốc tế xã hội như V. Bran, B. Krây-xky, M. Xoa-rét, A. I-ô-ghen-xen. Hội nghị đã được triệu tập theo sáng kiến của những người xã hội dân chủ Tây Đức và Đảng « Hành động dân chủ » của Vê-nê-zu-ê-la.

Hội nghị đã có những sự chỉ trích gay gắt đối với ban lãnh đạo các đảng xã hội dân chủ Tây Âu. Bộ trưởng ngoại giao Ha-mai-ca, Đ. Tôm-sơn đã hoài nghi tình đoàn kết của trào lưu xã hội dân chủ châu Âu đối với các nước đang phát triển. Ông ta tuyên bố rằng những người xã hội dân chủ Tây Âu đã xuất khẩu sang những nước nghèo trên thế giới tất cả những gì họ muốn, chỉ trừ chủ nghĩa xã hội mà thôi. Cả B. Krây-xky cũng buộc phải thừa nhận điều này khi tuyên bố rằng triết học xã hội dân chủ, trên một mức độ đáng kể, đã mất sức hấp

1. K. Czernetz: Die Sozialistische Internationale. Idee und Wirklichkeit. Wien, 1972, S. 65–66.

dần đối với các tầng lớp quần chúng bị áp bức trên trái đất.

Sự phê phán của đại diện các đảng ở các nước Mỹ La-tinh đã được ghi nhận trên một mức độ nào đó trong văn kiện kết thúc Hội nghị. Văn kiện nêu lên rằng những người tham gia hội nghị « lên án các chính thể phát-xít và độc tài đang tồn tại trên lục địa châu Mỹ ». Văn kiện cũng tuyên bố rằng: « Không có một giải pháp chung cho các nước để đạt tới dân chủ hoàn toàn. Mỗi nước và mỗi khu vực trên thế giới phải tìm cho mình một con đường riêng để đi tới tự do và công bằng xã hội, xuất phát từ những điều kiện của thực tiễn và trên cơ sở tăng cường đoàn kết quốc tế! ».

Đại hội lần thứ XIII của Quốc tế xã hội, họp trong tháng Mười năm 1976, rất chú ý tới vấn đề « thế giới thứ ba ». Những nghị quyết được thông qua tại Đại hội chứng tỏ trào lưu xã hội dân chủ quốc tế đang mưu toan tìm cho được một cách đặc biệt để giải quyết các vấn đề đang đặt ra cho các nước đang phát triển, và trên cơ sở ấy lôi kéo các nước này vào quỹ đạo của hệ tư tưởng xã hội dân chủ.

Từ cuối những năm 60, Quốc tế xã hội bắt đầu ngày càng chú ý nhiều hơn đến việc phát triển quan hệ với các nước phương Đông, Ả-rập, ở Cận Đông cũng như ở Bắc Phi. Lý do hàng đầu để xúc tiến những quan hệ này là cuộc khủng hoảng ở Cận Đông. Song mưu đồ đưa tư tưởng của Quốc tế xã hội thâm nhập vào các đảng cầm quyền trong các nước Ả-rập chủ yếu cũng có vai trò không kém phần quan trọng.

Các sự kiện phát triển làm cho Quốc tế xã hội phải áp dụng những phương sách mà mục đích là đẩy lùi hệ tư tưởng mác-xít — lê-nin-nít trong khu vực này và tạo

điều kiện cho hoạt động của các đảng có ảnh hưởng nhất trong các nước Ả-rập đi theo khuynh hướng cải lương.

Cuộc xung đột Ả-rập — I-xra-en đặc biệt làm lộ rõ lập trường không khách quan, công khai thân I-xra-en của đa số đảng trong Quốc tế xã hội, mà nhân tố nổi lên là việc Đảng công nhân I-xra-en cũng là thành viên của tổ chức quốc tế xã hội và lãnh tụ của đảng này, bà G. May-e, đã có ảnh hưởng. Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa và toàn thể loài người tiến bộ đã dành sự ủng hộ toàn diện cho nhân dân Ả-rập đang đấu tranh chống I-xra-en xâm lược mà người đạo diễn cuộc xâm lược là những giới đế quốc chủ nghĩa phản động nhất ở phương Tây. Tình hình ấy đã khách quan đặt những đảng chủ chốt của Quốc tế xã hội vào cùng một hạng với những kẻ đang cố sức làm cho sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Ả-rập thất bại. Nhưng khi nhân dân Ả-rập ngày càng chống trả mạnh mẽ cuộc xâm lược đế quốc chủ nghĩa thì trong Quốc tế xã hội lại to tiếng dòi chuyển hướng thái độ đối với cuộc khủng hoảng Cận Đông và nói chung là đối với các đảng cầm quyền trong các nước Ả-rập.

Ngay trong năm 1961, chủ tịch Đảng xã hội Áo Krây-xky nêu đề nghị tổ chức một phái bộ đặc biệt của Quốc tế xã hội sang các nước Ả-rập nhằm tìm các lời giải đáp cho ba câu hỏi: liệu các nước Ả-rập có sẵn sàng công nhận sự tồn tại của I-xra-en hay không, làm sao có thể phát triển sự hợp tác kinh tế giữa thế giới Ả-rập và Tây Âu, và liệu có thể tạo điểm tiếp xúc cho Quốc tế xã hội trong những nước này không (1).

---

1. « Sozialistische Korrespondenz », 8.III 1974.

Song những bước đi thực tế để thực hiện kế hoạch này chỉ có thể được tiến hành 6 năm sau, năm 1974, khi phái đoàn Quốc tế xã hội, gồm nhiều nhà lãnh đạo của một loạt đảng xã hội do B.Krây-xky dẫn đầu, được cử sang các nước Ả-rập. Chuyến công cán của phái đoàn này bao gồm ba giai đoạn được thực hiện trong những năm 1974 — 1976, và trong những năm ấy, họ đã đến thăm nhiều nước Ả-rập trong đó có An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ai-cập, Xi-ri, I-rắc và đã gặp các đại diện của nhân dân Ả-rập Pa-le-xtin.

Hầu như ở tất cả các nước Ả-rập mà phái đoàn Quốc tế xã hội đến thăm, hai bên trước hết thương lượng về việc xây dựng và phát triển sự hợp tác giữa họ và các đảng cầm quyền trong những nước này. Như đã dự đoán, cản trở chủ yếu của các cuộc đàm phán là lập trường thân I-xra-en mà ai cũng biết của Quốc tế xã hội và nhiều lãnh tụ Ả-rập muốn gây tác động để làm thay đổi. Thật vậy, khi đánh giá kết quả chuyến đi này, báo « An-A-khơ-bát » nhận định: « Nếu trước đây Quốc tế xã hội đánh giá cuộc khủng hoảng Cận Đông thông qua quan điểm của I-xra-en, bỏ qua quan điểm của Ả-rập, thì bây giờ bức tranh đã thay đổi. Quốc tế xã hội bắt đầu xa rời lập trường cổ truyền của mình là ủng hộ I-xra-en và lắng nghe các quan điểm khác nhau, kể cả quan điểm A-rập.. Chính điều đó làm cho I-xra-en lo sợ đứng trước nguy cơ bị cô lập hơn nữa trên trường quốc tế » (1). Nhưng trong thực tế đã không hề có sự thay đổi lập trường của Quốc tế xã hội. Bởi vậy báo « An-Gum-khu-ri-a » đã thận trọng hơn khi đánh giá những kết quả công cán của tổ chức này: « Cuộc đi thăm đã mở đường để chấm dứt

1. « An-A-khơ-bát », 14.III 1974.

độc quyền của I-xra-en lũng đoạn Tây Âu, song chúng tôi không cho rằng một hiệp thương lượng đã khiến Quốc tế xã hội chuyển hướng ngay lập tức sang thế giới A-rập. Để đạt mục đích này, chúng ta cần có những mối liên hệ chặt chẽ với các đảng trong Quốc tế xã hội ở các cấp khác nhau, dần từng bước tác động đến dư luận xã hội Tây Âu bằng cách đem quan điểm của chúng ta đối lập với tuyên truyền của I-xra-en. Những hoạt động này cần phải liên tục và tuân theo một kế hoạch chung của những cố gắng chính trị của chúng ta » (1).

Song lời tuyên bố của báo An-Gum-khu-ri-a cũng chứng tỏ rằng Quốc tế xã hội thực hiện thành công hơn những mục đích của mình, ít nhất cũng là ở Ai-cập, đồng thời vẫn không thực sự thay đổi quan điểm đối với những sự kiện ở Cận Đông. Quả nhiên, như đã nhận định, một trong những mục đích chủ yếu của chuyến công cán là xác lập và phát triển quan hệ tiếp xúc với những đảng cầm quyền trong các nước A-rập, để làm sức ép cho ảnh hưởng tư tưởng xã hội dân chủ đối với thế giới A-rập. Để đạt mục đích, trong khi không thay đổi thực chất lập trường về cuộc khủng hoảng Cận Đông, phái đoàn Quốc tế xã hội tỏ vẻ « thông cảm » với lập trường của các nước A-rập.

Một mặt, các nhà hoạt động của Quốc tế xã hội không hề đưa ra một lời tuyên bố nào lên án cuộc xâm lược của I-xra-en chống các nước A-rập, nhưng mặt khác lại nhiều lần nhấn mạnh quan hệ đặc biệt của mình với Đảng công nhân I-xra-en. Ngay trong quá trình công cán, Trưởng đoàn B.Krây-xky đã cam kết với I-xra-en: « ... Chúng tôi tuân thủ tinh thần chung thủy tuyệt đối với

1. « An-Gum-khu-ri-a », 13.III 1974.

Đảng công nhân I-xra-en ». Và sau khi về tới Viên, ông ta lại lập tức lắp lại ý kiến này. B.Krây-xky nói rõ, cố gắng làm cho Trung Âu và thế giới A-rập nhích lại gần nhau là một trong những quan niệm của Quốc tế xã hội. Nhưng sự nhích lại gần nhau chỉ có thể được thực hiện với điều kiện là duy trì lòng chung thủy hoàn toàn đối với Đảng công nhân I-xra-en. « Sự thật là chúng tôi không từ bỏ bạn bè của mình đã làm cho quan niệm của chúng tôi... có được một danh tiếng rất tốt đẹp » (1).

Việc trực tiếp tuyên truyền chống cộng sản đã chiếm một vị trí không nhỏ trong các cuộc đàm phán với các nhà hoạt động A-rập. Ra sức làm giảm bớt ấn tượng tốt đẹp từ việc toàn thể cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã chân thành và vô tư giúp đỡ thế giới A-rập trong những thời kỳ khó khăn của thế giới này, và dọn đường để đưa những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội dân chủ vào các nước Ả-rập, các thành viên trong đoàn đã không ngần ngại trực tiếp đả kích chủ nghĩa cộng sản. Thật vậy trong thời gian ở thăm Li-bi, B.Krây-xky đã trình bày những nguyên lý của phong trào xã hội ở Áo và các nước Tây Âu khác, phân tích so sánh những nguyên lý ấy với các nguyên lý trong hệ tư tưởng và chính trị của chủ nghĩa cộng sản, rồi nhấn mạnh: « ... Chúng tôi phủ nhận cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa cộng sản, chúng tôi quý chuộng con đường thứ ba là chủ nghĩa xã hội, một chủ nghĩa xã hội khác về căn bản so với hai chế độ trên ».

Điều tiêu biểu là những lập trường của Quốc tế xã hội đã được hiểu biết nhiều hơn ở Ai-cập. Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Liên minh xã hội chủ nghĩa

---

1. « Presse ». 18.III 1974.

Ai-cập là K.Ga-nem đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc củng cố quan hệ giữa các tổ chức xã hội chủ nghĩa của các nước thuộc « thế giới thứ ba ». Ông ta nói rõ rằng: về nguyên tắc Ai-cập đồng ý tham gia vào hoạt động của Quốc tế xã hội (1). Lê-phơ-bée, đoàn viên của phái đoàn và đại diện của Đảng công nhân xã hội dân chủ Thụy-điển, đã nói rõ : cuộc nói chuyện với tổng thống A.Xa-đát cho thấy Ai-cập tỏ ra rất quan tâm tiếp xúc với các nước trong đó những người xã hội dân chủ đang cầm quyền, trước hết là Áo và Thụy-điển. Đến lượt mình, B.Krây-xky cũng nêu bật lập trường của Ai-cập và nói về khả năng Ai-cập hợp tác với Quốc tế xã hội trong tương lai sắp tới. Đồng thời ông ta cho biết rằng « không hề có chuyện » (2) Liên minh xã hội chủ nghĩa A-rập của Ai-cập tham gia làm thành viên hoàn toàn của Quốc tế xã hội.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy kết quả trong chuyến công cán của Quốc tế xã hội đã được hưởng ứng thuận lợi trên báo chí xã hội dân chủ : phái đoàn đã không thực sự từ bỏ lập trường thân I-xra-en, mà còn tiến được một bước đáng kể trong việc tăng cường quan hệ của Quốc tế xã hội với các đảng cầm quyền trong một số nước A-rập. Vì vậy hoàn toàn có thể hiểu được sự đánh giá của tờ « Azbeiter Zeitung » rằng « được hỏi liệu chuyến công cán này của Quốc tế xã hội có xứng đáng hay không, thậm chí những người hay hoài nghi cũng phải trả lời là có » (3).

---

1. « Egytian Gazette », 12.III 1971.
2. « Presse », Wien, 18.III 1974.
3. « Arbeiter Zeitung », Wien, 18.III 1971

Đồng thời các đảng xã hội và xã hội dân chủ ở châu Âu cũng ngày càng tăng cường quan hệ và tiếp xúc với thế giới Á-rập. Trong thời gian qua, đáng chú ý là sự tăng cường những quan hệ như vậy từ phía các đảng Pháp, Áo và Thụy-điển.

Những điều kiện đặc thù của lục địa châu Phi chế ước những đặc điểm trong sách lược của Quốc tế xã hội đối với khu vực này.

Tính không thuần nhất của đội ngũ lãnh đạo các phong trào giải phóng dân tộc trong một loạt nước châu Phi, khuynh hướng ngả theo các quan điểm và quan niệm tiểu tư sản, cũng như khuynh hướng ngả theo chủ nghĩa chống cộng sản trên một mức độ nào đó do kết quả tác động tuyên truyền của chủ nghĩa tư bản phương Tây, đã mở ra những khả năng nhất định để lan truyền các quan điểm cải lương xã hội trong một bộ phận ban lãnh đạo các phong trào giải phóng.

Trong năm 1961, Quốc tế xã hội đã có một sáng kiến hết sức nổi bật: lần đầu tiên mời đại biểu của một số nước châu Phi đến dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế xã hội. Văn kiện thông qua tại Đại hội «Những nước mới và một thế hệ mới cho chủ nghĩa xã hội» đã cố gắng vạch ra một chương trình hợp tác kinh tế với những nước này.

Năm 1962, một phái đoàn đặc biệt của Quốc tế xã hội đã được phái tới châu Phi nhằm mục đích thu thập thông tin và thiết lập các quan hệ tiếp xúc giúp cho Quốc tế xã hội có «khả năng hiểu rõ hơn nữa những vấn đề chính trị, xã hội và kinh tế và những thay đổi đang diễn ra trong các nước châu Phi» (1).

---

1 «Socialist International information». L, 1962, N2, p. 15.

Trong những năm này, Quốc tế xã hội đã nghiên cứu các vấn đề về tính quan hệ tương hỗ giữa quan niệm tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » với chủ nghĩa xã hội châu Phi. Cuộc thảo luận về vấn đề này được cơ quan chính thức của Quốc tế xã hội, tạp chí « Socialist International information » (hiện nay là « Socialist affairs »), tổ chức trong năm 1960.

Trong văn kiện « Ba quan điểm về châu Phi » do những người Công đảng Anh, những người xã hội Pháp và Bộ hợp tác với các nước đang phát triển của Cộng hòa liên bang Đức soạn thảo, đã nói về sự thích hợp của công xã đối với việc phát triển « chủ nghĩa xã hội dân chủ » ở châu Phi, về sự giống nhau giữa « chủ nghĩa xã hội dân chủ » châu Phi và « chủ nghĩa xã hội dân chủ » châu Âu, về việc « không sao chấp nhận được » kinh nghiệm của Liên-xô. Người ta đề nghị châu Phi phát triển theo « con đường thứ ba », con đường tổng hợp các phương pháp của Trung-quốc, việc linh hoạt kế hoạch hóa kinh tế kiểu Ấn-độ và « chủ nghĩa nhân đạo » của I-xra-en (1).

Đầu những năm 60, những người xã hội dân chủ Tây Âu đã đồng tình với đề nghị của đảng viên Công đảng Anh R. Hin-đen là từ bỏ việc phê phán chế độ một đảng và đình chỉ việc gán ghép cho châu Phi nền dân chủ tư sản nhiều đảng phái.

Những tư tưởng của những người xã hội dân chủ châu Âu đã nhận được thiện cảm của một loạt nhà hoạt động đảng và chính phủ ở châu Phi, những người đã bác bỏ phương hướng xã hội chủ nghĩa và rắp ranh đóng vai trò là những nhà tư tưởng của sự phát triển theo

---

1. « Socialist International information ». L. 1960, N 46 – 47, p. 679.

con đường « thứ ba ». Tư tưởng về việc thiết lập và phát triển các quan hệ tiếp xúc giữa các đảng ở châu Phi và Quốc tế xã hội đã được sự ủng hộ tích cực của đảng viên Đảng xã hội Mô-ri-xơ G. Đa-van, của tổng thống Xê-nê-gan L. Xen-gơ, tổng thống Tuy-ni-di H. Buốc-ghi-ba, cũng như của tổng thống nước cộng hòa Ma-la-ga-xi Si-ra-na-na. Không phải ngẫu nhiên mà những nhân vật này xuất hiện trước sân khấu của sự xích lại gần với Quốc tế xã hội. Thế giới quan riêng cũng như cảm tình chính trị và xã hội của họ được hình thành dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hóa tư sản Pháp. L. Xen-gơ, người đã tạo ra một quan niệm luân lý – xã hội đầy mâu thuẫn là quan niệm « Négritude », tuy có lên án những tệ đoan của « nền văn minh bất nhân », con đẻ của chủ nghĩa tư bản phương Tây, nhưng không bao giờ đi sâu phê phán chủ nghĩa đế quốc. Xét về thực chất ông ta đã và đang đứng trên lập trường « cải tiến chủ nghĩa tư bản ».

Làm nền tảng cho các quan niệm của Xen-gơ là tư tưởng cho rằng không thể vận dụng phương pháp phân tích có tính giai cấp và khoa học để nghiên cứu hiện thực châu Phi và những con đường phát triển các nước châu Phi, bởi vì « tính ngoại lệ » của « cá thể châu Phi » và những vận mệnh lịch sử của các xã hội châu Phi làm cho chúng không chịu sự chi phối của những quy luật lịch sử phổ biến « Chủ nghĩa xã hội châu Phi » phủ nhận tình trạng phân chia xã hội thành các giai cấp, gán cho xã hội châu Phi vốn có tính chất xã hội chủ nghĩa nội tại. Từ đó bác bỏ đấu tranh giai cấp, bác bỏ vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính đảng của nó trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, và coi nông dân

là chủ thể và khách thể chủ yếu của các cuộc cải tạo « xã hội chủ nghĩa ».

Theo quan niệm của Xen-gơ thì bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải được thực hiện theo một « con đường trung gian » nào đó ; con đường đối lập cả với chủ nghĩa tư bản lẫn với chủ nghĩa xã hội, và là con đường phi mác-xít phải chọn để thay thế con đường phát triển tư bản chủ nghĩa.

Nhưng trên thực tế, « con đường trung gian » của Xen-gơ là con đường núp sau ngôn ngữ xã hội chủ nghĩa mà phát triển chủ nghĩa tư bản, trên cơ sở nhà nước điều tiết nền kinh tế « kiểu hỗn hợp », và duy trì bất di bất dịch những vị trí của tư bản tư nhân nước ngoài và bản xứ.

Nếu đầu những năm 60, các nhà lý luận của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » châu Phi còn nhấn mạnh vào việc « xã hội chủ nghĩa hóa » kinh tế, thì trong những định nghĩa gần đây của Xen-gơ, chủ nghĩa xã hội lại được luận giải như là « chủ nghĩa xã hội của sự tham gia trên cơ sở những đại công ty hợp doanh và những hợp tác xã của các nhà buôn và các nhà kỹ nghệ ». Như thế là người ta đã lý giải về mặt lý luận cho chính sách thỏa hiệp và hợp tác với chủ nghĩa thực dân mới, chính sách khuyến khích các phần tử tư bản dân tộc.

Nét đặc thù của dạng châu Phi của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » được thể hiện trong cách luận giải các vấn đề phát triển chính trị. Khác với « chủ nghĩa đa nguyên chính trị » của những người xã hội dân chủ châu Âu, Xen-gơ và một loạt nhà lãnh đạo khác ở châu Phi đã lên tiếng ủng hộ « chế độ một đảng có thực hiện các quyền tự do dân chủ », cho rằng một chế độ chính trị như vậy

là phù hợp hơn cả với các điều kiện của hiện thực châu Phi.

Thành thử « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong dạng châu Phi của nó, là một trong những biến thể của chủ nghĩa cải lương dân tộc, công khai đối lập với chủ nghĩa xã hội khoa học và có khuynh hướng chống cộng sản.

Xét về bản chất « chủ nghĩa xã hội dân chủ » châu Phi là hệ tư tưởng của giai cấp tư sản dân tộc, được hình thành trong thời đại mà những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội ngày càng tranh thủ được lòng dân. Là một trong những nhà lãnh đạo biết nhìn xa trông rộng của giai cấp tư sản châu Phi, Xen-gơ đã khước từ những khẩu hiệu có tính cách tư sản công nhiên, và lấy những khẩu hiệu của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu làm vũ khí của mình sau khi đã cải biến cho hợp với mình.

Sự giống nhau về mặt tư tưởng với chủ nghĩa cải lương phương Tây cũng quy định trước sự xích lại gần nhau về mặt tổ chức của những chiến sĩ châu Phi của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » với trào lưu xã hội dân chủ Tây Âu. Xen-gơ đã nêu lên khả năng hợp tác với trào lưu xã hội dân chủ Tây Âu năm 1973, khi ông ta đi thăm chính thức Pháp, Áo và Phần-lan. Ở Pháp, Xen-gơ tuyên bố có ý định thành lập một văn phòng các đảng xã hội châu Phi để tiến hành thương lượng với Quốc tế xã hội về việc liên kết với tổ chức quốc tế này (1).

Lo ngại trước hoạt động ngày càng tích cực chống chủ nghĩa đế quốc và chống chủ nghĩa tư bản của các tầng lớp nhân dân châu Phi đang bất bình về tình cảnh của mình, đã thúc đẩy những nhà lãnh đạo ở châu Phi

1. « Monde ». P., 24. III 1973.

tán thành « cải tiến » chủ nghĩa tư bản, xích lại gần với Quốc tế xã hội. Những tâm trạng mại bản phát triển trong một bộ phận giai cấp tư sản bản xứ (đặc biệt là trong tầng lớp tư sản quan chức) đang thỏa mãn với mức độc lập đã đạt được. Cơ sở xã hội đang lung lay ở trong nước đã buộc những nhà lãnh đạo này đi tìm bạn đồng minh ở bên ngoài. Song nguyên nhân chủ yếu khiến họ xích lại gần với Quốc tế xã hội là sự phát triển ngày càng gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp và tư tưởng trên toàn lục địa châu Phi. Sự củng cố các vị trí của những người tán thành phương hướng xã hội chủ nghĩa, những thắng lợi của các nước châu Phi đã lựa chọn con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa, sự phát triển tích cực và có hiệu quả của những thỏa thuận nhiều bên giữa châu Phi và các nước xã hội chủ nghĩa đã đang phá vỡ vị trí của các nhà lãnh đạo xã hội dân chủ có thái độ nửa vời trong việc phê phán chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Những chiến sĩ kiên cường đấu tranh vì độc lập thật sự của châu Phi — những người dân chủ cách mạng đang giương cao tư tưởng xu hướng xã hội chủ nghĩa — đã giành được uy tín tinh thần ngày càng tăng.

Kết quả của 10 năm phát triển độc lập, tức vào khoảng đầu những năm 70, cho thấy rõ rằng trào lưu xã hội dân chủ có những vị trí rất yếu ở châu Phi. Chủ nghĩa cải lương — xã hội đã phải chịu một tổn thất rất lớn khi các đảng xã hội bị gạt khỏi chính quyền ở cộng hòa Ma-la-ga-xi và Mô-ri-xơ. Những chính thể cải lương — xã hội khác ở châu Phi đã lâm vào thế bị cô lập.

Hội nghị họp ở Tuy-ni-di hồi đầu tháng bảy năm 1975 được coi là một bước củng cố các thế lực thù địch với phương hướng xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị này được chuẩn bị trong hơn 2 năm, và trong thời gian đó, nhiệm vụ của nó đã bị thay đổi rõ rệt. Nó được hoạch định như một cuộc gặp mặt của «những người xã hội châu Phi» có khả năng thành lập ở châu Phi một tổ chức giống như Quốc tế xã hội của Tây Âu, và sẵn sàng đem hệ tư tưởng chính trị và hoạt động thực tiễn của mình đối lập với các nhà dân chủ cách mạng đang đứng đầu những nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng nó đã biến thành cuộc gặp gỡ của tất cả các đảng chính trị hợp pháp ở châu Phi. Ngoài những đại diện của các phong trào giải phóng dân tộc châu Phi mà Tổ chức thống nhất châu Phi đã công nhận, Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin đã được mời tham dự Hội nghị. «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» không có nhiều chiến hữu ở châu Phi, và Hội nghị không trở thành cuộc gặp gỡ của «những người cùng chung chí hướng», rút cuộc hội nghị này đã được chính thức gọi là «cuộc hội thảo về chủ nghĩa tự do được kế hoạch hóa và về những con đường đi tới chủ nghĩa xã hội của châu Phi».

Khai mạc hội nghị, Tổng thống Tuy-ni-di K.Buốc-ghi-ba đã nói rằng mỗi chế độ xã hội chủ nghĩa ở châu Phi đều rắp ranh đạt danh hiệu là «chủ nghĩa xã hội chân chính» mặc dù đi theo nhiều hệ tư tưởng khác nhau. Đồng thời, ông ta lại nhấn mạnh tất cả những người tham dự Hội nghị đều được cổ vũ bởi những tư tưởng công lý xã hội và điều đó làm cho dễ nói chuyện và hợp tác với nhau. Buốc-ghi-ba gắn quan niệm của mình về «xã hội có công lý xã hội» với việc dành những vận hội như nhau cho tất cả các thành viên xã hội trong lĩnh vực tiếp nhận học vấn, công ăn việc làm, nhà ở, dịch vụ y tế, điều này theo ý ông ta, chỉ có thể đạt được

bằng cách cảm hóa xã hội và kế hoạch hóa chủ nghĩa tự do, nhất thiết không phải là bằng đấu tranh giai cấp. Trong khi bài xích con đường kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa, ông ta đã bênh vực việc «phi tư tưởng hóa» công tác kế hoạch hóa nói chung (tán thành mặt công tác kế hoạch hóa không mang tính giai cấp, coi đó là một phương pháp quản lý sự phát triển mà chức năng chỉ là tổ chức và phối hợp, tán thành một «kỹ thuật kinh tế không bị ràng buộc vào hệ tư tưởng», và lên án «việc tăng cường một cách không sao biện hộ được» vai trò của nhà nước trong xã hội, việc này, theo quan điểm ông ta, sẽ dẫn tới tình trạng đàn áp tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm. Trong bài phát biểu của mình, ông ta đã dựa vào một sự không am hiểu và tầm thường hóa nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà công khai lên án lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tình trạng yếu kém của luận chứng chính trị – tư tưởng trong bài phát biểu của K.Buốc-ghi-ba được bù đắp bằng diễn văn của L.Xen-gơ, nhan đề «Đọc lại Mác và Ang-ghen theo kiểu châu Phi» (1). Phù hợp với tên gọi hợm hĩnh này của bài diễn văn là một nội dung cũng không kém phần hợm hĩnh. Xen-gơ không những buộc tội các đảng mác-xít ở châu Âu đã luận giải không đúng học thuyết của Mác và Ang-ghen và đã cố tình xuyên tạc phương pháp luận của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác, mà còn rắp tâm chứng minh rằng phép luận chứng trên tư cách là một học thuyết về sự phát triển không phải là một bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác. Bài

---

1. *L. Senghor*: Pour une relecture africaine de Marx et d' Engels. (Le sénégal au collogne sur le libéralisme planifié et les voies africaines vers le socialisme. Tunis, 1 – 6. VII 1975).

diễn văn của ông ta là cả một mớ sưu tập những luận điểm chiết trung cũ kỹ: những luận điểm gắn liền với việc không thừa nhận đấu tranh giai cấp, những lời kêu gọi xóa bỏ sự bất bình đẳng không phải giữa các giai cấp, mà là giữa «những dân tộc sung túc» và «những dân tộc vô sản», những mưu mô «hạ uy tín» chủ nghĩa xã hội hiện thực và v.v...

Xen-gơ lên tiếng ủng hộ lý thuyết của Xa-mia A-min về sự xuất hiện của một mâu thuẫn mới toàn cầu, mâu thuẫn giữa «trung tâm» và «ngoại vi» — mâu thuẫn này dường như thay thế cho mâu thuẫn cũ là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Để làm ra vẻ là một nhà lý luận không có định kiến, Xen-gơ đòi hỏi «đoạn tuyệt về mặt tư tưởng» với «trung tâm» dù đó là chủ nghĩa Mác — Lê-nin hay là chủ nghĩa xã hội dân chủ. Trong khi kêu gọi «chấm dứt mọi trách nhiệm» của «ngoại vi» đối với tất cả «chủ nghĩa đế quốc cánh hữu và cánh tả», Xen-gơ đề nghị ý «tìm chân lý» ở châu Phi. Nhìn chung, nếu không lưu ý đến thuật ngữ mới, thì bài diễn văn của Xen-gơ chỉ là một bài văn nửa tán dương con đường phát triển «thứ ba» mà đằng sau nó là chủ nghĩa cải lương — dân tộc tầm thường và sự biện hộ thực sự cho chủ nghĩa tư bản.

Song cả K.Buốc-ghi-ba lẫn L.Xen-gơ đều không thể lĩnh xướng cho Hội nghị. Đại diện của một loạt nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa đã kiên quyết đem quan điểm của mình đối lập lại. Trưởng đoàn đại biểu Đảng lao động Công-gô, Ủy viên Bộ chính trị Đảng lao động Công-gô Pi-e Nơ-đê, trong bài phát biểu của mình, đã vạch rõ rằng chủ nghĩa xã hội khoa học là triển vọng duy nhất dẫn dắt nhân dân châu Phi tới một tương lai

ngày càng tốt đẹp hơn, và ông đã nghiêm khắc lên án âm mưu lén lút đưa chủ nghĩa chống cộng vào Hội nghị. « Chúng tôi không thể nào ký vào các nghị quyết của Hội nghị, nếu như nó sẽ diễn ra dưới nhãn hiệu chủ nghĩa chống cộng » – ông đã tuyên bố như vậy. P.Nơ-dê đã lên tiếng chống lại việc thay thế chủ nghĩa xã hội khoa học bằng những tư tưởng xã hội dân chủ về hòa bình giai cấp, bởi vì, theo lời ông, làm như vậy có nghĩa là phản bội lợi ích của nhân dân và làm lợi cho chủ nghĩa đế quốc.

Đại diện của các đảng tiến bộ chiếm thiểu số ở Hội nghị. Một tương quan lực lượng như vậy đã đóng dấu ấn lên tính chất của các nghị quyết mà cuộc hội thảo đã thông qua, và trước hết là bản « Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị các đảng châu Phi ». Nội dung của bản tuyên bố có nhiều mâu thuẫn : một mặt nói về sự cần thiết đối với các nước châu Phi phải tập trung cố gắng để bảo đảm công cuộc phát triển và để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng mặt khác lại khuyến nghị những biện pháp rõ ràng là không đủ để tiến hành các cuộc cải tạo theo hướng ấy.

Những kết quả của Hội nghị Tuy-ni-di chứng tỏ rằng những người tán thưởng chủ nghĩa cải lương dân tộc châu Phi đã không củng cố được các vị trí của họ. Những hy vọng mà Quốc tế xã hội đặt vào Hội nghị này cũng không thành sự thật. Cũng không có một chuyển biến quan trọng nào trong sự hợp tác giữa Quốc tế xã hội và những người xã hội châu Phi, mà G. La-nhi-trée, Tổng thư ký Quốc tế xã hội đã nói tới trước khi khai mạc Hội nghị. Cũng không lập được « văn phòng liên lạc » như đã dự tính.

Thành thử rõ ràng là chưa thể nói đến một dạng châu Phi khúc chiết của «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Song đồng thời, trong luồng những lý thuyết có thể có và đa dạng về chủ nghĩa xã hội phi mác-xít, quan niệm ấy đã bắt đầu có những đường nét ngày càng cụ thể hơn.

Những nhà hoạt động chính trị có xu hướng mác-xít ở châu Phi đã đem nhận thức chân chính về nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội đối lập lại quan niệm nói trên, đánh giá Hội nghị ở Tuy-ni-di. Uy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng châu Phi độc lập của Xê-nê-gan, A. Đan-xô-kô đã viết: «Thất bại to lớn của những người cổ vũ và tổ chức Hội nghị Tuy-ni-di đã chứng tỏ hùng hồn rằng họ đã nhận định sai lầm về thời đại và lục địa này. Không một kế hoạch và thủ đoạn tinh vi nào, bất kể tác giả và người thực hiện chúng là ai, có khả năng chặn đứng sự vận động hợp quy luật khách quan của nhân dân các dân tộc châu Phi đi tới giải phóng hoàn toàn. Và con đường ngắn nhất dẫn tới mục đích này chỉ có thể do học thuyết duy nhất đúng là chủ nghĩa xã hội khoa học vạch ra mà thôi» (1).

---

1. «Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội» 1975, số 12, tr. 54.

CHƯƠNG III

« CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ » TRONG THỰC HÀNH LÀ NHƯ THẾ NÀO? NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI DÂN CHỦ NẮM CHÍNH QUYỀN

1. Mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực hành

Tiêu chuẩn để đánh giá tính chân lý của một lý thuyết này hay của một lý thuyết khác là thực tiễn. Luận điểm này hoàn toàn có liên quan tới quan niệm của những người xã hội dân chủ về « chủ nghĩa xã hội dân chủ » cũng như với tất cả các biến dạng của nó. Những người xã hội dân chủ đã nhiều lần khi lên cầm quyền trong một loạt nước ở Tây Âu thực sự có khả năng thi hành những biện pháp, xuất phát từ các cương lĩnh lý thuyết và chính trị của họ và theo lời nói của họ, có nghĩa là làm cho chủ nghĩa tư bản chuyển hóa theo hướng trở thành chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Vậy họ đã sử dụng khả năng này như thế nào ? Trong khi theo đuổi những mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », họ đã thay đổi được gì dù chỉ là một phần trong những nền tảng của chủ nghĩa tư bản ?

Xin nhớ lại những sự kiện mà mọi người đều biết Công đảng đã nắm chính quyền ở Anh cộng lại trên 10

năm (1945 – 1950, 1950 – 1951, 1964 – 1966, 1966 – 1970). Từ đầu năm 1974, họ lại một lần nữa thành lập chính phủ. Những người xã hội dân chủ Cộng hòa liên bang Đức đã cầm đầu chính phủ (với sự tham gia của Đảng dân chủ tự do) từ 1969. Từ năm 1945 đến hết năm 1966 Đảng xã hội Áo đã cùng với Đảng nhân dân Áo, một đảng tư sản đứng trong chính phủ liên hiệp hai đảng, còn từ năm 1970 đến nay, Đảng xã hội Ao lập chính phủ một đảng. Trong gần nửa thế kỷ qua với những đứt đoạn ngắn, Đảng xã hội dân chủ Na-uy là đảng cầm quyền. Những người xã hội dân chủ Thụy-điển mới chuyển sang hàng ngũ đối lập. Nhưng trước đó đã từng nắm chính quyền trong hơn bốn chục năm. Những người xã hội dân chủ cũng nhiều lần đứng đầu chính phủ (hoặc tham gia chính phủ liên hiệp) ở Pháp, I-ta-li-a, Đan-mạch, Bỉ, Hà-lan và một số nước khác. Cuối cùng, ở Bồ-đào-nha, những người xã hội năm 1976 đã thành lập chính phủ một đảng, và sau đó (từ cuối năm 1977) đã tham gia chính phủ liên hiệp trong một thời gian ngắn, khi chính phủ này tồn tại.

Như vậy, các đảng xã hội dân chủ ở một loạt nước tư bản chủ nghĩa lớn đã có trong tay đầy đủ khả năng thực tế để thực hiện những tư tưởng của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» và chứng minh con đường cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội mà họ đã tuyên bố là sự lựa chọn để thay thế cho «con đường cộng sản chủ nghĩa». Xin nhớ rằng trong tiến trình lịch sử, một hai năm nắm chính quyền là đủ để các đảng chân chính cách mạng tiến hành những cuộc cải cách triệt để trong các lĩnh vực xã hội và chính trị, mà không một lực lượng nào có thể đảo ngược, thậm chí cả trong những trường hợp mà những đảng thực

hiện cải cách (như đảng Gia-cô-banh chẳng hạn) bị buộc phải tương đối nhanh chóng rút khỏi vũ đài chính trị.

Còn những người xã hội dân chủ, thì trong suốt thời gian cầm quyền, xét về thực chất, thậm chí họ không hề có ý định thực hiện việc thay đổi thực sự cấp tiến cơ cấu kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Và chính bản thân họ đã thừa nhận điều đó. Năm 1975, trong thời gian gặp gỡ B. Krây-xky và V.Bran, thảo luận về những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế đang lan rộng. O. Pan-mơ đã công nhận: « Chúng ta, những người xã hội, đang sống trong tình trạng cộng sinh trên một mức độ nhất định với chủ nghĩa tư bản »(1).

Nếu cương lĩnh tư tưởng của trào lưu xã hội dân chủ — « chủ nghĩa xã hội dân chủ » — xét về thực chất là sự khước từ những cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa có tính nhất quán thì thực tiễn hoạt động chính phủ của họ lại còn đi xa hơn trên con đường này. Có thể ghi nhận một cách có đầy đủ cơ sở rằng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » thực hành, tức chính sách thực sự của « những người xã hội dân chủ » rời bỏ chủ nghĩa xã hội và dân chủ còn xa hơn so với « chủ nghĩa xã hội dân chủ » lý thuyết. Nét đặc trưng cho « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trên tư cách là lý thuyết, hệ tư tưởng và thực tiễn chính sách của trào lưu xã hội dân chủ hiện đại, là mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực hành, thể hiện trong việc chủ nghĩa cải lương — xã hội thi hành một nền chính trị của hệ tư tưởng cải lương xã hội, có rất ít cái chung với những lời lẽ dân chủ và xã hội chủ nghĩa.

---

1. *W. Brandt, B. Kreisky, O. Palme* : Briefe und Gespräche. S. 118.

Thậm chí những môn đệ của quan niệm và nền chính trị này, đặc biệt là những người xã hội dân chủ cánh tả, cũng nói tới sự cách biệt giữa lý thuyết và hoạt động thực tiễn của «chủ nghĩa xã hội dân chủ»! Thật vậy, hình thành về mặt tổ chức năm 1975, cánh tả của trào lưu xã hội dân chủ Áo, trong tuyên bố cương lĩnh của mình, đã nhấn mạnh: «Những mâu thuẫn giữa cương lĩnh và thực tiễn đặc trưng cho nền chính trị xã hội dân chủ trong những năm qua» (1). Và một số lãnh tụ của lực lượng xã hội dân chủ cánh hữu về thực chất cũng thừa nhận sự cách biệt này, và thậm chí còn định lý giải nó nữa.

Thật vậy, O. Pan-mơ có đề cập tới cuộc khủng hoảng đã diễn ra trong những năm 70 ở các nước tư bản chủ nghĩa và đưa ra luận điểm nói rằng cuộc khủng hoảng này đòi hỏi trào lưu xã hội dân chủ phải thỏa hiệp trong nhiều vấn đề và rằng những thỏa hiệp này có thể bị coi «là sự phản bội các lý tưởng xã hội dân chủ – là sự rút lui trước những lợi ích kinh tế hùng mạnh» (2). Nhưng xin nhớ rằng cả trong thời gian có cục diện kinh tế thuận lợi, những người xã hội dân chủ cũng đã rút lui y như vậy «trước những lợi ích kinh tế hùng mạnh».

Mặc dù lý thuyết của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» vẫn là xã hội chủ nghĩa trên câu chữ, mục đích thực sự của nó không có gì khác là duy trì chủ nghĩa tư bản chứ không phải biến nó thành xã hội xã hội chủ nghĩa bằng cải tạo cách mạng. Tất cả những gì «chủ nghĩa xã hội dân chủ» có thể có trong thực tiễn, đều kết thúc ở mục

---

1. «Für eine sozialistische Politik der SPO», Wien, 1975. S.580

2. *W. Brandt, B.Kreisky, O. Palme*: Briefe und Gespäche, S. 97.

đích cải cách chủ nghĩa tư bản trong khuôn khổ bản thân chủ nghĩa tư bản. Các tác giả cuốn sưu tập «Chủ nghĩa duy lý phê phán và nền dân chủ – xã hội» đã ghi nhận theo cách của họ mâu thuẫn trên đây, họ viết: «Ưu thế tiếp diễn lâu dài của chủ nghĩa Mác trong trào lưu xã hội dân chủ đã dẫn tới tình trạng luôn luôn căng thẳng giữa lý thuyết «cách mạng» và «thực tiễn» xét lại. «Những người xét lại», họ tiếp tục nhấn mạnh, đã và đang tiến hành chính sách cải cách dần dần, và làm như vậy họ thường cảm thấy «lương tâm không trong sạch» đối với những nhà lý luận mác-xít và không đủ sức bác lại những lời chê trách họ vi phạm những nguyên tắc của phong trào. Thí dụ điển hình về những lời chê trách như vậy là tác phẩm «Phê phán cương lĩnh Gô-ta» của Mác, trong đó Mác đã vạch trần một cách không thương tiếc sự thiếu nhất quán trong tính chất thỏa hiệp của cương lĩnh này. Và ngày nay có nhiều người, khi hành động đúng, lại tưởng như thấy ngượng về việc đó vì e ngại rằng nếu họ không có cảm tình với lối nói lóng theo tinh thần chủ nghĩa Mác mới của những nhà xã hội học thì sẽ bị đánh giá là sự phủ nhận lý luận (1).

Điều nói sau cùng này có nghĩa là các tác giả cuốn sưu tập «Chủ nghĩa duy lý phê phán và nền xã hội dân chủ» không những ghi nhận mâu thuẫn giữa lý thuyết «cách mạng» và thực tiễn «cải lương» của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» mà còn kêu gọi thực hiện thực tiễn đó mà bỏ qua những hoài nghi về sự phù hợp của hoạt động ấy với những mục tiêu của phong trào xã hội chủ

1. Xem: «Kritischer Rationalismus und Sozialdemokratie», S.4.

nghĩa. Thực ra, « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đã giải quyết mâu thuẫn giữa lý thuyết « cách mạng » và thực tiễn « cải lương » từ lâu bằng cách từ bỏ triệt để chủ nghĩa Mác và lý luận cách mạng có lợi cho hoạt động thực tiễn xét lại, bằng cách phản bội những lợi ích cơ bản của phong trào công nhân.

2. Cơ chế chính trị vẫn không thay đổi.

Có thể nhận định rằng không một đảng nào trong số những đảng xã hội dân chủ kể trên trong thời gian nắm chính quyền đã thực hiện bất cứ một cuộc cải cách nào đáng kể nhằm biến đổi chế độ chính trị hiện tồn tại trong những nước ấy, nhằm biến đổi bộ máy nhà nước tư sản, những chức năng chính trị của nó.

Thực ra, hành động duy nhất nghiêm chỉnh của kế hoạch dân chủ, mà hậu quả có thể thực tế ảnh hưởng đến các quá trình chính trị, là cuộc cải cách chế độ bầu cử do các chính phủ xã hội dân chủ ở Anh, Áo, Cộng hòa liên bang Đức và Thụy-điển, tiến hành – giảm tuổi bầu cử, làm cho những người 18 tuổi, (ở Thụy-điển là 19) có quyền tham gia bầu cử. Do mức sinh đẻ cao trong 10 năm đầu sau chiến tranh, cuộc cải cách này đã thực sự làm tăng số cử tri ở những nước này.

Không phủ nhận ý nghĩa tích cực của những cuộc cải cách này, đồng thời cần nhấn mạnh rằng trong thời kỳ này, những biện pháp tương tự đã được nhiều chính phủ tư sản tiến hành. Thí dụ ở Mỹ, năm 1970 điều bổ sung thứ 26 vào Hiến pháp đã hạ thấp mức tuổi có quyền hoạt động bầu cử xuống 18. Thực ra tất cả những cuộc cải cách này, trên một mức độ đáng kể là

phản ứng bắt buộc trước hoạt động ngày càng tích cực của các phong trào thanh niên, nhưng dưới sự thống trị của chế độ hai đảng thì những cuộc cải cách ấy không hề chứa đựng một nguy cơ nào đối với cơ chế quyền lực chính trị cả. Những lá-phiếu mới của các cử tri trẻ tuổi hoặc được phân phối giữa hai đảng chủ yếu, hoặc hoàn toàn chẳng làm nên công chuyện gì, bởi vì khi tiến hành cải cách quyền bầu cử, các chính phủ xã hội dân chủ vẫn giữ nguyền vẹn tất cả những nét phản dân chủ của các chế độ bầu cử hiện hành. Những người Công đảng Anh đã cương quyết bác bỏ mọi đề nghị thay thế chế độ bầu cử đa số tương đối bằng chế độ theo tỷ lệ dân chủ hơn. Ở Cộng hòa liên bang Đức vẫn duy trì cái gọi là « điều kiện 5% » được đề ra trong những năm 50 nhằm mục đích chống cộng sản, theo điều kiện này đảng nào dưới 5% số phiếu bầu của các cử tri (khoảng gần 2 triệu phiếu), thì mặc nhiên mất quyền có đại biểu trong nghị viện.

Việc thay đổi đảng phái cầm đầu chính quyền của Nhà nước tư sản luôn luôn đi liền với « việc phân chia quả thực », tức việc thay thế các chức vụ nhà nước hết sức quan trọng bằng những người đã tích cực ủng hộ đảng thắng cử. Những người xã hội dân chủ cũng sử dụng rộng rãi « chế độ quả thực » ấy. Song thực chất là ở chỗ quá trình thay đổi nhân sự ở cấp tối cao này (ở cấp thủ trưởng của bộ và các cơ quan ngang bộ chủ chốt) không kéo theo một thay đổi quan trọng nào trong đội ngũ quan chức chuyên nghiệp và trong cơ cấu bộ giường cột của guồng máy nhà nước quan liêu tư sản — trong đó kể cả bộ máy cảnh sát đàn áp của nó — mà người ta đã tạo ra từ bao chục năm nay để phục vụ cho giai cấp tư sản. Guồng máy này nắm thực

quyền quản lý — hành chính ở trong nước, phục vụ một cách đồng đều cho các chính phủ tư sản cũng như các chính phủ xã hội dân chủ và được củng cố một cách đồng đều bởi chính phủ này cũng như bởi chính phủ kia.

Đường lối này là một trong những yếu tố của cái mà ở Anh người ta gọi là «chính sách đồng tình», tức đường lối xử sự thống nhất của hai đảng chính (là Đảng bảo thủ và Công đảng) trong một loạt vấn đề quan trọng. «Chính sách đồng tình» bảo đảm tính kế thừa trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Bộ máy này thực hiện và biện giải một đường lối trung gian nào đó mà ban lãnh đạo hai đảng thay nhau cầm quyền đã đồng tình.

Dự thảo cương lĩnh mới của Đảng xã hội Áo công bố trong mùa thu năm 1977 (tiện đây xin nói thêm rằng, bản dự thảo lại ưa dùng một khái niệm còn mơ hồ hơn, khái niệm «dân chủ xã hội», chứ không thích dùng khái niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ») có nêu yêu sách đòi khắc phục «tệ quan liêu hách dịch cao độ», chống lại «sự quan liêu hóa», xóa bỏ «sự cách biệt giữa nhân dân và chính quyền». Có thể nghĩ rằng những đòi hỏi này do một đảng đối lập đưa ra chứ không phải của một đảng đã từng 7 năm cầm quyền, có mọi khả năng để dân chủ hóa tận gốc cơ cấu nhà nước, nhưng thực tế lại thỏa mãn với những luận điểm có tính cương lĩnh rùm beng.

Bộ máy nhà nước của Cộng hòa liên bang Đức được thành lập trong thời gian cầm quyền của Đảng dân chủ Thiên chúa giáo, Đảng xã hội Thiên chúa giáo, và điều này quy định thành phần xã hội, phương hướng, phương pháp hoạt động của bộ máy ấy. Hàng ngàn quan chức

và nhân viên quốc xã cũ và thậm chí nhiều tên cựu tội phạm chiến tranh đã có lúc nắm mình trong bộ máy nhà nước của Cộng hòa liên bang Đức, trong khi từ năm 1951, những đảng viên cộng sản và những thành viên các tổ chức tiến bộ cánh tả khác đã bị cấm nhận vào làm việc tại các cơ quan nhà nước. Ở phe đối lập, những người xã hội dân chủ nhiều lần chỉ trích bộ máy nhà nước do Đảng dân chủ Cơ đốc giáo lập ra. Thiết tưởng, khi lên nắm chính quyền, họ phải lập tức áp dụng nhiều biện pháp để dân chủ hóa bộ máy ấy. Song không hề có một cải cách cơ bản nào hết. Đã thế, chính phủ liên bang lại ủng hộ những nghị định có hiệu lực từ tháng giêng 1972 của các thủ tướng bang về việc cấm những thành viên và những người cảm tình của các tổ chức « cấp tiến » hành nghề trong các cơ quan nhà nước (kể cả các trường phổ thông, đại học, tòa án và nhiều loại cơ quan quản lý). Thực tế, việc thực hiện nghị định này dưới tên gọi « Những nguyên tắc về vấn đề các lực lượng chống hiến pháp trong cơ quan nhà nước » cho thấy nó được dùng trước hết để chống lại những người cộng sản và những người có khuynh hướng dân chủ khác. Lệnh này được áp dụng để chống lại hơn 2000 viên chức nhà nước bị sa thải. Và một sự thật có ý nghĩa không kém phần nghiêm trọng là có gần 700.000 người bị thẩm tra về « thái độ trung thành với Hiến pháp ». Trong khi đó, ở nhiều cơ quan của bộ máy nhà nước người ta đã ngang nhiên nhận 1500 đảng viên đảng dân chủ nhân dân (1), một đảng phát xít kiểu mới vào làm việc.

« Cấm hành nghề », cải cách bộ máy cảnh sát làm cho nó mạnh hơn; xây dựng những tổ chức và đơn vị quân

---

1. « IPW — Berichte », B., 1973, N 11, S. 40 — 41.

sự đặc biệt nhằm « đấu tranh chống nạn khủng bố » và « tăng cường bảo vệ biên giới »; thành lập các trường quân sự cao cấp ở Hăm-buốc và Mun-khen — đó là danh mục những biện pháp quan trọng nhất mà chính phủ của những người xã hội dân chủ đã tiến hành trong những năm 70. Phải chăng tình hình này có gì chung giống với việc làm thay đổi bằng biện pháp dân chủ các chế định chính trị? Trong luận cương của Đại hội Đảng cộng sản Đức họp ở Đút-xen-đo đã nhận định một cách chính đáng rằng: « ... Ở Cộng hòa liên bang Đức, việc thay đổi chính phủ không đụng chạm tới các mối quan hệ sở hữu và quyền lực, tức những mối quan hệ đặc trưng cho chủ nghĩa đế quốc ».

Tất nhiên trong các chính phủ do những người xã hội dân chủ thành lập, số tay chân trực tiếp của các độc quyền, số nhân vật trong « giới độc quyền » có ít hơn. Trong thành phần các chính phủ, chủ yếu là các nhà chính trị chuyên nghiệp, các viên chức và công đoàn, các quan chức cao cấp và các luật gia. Song sự thật này chỉ khẳng định rằng, đối với bộ máy quyền lực chính trị của các độc quyền thì điều quan trọng không phải là các thành viên trong chính phủ phải thuộc thành phần giai cấp tư sản độc quyền, mà trước hết và chủ yếu là đường lối chính trị của chính phủ phải thân tư bản độc quyền, phản ánh quá trình liên kết của tầng lớp trên trong các lực lượng xã hội dân chủ và các giới độc quyền, mặc dù hình thức « liên minh cá nhân » không chiếm ưu thế.

Lẽ dĩ nhiên, trong khuôn khổ phải lựa chọn « dân chủ tư sản hay độc tài phản động » thì lập trường của những người xã hội dân chủ có nhiều phần được các tầng lớp nhân dân lao động ưa chọn hơn, điều này quy định

những thắng lợi đáng kể của các đảng xã hội dân chủ trong cuộc cạnh tranh của họ với các đảng tư sản chính để giành chính quyền.

Việc làm ổn định chế độ chính trị của nền dân chủ tư sản thích hợp với các chính phủ xã hội dân chủ, và do đó những chính phủ này ít thiên về độc tài, về chế độ « quyền lực mạnh » so với những đối thủ chính trị cơ bản của họ là những đảng chính của tư bản. Nhưng đồng thời những người xã hội dân chủ không thi hành bất cứ một biện pháp nghiêm túc nào để thực sự dân chủ cải tổ cơ chế quyền lực chính trị của các độc quyền và bằng cách đó loại trừ khả năng có những cuộc đảo chính phản động.

3. Hạ tầng cơ sở kinh tế có thay đổi không ?

Bây giờ chúng ta chuyển sang lĩnh vực kinh tế của các nhà nước tư bản chủ nghĩa trên tư cách là đối tượng hoạt động của các chính phủ xã hội dân chủ. Liệu có hay không một chính phủ nào đó trong số các chính phủ xã hội dân chủ đã sử dụng chính quyền nhà nước nếu không phải để thủ tiêu, thì cũng để thực sự phá vỡ các vị trí của tư bản độc quyền đang thống trị trong nền kinh tế của đất nước? Chỉ có thể trả lời câu hỏi này bằng một câu phủ định mà thôi. Không một chính phủ xã hội dân chủ nào đặt ra cho mình đạt được mục tiêu ấy, mặc dù đã thi hành (không thể không thi hành) một số biện pháp nhằm kiềm chế lợi ích của các độc quyền cá biệt giống y như các chính phủ tư sản đã từng buộc phải làm.

Các văn kiện có tính cương lĩnh của trào lưu xã hội dân chủ có không ít những lời hứa hẹn là sẽ giáng đòn quyết định vào chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa và sự

thống trị kinh tế của các độc quyền. Nhưng trong hoạt động thực tiễn của các chính phủ xã hội dân chủ, tất cả những lời hứa hẹn ấy chỉ là việc tăng cường sự can thiệp vào kinh tế của nhà nước trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Xét về thực chất, toàn bộ thực tiễn xây dựng « cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội dân chủ » có thể được diễn đạt bằng một câu: « không vượt quá chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ». Nếu như những chính phủ này có những hành động ít nhiều quan trọng, như quốc hữu hóa chẳng hạn thì những hành động này luôn luôn chỉ tiến hành trong khuôn khổ cần thiết cho hoạt động của chế độ độc quyền nhà nước, chứ hoàn toàn không phải trong khuôn khổ cần thiết để thực sự phá vỡ những nền tảng kinh tế – xã hội thuộc ách thống trị của các độc quyền.

Rất tiêu biểu về mặt này là thái độ của ban lãnh đạo Công đảng Anh đối với việc quốc hữu hóa. Xin nhớ rằng ngay trong năm 1918, Công đảng Anh đã chính thức tuyên bố tán thành xác lập sự kiểm soát của nhà nước đối với nền kinh tế bằng biện pháp quốc hữu hóa (điểm IV của Điều lệ).

Tích cực nhất trong việc tiến hành các biện pháp quốc hữu hóa là chính phủ Ét-li (1945 – 1951), hoạt động trong thời kỳ ở trong nước diễn ra quá trình hình thành chế độ độc quyền nhà nước hiện đại. Năm 1946, quốc hữu hóa ngành hàng không dân dụng, năm 1948, ngành giao thông vận tải và điện năng, năm 1949 ngành công nghiệp hơi đốt, năm 1951 ngành công nghiệp đúc thép. Cơ sở để chuyển một số lớn ngành thành sở hữu nhà nước không phải là những suy tính về việc cải tổ tận gốc các trật tự xã hội trên cơ sở công hữu hoặc những ý định cải tạo hoàn toàn nền kinh tế, mà là những suy

tính về hiệu quả kinh tế và hiện đại hóa các ngành công nghiệp lạc hậu. Đa số biện pháp quốc hữu hóa của những người Công đảng, ngoài việc quốc hữu hóa công nghiệp đúc thép (và một phần giao thông vận tải), không gây nên một sự đối lập đáng kể từ phía những người bảo thủ.

Trong những năm 50, ban lãnh đạo cánh hữu Công đảng bắt đầu từng bước xa rời tư tưởng quốc hữu hóa và chuyển sang lập trường « điều tiết kinh tế ». Năm 1951, ban lãnh đạo đã mưu toan xóa bỏ điều IV của Điều lệ, song không thành công vì các đảng viên của đảng đã kiên quyết chống lại. Điểm nói về quốc hữu hóa được giữ lại, song trong nhiều tuyên bố sau đó, ban lãnh đạo Công đảng đã đặt việc quốc hữu hóa ngang hàng với việc nhà nước tham gia những công ty cổ phần hỗn hợp, với việc xây dựng các xí nghiệp địa phương tự quản, với sự phát triển sở hữu hợp tác xã và v.v...

Sự thay đổi lập trường đã được phản ánh trong các tác phẩm của nhiều người lãnh đạo Công đảng, đặc biệt là trong tác phẩm của G. Uyn-xơn « Tính chất hợp thời của chủ nghĩa xã hội Anh » (1), cũng như trong hoạt động thực tiễn của chính phủ do ông ta cầm đầu. Biện pháp quốc hữu hóa duy nhất mà chính phủ Công đảng thực hiện là việc quốc hữu hóa công nghiệp luyện kim trong năm 1967. Tư tưởng cơ bản của đường lối kinh tế là xây dựng các công ty cổ phần hỗn hợp và biến nhà nước thành người cùng sở hữu các công ty tư nhân bằng cách mua các cổ phần của chúng. Chính phủ Uyn-xơn trong những năm 1964 — 1970 đã tăng đáng kể số cơ quan kinh tế đảm nhiệm việc lập chương trình, việc

---

1. *H. Wilson*: The relevance of the British socialism. L., 1964, p. 38.

nhà nước góp phần tập trung hóa sản xuất và tư bản. Song hoạt động của những cơ quan này không hề có một hiệu quả thiết thực nào. Công tác « kế hoạch hóa » của Công đảng Anh không dự tính những biện pháp nhằm tăng cường kiểm tra đối với các khu vực kinh tế tư nhân. Cơ sở của nó là « sự hợp tác tự nguyện » của chính phủ và các nhà kinh doanh, trong đó tiếng nói quyết định lại thuộc về giới kinh doanh. Vì « kế hoạch quốc gia » chỉ là sự bổ sung của thị trường, nên việc thực hiện nó phụ thuộc vào hoạt động của các lực lượng thị trường tự phát. Đương nhiên kế hoạch đã không được thực hiện và trên thực tế đã bị rút khỏi chương trình nghị sự từ trước khi những người bảo thủ lên nắm chính quyền.

Đứng trước cuộc bầu cử trước thời hạn mùa xuân và mùa thu năm 1974, lập trường tranh cử của Công đảng lại một lần nữa nói đến sự cần thiết phải tiếp tục chính sách quốc hữu hóa. Nguyên nhân của việc này, một mặt là áp lực đối với ban lãnh đạo từ phía cánh tả trong đảng, mặt khác là ý muốn xây dựng các chương trình tranh cử trong những sắc thái rực rỡ hơn, khác với chiến dịch tranh cử trước mà những người Công đảng đã bị thua. Thật ra, vấn đề quốc hữu hóa – là một trong không nhiều vấn đề làm bộc lộ sự khác biệt ít nhiều có tính nguyên tắc giữa lập trường của những người Công đảng và những người bảo thủ. Còn đối với những hình thức khác để nhà nước tác động đến các quá trình kinh tế trong khuôn khổ « nền kinh tế được điều tiết » mà cả hai đảng đều thừa nhận, thì ở đây những tranh cãi giữa hai đảng mang tính cách là những vấn đề số lượng, thuộc phạm trù, « nhiều hơn » hay « ít hơn ».

Các chương trình tranh cử năm 1974 của những người Công đảng đã khẳng định ý muốn tiến hành chính sách

mở rộng khu vực quốc gia của nền kinh tế và thực hiện quốc hữu hóa công nghiệp đóng tầu và công nghiệp máy bay, các hải cảng và các nguồn tài nguyên khoáng sản. Sau khi lên cầm quyền, những người Công đảng đã khá nhanh chóng xóa bỏ một loạt đạo luật chống công nhân của chính phủ bảo thủ do Hít cầm đầu, trước hết về cái gọi là «Luật về quan hệ trong công nghiệp». Song bộ phận trong cương lĩnh nói việc tiếp tục quốc hữu hóa mà những người cánh tả trong Công đảng khăng khăng đòi thực hiện sẽ đạt đến mức nào thì chỉ tương lai mới cho thấy được. Dù sao, các đề án quốc hữu hóa công nghiệp máy bay và công nghiệp đóng tầu cũng đã gây ra sự chống đối quyết liệt của những người bảo thủ và những người tự do, bằng chứng nói lên điều đó là sự tranh cãi tại quốc hội Anh tháng 5 năm 1976.

Mặc dù những người Công đảng đứng trên lập trường tăng sự can thiệp của nhà nước vào đời sống kinh tế, họ không đề ra cho mình mục đích là thay thế chủ nghĩa tư bản bằng một chế độ xã hội khác. Vấn đề đặt ra là uốn nắn những hậu quả xấu của chế độ tư bản chủ nghĩa như thế nào và bằng những phương sách nào, mà không phá hoại cơ sở hoạt động của nó, tức tạo ra một hình thức được điều chỉnh, linh hoạt hơn của chủ nghĩa tư bản. Trên thực tiễn, tất cả cái đó chỉ dẫn đến những sự sắp xếp lại trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Ở Cộng hòa liên bang Đức, việc xây dựng cơ cấu độc quyền nhà nước đã diễn ra trên cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa tự do mới, tuy nó không phủ nhận vai trò quan trọng của việc nhà nước can thiệp vào nền kinh tế nhưng lại ưa thích những hình thức can thiệp gián tiếp.

Cả chính phủ xã hội dân chủ của Cộng hòa liên bang Đức cũng không muốn thực hiện quốc hữu hóa. Thời gian cầm quyền của chính phủ này không được đánh dấu bằng ý đồ làm thay đổi cơ cấu độc quyền nhà nước đã hình thành trong hạ tầng kinh tế của đất nước.

Một trong những tác giả xã hội dân chủ có tinh thần phê phán là E. Ban-khôn trong cuốn sách nhan đề đặc sắc « Giữa Gốt-đen-béc và nền đại công nghiệp hay Đảng xã hội dân chủ Đức ở đâu? » (1), đã nhấn mạnh rằng trong vấn đề vai trò kinh tế – xã hội của nhà nước « Ban lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ Đức, sau khi lên nắm chính quyền, giữ những quan điểm hoàn toàn không rõ ràng và đang bơi trong khu vực ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội ». Hơn nữa, E. Ban-khôn ghi nhận, sự xích lại gần nhau giữa các quan điểm chính trị — xã hội của ban lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ và những lợi ích của giới đại công nghiệp. Và trên con đường này Đảng xã hội dân chủ đã vượt qua được một chặng đáng kể.

Kết quả của một sự xích lại gần nhau như sau :

— Đảng xã hội dân chủ khước từ mọi cuộc cải cách cơ bản trong lĩnh vực đời sống xã hội và kinh tế. Đặc biệt là trong lĩnh vực có liên quan tới chế độ tư hữu ;

— Việc hình thành tài sản sản xuất trong tay những người lao động làm thuê không động chạm tới việc chính bản thân nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa hình thành vốn và tiếp tục đầu tư nó vào sản xuất. Nó chỉ mong làm giảm nhẹ tình trạng bất công trong phân phối tài sản trong những giới hạn cho phép ;

---

1. *E. Bandholz* : Zwischen Godesberg und Grossindustrie oder wo steht die SPD ? Hamburg, 1971.

– Không tăng thuế thu nhập;

– Không hạn chế lưu thông tư bản;

– Chỉ có thể cùng tham gia trong những giới hạn nhất định.

Trào lưu xã hội dân chủ nhận được những sự nhượng bộ đáp lại sau đây:

– Duy trì đầy đủ công ăn việc làm;

– Dùng ngân sách nhà nước tài trợ cho việc phát triển hạ tầng cơ sở và các biện pháp khác nhằm cải tiến cơ cấu kinh tế;

– Tất cả những biện pháp khác trong danh mục các cuộc cải cách xã hội, y tế, giáo dục và v.v... – có thể được thực hiện trong mức độ mà tình hình kinh tế chung cho phép và chỉ sau khi đã bảo đảm những yêu cầu vượt trội hơn của sản xuất.

E. Ban-khôn kết luận rằng: chính sách xích lại gần nhau như vậy giữa trào lưu xã hội dân chủ và giới đại công nghiệp không những không làm hại mà hơn nữa còn tăng cường các vị trí của tư bản độc quyền. Để «đền bù» phần nào cho phía bên kia của sự «thỏa thuận» này — tức là cho giai cấp công nhân — phái xã hội dân chủ cầm quyền đề nghị cái gọi là «tích lũy vốn sản xuất» trong nhân dân lao động, cũng như «quyền tham gia quản lý».

Biện pháp đầu tiên trong số những biện pháp ấy của Đảng xã hội dân chủ Đức không có gì mới và thuộc về một trong những hướng hoạt động quan trọng nhất của các giới cầm quyền Cộng hòa liên bang Đức. Mục đích của nó được trình bày là «biến những người lao động thành những người cùng sở hữu các nhà máy và xí nghiệp» của đất nước. Nội dung cơ bản của chính sách

này là ở chỗ một phần thu nhập của người lao động (khoảng gần 600 mác một năm) được miễn nộp thuế thu nhập và góp vào khoản bảo hiểm xã hội với điều kiện là số tiền này được đầu tư vào xí nghiệp nơi người lao động đang làm việc. Những khoản tiền thu được của công nhân bằng cách này biến thành một phần tư bản của xí nghiệp còn, cả hệ thống thì cần phải đánh dấu sự hình thành «chủ nghĩa tư bản nhân dân» ở Cộng hòa liên bang Đức. Hệ thống này đang hoạt động tại hơn 300 nhà máy, và xí nghiệp ở Tây Đức.

Đại hội Han-nô-vơ của Đảng xã hội dân chủ Cộng hòa liên bang Đức (tháng tư năm 1973) một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của đường lối «hình thành tài sản của những người lao động», đường lối này trên thực tế-không phải là cái gì khác mà là mưu đồ thực hiện tư tưởng lừng danh «hợp tác lao động và tư bản».

Còn như «quyền hạn của người lao động tham gia quản lý», thì cả những văn kiện cơ bản và có tính chất cương lĩnh lẫn cánh tả trong trào lưu xã hội dân chủ đều luận giải nguyên tắc này không chỉ là quyền tham gia quản lý từng xí nghiệp, mà còn là quyền tham gia quản lý nền kinh tế nói chung. Việc dùng luật pháp điều tiết quyền này trên những quy mô như vậy ở Cộng hòa liên bang Đức hiện nay mới chỉ là đề tài của các cuộc thảo luận lý luận mà thôi. Việc công nhân và viên chức tham gia quản lý các xí nghiệp lớn được điều tiết chính bằng một dự luật do Quốc hội Cộng hòa liên bang Đức thông qua ngày 18 tháng 3 năm 1976. Bản dự luật đã được thảo luận trong nhiều năm và gây ra những cuộc tranh cãi gay gắt. Trong dạng

cuối cùng, dự luật phản ánh những quan điểm của Đảng dân chủ tự do, một đảng bảo vệ lợi ích của giới đại tư bản.

Ngay trong tháng giêng năm 1972, ở Cộng hòa liên bang Đức đã thông qua đạo luật « về quy chế xí nghiệp ». Những nguyên tắc quan trọng nhất của đạo luật này phản ánh hệ tư tưởng « hợp tác xã hội ». Đạo luật vẫn giữ nguyên việc phân định rõ rệt vai trò giữa Hội đồng sản xuất và tổ chức công đoàn của xí nghiệp, mặc dù cuộc đấu tranh để chống lại đạo luật này là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng của phong trào công nhân trong lĩnh vực này từ năm 1952 trở đi. Đạo luật không những khẳng định một lần nữa lệnh cấm mọi hoạt động đảng phái — chính trị trong xí nghiệp, mà thậm chí còn cho phép loại công đoàn ra khỏi đời sống của xí nghiệp trong trường hợp « cực kỳ cần thiết ».

Lời phát biểu của G. Phơ-rê-drich-xơn, nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng công nhân xã hội dân chủ Thụy-điển, cho thấy chính sách kinh tế của các chính phủ xã hội dân chủ cụ thể là gì. Ông ta đã thành thật thừa nhận rằng: « Những người xã hội dân chủ hiện nay đang cố gắng giải quyết các vấn đề bằng cách đề nghị một phương thuốc chống các loại biến dạng của chủ nghĩa tư bản là một chủ nghĩa tư bản còn vĩ đại hơn » (1). Sự thừa nhận của B. Krây-xky còn tiêu biểu hơn nữa. Ông này tuyên bố: « Trào lưu xã hội dân chủ cố gắng kiểm soát chính quyền mà không động chạm tới cơ sở kinh tế » (2).

---

1. « Tiden », Stockholm, 1973, N. 1, S. 1.

2. Dẫn theo: *V. Gét-nich, R. Stây-ghen-van, G. Van-xơ*: Chủ nghĩa cơ hội ngày nay. M., 1977, tr. 61

4. Chính sách trong lĩnh vực « các dịch vụ xã hội ».

Phương sách chủ yếu mà ban lãnh đạo các đảng xã hội dân chủ đang cầm quyền định dùng để làm yên lòng cả cánh tả trong đảng đang đòi hỏi tiến hành một chính sách cấp tiến hơn và có ý đồ thiên về chủ nghĩa xã hội, lẫn các giới cử tri đông đảo mà kết quả cuộc bầu cử sắp tới phải phụ thuộc vào, là một chương trình khá rộng lớn gọi là « các biện pháp xã hội ». Những biện pháp này nhằm cải thiện phần nào tình cảnh kinh tế của nhiều tầng lớp rộng rãi trong nhân dân. Không phải ngẫu nhiên mà hệ tư tưởng « chủ nghĩa xã hội dân chủ » trong thời gian gần đây lại dành một vị trí đáng kể cho quan niệm « chất lượng cuộc sống ».

Chính phủ Công đảng đầu tiên trong thời gian sau chiến tranh đã tiến hành một loạt cuộc cải cách xã hội. Năm 1974, muốn trở lại cầm quyền, những ngư Công đảng đã lên tiếng hứa hẹn tiến hành một loạt c cách trong lĩnh vực xã hội. Họ hứa hẹn nâng cao khoản trợ cấp cho người già, mở rộng xây dựng nhà ở, xóa bỏ sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong lĩnh vực quan hệ lao động. Hiển nhiên là một phần những lời hứa hẹ này sẽ được thực hiện, bởi vì những người Cô đảng còn nhớ rõ thất bại của họ trong cuộc bầu cư năm 1969.

. Trong năm 1970, chính phủ xã hội dân chủ Cộng hòa liên bang Đức đã công bố một báo cáo tràng giang đại hải « Về những vấn đề xã hội », trong đó trình bày mộ loạt nhiệm vụ của chính sách xã hội. Trong những dự định của chính phủ có những dự định cải tiến trong lĩnh vực gọi là « linh hoạt » mức tuổi được bảo hiểm về già, thi hành chế độ bảo hiểm khi đau ốm cho nông dân, và

một loạt biện pháp khác. Trước đó, họ đã hứa tăng tiền trợ cấp cho những gia đình đông con. Trong báo cáo về những vấn đề xã hội mà chính phủ Cộng hòa liên bang Đức hàng năm trình lên Quốc hội, có nhắc đến những biện pháp đã được thực hiện như: mở rộng phạm vi áp dụng chế độ nhất thiết phải bảo hiểm khi đau ốm cho tất cả các công nhân viên chức, hoàn thiện các luật lệ về trợ cấp nạn nhân chiến tranh, mở rộng diện những người được hưởng trợ cấp già lão: hạ thấp, trong một số trường hợp, mức tuổi được nhận trợ cấp từ 65 xuống 63 — 52 tuổi.

Chính phủ xã hội cánh hữu ở Áo đã tiến hành một loạt biện pháp xã hội trong những năm 70. Trong số những biện pháp này có: học sinh đi lại bằng các phương tiện giao thông công cộng không phải trả tiền vé và học sinh được cấp không sách giáo khoa; tăng trợ cấp cho các cặp vợ chồng mới cưới, cũng như khi sinh con, dành cho các cặp vợ chồng mới cưới quyền ưu tiên nhận chỗ ở, tăng mức đài thọ hoàn toàn tiền viện phí từ hai lên bốn tuần lễ.

Không nên đánh giá quá thấp ý nghĩa tích cực của những nhượng bộ xã hội có lợi cho nhân dân lao động mà Nhà nước tư sản hiện đại trên tư cách là « nhà tư bản tổng thể » buộc phải thực hiện trong trường hợp những người xã hội dân chủ nắm chính quyền. Đồng thời cần nhấn mạnh rằng đường lối có những nhượng bộ xã hội này, xét về thực chất, không phải cái gì khác mà là phương pháp hy sinh cái không chủ yếu để bảo vệ cái chủ yếu, tức chế độ tư bản chủ nghĩa, bằng cách lựa chiều tùy cơ ứng biến, làm dịu mức độ gay gắt của những mâu thuẫn giai cấp do chế độ này sản sinh ra. Và ở đây, cơ sở của mối quan hệ qua lại giữa lao động và tư bản vẫn không hề bị động chạm tới.

Trên thực tế, ý nghĩa thực sự của những nhượng bộ xã hội này, luôn luôn nhỏ hơn so với âm hưởng ban đầu của chúng. Chúng bị triệt tiêu trên một chừng mực đáng kể quá trình lạm phát và tăng giá không ngừng, tình trạng không ổn định chung của cán cân lực lượng lao động và bởi một loạt yếu tố kinh tế và chính trị khác. Ở đây chúng ta bắt gặp một trong những « vòng luẩn quẩn » rất tiêu biểu cho chiến lược của trào lưu xã hội dân chủ hiện đại. Trong thực tế, để cho những thành quả xã hội của nhân dân lao động được hoàn toàn bảo đảm về mặt vật chất, cần cải tạo tận gốc hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa với tính không ổn định, lạm phát, khủng hoảng tiền tệ và các cuộc khủng hoảng khác, những yếu tố triệt tiêu ý nghĩa thực sự của những cuộc cải cách cơ bản. Song những người xã hội dân chủ đang nắm chính quyền lại thích duy trì cái hệ thống kinh tế không thay đổi ấy. Hậu quả là nhiều cuộc cải cách xã hội được tiến hành trong các nước tư bản chủ nghĩa tỏ ra vô hiệu do có sự phát triển gay gắt của những xu thế khủng hoảng trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Luôn luôn có một khoảng cách đáng kể giữa các hoạch tiến hành những cải cách xã hội mà các lạ, trường cương lĩnh và tranh cử của trào lưu xã hội dân chủ nêu ra và cái mà các chính phủ xã hội dân chủ thực hiện trên thực tế trong thời gian cầm quyền.

Cuộc khủng hoảng của những năm 70, nổ ra trong thế giới tư bản chủ nghĩa, đã đánh mạnh vào việc luận giải một cách tư biện chính sách cải lương trong các dịch vụ xã hội.

Hậu quả của cuộc khủng hoảng này là tăng thất nghiệp lạm phát không sao kìm hãm nổi – đã giáng một đòn đau vào các tầng lớp nhân dân lao động. Đó là cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng đầu tiên của chế độ độc quyền Nhà nước cho thấy tăng cường vai trò kinh tế của Nhà nước tư sản tuyệt nhiên không phải là phương thuốc vạn năng chữa trị các tệ đoan của chủ nghĩa tư bản, như các nhà tư tưởng và các nhà chính trị cải lương đã hình dung trong điều kiện cục diện kinh tế tương đối thuận lợi qua một chục năm đầu sau chiến tranh. Guồng máy của chính quyền độc quyền — Nhà nước và khâu cơ bản của nó – tức Nhà nước với những chức năng đã được mở rộng của nó – không những không cứu được nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thoát khỏi khủng khoảng, mà còn tự mình gánh chịu những hậu quả của tình thế khủng hoảng. « Những lời hứa hẹn lành mạnh hóa » chủ nghĩa tư bản và xây dựng trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản « một xã hội phồn vinh chung » đã thất bại rõ ràng » (1).

Tổng kết những điều đã nêu trên đây, có thể nhận thấy rằng chính sách chấp chính của ban lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ, những biện pháp chính trị, kinh tế và xã hội của họ không hề động chạm tới những nền tảng của cơ cấu độc quyền Nhà nước hiện đang tồn tại trong các nước tư bản chủ nghĩa hiện đại và dựa trên cơ sở hợp nhất thế lực của các độc quyền với thế lực của nhà nước.

Những hoạt động chấp chính của các đảng xã hội dân chủ khẳng định một lần nữa luận điểm về sự nhất thể hóa dần từng bước của các đảng này vào hệ thống guồng máy chính trị độc quyền Nhà nước.

---

1. « Văn kiện Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô », tr.28.

Tất nhiên sẽ là đơn giản hóa nếu nghĩ rằng việc những người xã hội dân chủ ngày càng có mặt tại chính quyền là do ý muốn riêng của tư bản độc quyền. Đó chủ yếu là bước đi bắt buộc, bị chế ước bởi tình hình các lực lượng chính trị, kết quả các cuộc bầu cử, đặc biệt là thất bại không dự kiến trước trong các cuộc bầu cử của các đảng chủ yếu của tư bản độc quyền. Song mặt khác, tư bản độc quyền lại có đủ phương tiện để khiến cho các chính phủ xã hội dân chủ thích nghi với các nhu cầu của nó. Một trong những phương tiện không chính thức nhưng linh hoạt và có hiệu quả là nhất thể hóa tầng lớp trên của các lực lượng xã hội dân chủ vào các giới kinh tế và chính trị tư sản. Không phải ngẫu nhiên mà nét đặc trưng cho các đảng xã hội dân chủ, nhiều hơn các đảng tư sản, là tình trạng mâu thuẫn hầu như thường xuyên giữa ban lãnh đạo và đông đảo đảng viên thường, nhất là cánh tả. Khi những người xã hội dân chủ lên nắm chính quyền, mâu thuẫn này và tính tích cực chính trị của những người cánh tả ngày càng gia tăng. Do đó mà có tính hai mặt rõ ràng của tình trạng các chính phủ xã hội dân chủ. Để giữ được lòng tin của quần chúng, nó khó mà làm được nếu không có những biện pháp trái ngược với lợi ích của các độc quyền. Nhưng nếu những biện pháp này trở thành có ý nghĩa, nếu tư bản độc quyền cảm thấy rằng tác động « linh hoạt » đến những người xã hội dân chủ cầm quyền không đủ nữa, thì nó sẽ áp dụng những biện pháp kiên quyết hơn để gạt những người xã hội dân chủ khỏi chính quyền. Nền kinh tế của đất nước suy thoái, những khó khăn đáng kể xuất hiện khiến cho nhân dân bất bình, nạn tham nhũng, thủ đoạn trong lĩnh vực chính trị tăng mạnh. Một tình thế tiến thoái đều khó được đặt ra : hoặc thi hành những biện pháp kiên quyết để kiềm chế các độc

quyền, hoặc có những nhượng bộ nào đó, thậm chí từ chức; chính phủ xã hội dân chủ đã ưa thích chọn tình thế sau. Nó hoặc sẽ nhường chỗ cho các đảng tư bản, hoặc sẽ liên hiệp với chúng. Những người xã hội Bồ-đào-nha đã nêu gương điển hình. Sau cuộc bầu cử nghị viện năm 1976, những lực lượng cánh tả đã có thể thành lập một chính phủ có khả năng thực hiện mọi mục tiêu của cách mạng Bồ-đào-nha. Nhưng những người xã hội đã từ chối liên minh với những người cộng sản, tự thành lập chính phủ riêng của « đa số tương đối » (tức đại diện cho phái đông nhất trong nghị viện, nhưng không chiếm đa số tuyệt đối số phiếu). Trong thời gian cầm quyền, những người xã hội dân chủ làm được ít việc để phát triển sâu rộng các cuộc cải cách dân chủ, mà chủ yếu là kìm hãm chúng, và một năm sau đã tham gia chính phủ liên hiệp với một trong những đảng tư sản cánh hữu chủ yếu và do đó làm cho những thành quả dân chủ của nhân dân Bồ-đào-nha bị đe dọa nghiêm trọng.

∴

CHƯƠNG IV

TÍNH CHẤT VÔ CĂN CỨ TRONG SỰ XUYÊN TẠC CỦA CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG – XÃ HỘI ĐỐI VỚI BẢN CHẤT DÂN CHỦ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

1. Sự khác nhau căn bản giữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với nền dân chủ tư sản

Trong khi hệ tư tưởng và hoạt động thực tiễn của chủ nghĩa cải lương – xã hội gặp hết thất bại này đến thất bại khác thì lý luận và hoạt động thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản khoa học lại liên tiếp giành được nhiều thắng lợi mới.

Các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới đang chứng minh những ưu thế kinh tế, xã hội, chính trị và tinh thần của chế độ xã hội mới, ngày càng nổi lên rõ rệt trong bối cảnh cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản đang ngày thêm sâu sắc. Bản chất nhân đạo chân chính, dân chủ sâu sắc của chủ nghĩa xã hội hiện thực được bộc lộ ngày càng đầy đủ hơn. Vì vậy, điều đó có thể hiểu được và hợp quy luật một cách sâu sắc là sự quan tâm to lớn của nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa đối với các nước đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là Liên-xô đất nước

lần đầu tiên trong lịch sử, chủ nghĩa xã hội đã chiến thắng và xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đã được xây dựng. Ngày nay, chủ nghĩa xã hội phát triển là thành tựu cao nhất trong tiến bộ xã hội của nhân loại.

Trong báo cáo «Tháng Mười vĩ đại và tiến bộ của loài người», L.I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh: «Thắng lợi của Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười đã nâng đất nước ta, nhân dân ta thành đội tiên phong của tiến bộ xã hội, và ngày nay, sau 60 năm, chúng ta giữ một vị trí xứng đáng trên những tuyến tiến tiến nhất của tiến bộ xã hội. Chúng ta là những người đầu tiên trên trái đất đã xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, chúng ta là những người đầu tiên đang xây dựng chủ nghĩa cộng sản» (1).

Việc xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển được khẳng định trong Hiến pháp mới của Liên-xô. Hiến pháp nêu rõ những đặc điểm toàn diện của chủ nghĩa xã hội *chín muồi*, những thành tựu của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa toàn dân, các quyền và tự do rộng rãi của công dân, những nguyên tắc xây dựng và hoạt động của các cơ quan chính quyền Nhà nước. Như đã nhấn mạnh trong các văn kiện của Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô họp tháng Năm năm 1977: «Hiến pháp mới của Liên-xô làm phong phú thêm kho tàng kinh nghiệm chung của chủ nghĩa xã hội thế giới», là «Tấm gương có sức cổ vũ đối với nhân dân những nước cách đây không lâu đã lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa» (2).

---

1. *L.I. Brê-giơ-nép*: Theo đường lối Lênin. Diễn văn và bài viết, tập 6, M., 1978, tr. 582

2. *Sách đã dẫn*, tr. 387.

Sự quan tâm to lớn của dư luận xã hội tiến bộ trên thế giới đối với Hiến pháp mới của Liên-xô, sức hấp dẫn và ảnh hưởng của Hiến pháp này đối với trái tim và khối óc của những người lao động trong thế giới tư bản chủ nghĩa đã gây ra phản ứng quyết liệt của các nhà tư tưởng tư sản, họ đang ra sức dùng mọi biện pháp làm giảm ảnh hưởng của văn kiện lịch sử này — Tuyên ngôn của chủ nghĩa xã hội phát triển, xuyên tạc nội dung và ý nghĩa của nó. Trong báo cáo tại kỳ họp thứ 7 của Xô-viết tối cao Liên-xô khóa chín «Về dự thảo Hiến pháp (đạo luật cơ bản) của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết và kết quả toàn dân thảo luận dự thảo Hiến pháp» (1), như L.I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh: các chuyên gia «chiến tranh tâm lý» không muốn đi tới chân lý. Họ chỉ có một mục đích: ngăn cản sự phát triển ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội đến trí tuệ con người, dùng mọi cách reo rắc hoài nghi và ác cảm đối với chủ nghĩa xã hội (2).

Trong khi đấu tranh chống lại chủ nghĩa xã hội hiện thực, giai cấp tư sản ngày càng ham thích sử dụng những quan điểm của các nhà tư tưởng cải lương cánh hữu, trước hết là những quan điểm của «chủ nghĩa xã hội dân chủ». Bản thân các nhà lý luận cải lương cánh hữu cũng tỏ ra rất tích cực trong cuộc đấu tranh tư tưởng, mưu toan xuất khẩu học thuyết «chủ nghĩa xã hội dân chủ» vào các nước xã hội chủ nghĩa, mê hoặc những người lao động bằng «mô hình» xã hội của họ và đồng thời làm mất uy tín của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa hiện đang thực tế tồn tại.

---

1. *Sách đã dẫn*, tr. 517 — 541
2. *Sách đã dẫn*, tr. 531.

Những vấn đề dân chủ đã có một ý nghĩa đặc biệt trong cuộc đấu tranh tư tưởng của những người mác-xít — lê-nin-nít và những người sùng mộ chủ nghĩa cải lương xã hội trong điều kiện hiện nay. Xung quanh những vấn đề này, như trong tiêu điểm của một thấu kính, tập trung tất cả các ý niệm về xã hội xã hội chủ nghĩa nói chung, không những về nền tảng chính trị, mà cả về nền tảng kinh tế, xã hội và tinh thần.

Lý thuyết và hoạt động thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản khoa học khẳng định rằng nền dân chủ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa không vượt quá những giới hạn của lĩnh vực chính trị – luật pháp, còn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa thì dân chủ có tính chất toàn diện được phổ cập tới mọi mặt của đời sống xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội và như V.I. Lê-nin đã nói, trở thành một nền dân chủ « trên thực tế, không phải trên giấy tờ mà trong cuộc sống, không phải trong ngôn ngữ chính trị mà trong hiện thực kinh tế » (1).

Chính đây là điều trước hết và quan trọng nhất làm cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác với mọi ý niệm về dân chủ trong quan điểm « chủ nghĩa xã hội dân chủ».

Chủ nghĩa xã hội đang thực tế tồn tại chứng tỏ rằng nền tảng kinh tế duy nhất có thể có của một nền dân chủ chân chính là quyền công hữu tư liệu sản xuất mà nhờ đó nhân dân lao động (trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển là toàn thể nhân dân) đóng vai trò những người toàn quyền làm chủ tài sản xã hội.

Điều này còn xác định ảnh hưởng quyết định của hạ tầng cơ sở kinh tế đối với thượng tầng kiến trúc chính

---

1. *V.I. Lênin*: Toàn tập, tập 39, tr. 217.

trị xã hội chủ nghĩa, quy định chế độ dân chủ chân chính của nó. Sự khác biệt căn bản giữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với nền dân chủ tư sản còn là ở chỗ, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phải có tiền đề là xóa bỏ chế độ tư hữu tư liệu sản xuất và do đó, thủ tiêu chế độ người bóc lột người, biến tất cả các thành viên trong xã hội thành những người lao động tự do và bình đẳng.

Còn trong quan niệm « dân chủ xã hội » của các nhà tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » thì vấn đề sở hữu bị xếp xó, xét về thực chất là cố ý giữ bất di bất dịch những nền tảng của các mối quan hệ tư hữu (1). Trong các mô hình của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » người ta thường đem « nền kinh tế đa nguyên », dựa trên cơ sở những nguyên tắc « tự quản » và có một số yếu tố kế hoạch hóa, cũng như việc đồng thời duy trì cơ chế thị trường hầu như trong dạng mà nó hoạt động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa – đối lập với chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa. Theo ý họ, sự tham gia tích cực của Nhà nước vào việc quản lý kinh tế là yếu tố cơ bản kìm hãm quá trình dân chủ hóa hệ thống kinh tế của chủ nghĩa xã hội, không cho phép phát triển hoạt động quản lý của những tập thể trong các xí nghiệp. Nhiều nhà lý luận của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », kể cả những người có xu hướng thiên tả, ngộ nhận việc xã hội hóa tư liệu sản xuất do Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện, là « dinh lũy » của chủ nghĩa quan liêu, đặt chủ nghĩa xã hội hiện thực vào cùng một dược với chủ nghĩa tư bản Nhà nước.

---

1. *H. Kozer*: Die Kontrollewirtschaftlichen Macht. – « Aus Politik und Zeitgeschichte ». Bonn, 5. IV 1971, N 14, S. 3 – 25.

Trong những phát biểu như vậy của những người ủng hộ « chủ nghĩa xã hội dân chủ » cũng như trong những ý kiến coi hình thức Nhà nước của sở hữu xã hội chủ nghĩa là chủ nghĩa tư bản Nhà nước, người ta thấy trước hết là sự bỏ qua mối liên hệ biện chứng của các quan hệ sản xuất và quan hệ chính trị, sự xuyên tạc bản chất xã hội của Nhà nước và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trên tư cách là Nhà nước và nền dân chủ kiểu mới.

Quản lý sản xuất, quản lý kinh tế, hay nếu dùng thuật ngữ của các nhà tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ », « nền dân chủ kinh tế » không phải là một cái gì đó nằm ngoài kinh tế. Đó là nét nội tại của nó, được xác định bởi tính chất của các quan hệ sản xuất. Tính chất tư bản chủ nghĩa của nền kinh tế hàm nghĩa rằng những người làm chủ sản xuất là các nhà tư bản dù cho việc quản lý kinh tế được tổ chức thế nào và với sự giúp đỡ của ai thì vẫn vậy thôi. Cả những thứ phẩm khác nhau của cái gọi là « sự cùng tham gia » của công nhân vào việc quản lý xí nghiệp cũng không làm thay đổi tình hình nói trên vì tiếng nói cuối cùng trong việc đề ra các quyết định luôn luôn thuộc về các nhà tư bản, những người nắm toàn bộ quyền lực. Tất nhiên là cuộc đấu tranh của những người lao động do những người cộng sản và những cán bộ công đoàn cấp tiến lãnh đạo để tăng cường ảnh hưởng của mình đối với hoạt động của các xí nghiệp có một ý nghĩa tích cực. Nhưng chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, dẫn tới việc thủ tiêu mọi hình thức bóc lột và áp bức thì mới làm cho những người lao động trở thành những người chủ thực sự của sản xuất và bảo đảm cho quần chúng thực sự tham gia vào quản lý kinh tế.

Cần phải nhấn mạnh rằng chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã nhìn thấy trong quan hệ qua lại giữa kinh tế và dân chủ sự quy định nền dân chủ bởi bản chất kinh tế – xã hội của chủ nghĩa xã hội, lẫn ảnh hưởng ngược lại của dân chủ đối với kinh tế. Trên thực tế, không phải chế độ sở hữu Nhà nước nào cũng đều mang tính chất xã hội chủ nghĩa cả. Nó chỉ trở thành hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa khi đời sống nhà nước được tổ chức một cách thực sự dân chủ, khi nhân dân lao động đứng đầu là giai cấp công nhân thực sự nắm giữ toàn bộ quyền lực. Những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội dân chủ đã bỏ qua tình tiết quan trọng về nguyên tắc này, khi họ xem chủ nghĩa xã hội hiện thực như chủ nghĩa tư bản Nhà nước. Sự bỏ qua đó là không thể được. V. I.Lê-nin viết rằng: «Chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì khác mà là độc quyền tư bản chủ nghĩa Nhà nước *được hướng vào lợi ích của toàn thể nhân dân*. Và vì vậy không còn là độc quyền tư bản chủ nghĩa nữa» (1). Do đó, rõ ràng để có biến chuyển như vậy, giai cấp vô sản liên minh với nhân dân lao động phải giành được chính quyền Nhà nước, thiết lập một Nhà nước kiểu mới – Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chỉ trong điều kiện ấy, nền sản xuất xã hội chủ nghĩa mới trở thành có tính chất xã hội chủ nghĩa. Thành thử sẽ là sai lầm, phản khoa học sâu sắc nếu đồng nhất hình thức Nhà nước của sở hữu xã hội xã hội chủ nghĩa với chủ nghĩa tư bản Nhà nước, như các nhà lý luận xã hội dân chủ thường làm.

Những người xã hội dân chủ cánh hữu khi lên tiếng chống lại việc đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, thực ra là nhai lại những tư

---

1. *V. I. Lê-nin*: Toàn tập, tập 34, tr. 192.

tưởng phản khoa học và cũ rích của chủ nghĩa cải lương về một « chủ nghĩa xã hội » với một nền kinh tế được quản lý bởi những hội đồng gồm các đại diện của « những người trực tiếp sản xuất và tiêu dùng ». Song chủ nghĩa xã hội hiện thực đã được thực hiện không phải là theo những « đơn thuốc ấy », mà chính là do khắc phục chúng dựa theo lý thuyết của chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Kinh nghiệm của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cho thấy rằng chỉ có sự lãnh đạo và quản lý của đảng và nhà nước đối với nền kinh tế; một sự lãnh đạo và quản lý dựa trên cơ sở những thành tựu khoa học, nghiêm chỉnh tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, thì mới bảo đảm kinh tế phát triển không ngừng, có kế hoạch và không có khủng hoảng, bảo đảm đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao, tạo cơ sở vật chất vững chắc để giải quyết những nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Như đã được nhấn mạnh trong đạo luật cơ bản, nền kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển được xây dựng ở Liên-xô là một tổng thể kinh tế quốc dân thống nhất, bao trùm tất cả các khâu của nền sản xuất xã hội, phân phối và trao đổi trên lãnh thổ đất nước. Việc lãnh đạo kinh tế được thực hiện trên cơ sở các kế hoạch Nhà nước phát triển kinh tế quốc dân và xây dựng văn hóa — xã hội, chú ý đến các nguyên tắc theo ngành và theo lãnh thổ, kết hợp sự lãnh đạo tập trung với độc lập tự chủ về kinh tế và tinh thần sáng tạo của các xí nghiệp, các liên hợp và các tổ chức khác. Ở đây các đòn bẩy hạch toán kinh tế, lợi nhuận, giá thành và nhiều đòn bẩy kinh tế khác đều được sử dụng một cách tích cực.

Điều đặc biệt quan trọng là khác với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà mục đích chủ yếu là lợi nhuận của nhà tư bản, « mục đích tối cao của sản xuất xã hội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa – như Hiến pháp Liên-xô có nói – là thỏa mãn đầy đủ nhất những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng của con người » (điều 15). Mục đích này quyết định chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa dân chủ thực sự trong chiến lược kinh tế của Đảng cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô đã chỉ rõ rằng, trong Hiến pháp mới của Liên-xô nên nhấn mạnh một cách thích đáng tính chất nhân đạo của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trên tư cách là một Nhà nước tự đặt ra cho mình mục đích xây dựng chủ nghĩa cộng sản vì lợi ích của người lao động, vì lợi ích của toàn thể nhân dân (1). Điều này được phản ánh trong các điều khoản của đạo luật cơ bản của Nhà nước Xô-viết.

Chủ nghĩa dân chủ của xã hội xô-viết còn thể hiện rõ ràng trong hoạt động chính trị đối ngoại của Nhà nước, vì chính sách đối ngoại là sự tiếp tục của chính sách đối nội. Một sự kiện có tính chất quy luật sâu sắc là hành động đầu tiên của Nhà nước xô-viết ra đời ngày 25 tháng Mười năm 1917 đã thông qua sắc lệnh của Lê-nin về hòa bình, trong đó trình bày những nguyên tắc của các quan hệ quốc tế kiểu mới – bình đẳng giữa các dân tộc, độc lập của tất cả các nước, cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau. Ngày nay tính chất yêu hòa bình và tính chất quốc tế chủ nghĩa của chính sách đối ngoại đã trở thành một quy phạm hiến pháp của xã hội xô-viết. Trong một chương riêng nói về chính

1. Xem : « Văn kiện Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô », tr. 86.

sách đối ngoại có nhấn mạnh rằng: Nhà nước xô-viết nhất quán thực hiện chính sách hòa bình lê-nin-nít, đấu tranh tăng cường nền an ninh của các dân tộc và sự hợp tác quốc tế rộng rãi. Điều 29 Hiến pháp mới, tuyên bố những nguyên tắc công bằng và nhân đạo của các quan hệ quốc tế, được trình bày trong văn kiện kết thúc của Hội nghị Hen-xinh-ki về an ninh và hợp tác châu Âu ký ngày 1 tháng Tám năm 1976.

2. Sự tham gia của những người lao động vào việc quản lý nền sản xuất xã hội chủ nghĩa

Nền sản xuất xã hội xã hội chủ nghĩa đòi hỏi một cách khách quan sự quản lý tập trung của Nhà nước. Đồng thời, sự quản lý được xây dựng không phải trên cơ sở mù quáng và buộc các lợi ích của tập thể và cá nhân phải phụ thuộc như các nhà tư tưởng xã hội dân chủ thường hình dung, mà trên cơ sở hòa hợp tự giác những lợi ích ấy với lợi ích của xã hội, bởi vì những lợi ích này cùng kiểu với nhau, cùng có cơ sở trước hết là các quan hệ công hữu. Điều này, đến lượt nó, lại đòi hỏi phải phát triển rộng rãi tinh thần độc lập và tinh thần chủ động sáng tạo của các tập thể, của từng cá nhân.

Tất cả những nhiệm vụ này được giải quyết trên cơ sở thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ mà ý nghĩa đã được nhấn mạnh trong Hiến pháp mới của Liên-xô (điều 3). Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là kết hợp chủ nghĩa dân chủ, tinh thần chủ động sáng tạo của những người lao động với chế độ tập trung hóa quản lý, với chế độ thủ trưởng. Nó đòi hỏi tính kế hoạch, tính kỷ luật và tính tổ chức.

Khi lý giải về sự cần thiết của nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý có lưu ý đến kinh nghiệm những

bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin viết: «Nhiệm vụ của chúng ta bây giờ là thực hiện tập trung dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm tính tuyệt đối và sự thống nhất trong hoạt động của những xí nghiệp kinh tế như đường sắt, bưu chính, điện báo và các phương tiện giao thông khác, v.v... đồng thời, chủ nghĩa tập trung hiểu theo nghĩa thực sự dân chủ đòi hỏi khả năng sáng tạo lần đầu tiên do lịch sử tạo ra và phát triển một cách đầy đủ và thuận lợi không những các đặc điểm của địa phương, mà cả sáng kiến của địa phương, tính chủ động của địa phương, sự đa dạng của những con đường, phương sách và phương tiện để đi tới mục đích chung» (1).

Như vậy là dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, việc quản lý kinh tế của nhà nước bất chấp những lời khẳng định của những người xã hội dân chủ cánh hữu, đòi hỏi phải nhất thiết thu hút quần chúng tham gia quản lý, phải kết hợp một cách hữu cơ với những hình thức tự quản về mặt xã hội của những người lao động. Nói tới vai trò mới của những người lao động trong việc quản lý sản xuất sau khi chính quyền đã về tay giai cấp vô sản, V.I. Lê-nin kêu gọi làm mọi cách «để cho họ tự mình quản lý *toàn bộ* nền công nghiệp, *toàn bộ* nền sản xuất ...« (2).

Nhiều sự kiện của hiện thực xã hội chủ nghĩa chứng tỏ rằng nhân dân lao động thực hiện có hiệu quả chức năng làm chủ sản xuất của họ. Thật vậy, ở Liên-xô, trong quá trình thảo luận «Phương hướng cơ bản phát triển kinh tế quốc dân Liên-xô trong những năm 1976 — 1980» đã có 7,6 triệu người phát biểu ý kiến, hơn 1 triệu

---

1. *V.I. Lê-nin* : Toàn tập, tập 36, tr. 152.

2. *V. I. Lê-nin* : Toàn tập, tập 37, tr. 528.

lời đề nghị và nguyện vọng được đề xuất (1). Đó là cuộc thảo luận có tính cách thật sự toàn dân về những vấn đề thuộc đường lối kinh tế và xã hội, về những con đường phát triển nền kinh tế quốc dân của đất nước. Cuộc thảo luận này thể hiện rõ hiệu quả của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, một trong những ưu thế cơ bản của nó so với nền dân chủ tư sản. Không thể có một biểu hiện như vậy của quyền lực nhân dân chân chính trong bất cứ nước tư bản chủ nghĩa nào do tính hạn chế về mặt giai cấp của nền dân chủ tư sản và do không có những mục đích thống nhất để đoàn kết toàn thể xã hội.

Trong khi nhấn mạnh ý nghĩa của việc Nhà nước quản lý nền kinh tế và những lĩnh vực khác của đời sống xã hội, đảng cộng sản, xuất phát từ nguyên tắc lê-nin-nít tập trung dân chủ, đồng thời rất chú trọng thu hút quần chúng tham gia quản lý trực tiếp trong các tập thể nơi họ đang lao động.

Nhận xét tầm quan trọng của việc đưa vào văn bản Hiến pháp Liên-xô một điều khoản về vai trò của các tập thể lao động L.I. Brê-giơ-nép nhấn mạnh : « Việc này phù hợp với đường lối nguyên tắc của Đảng ta, với ý nghĩa mà Đảng dành cho việc phát triển những nguyên tắc dân chủ trong quản lý sản xuất » (2).

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội phát triển, vai trò của các tập thể lao động trong việc phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được nâng cao, điều này được thể hiện rõ trong đạo luật cơ bản của

---

1. Xem : « Văn kiện Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô », tr. 46.

2. *L. I. Brê-giơ-nép* : Theo đường lối Lê-nin. Diễn văn và bài viết, tập 6, tr. 380.

đất nước Xô-viết. Điều 8 Hiến pháp Liên-xô có nói: «Các tập thể lao động tham gia thảo luận và giải quyết những công việc của Nhà nước và xã hội, định kế hoạch sản xuất và phát triển xã hội, đào tạo và bố trí cán bộ, thảo luận và giải quyết những vấn đề quản lý xí nghiệp và cơ quan, cải thiện các điều kiện lao động và sinh hoạt, sử dụng các phương tiện dành cho phát triển sản xuất cũng như để tiến hành các biện pháp văn hóa – xã hội và khuyến khích vật chất.

Các tập thể lao động phát triển thi đua xã hội chủ nghĩa, góp phần phổ biến những phương pháp công tác tiên tiến, củng cố kỷ luật lao động, giáo dục các thành viên của mình theo tinh thần đạo đức cộng sản chủ nghĩa, chăm lo nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, văn hóa và nghiệp vụ chuyên môn của họ».

Trong những năm vừa qua, vai trò của các tổ chức xã hội, đặc biệt là của các công đoàn, được nâng cao một cách có ý nghĩa trong việc quyết định nhiều vấn đề thuộc hoạt động của các xí nghiệp xô-viết. Trong diễn văn đọc tại đại hội XVI các công đoàn Liên-xô, L. I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh: «Các công đoàn Liên-xô đã và đang là trường học quản lý kinh tế. Hơn nữa — đây là điều cũng quan trọng về nguyên tắc – là trường học quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong xã hội chúng ta, sản xuất không đối lập với người lao động. Quan tâm phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng cao sản lượng và quan tâm tới các quyền và lợi ích của những người lao động, quan tâm tới các điều kiện lao động và sinh hoạt của họ – đó là một nhiệm vụ có hai mặt của công đoàn. Nhiệm vụ có hai mặt, bởi vì phát triển và hoàn thiện có chất lượng nền kinh tế — là con đường trực tiếp và đúng đắn để cải thiện các điều kiện sống của người lao động.

của gia đình người lao động, của toàn thể các công dân » (1).

Ở Liên-xô, từ năm 1971 đã có quy chế mới về quyền hạn của các ban chấp hành công đoàn xí nghiệp, nhà máy, địa phương, cho phép tác động thực sự đến mọi mặt hoạt động của các tập thể trong các xí nghiệp. Theo quy chế này, chính quyền phải tạo ra những điều kiện bảo đảm thu hút đông đảo công nhân viên chức tham gia quản lý sản xuất. Ban chấp hành công đoàn tham gia xây dựng các đề án kế hoạch sản xuất và các kế hoạch khác (thí dụ như các kế hoạch phát triển về mặt xã hội). thay mặt công nhân và viên chức ký kết hợp đồng tập thể với chính quyền. Các vấn đề phân phối các loại quỹ của xí nghiệp, định quy mô các phần thưởng và các hình thức khuyến khích vật chất khác, xây dựng quy tắc phân phối lao động trong nội bộ và nhiều vấn đề khác phải được chính quyền giải quyết trên cơ sở phối hợp với ban chấp hành công đoàn hoặc được sự đồng tình của ban chấp hành công đoàn. Ban chấp hành công đoàn nhà máy, xí nghiệp địa phương có quyền, trong trường hợp cần thiết, đặt ra trước các cơ quan cấp trên vấn đề thay đổi hoặc xử phạt những cán bộ lãnh đạo không thực hiện trách nhiệm theo hợp đồng tập thể, có những biểu hiện quan liêu, gây phiền hà, vi phạm luật lệ lao động. Việc đề bạt cán bộ vào những cương vị lãnh đạo kinh tế trong xí nghiệp do ban giám đốc tiến hành trên cơ sở có tham khảo ý kiến của ban chấp hành công đoàn.

---

1. *L. I. Brê-giơ-nép*: Theo đường lối Lê-nin, Diễn văn và bài viết, tập 6, tr. 322.

Vai trò to lớn trong việc tự quản tập thể là các hội nghị công nhân viên chức, nơi định kỳ thảo luận tất cả các mặt hoạt động của xí nghiệp. Tại những hội nghị này, các cán bộ lãnh đạo, kể cả của các bộ và cơ quan ngang bộ, phải trình bày các báo cáo tổng kết và các báo cáo khác một cách có hệ thống.

Trong việc quản lý các công việc của tập thể, các hội nghị sản xuất hoạt động thường xuyên được triệu tập ít nhất hai lần mỗi quý ở các xí nghiệp và năm tháng ở các phân xưởng để thảo luận và tìm ra những con đường cải tiến công tác kế hoạch trong nội bộ nhà máy, hoàn thiện công tác đài thọ lao động, v.v... có ý nghĩa ngày càng tăng. Hằng năm trên một triệu kiến nghị về cải thiện các điều kiện lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất, do những hội nghị này đưa ra, đã được thực hiện. Hoạt động của các nhóm và các chức viên kiểm tra nhân dân, của các tổ chức độc lập khác chẳng hạn như hội những người hợp lý hóa và những nhà phát minh sáng chế, hội khoa học kỹ thuật, hệ thống giáo dục kinh tế, v.v... cũng có một ý nghĩa to lớn.

Hình thức để quần chúng tham gia có hiệu quả vào việc quản lý kinh tế là phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, trong năm 1977 ở Liên-xô có 97,5 triệu người lao động tham gia (1). Vai trò của thi đua bộc lộ đặc biệt rõ trong việc những người lao động ở các tập thể nhận và thực hiện các kế hoạch giao ước. Việc xây dựng các kế hoạch này đòi hỏi phải thông báo rõ cho mọi người về các nhiệm vụ kế hoạch của tập thể, tìm tòi một cách sáng tạo những tiềm lực và khả năng của sản xuất, đề ra những quyết định quản lý dũng cảm và cần thiết để thực hiện những giao ước cao hơn.

---

1. Báo « Lao động », ngày 22-3-1977.

Tóm lại, dựa vào các hình thức hoạt động xã hội khác nhau, những người lao động được thu hút một cách rộng rãi vào việc thảo luận các vấn đề thuộc đời sống kinh tế của xã hội và của tập thể, vào việc thông qua các quyết định và kiểm tra việc thực hiện các quyết định ấy (và chính đây là thực chất của tính dân chủ của hệ thống quản lý). Dưới ánh sáng của những sự thật đã nêu ra trên đây, người ta thấy rõ những lời khẳng định không có cơ sở của các nhà tư tưởng xã hội dân chủ nói rằng phương pháp quản lý kinh tế của Liên-xô không bảo đảm « tính chủ động sáng tạo và sự kiểm soát từ dưới lên » (1).

Đảng cộng sản Liên-xô rất coi trọng việc hoàn thiện công tác quản lý kinh tế, việc giải quyết những nhiệm vụ đã chín muồi trong lĩnh vực này. Tại Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô, khi nói về sự cần thiết phải hoàn thiện cơ cấu tổ chức và các phương pháp quản lý, L.I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh: « Chúng ta cần đồng thời củng cố cả hai nguyên tắc của chế độ tập trung dân chủ. Một mặt cần phát triển tập trung, do đó ngăn chặn các xu hướng bản vị và địa phương. Mặt khác cần phát triển các nguyên tố dân chủ, tính chủ động sáng tạo của các địa phương, giải tỏa cho các ban lãnh đạo cao cấp những sự vụ nhỏ nhặt, bảo đảm tính linh hoạt và mềm dẻo trong việc thông qua các quyết định (2) ».

Đường lối lê-nin-nít của Đảng cộng sản Liên-xô bảo đảm sự phát triển các cơ sở kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tham gia rộng rãi và có hiệu quả của quần chúng vào việc quản lý sản xuất.

---

1. « Die Zukunft », 1975, N 5, S. 35.
2. « Văn kiện Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô », tr. 60.

3. Hoàn thiện cấu trúc xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cải lương – xã hội mưu toan xuyên tạc thực chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa hiện thực, đưa ra nhiều quan điểm giả hiệu khoa học khác nhau về cấu trúc xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa. Một số nhà lý luận của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu (chẳng hạn như R. Crô-xlen) phủ nhận hoàn toàn khái niệm khoa học « giai cấp », bấu víu vào các lý thuyết « phân tầng xã hội » của xã hội. Ngược lại, nhiều nhà lý luận khác sử dụng khá rộng rãi khái niệm « giai cấp », song lại giải thích nó theo lập trường duy tâm chủ quan, lấy các yếu tố nhận thức và tâm lý làm trọng (1). Dù việc lý giải phạm trù « giai cấp » có nhiều sắc thái khác nhau thế nào đi nữa thì nét chung đối với các nhà lý luận xã hội cánh hữu vẫn là bỏ qua dấu hiệu cơ bản để phân định các giai cấp – vị trí trong sản xuất xã hội, và do đó quan hệ đối với tư liệu sản xuất. Một lập trường như vậy trong vấn đề cấu trúc giai cấp – xã hội của xã hội có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau với việc khước từ yêu cầu kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội là phải xã hội hóa các tư liệu sản xuất, có nghĩa là phải thay đổi chính bản thân kiểu sở hữu.

Trong khi xã hội tư bản chủ nghĩa theo cách mô tả của những người xã hội dân chủ cánh hữu thường là « một tổng thể xã hội », trong đó đang diễn ra quá trình « đồng đều hóa » quy chế của những nhóm xã hội

---

1. *K. Renner* : Mensch und Gesellschaft. Grundriss einer Soziologie. Wien, 1965, S. 111 ; *N. Leser* : Begegnung und Auftrag. Beitrage zur Orientierung im zeitgenossischen Sozialismus. Wien, 1963, S. 79.

khác nhau, thì xã hội xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô, theo quan điểm của họ và xét từ quan điểm cấu trúc xã hội, bị hình dung như một cái tháp đẳng cấp với «giới thượng lưu cầm quyền» đứng đầu. Hơn nữa bức tranh được mô tả rằng giữa các tầng lớp xã hội, hoặc thậm chí giữa các «giai cấp mới» trong xã hội xô-viết đang có đấu tranh và đang phân biệt ngày càng sâu sắc. Tình cảnh của những người lao động, kể cả của giai cấp công nhân bị mô tả xuyên tạc là «quần chúng không có bản sắc», phải chịu mọi sự thao túng có thể có của các giới «thượng lưu» chính trị và duy kỹ thuật. Bằng cách ấy những nhà tư tưởng cải lương cánh hữu cố gắng xuyên tạc vai trò giai cấp công nhân trong xã hội xô-viết, trình bày một cách xảo trá cơ sở xã hội của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trong nhiều văn kiện của Đảng cộng sản Liên-xô và trong Hiến pháp mới của Liên-xô, đã phân tích một cách khoa học các quá trình phát triển của cấu trúc giai cấp – xã hội trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển dựa trên hai hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa. Trong đạo luật cơ bản của Nhà nước xô-viết đã phản ánh rõ những thay đổi căn bản của xã hội về mặt xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội chín muồi. Trong lời mở đầu của bản Hiến pháp có nói: «Liên minh của giai cấp công nhân, nông dân tập thể và trí thức nhân dân, tình hữu nghị giữa các quốc gia và các dân tộc đã được củng cố vững chắc. Đã hình thành sự thống nhất về chính trị xã hội và tư tưởng của xã hội xô-viết mà lực lượng lãnh đạo là giai cấp công nhân».

Xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Liên-xô đồng nhất về mặt xã hội có nghĩa là ngày nay chỉ gồm có các giai cấp và các nhóm xã hội mang bản chất xã hội

chủ nghĩa. Chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa, lao động tập thể, tính cộng đồng của những lợi ích và mục đích căn bản làm cho những giai cấp và nhóm xã hội ấy đoàn kết thống nhất với nhau. Tất nhiên đó chưa phải là một sự đồng nhất xã hội hoàn toàn, sự đồng nhất này chỉ được xác lập trong giai đoạn cao của hình thức xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Trong giai đoạn phát triển hiện nay của xã hội xô-viết, giữa các giai cấp và nhóm xã hội khác nhau vẫn còn có nhiều khác biệt kinh tế—xã hội không mang tính chất đối kháng. Chúng được quy định bởi sự tồn tại của hai hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa cơ bản, sở hữu của toàn dân và sở hữu của các nông trang hợp tác, bởi tính chất và nội dung của lao động (lao động trí óc và lao động chân tay, lao động công nghiệp và lao động nông nghiệp, lao động chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp v.v...) và sự khác biệt, do đó mà có, về tiền lương lao động, mức thu nhập, trình độ văn hóa và sinh hoạt, lối sống.

Như đã nhấn mạnh trong văn kiện Đại hội XXV của Đảng, chính sách của Đảng cộng sản Liên-xô nhằm « tiếp tục hoàn thiện cấu trúc xã hội của xã hội xô-viết »(1). Điều đó có nghĩa là đảng ra sức làm cho giai cấp công nhân, nông dân tập thể, trí thức xích lại gần nhau, khắc phục dần từng bước những khác biệt quan trọng giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, tăng cường tính đồng nhất xã hội của xã hội xô-viết.

Cần lưu ý rằng những nhà xã hội học thuộc trào lưu cải lương cánh hữu đã lý giải xuyên tạc vấn đề về tác

1. « Văn kiện Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô », tr. 215.

động của chính trị đối với cấu trúc xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa, tuyên bố rằng dường như ở đây quyền lực chính trị tạo ra một cách giả tạo cấu trúc xã hội cần thiết cho mình, tùy tiện cải biến nó.

Không nghi ngờ gì nữa, trong các điều kiện của chủ nghĩa xã hội, các quá trình xã hội không diễn ra một cách tự phát. Đảng cộng sản và Nhà nước xô-viết, trên cơ sở nhận thức được các quy luật khách quan, cố gắng tác động một cách có ý thức đến quá trình hoàn thiện cấu trúc xã hội của xã hội. Song ảnh hưởng này không diễn ra theo hướng tạo thành « giai cấp » hay « tầng lớp » bóc lột mới như những nhà tư tưởng xã hội dân chủ bịa đặt, mà theo hướng tiếp tục củng cố sự thống nhất xã hội của xã hội xô-viết (phù hợp với các xu thế phát triển của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản).

Trong đạo luật cơ bản của Nhà nước xô-viết, lần đầu tiên trong thủ tục Hiến pháp, xác định những con đường và những phương tiện thực hiện những nhiệm vụ quy định trong chính sách xã hội (chương « Phát triển xã hội và văn hóa ») đã khẳng định đường lối cải thiện các điều kiện lao động, giảm bớt, tiến tới xóa bỏ hẳn lao động chân tay nặng nhọc trên cơ sở cơ khí hóa và tự động hóa tổng hợp, biến lao động nông nghiệp thành một dạng của lao động công nghiệp, phát triển ở nông thôn một mạng lưới các cơ quan giáo dục, văn hóa, y tế, phục vụ sinh hoạt, thương nghiệp và kinh tế công cộng, biến nông thôn thành những khu dân cư được xây dựng với đủ các tiện nghi.

Quá trình xích lại gần nhau của tất cả các giai cấp và nhóm xã hội, củng cố khối thống nhất toàn dân diễn ra trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển trên cơ sở thực hiện những lợi ích xã hội chủ nghĩa và những lý tưởng

cộng sản chủ nghĩa của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân đã là và vẫn là lực lượng sản xuất chính của xã hội. Tính cách mạng, tính kỷ luật, tính tổ chức và tính tập thể của giai cấp công nhân quyết định địa vị lãnh đạo của nó trong hệ thống các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay ở Liên-xô, công nhân cùng với các thành viên trong gia đình họ chiếm gần 2/3 toàn bộ dân số. Trình độ học vấn phổ thông và chuyên nghiệp của họ đã được nâng cao một cách có ý nghĩa. Hiện nay 73,2% công nhân có trình độ đại học và trung học (hoàn chỉnh và chưa hoàn chỉnh), còn 40 năm trước đây con số đó là dưới 8% (1). Do thực hiện một loạt biện pháp cải tiến chế độ đào tạo kỹ thuật chuyên nghiệp cho công nhân, trình độ chuyên nghiệp của công nhân đã được nâng cao rõ rệt. Chỉ trong những năm của kế hoạch 5 năm lần thứ chín các trường kỹ thuật chuyên nghiệp đã đào tạo được gần 10 triệu công nhân chuyên nghiệp, trong đó một bộ phận đáng kể đã có trình độ học vấn phổ thông. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ mười dự định đào tạo gần 11 triệu công nhân chuyên nghiệp trong hệ thống giáo dục kỹ thuật chuyên nghiệp. Trong các điều kiện của chủ nghĩa xã hội chín muồi và cách mạng khoa học – kỹ thuật, đang xuất hiện người lao động kiểu mới, mà hoạt động là sự kết hợp ngày càng hài hòa hơn của lao động chân tay và lao động trí óc.

Toàn bộ ý nghĩa của chính sách xã hội của các đảng mác-xít – lê-nin-nít đối với giai cấp công nhân, một chính sách nhằm hoàn thiện cấu trúc của giai cấp này,

---

1. «Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội», số 12, 1977, tr.4.

nâng cao trình độ học vấn, văn hóa, đời sống vật chất, nâng cao tính tích cực sản xuất và tính tích cực chính trị — xã hội... là ở chỗ nó không ngừng bảo đảm vai trò lịch sử của giai cấp này trong công cuộc phát triển xã hội, thực hiện những mục đích cuối cùng của nó (1).

Việc thực hiện vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội phát triển gắn liền một cách hữu cơ với việc củng cố khối liên minh của giai cấp này với nông dân và trí thức, với việc tăng cường khối thống nhất của tất cả các thành viên trong xã hội xã hội chủ nghĩa, với việc xóa bỏ những khác biệt về mặt giai cấp xã hội giữa người với người.

Những biện pháp hiện nay mà Nhà nước Xô-viết đang thực hiện nhằm tăng cường tập trung và chuyên môn hóa nông nghiệp trên cơ sở hiệp tác hóa liên ngành nhằm xây dựng những tổ hợp công — nông nghiệp hùng mạnh, v.v... đang làm cho hai hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa (sở hữu của toàn dân và sở hữu của tập thể nông trang) tiếp tục xích lại gần nhau và xâm nhập vào nhau. Việc phát triển những cơ sở công nghiệp của

---

1. Trong các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, như sự thật đã cho thấy, số lượng công nhân chuyên nghiệp tăng theo những tốc độ nhanh, công tác đào tạo chuyên nghiệp kỹ thuật được cải tiến. Thật vậy, số công nhân lành nghề ở Bun-ga-ri trong 21 năm qua đã tăng gần 4 lần. Ở Hung-ga-ri, trong 25 năm (1949 — 1974) số công nhân lành nghề và công nhân được đào tạo đã tăng trên 3 lần. Ở Cộng hòa dân chủ Đức trong thời gian 1962 — 1971 tỷ trọng của số công nhân lành nghề đã tăng từ 31,6% lên đến 43,6%. Trong lĩnh vực này, các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng có nhiều thành tựu lớn lao (xem: «Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội», 1976, số 4, tr. 80 — 90).

sản xuất nông nghiệp mà nghị quyết của các đại hội lần thứ XXIV và XXV của Đảng đã xác định phương hướng quan trọng nhất của chính sách nông nghiệp là góp phần biến lao động nông nghiệp thành một dạng của lao động công nghiệp, làm thay đổi cấu trúc nghề nghiệp – xã hội của nông thôn. Thí dụ, nếu như trong những năm 30, số dân nông thôn chủ yếu là nông dân, thì ngày nay gần 3/5 số dân nông thôn là công nhân hay viên chức. Người nông trang viên ngày nay sinh ra và lớn lên ở nông trang tập thể, tâm lý của họ được hình thành ngay từ đầu trên cơ sở xã hội chủ nghĩa.

Phát triển các nhân tố dân chủ trực tiếp trong các tập thể lao động công nghiệp và nông nghiệp, hoàn thiện công tác quản lý, bảo hiểm xã hội cho công nhân và nông trang viên, nâng cao trình độ học vấn và văn hóa của họ, cải tiến sinh hoạt – những biện pháp này và nhiều biện pháp khác mà trong nhiều nghị quyết của Đảng đã dự định, góp phần xóa bỏ những khác biệt giữa các giai cấp, tiếp tục làm xích lại gần nhau về mặt xã hội giữa thành thị và nông thôn.

Đảng cộng sản và Nhà nước Liên-xô rất coi trọng việc xóa bỏ những khác biệt giữa những người làm lao động chân tay và lao động trí óc. Góp phần thực hiện việc này là các biện pháp nhằm tiếp tục triển khai cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, đẩy nhanh công cuộc tự động hóa sản xuất, hoàn thiện tất cả các khâu trong hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục kỹ thuật chuyên nghiệp, giáo dục tính tích cực chính trị xã hội và sáng tạo, nâng cao trình độ văn hóa – kỹ thuật của mọi thành viên trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong các điều kiện của chủ nghĩa xã hội chín muồi, đang diễn ra quá trình tích cực xích lại gần nhau về trình độ văn hóa của những

người lao động chân tay và lao động trí óc. Để làm bằng chứng, chỉ cần nói rằng, nếu trong năm 1939, số lượng người có trình độ đại học và trung học (hoàn chỉnh và không hoàn chỉnh) trong 1000 người lao động chân tay ít hơn gần 12 lần so với trong hàng ngũ những người lao động trí óc, thì năm 1977 mức chênh lệch này đã giảm xuống còn 1,2 lần (1).

Tóm lại, trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, như kinh nghiệm của Liên-xô đã cho thấy, những xu thế khách quan của các giai cấp và nhóm xã hội xích lại gần nhau, phát triển ngày càng mạnh mẽ dưới tác động điều khiển của chính sách của đảng cộng sản. Biểu hiện của những quá trình nhất thể hóa xã hội sâu rộng ở Liên-xô là nhân dân xô-viết, khối cộng đồng trong lịch sử mới của con người.

Trong báo cáo về dự thảo Hiến pháp mới của Liên-xô, L.I. Brê-giơ-nép đã nói về tính đồng nhất xã hội ngày càng tăng của xã hội xô-viết: «Khối liên minh không gì phá vỡ nổi của giai cấp công nhân, nông dân tập thể và trí thức nhân dân ngày càng vững mạnh hơn – đồng chí nhấn mạnh – những khác biệt giữa các nhóm xã hội chủ yếu đang dần dần từng bước được xóa bỏ» (2).

4. Sự chuyển biến của nhà nước chuyên chính vô sản thành nhà nước toàn dân

Những thay đổi sâu sắc trong đời sống chính trị – xã hội của xã hội xô-viết đã quy định sự chuyển biến của nhà nước chuyên chính vô sản thành nhà nước

---

1. Xem: «Kinh tế quốc dân Liên-xô trong 60 năm», Niên giám thống kê, M., 1977, tr.56.

2. *L.I. Brê-giơ-nép*: Theo đường lối Lê-nin. Diễn văn và bài viết. tập 6, tr.375.

toàn dân và sự tiếp tục phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Hiện nay nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô có một cơ sở xã hội sâu rộng và mang tính cách thực sự toàn dân, dưới dạng khối liên minh không gì phá vỡ được của toàn thể nhân dân lao động do giai cấp công nhân đứng đầu. Điều 1 Hiến pháp Liên-xô viết: « Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết là một xã hội xã hội chủ nghĩa toàn dân, thể hiện ý chí và lợi ích của công nhân, nông dân và trí thức, của nhân dân lao động thuộc tất cả các dân tộc và bộ tộc của đất nước ».

Nhà nước toàn dân là một giai đoạn mới, cao hơn trong quá trình phát triển của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nó giải quyết những nhiệm vụ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Đồng thời, như đã nhấn mạnh trong Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô về kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, giữa Nhà nước toàn dân và nhà nước chuyên chính vô sản có một sự kế thừa lịch sử sâu sắc. Như đã nói trong văn kiện này, « Nhà nước toàn dân tiếp tục trong những điều kiện mới sứ mệnh sáng tạo vĩ đại của Nhà nước chuyên chính vô sản » (1).

Những kẻ thù tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, kể cả bọn cải lương xã hội ra sức xuyên tạc khái niệm chuyên chính vô sản, quy kết nó chỉ là bạo lực, khủng bố, đàn áp các quyền tự do cá nhân và .v.v... Bằng cách ấy, họ ra sức xuyên tạc thô bạo thực chất của chuyên chính vô sản, rắp tâm biến nó thành một thứ ngáo ộp nào đó đối với những người không hay biết sự thật.

---

1. Xem « Về lễ kỷ niệm lần thứ 60 Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười », Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, ngày 31-1-77, M., 1977, tr.13.

V.I.Lê-nin, trong khi bóc trần những lời bịa đặt vu khống của các kẻ thù tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản, đã nhiều lần nhấn mạnh rằng chuyên chính vô sản không phải chỉ là bạo lực, dù chỉ là bạo lực đối với các giai cấp bóc lột chống đối. «Bản chất chủ yếu của chuyên chính vô sản – Người viết – nằm trong tính tổ chức và tính kỷ luật của đội ngũ tiên tiến của nhân dân lao động, đội tiền phong của họ, người lãnh đạo duy nhất của họ, tức giai cấp vô sản. Mục đích của giai cấp vô sản là xây dựng chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ tình trạng phân chia xã hội thành các giai cấp, làm cho mọi thành viên của xã hội trở thành những người lao động, xóa bỏ mảnh đất sinh dưỡng mọi hình thức người bóc lột người» (1). Từ đó nảy sinh tính chất nhân đạo sâu sắc trong hoạt động của nhà nước chuyên chính vô sản.

Giai cấp công nhân là người xây dựng, người sáng tạo ra các giá trị nhân đạo xét theo chính bản thân thực chất của chúng. Giai cấp công nhân buộc phải dùng bạo lực để đập tan những mưu đồ của các giai cấp đã bị lật đổ muốn phục hồi quá khứ. Chính quyền của giai cấp công nhân là nền chuyên chính đối với bọn bóc lột, dân chủ đối với những người lao động. Cơ sở xã hội của chính quyền này là khối liên minh của công nhân với toàn thể những người lao động vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (2).

Những tiêu chuẩn quyết định của dân chủ được xác định bởi bản chất xã hội của nhà nước. Bản chất của nó là ở chỗ chính quyền Nhà nước thể hiện lợi ích của ai, quản lý xã hội nhằm mục đích gì, phục vụ cho ai,

---

1. *V.I.Lê-nin*: Toàn tập, tập 38, tr.385.

2. *V.I.Lê-nin*: Toàn tập, tập 38, tr,377.

những người lao động tham gia đến mức độ nào vào các hình thức khác nhau của công tác quản lý. Chính quyền vô sản bảo đảm cho những người lao động có tự do thật sự, thoát khỏi mọi sự bóc lột, mọi ách áp bức tinh thần và chính trị, mọi ách áp bức dân tộc. Chính quyền vô sản thiết lập lối sống mới xã hội chủ nghĩa, thấm đượm chủ nghĩa dân chủ chân chính. Trong Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô về 60 năm Cách mạng Tháng Mười có nhấn mạnh: «Việc xác lập và củng cố chính quyền xô-viết trên tư cách là một trong những hình thức của chuyên chính vô sản đã bảo đảm trên thực tế một nền tự do và dân chủ chưa từng thấy, không thể có trong bất kỳ một nước tư bản chủ nghĩa nào, cho tuyệt đại đa số người lao động» (1).

Việc thu hút một cách rộng rãi và toàn diện những người lao động vào công tác quản lý, sự tham gia của họ vào hoạt động hàng ngày của các cơ quan chính quyền, việc các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm phải báo cáo với nhân dân và chịu sự kiểm soát của nhân dân, tính công khai, phê bình và tự phê bình — tất cả những cái đó đều là những đặc trưng cho đời sống chính trị trong các nước xã hội chủ nghĩa. Lý luận và thực tiễn chủ nghĩa cộng sản khoa học làm cho người ta tin rằng: việc thiết lập chuyên chính vô sản tạo ra những tiền đề để phát triển một nền dân chủ thực sự cho nhân dân lao động, để mở rộng và làm sâu sắc hơn nền dân chủ ấy. Trong các điều kiện của nhà nước toàn dân,

---

1. «Về lễ kỷ niệm lần thứ 60 Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười», Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, ngày 31-1-1977, tr.5.

nền dân chủ sẽ trở thành nền dân chủ toàn dân thực sự, đúng như V.I.Lê-nin đã tiên đoán (1).

Mặc dù những tư tưởng của Cau-xky về sự không thể dung hợp chuyên chính vô sản và dân chủ đã bị khoa học Mác — Lê-nin (2) và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đánh đổ từ lâu, bất chấp sự thật là sự hoàn thiện của nền dân chủ toàn dân trong các điều kiện của chủ nghĩa xã hội chín muồi, những nhà tư tưởng xã hội dân chủ hiện đại vẫn sử dụng rộng rãi những quan niệm hoàn toàn có tính chất vu khống về tính chất chuyên chế hay độc tài của chế độ chính trị ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Thật vậy, trong nhiều tác phẩm của V.Ai-le đã đặt ngang hàng chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít, coi đó là những chế độ chuyên chế có thái độ phủ định đối với dân chủ (3). Đảng viên Đảng xã hội Pháp E.Me-rơ tuyên bố rằng ông ta kiên quyết phản đối « các chế độ đẳng cấp độc tài, quan liêu ở các nước phương Đông », ý nói các nước xã hội chủ nghĩa. Ông ta tỏ ý không đồng tình với « quan điểm của Lê-nin » và nói rằng chính quyền dường như được trao cho « một thiểu số thượng lưu » (4). Cần vạch ra rằng những lời khẳng định về « chuyên chính vô sản của đảng » về « sự tương đồng giữa Đảng và nhà nước », về « Nhà nước của thiểu số » đã được lắp lại trọn vẹn trong

---

1. Xem *V.I.Lê-nin*: Toàn tập, tập 33, tr.89, 273.

2. Xem *V.I.Lê-nin*: Toàn tập, tập 37, tr.235 — 238.

3. *W.Eichler*: Zur Einführung in der demokratischen Sozialisums. Bonn — Bad — Godesberg, 1972, S.72.

4. *E.Maire*: Pour un socialismedemocratique: Contribution de la CFDT. P., 1971, P.18 — 19.

tuyên truyền tư sản khi nó phản ứng lại Hiến pháp mới của Liên-xô (1).

Nhãn hiệu «chủ nghĩa chuyên chế» mà một số nhà tư tưởng của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» nối gót những kẻ điên cuồng chống cộng trong phe tư sản đã gán cho chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội đang thực tế tồn tại, chứng minh rằng chúng đem vào thực tại xã hội chủ nghĩa một cách tư biện những phạm trù và khái niệm do chủ nghĩa tư bản sản sinh ra và vốn chỉ tồn tại với chủ nghĩa tư bản. Chính chủ nghĩa phát xít trên tư cách là một chế độ độc tài đàn áp các quyền và tự do của cá nhân đã nảy sinh chính trên cơ sở chủ nghĩa tư bản.

Thử hỏi làm sao có thể nói đến chủ nghĩa chuyên chế của tổ chức chính trị xô-viết khi hầu như toàn bộ số người đã trưởng thành ở Liên-xô đều bằng cách này hoặc cách khác tham gia quản lý các công việc xã hội? Hơn 2 triệu đại biểu xô-viết các cấp, gần 30 triệu cốt cán của các xô-viết, các công đoàn gồm trên 121 triệu công nhân, nông trang viên và viên chức, đoàn thanh niên cộng sản với gần 38 triệu nam nữ đoàn viên, phong trào hợp tác hóa, sau thắng lợi của chế độ nông trang đã tập hợp được toàn thể nông dân, các tổ chức khoa học kỹ thuật và sáng tạo khác nhau, các tổ chức kiểm tra nhân dân trong đó có hơn 9 triệu người — đó là một số hình thức cụ thể để quần chúng tham gia các hoạt động quản lý.

Trong giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển, nền dân chủ được tiếp tục phát triển sâu rộng.

---

1. «Der Bund», 6.VI 1977; «Die Welt», 6.VI 1977, «le Giornale nuovo», 7. VI 1977, «La Tribune de Genève», 6.VI 1977.

Phương hướng phát triển cơ bản của toàn bộ hệ thống chính trị trong xã hội xô-viết, như Hiến pháp Liên-xô đã tuyên bố, là *tiếp tục mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*: thu hút công dân tham gia ngày càng rộng rãi vào việc quản lý các công việc của Nhà nước và của xã hội, hoàn thiện bộ máy Nhà nước, nâng cao tính tích cực của các tổ chức xã hội, tăng cường sự kiểm tra của nhân dân, củng cố cơ sở pháp lý của đời sống nhà nước và xã hội, mở rộng tính công khai, thường xuyên lắng nghe dư luận xã hội (điều 9). Trên phương hướng này sẽ giải quyết một cách thắng lợi những vấn đề phức tạp trong công cuộc xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa tự quản.

Các nhà tư tưởng của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» thường tránh phân tích cụ thể những phương pháp tổ chức các cơ quan chính quyền xô-viết, thành phần xã hội, nội dung và hình thức hoạt động của những cơ quan ấy, phương pháp thu hút quần chúng vào công tác quản lý nhà nước, tức tránh phân tích tất cả những gì có thể làm nổi bật tính chất dân chủ thực sự của quyền lực chính trị. Thay vào đó, trong sách báo xã hội dân chủ thường có những lời khẳng định rằng các xô-viết, các công đoàn và các tổ chức quần chúng khác giữ vai trò «không đáng kể», trong hệ thống chính trị của Liên-xô. Song các sự kiện lại nói lên một sự thật khác hẳn.

Các xô-viết là cơ sở chính trị của Liên-xô. Toàn bộ hoạt động của xô-viết dựa trên các nguyên tắc của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Những đại biểu xứng đáng của nhân dân được bầu vào các xô-viết. Hơn nữa trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, việc tổ chức các cơ quan chính quyền nhà nước nằm trong tay những người lao động, bởi vì các giai cấp hoặc các tầng lớp xã hội

không lao động không thể tồn tại trong xã hội. Trong các chiến dịch bầu cử tiến hành dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, có hàng triệu người tham gia trên tư cách là những người được ủy quyền, người cổ động viên, ủy viên các ban bầu cử, v.v... thành phần các xô-viết cũng chứng tỏ chủ nghĩa dân chủ của các cơ quan chính quyền nhà nước Liên-xô. Thật vậy, trong số các đại biểu của các xô-viết địa phương (bầu cử năm 1977) có 42,3% là công nhân, 26,1% là nông trang viên, số còn lại là những người làm lao động trí óc. Gần một nửa số đại biểu (49%) là phụ nữ, còn gần 1/3 là những người trẻ dưới 30 tuổi, trong số các đại biểu của xô-viết tối cao Liên-xô có gần 33% là công nhân, 17,9% là nông trang viên, số còn lại là những người thuộc các đội ngũ khác của giới trí thức (1).

Các đại biểu đã kết hợp hoạt động trong các xô-viết với hoạt động sản xuất cơ bản của mình, do đó gắn bó chặt chẽ với cử tri, với đời sống của nhân dân. Năm 1972 đã thông qua luật « Về quy chế đại biểu của xô-viết đại biểu nhân dân lao động ở Liên-xô. ». Thẩm quyền của các đại biểu được mở rộng, uy tín và trách nhiệm của họ trước các cử tri được nâng cao. Các đại biểu đã bắt đầu sử dụng một cách tích cực hơn hình thức tiếp xúc với các cử tri. Ở tất cả các xô-viết địa phương đã thu thập được 39.000 yêu cầu trong năm 1971, gần 64.000 yêu cầu trong năm 1974 (1).

Tham gia vào công việc của các xô-viết có cả một mạng lưới rộng rãi những phần tử cốt cán là thành viên nhiều tổ chức tự lập khác nhau của nhân dân lao động :

---

1. Báo : « Sự thật », ngày 30-10-1975 ; 25-6-1977.
2. Xem : « Các xô-viết đại biểu lao động », 1975, số 5, tr.29.

các ủy ban đường phố và ủy ban các khu nhà ở, các tòa án đồng chí, tuần tra nhân dân, các hội đồng câu lạc bộ, các hội đồng phụ nữ, các hội đồng phụ huynh và v.v...

Việc sử dụng những hình thức dân chủ như thư từ nêu các nguyện vọng và yêu cầu của cử tri trong các cuộc bầu cử đại biểu, báo cáo của các đại biểu trước cử tri, báo cáo của cán bộ lãnh đạo các cơ quan Nhà nước trước các tập thể lao động và tại nơi cư trú của nhân dân, quần chúng sơ bộ thảo luận các dự thảo luật lệ và v.v... bảo đảm khả năng thu hút đông đảo quần chúng vào hoạt động quản lý.

Hiến pháp mới của Liên-xô đã nhấn mạnh tính chất toàn dân của Nhà nước xô-viết. Nhân đây xô-viết các đại biểu nhân dân lao động đã được đổi tên thành xô-viết các đại biểu nhân dân. Những nguyên tắc dân chủ trong hoạt động của các xô-viết được tiếp tục phát triển, vai trò của các xô-viết trong việc giải quyết các vấn đề Nhà nước được tăng cường. Thật vậy, Xô-viết tối cao Liên-xô có quyền giải quyết tất cả mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Liên-xô. Các xô-viết địa phương không những giải quyết tất cả các vấn đề có ý nghĩa địa phương mà còn trong phạm vi thẩm quyền của mình, kiểm tra và phối hợp công việc của tất cả các tổ chức nằm trong lãnh thổ địa phương mình. Luật cơ bản bắt buộc các xô-viết và các đại biểu phải định kỳ thông báo cho cử tri biết những công việc đã làm, và phải báo cáo với cử tri.

Hiến pháp bảo dảm việc kết hợp một cách thực sự dân chủ những lợi ích chung của Liên-bang nhiều dân tộc và lợi ích của mỗi nước cộng hòa tạo thành liên bang. Trong Hiến pháp đã xác định những thẩm quyền của Liên-xô, các nước cộng hòa liên bang, các nước

cộng hòa tự trị, các tỉnh tự trị và c[illegible]u tự trị, của xô-viết đại biểu nhân dân các cấp và thể thức bầu cử các xô-viết, những quyền hạn và trách nhiệm của các đại biểu nhân dân.

Việc tiếp tục củng cố Nhà nước xã hội chủ nghĩa gắn liền một cách hữu cơ với việc cải tiến hoạt động của các tổ chức xã hội có tính cách quần chúng của nhân dân lao động và nằm trong hệ thống chính trị của đất nước xô-viết. Thí dụ các công đoàn tham gia vào việc giải quyết trên thực tế tất cả các vấn đề lớn trong công cuộc phát triển kinh tế, kể cả trong việc xây dựng các kế hoạch kinh tế quốc dân của Nhà nước. Các công đoàn có quyền có sáng kiến lập pháp. Những nghị định quan trọng nhất được chính phủ cùng với Hội đồng trung ương các công đoàn Liên-xô thông qua. Tất cả các văn kiện pháp lý về những vấn đề có liên quan tới điều kiện lao động chỉ được thông qua với sự thỏa thuận của các cơ quan công đoàn. Vai trò của các tổ chức thanh niên và phụ nữ cũng ngày càng tăng. Việc thông qua trong năm 1969 Điều lệ mới của nông trang, việc thành lập các Hội đồng nông trang đại diện cho lợi ích của nông dân ở các cấp, toàn liên bang, nước cộng hòa, khu, tỉnh và huyện, có ý nghĩa lớn lao đối với sự phát triển nền dân chủ nông trang.

Trong khi phản ánh vai trò ngày càng tăng của các công đoàn, của đoàn thanh niên cộng sản và của các tổ chức xã hội khác, Hiến pháp mới của Liên-xô dành cho các tổ chức này nhiều quyền hạn rộng rãi, kể cả quyền tham gia giải quyết các vấn đề chính trị, kinh tế và văn hóa – xã hội.

Những sự kiện như vậy chứng tỏ tính chất dân chủ thực sự của chế độ chính trị xô-viết.

5. Vai trò của Đảng trong xã hội xã hội chủ nghĩa

Trong điều kiện chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi hoàn toàn và triệt để, khi mà Nhà nước chuyên chính vô sản đang chuyển biến thành Nhà nước toàn dân với vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, đảng cộng sản không chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân mà trở thành đội tiên phong của toàn thể nhân dân. Số đảng viên chiếm thiểu số trong nhân dân, Đảng tuyệt nhiên không phải là « giới thượng lưu khép kín » nào đó tách rời quần chúng nhân dân. Có thể lấy thành phần xã hội của Đảng cộng sản Liên-xô làm thí dụ. Trong đội ngũ Đảng cộng sản Liên-xô tính đến đầu năm 1977, công nhân chiếm 42%, nông trang viên 13,6%, viên chức 44,4%. Trong số những đảng viên là viên chức thì gần 3/4 là cán bộ kỹ sư — kỹ thuật viên, nhà chuyên môn nông nghiệp, giáo viên, bác sĩ, cán bộ khoa học, các nhà hoạt động văn học và nghệ thuật. Trong số đảng viên, tỷ lệ của những người làm việc trong lĩnh vực sản xuất vật chất là 73,2% (1). Trong các đảng cộng sản và công nhân ở những nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, công nhân chiếm số đông nhất trong hàng ngũ đảng viên. Công nhân chiếm 40,6% tổng số đảng viên Đảng cộng sản Bun-ga-ri ; 59,2% Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri ; 56,6% Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức ; 30% Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ ; 40,9% Đảng công nhân thống nhất Ba-lan ; 48,4% Đảng cộng sản Ru-ma-ni ; 44,1% Đảng cộng sản Tiệp-khắc (2). Như số liệu vừa dẫn cho thấy, các đảng cộng sản — là máu của máu giai cấp công nhân, là máu

---

1. Xem : « Sinh hoạt đảng », số 21, 1977, tr. 28, 34.

2. Xem : « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội », số 4, 1976, tr. 91.

của máu nhân dân, đảng đã lựa chọn vào đội ngũ của mình những đại diện tiên tiến nhất của nhân dân lao động.

Trong báo cáo về kết quả thảo luận dự thảo Hiến pháp Liên-xô, L.I.Brê-giơ-nép đã bóc trần tính phi lý của việc đem đảng cộng sản đối lập với nhân dân, đem những người cộng sản đối lập với người ngoài đảng. Đảng không có lợi ích nào khác với lợi ích của nhân dân. Và như đồng chí L.I.Brê-giơ-nép đã nói một cách hình ảnh, « Mưu toan đem đảng và nhân dân đối lập với nhau, bàn luận về « chuyên chính của đảng » — cũng có nghĩa như đem trái tim đối lập với các bộ phận khác trong cơ thể con người ». (1)

Những người mác-xít — lê-nin-nít phản đối cả việc thu hẹp vai trò lãnh đạo của đảng trong xã hội xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là việc giới hạn các chức năng của đảng trong lĩnh vực hoạt động văn hóa — giáo dục, lẫn việc hòa lẫn những chức năng của các cơ quan đảng và các cơ quan nhà nước. Ngay tại đại hội lần thứ VIII do Lê-nin lãnh đạo, Đảng ta đã tuyên bố thực hiện mọi nghị quyết của mình « thông qua các cơ quan xô-viết, *trong khuôn khổ hiến pháp xô-viết* »(2) không thay thế cho các xô-viết. L.I.Brê-giơ-nép nhấn mạnh : « Chúng ta đang tuân thủ và sẽ mãi mãi tuân thủ đường lối có tính nguyên tắc này » (3). Đường lối này được phản ánh rõ ràng trong luật cơ bản của Liên-xô, trong đó

---

1. *L.I. Brê-giơ-nép* : Theo đường lối Lê-nin. Diễn văn và bài viết, tập 6, tr. 533.

2. « Đảng cộng sản Liên-xô, những nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương » tập 2, M, 1970, tr.77.

3. *L.I.Brê-giơ-nép* : Theo đường lối Lê-nin, Diễn văn và bài viết, tập 6, tr. 526.

có nói: « Tất cả các tổ chức đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp Liên-xô » (điều 6).

Đảng cộng sản kiểu mác-xít — lê-nin-nit không thống trị xã hội và Nhà nước, mà hướng dẫn hoạt động của toàn dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, xác định triển vọng phát triển chung của xã hội, đường lối chính sách đối nội và đối ngoại, như đã nêu trong Hiến pháp Liên-xô, là lực lượng lãnh đạo của xã hội, là hạt nhân trong hệ thống chính trị của xã hội, của các tổ chức Nhà nước và xã hội. Đảng tồn tại vì nhân dân và phục vụ nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng mác-xít — lê-nin-nít là quy luật phổ biến trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Còn sự lãnh đạo được thực hiện như thế nào — dưới hình thức là chế độ một đảng hay còn có các đảng khác của những người lao động, những đảng thiết tha xây dựng chủ nghĩa xã hội — thì đó là vấn đề mà những người mác-xít — lê-nin-nít cho là thuộc truyền thống lịch sử cụ thể và các đặc điểm riêng của nước này hay nước khác.

Chẳng hạn sau Tháng Mười năm 1917, Lê-nin cho rằng có thể có một sự « Liên hiệp trung thực », một sự liên minh trung thực với những người xã hội cách mạng cánh tả với điều kiện là phải thành thật và trung thực tuân theo và thi hành những nguyên tắc của chính quyền xô-viết. Lê-nin nói: « Chúng ta đã và đang đề nghị... những người xã hội cách mạng cùng chúng ta nắm chính quyền *nếu họ từ chối* thì đó không phải là lỗi của chúng ta ». (1) Dựa vào kinh nghiệm đấu tranh giai cấp gay gắt, nhận rõ tính chất phản cách mạng của

---

1. *V.I.Lê-nin*: Toàn tập, tập 35, tr.75.

bọn men-sê-vích và những người xã hội cách mạng, nhân dân lao động đã bác bỏ mọi mưu mô của họ định nắm quyền lãnh đạo quần chúng và chỉ thừa nhận cho một đảng – Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) có vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội.

« Sự phê phán » từ phía những nhà tư tưởng của « chủ nghĩa xã hội dân chủ » đối với hệ thống một đảng ở Liên-xô, coi đó là « mẫu mực » bắt buộc mà những người mác-xít – lê-nin-nít gán ghép cho tất cả các nước, là hoàn toàn vô căn cứ cũng y như các phương thuốc của chủ nghĩa chống cộng nhằm « tự do hóa » chế độ xã hội chủ nghĩa bằng cách thi hành « các luật chơi » của nền « dân chủ đa nguyên » cố hữu với xã hội tư sản.

Thực tiễn chứng minh rằng trong các nước xã hội chủ nghĩa có thể tồn tại một hoặc một số đảng, tùy thuộc vào các điều kiện cụ thể và hoàn cảnh đặc thù của đất nước.

Song hệ thống nhiều đảng trong chế độ xã hội chủ nghĩa khác về căn bản so với tính nhiều đảng đa nguyên trong chế độ tư sản.

Hoạt động của tất cả các đảng vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa các đảng với nhau. Chính đó là cơ sở để xây dựng mối quan hệ đồng chí giữa các đảng được tạo thành hệ thống nhiều đảng. Như chúng ta đều biết, ở Cộng hòa dân chủ Đức, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều-tiên, Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri, Cộng hòa nhân dân Ru-ma-ni, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp-khắc có nhiều đảng dân chủ khác nhau. Nhiều đại diện của những đảng này đang nắm giữ những chức vụ xã hội và nhà nước quan trọng, tham gia chính phủ.

Hệ thống nhiều đảng có tính chất xã hội chủ nghĩa về nội dung đóng một vai trò tích cực và quan trọng trong việc làm cho những người lao động quen tham gia quản lý Nhà nước.

Mặt trận nhân dân cũng đã chứng minh sức sống và ý nghĩa quan trọng của mình trong công cuộc phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đây là một tổ chức chính trị — xã hội có tính quần chúng, xuất hiện tại một loạt nước xã hội chủ nghĩa trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc. Các đảng cộng sản anh em đánh giá cao hoạt động của mặt trận nhân dân và hoàn toàn không giải tán những lực lượng dân chủ tạo thành mặt trận, mà ngược lại, cố gắng tạo ra những điều kiện tốt nhất để các lực lượng ấy tham gia vào đời sống chính trị.

Bằng những đòn đả kích vào hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội, những nhà tư tưởng của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đã vô tình bộc lộ ý của họ muốn chuyển vào các nước xã hội chủ nghĩa «mô hình» «dân chủ đa nguyên» tư sản với một phái đối lập chính trị và các «luật chơi» khác nhau của nó. Song ý muốn này của họ không sao có thể thực hiện được.

Cần xét định tính dân chủ của một chế độ chính trị nào đó, của một lối sống nào đó, chủ yếu không phải là căn cứ theo số lượng các đảng tham gia đời sống chính trị mà trước hết phải căn cứ xem tính tích cực chính trị — xã hội của quần chúng được phát triển như thế nào và việc quản lý các công việc của xã hội phản ánh đến mức độ nào những lợi ích thực sự của nhân dân.

Như đã biết, tính tích cực chính trị của quần chúng ở các nước tư bản chủ nghĩa bị hạn chế bằng mọi cách; đã thế, trong các điều kiện nền dân chủ tư sản «đa

nguyên » (chứ không có gì để nói về chế độ chính trị phát xít) sự hạn chế này được thực hiện bằng những phương tiện chính trị (thí dụ như các kiểu phân biệt đối xử với những người cộng sản) cũng như đặc biệt là bằng một loạt phương tiện gây áp lực do chính lối sống tư sản, các cơ sở xã hội của lối sống này sản sinh ra. Ngược lại, xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển vốn có chế độ dân chủ chân chính mà Lê-nin xác định là « sự tham gia thực sự vào việc quản lý Nhà nước của tuyệt đại đa số nhân dân, cụ thể là của nhân dân lao động, thay cho việc thực sự quản lý nhà nước bởi những đại diện của giai cấp tư sản là chủ yếu, như thường thấy ở những nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất » (1).

Điều không phải là bí mật đối với các nhà tư tưởng của chủ nghĩa cải lương hữu khuynh là người lãnh đạo chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa là đảng mác-xít — lê-nin-nít. Họ ra sức đánh dòn chủ yếu vào đảng này. Họ trình bày đảng của những người cộng sản như là « giới thượng lưu » cầm quyền, xa lạ và đối lập với giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Những lời khẳng định như vậy hoàn toàn xuyên tạc quy luật xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, vai trò của đảng là đội ngũ tiên phong, giác ngộ và có tổ chức của giai cấp công nhân mà lợi ích phù hợp trên mức độ lớn nhất với các yêu cầu của tiến bộ xã hội.

6. Các quyền và quyền tự do cá nhân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa

Những nhà tư tưởng của trào lưu dân chủ xã hội cánh hữu còn rất dai dẳng tuyên truyền những luận điệu về

1. *V.I. Lê-nin*: Toàn tập, tập 38, tr. 91.

tình trạng « không có » các quyền và tự do cá nhân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, lưu ý đến quá trình làm dịu tình hình quốc tế, một số người trong bọn họ đã theo gót những kẻ diên cuồng chống cộng, đặt ra một trong những « điều kiện » của quá trình này, gọi là « dân chủ hóa », « tự do hóa » chế độ chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa. Có thể nói gì về vấn đề này ?

Đặc điểm căn bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là không chỉ tuyên bố mà còn thực tế bảo đảm các quyền và các quyền tự do chính trị của cá nhân. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mọi người, không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc và chủng tộc đều được bảo đảm các quyền tự do chính trị (tự do ngôn luận, báo chí, mít tinh, hội họp, bầu cử và ứng cử vào các chế định dân chủ), lẫn các quyền xã hội rộng rãi (quyền lao động nghỉ ngơi, học tập và chữa bệnh không mất tiền, có nhà ở, được bảo đảm về mặt vật chất khi già lão và đau ốm, quyền sử dụng các thành tựu văn hóa v.v...) Đường lối không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân đã và đang được thực hiện một cách thắng lợi.

Hiến pháp mới của Liên-xô thể hiện đầy đủ tính chất nhân đạo của nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước tuân theo lý tưởng cộng sản chủ nghĩa « sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người » đặt ra cho mình mục đích là mở rộng mọi khả năng thực tế để phát triển toàn diện nhân cách. Trong một chương riêng « Nhà nước và cá nhân » của Hiến pháp đã nói rõ về các quyền và quyền tự do của công dân. So với Hiến pháp trước, nội dung của các quyền sâu sắc hơn, và những điều kiện vật chất bảo đảm cho các quyền đó cũng quan trọng hơn. Thí dụ, quyền lao động được bổ sung bằng quyền « lựa chọn

nghề nghiệp, loại nghề và công việc phù hợp với những năng khiếu, khả năng, trình độ được đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, trình độ học vấn và có chú ý đến các nhu cầu của xã hội» (điều 40). Các quyền và quyền tự do chính trị của người xô-viết được trình bày đầy đủ hơn. Chẳng hạn như, tuyên bố quyền tham gia quản lý công việc nhà nước và xã hội, đưa ra các đề nghị về việc cải tiến hoạt động của các cơ quan nhà nước và xã hội, phê phán những thiếu sót trong công tác của các cơ quan này. Việc đàn áp phê bình bị nghiêm cấm.

Luật cơ bản bảo đảm quyền bất khả xâm phạm của cá nhân về nhà ở, bí mật của thư từ, điện báo và điện thoại. Tôn trọng cá nhân, bảo vệ các quyền và quyền tự do của người xô-viết là bổn phận của tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và những người có trách nhiệm (điều 57).

Nói về ý nghĩa Hiến pháp mới của Liên-xô, trong báo cáo đọc tại phiên họp trọng thể của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Xô-viết tối cao Liên-xô và Xô-viết tối cao Cộng hòa Liên bang Nga kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Mười, L.I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh: «Hiến pháp đã một lần nữa khẳng định rằng tất cả những cuộc cải cách, tất cả những chuyển biến đang được thực hiện trong nước ta, đều nhằm trước hết bảo đảm cho mỗi người có những điều kiện sống thực sự con người. Nó một lần nữa chứng tỏ hùng hồn rằng các khái niệm tự do, nhân quyền, dân chủ và công lý xã hội chỉ có đầy đủ nội dung thực sự trong các điều kiện của chủ nghĩa xã hội» (1).

---

1. *L.I. Brê-giơ-nép*: Theo đường lối Lê-nin. Diễn văn và bài viết, tập 6, tr. 581.

Từ tính chất nhân đạo của các mối liên hệ giữa cá nhân và xã hội trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội phát triển nảy sinh nguyên tắc kết hợp hữu cơ những lợi ích của xã hội và những lợi ích của cá nhân. Mỗi thành viên của xã hội đều thấy lao động của mình hòa nhịp vào lao động chung của tất cả công dân trong nước, làm cho đất nước hùng cường hơn, còn sự gia tăng tài sản xã hội có ảnh hưởng đến việc nâng cao đời sống của mỗi người lao động. Quy luật sống của xã hội, chỉ bao gồm các giai cấp lao động, và nhóm xã hội, như đã nhấn mạnh trong phần mở đầu Hiến pháp, là « mọi người vì mỗi người, mỗi người vì mọi người ».

Từ đó sự kết hợp các quyền thực tế và quyền tự do của con người với trách nhiệm công dân, là nét cố hữu của lối sống xô-viết mà một số người « phê bình » nó không sao hiểu nổi. Mỗi nghĩa vụ của công dân nêu ra trong Hiến pháp — tận tụy lao động, tăng thêm của cải xã hội chủ nghĩa, chăm lo giáo dục con cái, góp phần tăng cường sự hùng mạnh và uy tín của quốc gia, giữ gìn trật tự xã hội, không khoan nhượng với những hành động chống lại xã hội, bảo vệ thiên nhiên v.v... đều xuất phát từ những lợi ích căn bản của toàn xã hội và phù hợp với lợi ích phát triển của mỗi cá nhân.

Sự thống nhất giữa lợi ích của cá nhân và của xã hội được thể hiện trong các quyền hạn cũng như trong những nghĩa vụ của các công dân xô-viết. Sự bình đẳng và thống nhất giữa quyền hạn và nghĩa vụ được thể hiện ở chỗ là tất cả các công dân Liên-xô, theo điều 34 Hiến pháp, không phân biệt nguồn gốc, hoàn cảnh xã hội và tài sản, dân tộc, chủng tộc, giới tính, học vấn, ngôn ngữ, tôn giáo v.v... đều có quyền hạn như nhau, đều có những nghĩa vụ như nhau. Nói tóm lại, trong xã hội

xô-viết không một công dân nào không có đầy đủ quyền hạn, cũng như không một công dân nào chỉ biết sử dụng quyền hạn, mà không hề có nghĩa vụ đối với Nhà nước. Như vậy là đã thực hiện được nguyên tắc mà vì nó những người sáng lập chủ nghĩa Mác đã từng đấu tranh: «Không có quyền hạn nào không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ nào không có quyền hạn» (1).

Dư luận tiến bộ trên thế giới đánh giá cao Hiến pháp của Liên-xô, coi đó là hiến chương vĩ đại về những quyền và quyền tự do chân chính của con người. Trong khi đó thì các giới chống cộng ở nước ngoài lại phát động một chiến dịch ầm ĩ hòng làm cho Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác mất uy tín, vu cáo Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa vi phạm «nhân quyền» (2). Động cơ của chiến dịch này đã rõ ràng. Những kẻ thù tư tưởng của chủ nghĩa xã hội hiện thực muốn làm giảm sút sự quan tâm ngày càng tăng của nhân dân lao động toàn thế giới đối với xã hội, trong đó những người lao động được thực sự bình đẳng, có toàn quyền và có tự do thực sự.

---

1. Xem: *C. Mác và Ph. Ăng-ghen*: Tuyển tập, tập 16, tr. 13.

2. Cần ghi nhận rằng phương hướng chống cộng công khai của luận điệu tuyên truyền đế quốc chủ nghĩa về «nhân quyền» đã không được sự ủng hộ hoàn toàn của một số giới xã hội dân chủ. Chẳng hạn như nhân vật thuộc đảng đoàn Đảng xã hội dân chủ Đức trong quốc hội chuyên trách về đường lối đối nội và chính sách an ninh, đã lên tiếng chống lại mưu đồ chọn «phương hướng chống cộng làm đòn chủ yếu» trong cuộc đấu tranh về nhân quyền, đã tỏ ý lo sợ rằng sự tiếp tục phát triển gay gắt của cuộc thảo luận trong lĩnh vực này có thể dẫn tới chính sách «đụng độ với phương Đông», («Die Welt», 9. VIII, 1977).

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tất cả các quyền và các quyền tự do mà nó bảo đảm có nội dung giai cấp, bảo đảm giữ gìn những thành quả xã hội chủ nghĩa, kiên quyết chặn đứng mọi hành động xâm phạm đến lợi ích của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động. Bởi vậy nếu những kẻ phản bội, xa rời quần chúng nhân dân và muốn được hoàn toàn tự do tiến hành hoạt động phá hoại những nền tảng của chế độ xã hội chủ nghĩa, thì chúng sẽ không bao giờ có được thứ tự do ấy, cho dù chúng có khóc than biết mấy về các « quyền dự do » của chúng bị « xúc phạm » và dù chúng được sự ủng hộ như thế nào đó của các loại phần tử chống chủ nghĩa xã hội ở các nước ngoài.

Tự do thoát khỏi nạn thất nghiệp, ách bóc lột, sự áp bức và sự chuyên quyền của bất kỳ một giai cấp có đặc quyền đặc lợi nào, tính hiện thực của các quyền và thành quả xã hội – đó là nét đặc trưng cho chủ nghĩa dân chủ trong lối sống xã hội chủ nghĩa, chắc chắn là ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản.

CHƯƠNG V

CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG TRONG PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ VÀ VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT CÁC LỰC LƯỢNG CẢNH TẢ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Những nguyên tắc hợp tác của những người cộng sản với những người xã hội dân chủ

Những sự kiện trong thời gian gần đây cho thấy rằng xung quanh quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» đang diễn ra một cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt, mà đứng sau nó một bên là các lực lượng mong muốn làm cho phong trào xã hội dân chủ thực sự thích nghi với xu thế phát triển mới của xã hội tư bản chủ nghĩa, với những nguyên tắc được xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu tư liệu sản xuất và bên kia là những lực lượng muốn khắc phục những tệ đoan của chủ nghĩa tư bản, tạo ra những điều kiện để loại bỏ sự bóc lột các tầng lớp nhân dân lao động. Khoa học mác-xít có lưu ý đến sự phức tạp của các quá trình phân hóa đang diễn ra trong trào lưu xã hội dân chủ quốc tế.

Những người cộng sản vốn có tinh thần trách nhiệm sâu sắc về tương lai hòa bình và tiến bộ. Xuất phát từ đó, các đảng cộng sản đấu tranh để thống nhất các đội

ngũ của phong trào công nhân quốc tế, mà một bộ phận cấu thành là những người lao động – đảng viên xã hội dân chủ và các tổ chức quần chúng của họ. Sự khác biệt trong quan điểm nhận thức về nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội và những con đường để thực hiện nó không được làm trở ngại cho cuộc đấu tranh chống kẻ thù độc ác nhất của loài người là chủ nghĩa đế quốc quốc tế đang mang lại cho nhân dân các dân tộc trên thế giới nguy cơ chiến tranh mới, những hình thức áp bức và bóc lột mới. Trong khi vạch rõ về nguyên tắc các sai lầm trong những quan điểm luận giải « chủ nghĩa xã hội dân chủ » có nghĩa là sự thích nghi với chủ nghĩa tư bản, sự bảo vệ bản chất bóc lột cơ bản của nó, trong khi vạch trần chủ nghĩa cải lương của trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu đang dẫn dắt quần chúng lao động xa rời cuộc đấu tranh cách mạng để cải tạo tận gốc xã hội tư bản chủ nghĩa, những người cộng sản hoan nghênh tất cả những chuyển biến theo hướng nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội, mà cơ sở là thắng lợi của các tư tưởng của giai cấp công nhân, xây dựng xã hội trên những nguyên tắc dân chủ thực sự, bảo đảm cho mỗi người lao động có khả năng sáng tạo, xây dựng, quản lý xã hội, thể hiện tinh thần đoàn kết.

Hơn nữa, những người cộng sản lưu ý rằng sự phát triển của quá trình cách mạng thế giới tất yếu có ảnh hưởng tới phong trào xã hội dân chủ, làm cho trong phong trào này có những khuynh hướng và trào lưu trái ngược với đường lối cải lương cánh hữu. Chủ nghĩa xã hội không phải chỉ là mong muốn của các nhà hoạt động chính trị hoặc các nhà tư tưởng nào đó mà là một xu thế phát triển khách quan của xã hội loài người mà khoa học mác-xít đã phát hiện thấy hơn 100 năm về trước.

Quan điểm của phong trào cộng sản quốc tế hiện đại đối với trào lưu xã hội dân chủ đã được trình bày khá rõ trong các Hội nghị năm 1957 và năm 1960, và được khẳng định trong văn kiện Hội nghị quốc tế các đảng cộng sản và công nhân năm 1969.

Những vấn đề tăng cường thống nhất giai cấp công nhân, phát triển các mối quan hệ qua lại giữa các đảng cộng sản và các đảng xã hội dân chủ đã chiếm vị trí quan trọng tại Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân châu Âu (Béc-lin, ngày 29 – 30 tháng 6 năm 1976). Trong văn kiện tổng kết hội nghị có nói rõ: «Những người tham dự Hội nghị chào mừng những kết quả đã đạt được trong việc phát triển sự hợp tác của các đảng cộng sản và các đảng xã hội hoặc các đảng xã hội dân chủ trong một loạt nước và trên bình diện quốc tế. Họ cho rằng lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động đòi hỏi phải khắc phục những trở ngại trên con đường hợp tác và làm phức tạp thêm cuộc đấu tranh của các tầng lớp lao động chống tư bản độc quyền, chống các lực lượng phản động và bảo thủ» (1). Đồng thời cũng nhấn mạnh rằng các đảng cộng sản và công nhân tham gia hội nghị một lần nữa khẳng định rằng họ bác bỏ mọi đường lối chính trị và thế giới quan mà, xét theo thực chất, có nghĩa là bắt giai cấp công nhân phải phục tùng chế độ tư bản chủ nghĩa.

Quan điểm của những người cộng sản Liên-xô được trình bày trong báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô trước Đại hội lần thứ XXV. Phát biểu tại Đại hội, L. I. Brê-giơ-nép đã nói về vấn đề này như sau:

---

1. «Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân châu Âu, Béc-lin, 29 – 30-6-1976», M., 1977, tr. 21.

« Phù hợp với những phương châm của Đại hội XXIV, chúng ta đã tiếp tục phát triển sâu các mối liên hệ với những *đảng tiến bộ không phải là cộng sản* – với các đảng dân chủ cách mạng cũng như với các đảng xã hội cánh tả. Đã mở rộng rõ rệt những tiếp xúc với các đảng xã hội và xã hội dân chủ của một loạt nước, trong đó có Phần-lan, Bỉ, Nhật-bản, Anh, Pháp. Chúng ta coi trọng những gì đã đạt được ở đây và sẽ tiếp tục công tác theo hướng này.

Chắc chắn rằng không thể nào có chuyện xích lại gần nhau về *mặt tư tưởng* giữa chủ nghĩa cộng sản khoa học với chủ nghĩa cải lương của những người xã hội dân chủ. Trong hàng ngũ những người xã hội dân chủ còn có không ít người đang xây dựng toàn bộ hoạt động của mình trên cơ sở chủ nghĩa chống cộng sản và chủ nghĩa bài Xô. Thậm chí có những đảng, trong đó người ta đang trừng phạt những đảng viên có tiếp xúc với những người cộng sản. Chúng ta sẽ tiến hành đấu tranh chống lại những hiện tượng như vậy, vì chúng chỉ tiếp tay cho các thế lực phản động mà thôi.

Song những yếu tố có thể đoàn kết chúng ta và đang đoàn kết chúng ta với những người xã hội dân chủ là nhận thức được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp hòa bình, và nhất là với những người công nhân xã hội dân chủ, là lòng quan tâm đối với an ninh của các dân tộc, ý muốn chấm dứt chạy đua vũ trang, đánh trả chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa vị chủng và chủ nghĩa thực dân. Chính trên lĩnh vực này, chúng ta đã và sẽ tỏ rõ tính chủ động và thiện chí của mình » (1).

---

1. « Văn kiện Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô », tr. 82–83.

Quan điểm của các đảng cộng sản Tây Âu, mà đối với họ vấn đề hợp tác giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ là vấn đề đặc biệt cấp bách vì chính những nước Tây Âu là nơi tập trung những đảng có ảnh hưởng nhất của Quốc tế xã hội chủ nghĩa, được phản ánh trong tuyên bố chính trị của Hội nghị Brúc-xen của các đảng cộng sản và công nhân các nước châu Âu (ngày 26 – 27 tháng Giêng năm 1974):

« Mặc dù một số lãnh tụ của những người xã hội dân chủ vẫn như trước đây hành động trên tư cách là những người bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa trong hàng ngũ các đảng xã hội và xã hội dân chủ, người ta ngày càng tỏ ra hoài nghi trên những mức độ khác nhau và trong những hoàn cảnh rất khác nhau – sự hợp tác giai cấp, ngày càng tăng cường ý chí muốn đi tới những hành động cương quyết chống lại sự thống trị của giới đại tư bản, ngày càng phổ cập tư tưởng về sự cần thiết của những cuộc cải cách kinh tế và chính trị sâu sắc. Sự tiến hóa này còn chưa đồng đều và đôi khi còn bị hạn chế quá nhiều nhưng có ảnh hưởng tích cực đến quan hệ giữa các lực lượng công nhân và dân chủ trong một số nước.

Các đảng cộng sản những nước tư bản chủ nghĩa ở châu Âu nhấn mạnh ý muốn thiết lập trên cơ sở này những quan hệ tiếp xúc với các đảng xã hội và xã hội dân chủ, tiến hành các cuộc hiệp thương; tiến hành những hành động chung để đạt tới những mục đích phù hợp với đòi hỏi cấp thiết của nhân dân lao động và những lợi ích an ninh và hợp tác ở châu Âu » (1).

---

1. « L'Humanité », P., 30. 1. 1974

Trên quan điểm tương quan giữa sự cần thiết đấu tranh tư tưởng chống chủ nghĩa cải lương của trào lưu xã hội dân chủ và yêu cầu thực hiện những hành động chung của những người cộng sản và những người xã hội dân chủ, các văn kiện này nêu lên những luận điểm xuất phát sau đây:

— Tính nguyên tắc trong lập trường tư tưởng của những người cộng sản. Vạch rõ tính tất yếu đấu tranh chống hệ tư tưởng xã hội dân chủ đặc biệt là chống chủ nghĩa chống cộng và chủ nghĩa bài Xô;

— Lưu ý tới sự phân hóa trong các hàng ngũ của trào lưu xã hội dân chủ và do đó, có thái độ khác nhau của những người cộng sản đối với các đảng và những trào lưu khác nhau trong nội bộ các đảng thuộc Quốc tế xã hội;

— Việc ghi nhận một tình huống là sự lan truyền trong trào lưu xã hội dân chủ một tư tưởng về « nhu cầu có những cuộc cải tạo chính trị và kinh tế sâu sắc » đang có ảnh hưởng tốt đến quan hệ giữa các lực lượng công nhân và các lực lượng dân chủ.

Theo lệ thường, vì những tư tưởng này phát triển trong khuôn khổ quan điểm chung « chủ nghĩa xã hội dân chủ », nên tình hình ấy hàm nghĩa là cần nghiên cứu một cách chăm chú hơn nữa những luận giải về « chủ nghĩa xã hội dân chủ » có khác với quan điểm cơ bản do trào lưu xã hội dân chủ cánh hữu đưa ra, và cần xem xét những luận giải ấy khi xác định chiến lược thống nhất các lực lượng cánh tả. Ở đây cần lưu ý cả kinh nghiệm lịch sử trong vấn đề này lẫn những đặc điểm đặc thù của một tình thế cụ thể trong đó giải quyết vấn đề tổ chức những hành động chung (quan hệ giữa những người cộng sản và những người xã hội dân

chủ trong các nước tư bản chủ nghĩa, quan hệ của các đảng xã hội dân chủ với các đảng cộng sản của các nước xã hội chủ nghĩa).

2. Những giai đoạn cơ bản trong lịch sử hợp tác giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ

Trào lưu xã hội dân chủ có một bước tiến triển đặc biệt rõ trong quan điểm đối với việc xác lập những quan hệ tiếp xúc với những người cộng sản, nếu so sánh những quan hệ này đã phát triển như thế nào trong quá khứ. Xin vắn tắt nhắc lại những giai đoạn cơ bản của những quan hệ. Việc này lại càng cần thiết, bởi vì một số nhà lý luận và nhà hoạt động thực tiễn của chủ nghĩa cải lương xã hội hiện đại đang hướng về quá khứ để biện hộ cho chính sách chống cộng và gây khó khăn cho việc thiết lập các quan hệ tiếp xúc với các đảng cộng sản.

Xin nhấn mạnh trước rằng những người cộng sản và những người xã hội dân chủ không có lập trường giống nhau đối với vấn đề hợp tác. Những người cộng sản hành động theo luận cương của Lê-nin về mặt trận thống nhất trong đó có nói đến những hành động chung của các tổ chức chính trị của giai cấp công nhân — các đảng cộng sản và các tổ chức xã hội dân chủ trên tư cách là những đồng minh bình quyền trong cuộc đấu tranh vì dân chủ và hòa bình, vì những lợi ích cấp thiết của giai cấp công nhân, chống giai cấp tư sản và các thế lực phản động phát-xít. Những người lãnh đạo trào lưu xã hội dân chủ đòi thống nhất phong trào công nhân, trước hết là thống nhất về mặt tổ chức, dưới sự bảo trợ của họ và trên lập trường chủ nghĩa cải lương — xã hội. Điều này không có gì khác là âm mưu thu phục đảng cộng sản.

Đã vài chục năm, trước khi nhiều nhà hoạt động của các đảng trong Quốc tế xã hội bắt đầu thừa nhận các đảng cộng sản có quyền tham gia một cách bình quyền vào cuộc đấu tranh để cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa.

Những năm 1919 – 1922 là thời kỳ « chờ đợi » từ phía xã hội dân chủ, đây là thời kỳ tương đối « hòa bình » mặc dù chủ nghĩa bài Xô và chủ nghĩa chống cộng vẫn đả kích nước Nga Xô-viết và Quốc tế cộng sản. Cơ sở chính trị của những người xã hội dân chủ là luận điểm do R. Mắc-đôn-nan đưa ra trong tháng tư năm 1919 và rút cuộc nói rằng: « Vì Quốc tế xã hội (tức Quốc tế II) hiện nay đang mở rộng cửa cho tất cả các loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa và mặc dù có nhiều bất đồng về lý luận và hoạt động thực tiễn do chủ nghĩa bôn-sê-vích gây ra, tôi (tức Mác-đôn-nan – BT) không thấy có những nguyên nhân khiến cho cánh tả phải phân lập với trung tâm và lập thành một nhóm độc lập (tức Quốc tế III – BT) » (1). Trong những năm 1919 – 1922, những người xã hội dân chủ vẫn còn hy vọng hợp nhất được với những người cộng sản dưới ảnh hưởng ưu thế của họ và đã tham gia cuộc thương lượng của 3 Quốc tế trong năm 1922. Sau khi làm cho những cuộc thương lượng này tan vỡ, trào lưu xã hội dân chủ quốc tế đã thay đổi đột ngột lập trường của họ. Trong những năm 1923 – 1928, có cuộc « leo thang » đấu tranh chống lại các đảng cộng sản, bác bỏ hoàn toàn mọi đề nghị từ phía các đảng cộng sản và Quốc tế cộng sản.

Trong những năm 1929 – 1933, trong nhiều đảng thuộc Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện những xu hướng muốn có một thái độ thiết thực hơn trong

---

1. « L'Humanité », 15. IV 1919

quan hệ với các đảng cộng sản và Quốc tế cộng sản. Bước ngoặc này là kết quả của sự phân hóa trong hàng ngũ những người xã hội dân chủ, là kết quả của sự thiên tả trong cơ sở quần chúng của họ khi bắt đầu có khủng hoảng kinh tế thế giới và chủ nghĩa phát xít lên nắm chính quyền ở Đức. Trong năm 1933, chính bản thân Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa đã lần đầu tiên trong lịch sử của mình, đưa ra đề nghị có các cuộc thương lượng trực tiếp với Quốc tế cộng sản.

Những năm 1933 – 1935 lại được đánh dấu bằng một đợt mới triển khai mạnh mẽ chính sách chống cộng do ban lãnh đạo Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa đề xướng (sau khi các cuộc thương lượng với Quốc tế cộng sản không thành công). Song đợt căng thẳng này đã không thể kéo dài. Những điều kiện và yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh giai cấp, nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh đã buộc những nhà hoạt động của Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa phải cho phép các đảng của mình liên hệ với các phân bộ của Quốc tế cộng sản.

Những năm 1935 – 1939 là những năm thực tế hình thành các mặt trận thống nhất, mà điển hình rõ rệt là Mặt trận nhân dân ở Pháp, các hành động thống nhất chống phát xít để ủng hộ nước Cộng hòa Tây-ban-nha. Trong những năm này giai cấp công nhân đã có nhiều hình thức và phương pháp phong phú để tổ chức sự hợp tác giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ.

Trong những năm 1939 – 1941, Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa trải qua một thời kỳ khủng hoảng về tư tưởng và tổ chức mà bước kết thúc là sự tan vỡ của Quốc tế này. Trong thời gian này, các nhà hoạt động xã

hội dân chủ đã chuyển từ việc giải thích xuyên tạc Hiệp ước không tấn công lẫn nhau giữa Liên-xô và Đức sang việc xuyên tạc các đảng cộng sản, cuộc nói chuyện với những người cộng sản đã bị cắt đứt một cách giả tạo.

Những năm 1941 — 1945 được đánh dấu bằng sự phối hợp hành động chặt chẽ giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ trong phong trào kháng chiến, trong cuộc đấu tranh chống phát xít xâm lược.

Dưới ảnh hưởng trực tiếp của những bài học trong chiến tranh thế giới thứ hai, một bộ phận đáng kể trong hàng ngũ những người xã hội dân chủ trong những năm 1945 — 1947 đã bắt đầu lên tiếng đòi hợp tác với những người cộng sản. Quá trình này đã diễn ra tích cực đến mức là các đại diện của cả trào lưu này đã cùng tham gia chính phủ trong một loạt nước, trong đó có Ý và Pháp. Năm 1946, tại Hội nghị đầu tiên sau chiến tranh của những người xã hội từ 19 đảng đã trực tiếp tuyên bố ý muốn hợp tác chặt chẽ với những người cộng sản ở châu Âu và Liên-xô (1). Cũng trong năm 1946, thậm chí đã có đề nghị ghi vào điều lệ của Quốc tế xã hội tương lai một điều khoản về sự thống nhất hành động với những người cộng sản (2). Sự hợp tác của những người xã hội dân chủ và những người cộng sản ở các nước Trung và Đông — Nam Âu đã phát triển đặc biệt tốt đẹp, và cuối cùng đã dẫn họ đi tới thống nhất về mặt tổ chức. Nhưng ngay từ năm 1947, một loạt đảng xã hội dân chủ ở phương Tây đã đi vào con đường cắt đứt quan hệ với những người cộng sản, gạt các đại biểu cộng sản ra khỏi thành phần chính phủ. Những người

1. « Deily herald », 20. V 1946.

2. « Socialist Affairs », 1972, N6 — 8, vol. XXII, p. 113.

lãnh đạo của đa số đảng xã hội dân chủ đã lấy chương trình «chiến tranh lạnh» làm vũ khí đấu tranh chống lại những người cộng sản, tích cực tham gia các chiến dịch chống cộng của các lực lượng đế quốc chủ nghĩa. Năm 1948, Ủy ban hợp tác (thành lập năm 1947) đã khai trừ các Đảng xã hội dân chủ Tiệp-khắc, Rumani, Hung-ga-ri, Ba-lan và những người xã hội I-ta-li-a vì đã hợp tác với những người cộng sản. Chủ nghĩa chống cộng đã trở thành máu thịt của những nhà lãnh đạo của chủ nghĩa cải lương xã hội cánh hữu. Và Quốc tế xã hội, thành lập trong năm 1951, đã thông qua một Tuyên ngôn chống cộng công khai ở Phran-phuốc-Na-Mai-nơ. Toàn bộ những năm 50 đã trôi đi dưới dấu hiệu của cuộc đấu tranh chống các đảng cộng sản, mọi liên hệ với các đảng cộng sản đều bị cấm đoán, tình hình này được phản ánh trong Tuyên ngôn ở Ô-xlô do Hội nghị Quốc tế xã hội năm 1962 thông qua.

Từ năm 1962, trong một loạt đảng thuộc Quốc tế xã hội đã bắt đầu thấy có xu hướng dần từng bước triển khai cuộc nói chuyện có tính cách xây dựng với các đảng cộng sản và trước hết là Đảng cộng sản Liên-xô. Xu hướng này đã dẫn Ban thường vụ Quốc tế xã hội tới chỗ thừa nhận chính thức cho các đảng có quyền tự do thiết lập quan hệ tay đôi với các đảng khác (1). Song quá trình này hoàn toàn không phải là một quá trình thẳng tắp. Mặc dù một loạt đảng của Quốc tế xã hội như các đảng Pháp, Phần-lan, Nhật-bản chẳng hạn, ngay từ giữa những năm 60 đã có những bước thiết thực đi tới thống nhất hành động với những người cộng sản, Ban lãnh đạo cánh hữu của Quốc tế xãhội vẫn thông qua được tại Đại

1. «Socialist Affairs», 1972, vol, XXII, N6 – 8, p. 113.

hội thứ XI của Quốc tế xã hội họp tại Lít-xbon (năm 1969) một nghị quyết kịch liệt chống cộng « về tình hình trong các nước và các đảng cộng sản » (1).

Những người đề xướng và những tác giả của Nghị quyết này là các đại biểu của Đảng xã hội dân chủ Đức và của Đảng xã hội Áo. Trong nghị quyết này lại một lần nữa nhắc lại những luận điểm chống cộng của « Tuyên ngôn Phran- phuốc » của Quốc tế xã hội (năm 1951) và Tuyên ngôn Ô-xlô năm 1962.

Khi đề cập tới vấn đề mặt trận thống nhất trong phạm vi quốc gia, trào lưu xã hội dân chủ quốc tế, năm 1969, đã đưa ra một sự đánh giá phủ định đối với lập trường của những người cộng sản. Tại Đại hội ở Lít-xbon đã nói: « Ngày nay những người cộng sản đang đề nghị với những người cánh tả, đặc biệt là với trào lưu xã hội dân chủ thành lập các ủy ban thống nhất hành động, các liên minh và mặt trận nhân dân... Những người cộng sản muốn thành lập những liên minh này để giành được chính quyền bằng các biện pháp dân chủ rồi sau đó sẽ quay sang thủ tiêu các đảng khác » (2).

Lập trường này đặc trưng cho các nghị quyết của Đại hội Quốc tế xãhội lần thứ XI và nguyên nhân chủ yếu là những người lãnh đạo cánh hữu của tổ chức này mưu toan dùng cách tuyên truyền chống cộng để trung hòa các quá trình thiên tả của nhiều tầng lớp rộng rãi trong hàng ngũ các đảng viên và viên chức bình thường của các đảng xã hội và xã hội dân chủ, nhất là trong thế hệ trẻ.

---

1. « Socialist international information » L., — 1969. N14, vol. XIX.

2. « Socialist international information », 1969, N16 — 17, vol. XXI.

Đồng thời cũng cần ghi nhận rằng trong thời kỳ này song song với khuynh hướng chống cộng, khuynh hướng đi tới nói chuyện với những người cộng sản cũng phát triển. Khuynh hướng này thể hiện tại Đại hội Lít-xbon trong lập trường của Thư ký Đảng xã hội dân chủ Phần-lan K. Xô-rxa cũng như của đại biểu Đảng xã hội Bỉ E. Gơ-lin. Đặc biệt, E. Gơ-lin tuyên bố: « Điều hợp lô-gich là chúng ta phải ưu tiên ủng hộ nền dân chủ chính trị chứ không nên ngấm ngầm ủng hộ đường lối chống cộng, đường lối này là tuyệt đối sai lầm... » (1).

Nghị quyết Đại hội Lít-xbon của Quốc tế xã hội dường như phải kìm hãm trong một thời kỳ dài quan hệ giữa khuynh hướng cộng sản và khuynh hướng xã hội dân chủ trong phong trào công nhân. Song nhờ sự phát triển tiếp tục của các sự kiện đã cho thấy, nghị quyết này không thể kìm hãm được quá trình thiên tả trong trào lưu xã hội dân chủ đang diễn ra dưới ảnh hưởng của quá trình cách mạng thế giới.

Những dấu hiệu đầu tiên của những bất đồng trong Quốc tế xã hội xung quanh vấn đề tiếp tục và hợp tác với các đảng cộng sản đã xuất hiện tại cuộc hội thảo của Quốc tế xã hội ở Áo (2) mùa xuân năm 1970 mà nhiều nhà hoạt động có tiếng của đa số đảng xã hội dân chủ Tây Âu cũng như của I-xra-en đã tham dự. Thật vậy, các đại biểu của Đảng xã hội I-ta-li-a và Đảng xã hội dân chủ Phần-lan đã phát biểu từ lập trường tán thành về nguyên tắc việc nói chuyện và do đó hợp tác với những người cộng sản. Quan điểm thứ hai do Đảng

---

1. « Socialist international information », 1969, N16 – 17, vol. XIX.

2. « Socialist affairs », 1971, N9, vol, XXI, p.222; N2, p. 39.

xã hội dân chủ Đức trình bày có đặc điểm là muốn hạn chế các cuộc tiếp xúc với những người cộng sản trong « phạm vi tối thiểu cần thiết ». Cuối cùng, quan điểm thứ ba được phản ánh trong các bài phát biểu của các đại biểu Đảng xã hội dân chủ I-ta-li-a và Đảng công nhân I-xra-en, khăng khăng đòi tuyệt đối khước từ tiếp xúc với những người cộng sản.

Tại khóa họp của Hội đồng Quốc tế xã hội tháng năm năm 1971, vấn đề quan hệ giữa những người cộng sản và những người xã hội không được chính thức ghi trong chương trình nghị sự. Song vấn đề này lại đóng dấu ấn lên tiến trình và các kết quả làm việc của khóa họp. Trong các nghị quyết do khóa họp thông qua, không có những lời lẽ thô bạo chống lại chủ nghĩa cộng sản. Tại các cuộc họp báo, nhiều người tham dự khóa họp đã tránh những luận điệu chống cộng mà trước đây thường được đưa vào những văn kiện loại này của Quốc tế xã hội.

Tại các diễn đàn sau đó của những người xã hội dân chủ như Hội nghị các đảng xã hội dân chủ của những nước « Thị trường chung » họp tại Brúc-xen tháng sáu năm 1971 và Hội nghị các lãnh tụ 13 đảng xã hội dân chủ ở Dan-sơ-buốc tháng 9 năm 1971, vấn đề hợp tác với những người cộng sản cũng không được đưa vào chương trình nghị sự chính thức. Tại hội nghị này, B. Pít-téc-man đã tuyên bố rằng Quốc tế xã hội không có « đường lối chung » về vấn đề thống nhất hành động với những người cộng sản (1).

Bằng chứng nói lên một chuyển biến nào đó trong quan điểm chung của phái xã hội dân chủ đối với những

---

1. « Arbeiter Zeitung », 6. IX 1971.

người cộng sản trong thời kỳ này là những phát biểu của lãnh tụ Công đảng Anh. Năm 1971, H.Uyn-xơn đã viết: «Mặc dù chúng ta cho mục đích và phương pháp của những người cộng sản là sai lầm, vẫn cần thừa nhận rằng họ cố gắng theo cách của họ cải thiện tình cảnh của giai cấp công nhân, nếu không thế thì hoạt động của họ không thể có hiệu quả đến như vậy được» (1).

Mùa xuân năm 1972, Quốc tế xã hội đã chính thức xem lại lập trường của mình trong vấn đề thiết lập quan hệ tiếp xúc với các đảng cộng sản, và trước hết là với Đảng cộng sản Liên-xô. Tháng tư năm 1972, ở Am-xtéc-đam, Ban thường vụ Quốc tế xã hội đã thông qua một nghị quyết, theo đó, các đảng tham gia Quốc tế xã hội có toàn quyền tự do giải quyết vấn đề quan hệ tay đôi với các đảng khác (ý muốn nói trước hết với các đảng cộng sản).

Khuynh hướng tăng cường hợp tác với các đảng cộng sản cũng đã được phản ánh tại Đại hội XII của Quốc tế xã hội, họp ở Viên cuối tháng 6 năm 1972. So với các đại hội trước, Đại hội này không thông qua nghị quyết chống cộng nào, và mặt khác, lại tăng số đại biểu lên tiếng ủng hộ hợp tác với những người cộng sản. Tổng thư ký Quốc tế xã hội H. Ia-nhi-trếc, trong báo cáo của mình, đã thừa nhận rằng do tình hình quốc tế phát triển, cũng do tình thế đã hình thành trong một loạt nước, vấn đề quan hệ qua lại giữa những người xã hội dân chủ và những người cộng sản «đã thực sự lại

---

1. H. Wilson: The Labour government 1964 – 1970, L., 1971, P. 237.

được đặt vào chương trình nghị sự » (1). Thư ký Đảng xã hội dân chủ Phần-lan K. Xô-rxa đã nêu lên kinh nghiệm hợp tác khả quan giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ trong nước ông và nhấn mạnh rằng trào lưu xã hội dân chủ cần có thái độ xây dựng trong vấn đề hợp tác với các đảng cộng sản.

Từ đó, bắt đầu xuất hiện ngày càng rõ rệt nhiều nhân tố mới trong quan hệ giữa hai đội ngũ này của phong trào công nhân thế giới. Điều này biểu hiện cụ thể là, thứ nhất, sự mở rộng các cuộc tiếp xúc với những đảng cộng sản của các nước xã hội chủ nghĩa ; thứ hai, sự gia tăng số nước tư bản chủ nghĩa (Pháp, I-ta-li-a, Nhật-bản, Phần-lan, Thụy-điển, Bồ-đào-nha, Lúc-xăm-bua, Hy-lạp), trong đó sự hợp tác của những người cộng sản với những người xã hội dân chủ (và những người xã hội) dưới nhiều hình thức khác nhau và ở nhiều cấp khác nhau bắt đầu được thực hiện trên cơ sở có sự thỏa thuận hoặc sự đồng tình của ban lãnh đạo hai đảng; thứ ba, trong một số nước (Pháp, Nhật-bản, I-ta-li-a) sự hợp tác đã được mở rộng; thứ tư, những quan hệ tiếp xúc đã được tăng cường mặc dù có sự cấm đoán chính thức của ban lãnh đạo các đảng xã hội dân chủ (Cộng hòa liên bang Đức, Ao).

Ban lãnh đạo Quốc tế xã hội đã buộc phải tán thành cả chính sách phương Đông của Đảng xã hội dân chủ Đức lẫn những hành động chung trên thực tế của những người cộng sản và những người xã hội ở Chi-lê, chương trình chính phủ chung của Đảng xã hội Pháp và Đảng cộng sản Pháp, sự hợp tác công việc giữa Đảng xã hội Bồ-đào-nha và Đảng cộng sản Bồ-đào-nha, sự hợp tác

---

1. « Arbeirter Zeitung », 27. VI 1972.

này đã chuyển thành sự tham gia của những người cộng sản vào chính phủ nước này lúc bấy giờ.

« Không một đảng viên xã hội nào, không một chính phủ xã hội chủ nghĩa nào trên thế giới có thể quên những gì đã xảy ra ở Chi-lê. Chính phủ của Tổng thống A-gien-đê là do nhân dân bầu ra, và trong ba năm cầm quyền, chính phủ này đều so đo từng bước đi của mình với hiến pháp và luật pháp—Tạp chí « Socialist affairs », cơ quan bán chính thức của Quốc tế xã hội, đã viết cuối năm 1973: « Tổng thống A-gien-đê đã hình thành một nhóm chính trị, liên kết những người cộng sản, những người xã hội và những người thiên chúa giáo lại với nhau để đánh thắng bọn phản động và giành tự trị và độc lập, để mở ra con đường của Chi-lê đi lên chủ nghĩa xã hội » (1). Trong văn kiện này, lần đầu tiên trong toàn bộ lịch sử tồn tại của mình, Quốc tế xã hội đã buộc phải thừa nhận và khẳng định một sự kiện có thực là các đảng cộng sản tôn trọng những quy phạm Hiến pháp, có phần cống hiến vào sự nghiệp đấu tranh chống các thế lực phản động và bảo vệ lợi ích dân tộc của đất nước mình.

Từ năm 1972, đa số đảng thuộc Quốc tế xã hội đã tăng cường đáng kể, và tăng cường theo sáng kiến của họ, các quan hệ với Đảng cộng sản Liên-xô và các đảng cộng sản khác trong các nước xã hội chủ nghĩa đặc biệt là về các vấn đề có liên quan tới an ninh châu Âu.

Cả một loạt đảng trong Quốc tế xã hội đã tiến hành với Đảng cộng sản Liên-xô ở cấp đoàn đại biểu đảng, các cuộc trao đổi ý kiến có tính cách xây dựng về nhiều vấn đề khác nhau; tham gia các cuộc trao đổi

---

1. « Socialist Affairs », L. 1973, vol. XXIII, N8, P. 85.

này có Đảng xã hội dân chủ Đức (Cộng hòa liên bang Đức), Đảng xã hội Pháp, Đảng xã hội dân chủ Phần-lan, Đảng xã hội Nhật-bản, Đảng xã hội Bỉ (tháng mười một năm 1974 đại hội Đảng xã hội Bỉ họp thông qua một văn kiện mới có tính chất cương lĩnh « Chủ nghĩa xã hội ngày nay », trong đại hội này, lần đầu tiên có sự tham gia của các đại biểu Đảng cộng sản Liên-xô và nhiều đảng cộng sản khác, trên tư cách là quan sát viên). Công Đảng Anh và nhiều đảng khác nữa. Các đoàn đại biểu các đảng xã hội dân chủ đã thừa nhận rằng trong quá trình tiếp tục tiếp xúc, có khả năng và cần thỏa thuận về những biện pháp nhằm củng cố hòa bình và tiến bộ xã hội.

Nhưng điều đó không hề có nghĩa rằng Quốc tế xã hội rời bỏ hệ tư tưởng, những nguyên tắc và mục đích của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ». Bằng chứng khẳng định này là tình trạng vẫn còn tiếp tục có những phát biểu chống chủ nghĩa Mác – Lê-nin, những mưu đồ đẩy mạnh « chiến tranh tâm lý » chống lại những người cộng sản và ảnh hưởng chính trị của họ. Thật vậy, mặc dù đầu năm 1974 đã cỏ tuyên bố nối lại các cuộc thương lượng về hợp tác giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ ở Phần-lan (tháng Giêng năm 1979 Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Phần-lan đã khẳng định ý muốn đi tới thống nhất hành động với Đảng xã hội dân chủ Phần-lan về một loạt vấn đề), lập trường của Đảng xã hội dân chủ Phần-lan vẫn tỏ ra có nhiều mâu thuẫn. Trong nội bộ Đảng xã hội dân chủ Phần-lan, cánh hữu đã tăng cường hoạt động, đã triển khai chiến dịch chống cộng trên báo chí của đảng này.

Quá trình mở rộng hành động chung của những người xã hội và những người cộng sản ở Bồ-đào-nha đã gặp nhiều khó khăn. Nhiều đại biểu của Đảng xã hội Bồ-đào-nha lại tố cáo những người cộng sản là « độc tài » và có tham vọng bá quyền.

Song tất cả những khó khăn này, khó khăn tất yếu trong quá trình xóa bỏ những bất đồng đã bao chục năm nay chia rẽ hai đội ngũ của phong trào công nhân thế giới, không thể chặn đứng được khuynh hướng phát triển hợp tác. Vấn đề quan hệ với những người cộng sản đã trở thành một trong những điểm trung tâm trong quá trình thảo luận của trào lưu xã hội dân chủ quốc tế. Đã thế những bất đồng trong việc luận giải các vấn đề hợp tác đã tỏ ra nghiêm trọng đến mức là các đảng thuộc Quốc tế xã hội buộc phải triệu tập hai cuộc họp khác nhau trong tháng Giêng năm 1976. Một trong những cuộc họp ấy — cuộc họp tại thành phố Hen-xin-guê (Đan mạch) (18 — 19 tháng Giêng năm 1976) có 18 đảng xã hội và xã hội dân chủ tham gia. Hội nghị này diễn ra với biểu hiện của những bất đồng gay gắt. Nhiều quan điểm trái ngược nhau và loại trừ lẫn nhau đã được phát biểu. Những người tham dự đã không thể vạch ra một lập trường chung. Trong hội nghị đại biểu các đảng xã hội họp ngày 24 — 25 tháng Giêng năm 1976 tại Pa-ri, có sự tham gia của những lãnh tụ các Đảng xã hội của Pháp, Bồ-đào-nha, I-ta-li-a, Tây-ban-nha, Bỉ, Lúc-xăm-bua, Hy-lạp. Những người tham dự hội nghị đã xem xét một cách tích cực hơn những vấn đề hợp tác với những người cộng sản. Một số người đã tuyên bố rằng sự vận động đi tới chủ nghĩa xã hội không thể dung hợp với chủ nghĩa chống cộng. Nhưng họ đã không đi đến một quan điểm thống nhất, không

vạch ra được thái độ chung đối với vấn đề hợp tác với những người cộng sản.

Vấn đề quan hệ với những người cộng sản đã được trực tiếp hoặc gián tiếp, nhiều lần nêu lên tại đại hội gần đây nhất, Đại hội lần thứ 13 của Quốc tế xã hội họp trong tháng sáu năm 1976. Ở đây lại một lần nữa có sự đụng độ giữa hai quan điểm mà đằng sau là hai nhóm các đảng. Nhưng nét tiêu biểu là cuộc thảo luận đã không còn mang tính cách của những năm trước nữa: vấn đề được đặt ra không phải là có hay không thiết lập sự hợp tác với những người cộng sản, mà là hợp tác với những người cộng sản đến giới hạn nào.

3. Cuộc đấu tranh của những người cộng sản nhằm mở rộng hành động chung với những người xã hội dân chủ

Đường lối của các đảng cộng sản chủ trương hợp tác và thống nhất hành động với những người xã hội dân chủ có vai trò quyết định trong việc bảo đảm bầu không khí chính trị, khả dĩ góp phần phát triển quan hệ giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ. Cần đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của cống hiến về mặt lý luận và thực tiễn mà Đảng cộng sản Liên-xô đã góp vào việc tiến hành nhất quán đường lối này. Trong các báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên-xô trước các đại hội XXIV và XXV của Đảng, trong các bài phát biểu khác có tính chất cương lĩnh của Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô L.I. Brê-giơ-nép đã khẳng định đường lối của Đảng cộng sản Liên-xô là hợp tác với những người xã hội dân chủ vì lợi ích của giai cấp công nhân để giành thắng lợi cho sự nghiệp hòa bình dân chủ và chủ nghĩa

xã hội. Lập trường này của Đảng cộng sản Liên-xô được thể hiện trong việc mở rộng những cuộc tiếp xúc với các đảng xã hội và các đảng xã hội dân chủ, và được sự hưởng ứng rộng rãi trong các giới xã hội dân chủ quốc tế. Điều này đã góp phần cải thiện bầu không khí chính trị chung làm cho những người cộng sản và những người xã hội dân chủ nhích lại gần nhau.

Trong vấn đề này những người cộng sản có một lập trường rõ ràng. Những người cộng sản muốn có hành động chung với các đảng xã hội dân chủ, không hề theo đuổi những lợi ích và mục đích đặc biệt nào, khác với lợi ích và mục đích của giai cấp công nhân. Những người cộng sản cho rằng nội dung và ý nghĩa của sự hợp tác không phải là phá vỡ các đảng xã hội chủ nghĩa như một số lãnh tụ xã hội dân chủ thường quan niệm, mà là nâng cao sức mạnh và khả năng chiến đấu của toàn thể giai cấp công nhân, củng cố vị trí và ảnh hưởng của giai cấp công nhân trong xã hội.

Xuất phát từ luận điểm có tính nguyên tắc này, những người cộng sản đã kết hợp một cách biện chứng cuộc đấu tranh nhằm đi tới các hành động chung với việc tiếp tục cuộc đấu tranh tư tưởng. Lưu ý tới những hiện tượng mới trong lý thuyết xã hội dân chủ, những quan điểm mới trong việc lý giải quan điểm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» do những người xã hội và xã hội dân chủ cánh tả vạch ra và gần gũi với lập trường của những người cộng sản trong một loạt vấn đề (phê phán các tệ đoan của chủ nghĩa tư bản, đòi hỏi xã hội hóa tư liệu sản xuất, lý giải về mặt giai cấp bản chất của các cuộc cải cách và v.v...), những người cộng sản đồng thời nhấn mạnh rằng họ không chấp nhận có những nhượng bộ về nguyên tắc. Vì vậy các đảng cộng sản cố gắng đấu

tranh một cách xây dựng với chủ nghĩa cải lương của trào lưu xã hội dân chủ, bằng cách đối chiếu những tư tưởng cách mạng của mình với những khái niệm của chủ nghĩa cải lương, phát triển lý thuyết của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tăng cường sự thống nhất trên cơ sở các hành động chung, không lảng tránh thảo luận những vấn đề đòi hỏi phải nghiêm chỉnh tranh luận và đối chiếu các lập trường,

Trong « Luận cương » của Đảng cộng sản Đức có nói: « Chúng tôi không lảng tránh thảo luận những vấn đề cần tranh cãi, chúng tôi muốn thảo luận chúng sao cho không cản trở mà ngược lại, góp phần tạo ra sự thống nhất hành động trên thực tế » (1).

Nghị quyết chính trị của Đại hội XIII Đảng cộng sản I-ta-li-a viết: « Sự thống nhất được tạo ra trong quá trình thường xuyên đối chiếu các cương lĩnh và tư tưởng, không nhằm xóa bỏ những khác biệt hiện đang tồn tại và đương nhiên phải tồn tại, mà nhằm xác lập những hình thức nhất định của mối liên hệ và sự thống nhất hành động trong những vấn đề thiết thực của nhân dân lao động và của đất nước... Và chính vì có đối chiếu các quan điểm mà có thể làm cho các quan điểm nhích lại gần nhau, đi tới thỏa thuận, đi tới hành động chung trong những vấn đề quan trọng, trong đó bộc lộ đường lối phản ánh bá quyền của giai cấp công nhân trong xã hội » (2).

Các đảng cộng sản cho rằng để giành thắng lợi cho cuộc đấu tranh chung cần vạch ra các cương lĩnh chung, trình bày những yêu sách quan trọng nhất mà cả hai

---

1. « Thesen des Düsseldorfer Parteitags der Deutschen Kommunistischen Partei ». Düsseldorf, 1972.

2. « L' Unitá », 18. III 1972.

bên đều đồng tình và có nghĩa vụ phải đấu tranh ngày càng kiên quyết hơn nữa để thực hiện chúng. Việc xây dựng những cương lĩnh như vậy là một trong những vấn đề phức tạp và khó khăn nhất của sự hợp tác.

Một loạt hành động chung mà những người cộng sản và Đảng xã hội Pháp đã tiến hành chứng tỏ rằng vấn đề trên đây có thể được giải quyết về mặt nguyên tắc. Những hành động chung này đã dẫn tới việc ký kết trong năm 1972 một chương trình chấp chính chung. Năm 1977, lưu ý đến tình hình đã thay đổi, cuộc khủng hoảng kinh tế nặng nề đang làm rung chuyển cả nước Pháp, những người cộng sản đã đề nghị những người bạn đồng hành của mình trong liên minh các lực lượng cánh tả đổi mới chương trình chính phủ chung trước khi bầu cử quốc hội. Song Đảng xã hội đã không chịu nghiêm túc thảo luận đề nghị của những người cộng sản và gây nguy cơ đe dọa việc thực hiện chương trình chấp chính trong tương lai. Tuy nhiên, như đã nhấn mạnh trong Nghị quyết của Hội nghị toàn thể mở rộng của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Pháp: «Đảng cộng sản đấu tranh để có thỏa thuận giữa các đảng cánh tả trên cơ sở một chương trình chung đã được đổi mới. Đảng cộng sản cố gắng đạt được thỏa thuận này trong quá trình thương lượng với Đảng xã hội và phong trào cấp tiến cánh tả và vì mục đích này đảng cộng sản đã có những nhượng bộ quan trọng đến mức tối đa có thể. Song trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể vượt qua các giới hạn, mà sau đó chính phủ của các lực lượng cánh tả sẽ không có những phương tiện khả dĩ đem lại cho nhân dân lao động những chuyển biến mà họ chờ đợi»(1).

---

1. «L'Humanité», 11. II 1977.

Giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ tồn tại một khả năng khách quan là vạch ra một đường lối chính trị chung về những vấn đề vượt quá phạm vi một nước tư bản chủ nghĩa. Trong những vấn đề đó, trước hết có các vấn đề củng cố hòa bình và an ninh, hoạt động của bọn độc quyền đa quốc gia, các quá trình nhất thể hóa ở Tây Âu; đối với những vấn đề này, giai cấp công nhân Tây Âu phải giữ một lập trường phù hợp với những mục đích của cuộc đấu tranh giành giải phóng.

Cần vạch ra rằng các nhà lý luận của trào lưu xã hội dân chủ ngày càng đưa vấn đề sự thống trị của các độc quyền trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại và phạm vi nghiên cứu của họ, vào nhiều văn kiện có tính chất cương lĩnh của họ.

Vậy họ đã rút ra được những kết luận gì từ việc phân tích các độc quyền đa quốc gia?

Kết luận đầu tiên là bản thân hoạt động của các độc quyền quốc tế đã đặt ra cho trào lưu xã hội dân chủ một loạt vấn đề, vì các độc quyền góp phần phổ cập « những giá trị tư tưởng » về cơ bản so với những « giá trị tư tưởng » cố hữu của « chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

Kết luận thứ hai là tuy có góp phần phổ biến kỹ thuật mới nhưng nhờ địa vị khống chế trên các thị trường và thao túng giá cả, các độc quyền quốc tế tạo ra nhiều khó khăn cho các chính phủ trong việc tiến hành chính sách dân tộc, đồng thời đối với công đoàn, đó là những đối thủ còn nguy hiểm hơn rất nhiều so với các hãng quốc gia.

Để nhận ra rằng trong những kết luận này cũng có những yếu tố nằm trong sự đánh giá của những người

cộng sản đối với các độc quyền quốc tế (1). Tình huống này cho thấy không những cần có, mà còn có thể có những hành động chung giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ trong quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản độc quyền, ủng hộ kết luận này là một số đề nghị thực tế về việc hạn chế quyền lực của các độc quyền.

Chính bản thân những người xã hội dân chủ đã bắt đầu cảm thấy các độc quyền quốc tế là một nguy cơ to lớn như thế nào. Họ buộc phải thừa nhận rằng đảng của họ trong các chính phủ đã tỏ ra bất lực trong các hình thức quan trọng nhất, khi tiến hành một chính sách phù hợp với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội dân chủ, vì họ luôn luôn phụ thuộc về kinh tế vào các độc quyền quốc tế.

Những người cộng sản, trong khi phê phán lý thuyết và hoạt động thực tiễn cơ hội chủ nghĩa của các lực lượng xã hội dân chủ cánh hữu, không ngừng cố gắng có những hành động chung với quần chúng xã hội dân chủ trong cuộc đấu tranh chống các tổ chức độc quyền.

Vấn đề thống nhất các lực lượng cánh tả trong cuộc đấu tranh chống độc quyền đặt ra một cách hết sức gay gắt vấn đề hành động chung của những người xã hội và những người xã hội dân chủ với những người cộng sản là đường lối chiến lược, có tính chất nguyên tắc hay chỉ là một chủ trương nhất thời, mang tính chất sách lược. Và kết quả đấu tranh của nhân dân lao động vì quyền sống trước một kẻ thù giai cấp ngày càng cố kết hơn, tùy thuộc vào cách giải đáp vấn đề trên đây và vào những hoạt động cụ thể của các đảng.

---

1. Xem : « Hội nghị quốc tế các Đảng cộng sản và công nhân. Tài liệu và văn kiện, Mát-xcơ-va, 5 — 17-6-1969 », tr.203.

Trong tất cả các văn kiện của mình, những người cộng sản luôn luôn nhấn mạnh tính chiến lược, nguyên tắc của việc liên minh với tất cả các lực lượng chống độc quyền, chống đế quốc, đối lập một cách khách quan với một chế độ tất yếu sẽ bị diệt vong. Những người cộng sản xuất phát từ chỗ, cho dù một bộ phận đáng kể trong nhân dân lao động vì những nguyên nhân này hay những nguyên nhân khác, đã bị lôi kéo vào quỹ đạo của các đảng xã hội và xã hội dân chủ, còn đảng cộng sản là đảng trước sau như một—đại diện cho những lợi ích cơ bản của toàn thể nhân dân lao động, nên những người cộng sản tự thấy có nghĩa vụ đoàn kết các lực lượng của nhân dân lao động bất kể họ thuộc đảng phái nào, hết sức góp phần thỏa mãn những yêu sách của họ trong hiện tại và trong tương lai. Vì vậy các đảng cộng sản, trong mọi giai đoạn hoạt động của mình và trong tất cả các nước mà mình hoạt động đều trước sau như một phấn đấu nhằm thống nhất hành động với các đảng xã hội và các đảng xã hội dân chủ vì những lợi ích cấp bách của toàn thể nhân dân lao động trong xã hội, vì công cuộc xây dựng mặt trận thống nhất chống đế quốc. Do đó, những người cộng sản coi liên minh với các đảng xã hội và các đảng xã hội dân chủ không phải là các liên minh tạm thời, có tính chất sách lược, mà là liên minh chiến lược và thường xuyên nhằm ổn định mặt trận thống nhất, nhằm thúc đẩy và rút ngắn thời hạn thủ tiêu ách bóc lột tư bản chủ nghĩa, nhằm thực hiện những lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cao cả trên phạm vi toàn thế giới.

Trong phong trào xã hội dân chủ quốc tế cũng có những lực lượng có ảnh hưởng khá mạnh đang phấn đấu để hành động chung với các đảng cộng sản nhằm

thống nhất hành động của giai cấp công nhân. Cựu bí thư chính trị Đảng xã hội I-ta-li-a Đờ Mác-ti-nô đã đòi hỏi « phải càng nhanh càng hay tiến hành đối chiếu quan điểm với các đảng khác, đặc biệt là với Đảng cộng sản I-ta-li-a », bởi vì « nhu cầu thống nhất gần đây đã trở thành một nhu cầu cấp bách hơn bất cứ lúc nào », và Đảng xã hội I-ta-li-a phải « từ bỏ sự cạnh tranh tai hại với Đảng cộng sản I-ta-li-a vì đó là con đường không tự nhiên, do những xúc cảm phi lý đặt ra » (1). Đề cập tới vấn đề này, cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội dân chủ Phần-lan « Soumen Sosialidem okraatti » đã kêu gọi xem xét mối quan hệ qua lại giữa hai trào lưu cơ bản trong phong trào công nhân hiện đại « trên quan điểm hợp tác ». Hiện nay, người ta không còn có thái độ định kiến đối với sự hợp tác như trước đây nữa. Tất cả những ai có thái độ hoàn toàn nghiêm chỉnh đối với sự nghiệp của giai cấp công nhân, cần phải thấy rõ ràng rằng hợp tác không phải là những lời lẽ trống rỗng mà bằng cách nhắc đi nhắc lại người ta có thể làm mãn nguyện mọi người, mà là chất lượng và quy mô trong tương lai sẽ trở thành những vấn đề cụ thể » (2).

Rất tiếc là trong khi đó, nhiều đảng xã hội và xã hội dân chủ trong suốt toàn bộ thời gian hoạt động của mình đã luôn luôn xa lạ với cách đặt vấn đề như vậy. Thái độ của họ đối với những người cộng sản và các đảng không phải xuất phát từ lợi ích thống nhất những người lao động đang được tập hợp trong hai trào lưu này, mà xuất phát từ những suy tính hoạt đầu, sách lược, tạm thời. Nếu ở nước này hay nước khác, đảng cộng sản

---

1. « Avanti », 20. X 1977.
2. « Suomen Sosialidemokraatti », 21.X 1977.

là một lực lượng chính trị có ảnh hưởng thì các đảng xã hội và xã hội dân chủ sẵn sàng cùng lập các liên minh ở một mức khá đáng kể; còn nếu đảng cộng sản không có sức cạnh tranh lớn với các đảng xã hội thì những đảng này không những xem thường sự tồn tại của các đảng cộng sản mà thường hay cùng với giai cấp tư sản tổ chức việc trực tiếp trấn áp đảng cộng sản, đồng thời trực tiếp cấm đảng viên của mình thiết lập bất cứ mối quan hệ nào với những đảng viên của đảng cộng sản.

Bởi vậy, đa số đảng xã hội dân chủ coi liên minh với đảng cộng sản là những hiện tượng tạm thời, có tính tùy thời. Khuynh hướng này thể hiện đặc biệt rõ trong thời gian gần đây tại các hội nghị ở Hen-xinh-guê và Pa-ri trong năm 1976, trong đó các đảng xã hội được phân chia một cách ước lệ thành các đảng của những nước Nam Âu có khuynh hướng muốn nói chuyện với những người cộng sản và các đảng của những nước Bắc Âu hoàn toàn gạt bỏ một cuộc nói chuyện như vậy. Tại các hội nghị này đáng chú ý là cuộc luận chiến giữa hai nhóm đảng xã hội và xã hội dân chủ nói trên, trong quá trình đó các đại diện của những nước Nam Âu đã bác bỏ những « lời khuyên » của những người Bắc Âu là khước từ mọi tiếp xúc với đảng cộng sản, và đã chỉ ra một cách chính đáng rằng trong nước họ không thể giải quyết bất kỳ một nhiệm vụ chính trị—xã hội quan trọng nào nếu không có sự tham gia của đại biểu các đảng cộng sản. Đồng thời, trong khi lập luận, họ đã viện dẫn sự bắt buộc phải liên minh với những người cộng sản vì những người cộng sản có một ảnh hưởng chính trị lớn lao. Còn những người Bắc Âu thì cho rằng vấn đề này không tồn tại và do đó đã nói với một giọng không khoan nhượng lớn. Như vậy là ngay trên cửa miệng của những người tán thành liên minh với các đảng cộng

sản thì để biện hộ cho sự liên minh này người ta cũng đã nêu ra sự thúc bách khách quan.

Mặc dù có những thái độ hoàn toàn trái ngược nhau đối với vấn đề cực kỳ hệ trọng này, quá trình hình thành khối liên minh của các lực lượng trong đó tập hợp bộ phận cơ bản của nhân dân lao động, sẽ còn tiếp tục phát triển dù chỉ vì một nguyên nhân là nhân dân lao động vẫn có sự thống nhất này. Cuộc đấu tranh hàng ngày của họ chống lại các thế lực liên hợp của chủ nghĩa đế quốc đề ra một nhu cầu cấp bách là phải đoàn kết hơn nữa các lực lượng của mình ở trong nước cũng như trên quy mô quốc tế. Nhu cầu này chứng tỏ tính chất chiến lược quan trọng của việc liên minh tất cả các lực lượng cánh tả, và những đảng xã hội nào, nếu đánh giá thấp ý nghĩa của quá trình đang phát triển một cách khách quan và được đề ra bởi lô-gích của cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng giai cấp ngày càng cố kết nhiều hơn nữa để chống lại nhau, thì có nguy cơ mất hết mọi ảnh hưởng trong nhân dân lao động và mất bộ mặt chính trị của mình.

Những điều nói trên chứng tỏ ý nghĩa của việc xác định chiến lược và sách lược nhằm tăng cường sự thống nhất của các lực lượng cánh tả. Sự phê phán chủ nghĩa cải lương – xã hội được tiến hành một cách có phân biệt hơn, có chú ý tới ý nghĩa của các trào lưu và nhóm khác nhau trong phong trào xã hội dân chủ. Sự phê phán này ngày càng được tập trung vào việc chống lại chủ nghĩa chống cộng và chủ nghĩa bài Xô, chống lại các nét tiêu cực cũng như tính bấp bênh, tính không nhất quán và tính bị hạn chế của những khuynh hướng thực tế mới thấy trong thời gian gần đây trong phong trào xã hội dân chủ. Công tác phê phán được kết hợp

với việc tăng cường hoạt động nhằm củng cố chính bản thân các đảng về mặt chính trị – tư tưởng và tổ chức, ngăn chặn các đảng tránh được tác động của chủ nghĩa cải lương – xã hội, nâng cao khả năng chiến đấu của các đảng, coi đó là điều kiện tất yếu để đấu tranh thắng lợi vì sự thống nhất hành động của các tổ chức công nhân.

Khả năng tham gia của các đảng cộng sản vào các chính phủ ở I-ta-li-a và Pháp đã gây ra trong phe tư sản một sự phản ứng gần như một sự hoang mang. Tổng tư lệnh quân đội NATO, tướng A. Hây-gơ, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ X. Ven-xơ, Tổng thống G. Ca-tơ đã lên tiếng trực tiếp đe dọa những nước này và những hành vi ấy đã bị dư luận thế giới đánh giá là sự can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của những nước này. Và điều đáng chú ý là những nhà hoạt động ấy luôn luôn tự xưng là những người tích cực đấu tranh vì dân chủ, những người bảo vệ các quyền tự do và v.v... nhưng đến khi tình hình chỉ mới phát triển đến mức là nhân dân bằng con đường dân chủ có thể trao quyền cho các đảng cộng sản tham gia quản lý đất nước, thì « tinh dân chủ » của những vị này chỉ còn là một hồi ức mà thôi. Tại Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân châu Âu họp tại Béc-lin, đồng chí L.I. Brê-giơ-nép, khi đề cập tới vấn đề này, đã nói: « Giờ đây, khi trong một số nước ở Tây Âu đã xuất hiện rõ triển vọng tham gia của những người cộng sản vào chính phủ, các giới phản động, đặc biệt là trong phe NATO, đã triển khai một chiến dịch trắng trợn gây áp lực, can thiệp vào công việc nội bộ của những nước đó. Và thưa các đồng chí, xin hãy nhận xét xem, họ nổi dậy chống lại cái gì – chống lại các kết quả của cuộc tổng tuyển cử. Và thế là các chính trị gia

đế quốc chủ nghĩa, kêu gào nhiều về dân chủ và tự do trên thực tế lại chỉ sẵn sàng chịu đựng dân chủ và tự do trong chừng mực mà việc đó không động chạm tới quyền hành vô thượng của họ» (1).

Không có gì ngạc nhiên trong việc những nhà chính trị tư sản nổi dậy chống lại các đảng cộng sản. Nhưng khi các chính phủ do những người xã hội dân chủ cầm đầu cũng đứng trên lập trường can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác như vậy thì điều đó gây ra một tổn thất nghiêm trọng cho sự nghiệp thống nhất nhân dân lao động trong những nước có những công việc bị bên ngoài can thiệp vào, cũng như cho sự nghiệp thống nhất tất cả các lực lượng chống đế quốc nói chung. Thủ tướng Cộng hòa liên bang Đức, phó chủ tịch Đảng xã hội dân chủ Đức H. Smít đã giữ một lập trường như vậy, khi tuyên bố rằng nếu những người cộng sản lên cầm quyền ở I-ta-li-a, thì phải dùng những chế tài kinh tế để chống lại nước này. Tuyên bố này của H. Smít đã gây ra một cơn bão phẫn nộ trên toàn thế giới, kể cả trong các giới xã hội và xã hội dân chủ. Thật thế, bí thư chính trị của Đảng xã hội I-ta-li-a Bét-ti-nô Crắc-xi đã bày tỏ nỗi băn khoăn sâu sắc của những đảng viên xã hội I-ta-li-a về tuyên bố của Smít đối với I-ta-li-a. Ông ta đã nhấn mạnh rằng những sự đe dọa này xuất phát từ «các chính phủ mà những người lãnh đạo thuộc về các đảng đang tham gia Quốc tế xã hội... Đó là thái độ của các chính phủ châu Âu đối với I-ta-li-a trong thời kỳ thế kỷ thứ XIX, nhưng hiện nay I-ta-li-a không phải là thuộc địa của các cường quốc bên ngoài, thậm

1. «Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân châu Âu. Béc-lin, 29 — 30-6-1976», tr 84.

chỉ những nước ấy ngày nay là các đồng minh và nước bạn của I-ta-li-a» (1).

Các đảng cộng sản đem đường lối cách mạng nhằm tăng cường sự thống nhất hành động của phong trào công nhân trên cơ sở các nguyên tắc đấu tranh giai cấp đối lập lại chiến lược của giai cấp tư sản thế giới nhằm chia rẽ phong trào công nhân, không ngần ngại thô bạo can thiệp vào công việc nội bộ của những nước trong đó sự thống nhất các lực lượng cánh tả và khả năng tham gia của những người cộng sản vào chính phủ đã trở thành một thời sự đặc biệt. Các đảng cộng sản kiên cường đấu tranh để khắc phục sự thù địch và sự cạnh tranh giữa các đảng và các tổ chức công nhân, để thực hiện sự hợp tác bền vững của những người cộng sản và những xã hội dân chủ.

KẾT LUẬN

Tình hình hiện nay chứng tỏ với một sức thuyết phục không sao bác bỏ được rằng trên ngưỡng cửa thiên niên kỷ thứ ba, của thời đại mới, loài người đã kiên quyết đi vào con đường cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với xã hội. Trong những nước mà chính quyền nằm trong tay các đảng kiên quyết bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và của toàn thể nhân dân lao động, những vấn đề xây dựng xã hội mới đã đang được giải quyết trên thực tế. Đảng cộng sản Liên-xô nhất quán thực hiện những nguyên tắc mác-xít — lê-nin-nít của chủ nghĩa xã hội, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội. Có thể nói một

1. « L'Unita », 22. VII 1976.

cách không phóng đại rằng công lao vĩ đại nhất của Đảng ta, của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động là ở chỗ đã bảo vệ và thực hiện học thuyết Mác – Lê-nin và chủ nghĩa xã hội. Đã bảo vệ những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản trong cuộc đấu tranh một mặt là chống lại các quan niệm chủ nghĩa xã hội « dân chủ », « thị trường », « nhân đạo », và mặt khác là chống lại « chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính », mà biểu hiện quái gở nhất hiện nay là chủ nghĩa Mao. Các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa cũng đã đạt được những thành tựu xuất sắc trong công cuộc xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa, trong cuộc đấu tranh chống các kẻ thù của xã hội này.

Sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lý luận mác-xít – lê-nin-nít diễn ra trong cuộc đấu tranh có tính nguyên tắc chống lại việc cố ý hay vô tình xuyên tạc những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội, chống lại mưu toan trình bày những tư tưởng ấy dưới dạng là một « con đường thứ ba » nào đó, khác cả với chủ nghĩa tư bản lẫn với chủ nghĩa xã hội dưới dạng mà những người mác-xít – lê-nin-nít thường quan niệm.

Thực hiện di huấn của Lê-nin, những người cộng sản Liên-xô dùng những thành tựu mà nhân dân Liên-xô đã đạt được trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội làm luận chứng chủ yếu để đấu tranh chống lại các kẻ thù tư tưởng của chủ nghĩa xã hội. Như đã nêu trong Hiến pháp của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, ở Liên-xô đã xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Trong giai đoạn mà chủ nghĩa xã hội đang phát triển trên cơ sở riêng của mình, những sức mạnh sáng tạo của chế độ mới, những ưu việt của lối sống xã hội chủ nghĩa ngày càng được bộc lộ đầy đủ

hơn, nhân dân lao động ngày càng sử dụng rộng rãi những thành quả của những thành tựu cách mạng vĩ đại.

Đó là một xã hội trong đó đã tạo ra được những lực lượng sản xuất hùng hậu, một nền khoa học và văn hóa tiên tiến, trong đó đời sống vật chất của nhân dân không ngừng được nâng cao, đã đang hình thành những điều kiện ngày càng thuận lợi hơn để phát triển toàn diện nhân cách.

Đó là xã hội của những mối quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa đã trưởng thành, trong đó trên cơ sở xích lại gần nhau của tất cả các tầng lớp xã hội, sự bình đẳng về mặt pháp lý và trên thực tế của tất cả các dân tộc, đã xuất hiện một cộng đồng lịch sử mới của con người — nhân dân xô-viết.

Đó là một xã hội với tính tổ chức, tính tư tưởng và tính tự giác cao của những người lao động – những người yêu nước và những người quốc tế chủ nghĩa.

Đó là xã hội và quy luật sống mà mọi người vì mỗi người, mỗi người vì mọi người.

Đớ là một xã hội dân chủ chân chính mà chế độ chính trị bảo đảm việc quản lý có hiệu quả tất cả các công việc xã hội, sự tham gia ngày càng tích cực của những người lao động vào đời sống Nhà nước, sự kết hợp những quyền hạn và quyền tự do thiết thực của con người với nghĩa vụ công dân.

MỤC LỤC

Trang

LỜI NHÀ XUẤT BẢN 5

MỞ ĐẦU 7

CHƯƠNG I

«CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ» – HỆ TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG – XÃ HỘI

1. Thuyết đa nguyên hay tính bất định của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» 27
2. Thuyết đa nguyên của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» xuất phát từ đâu và đi tới đâu? 41
3. Tính đề ngỏ của quan niệm «chủ nghĩa xã hội dân chủ» (Thuyết đa nguyên được đề ngỏ cho những tư tưởng nào?) 68
4. Mục đích của «chủ nghĩa xã hội dân chủ»: làm cho phong trào công nhân xa rời chủ nghĩa xã hội 99
5. Chủ nghĩa cải lương của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» là sự biện hộ cho chủ nghĩa tư bản 132
6. «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» là một biến dạng của chủ nghĩa chống cộng 167

CHƯƠNG II

CÁC TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG TRONG LÒNG «CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ»

1. «Chủ nghĩa xã hội dân chủ» của những người xét lại cánh hữu và của những kẻ phản bội 190
2. Biến dạng Xi-ô-nít của «chủ nghĩa xã hội dân chủ» 208
3. Phong trào thiên chúa giáo cánh tả và sự giải thích về chủ nghĩa xã hội. 221

4. Đảng « xã hội dân-chủ Nhật-bản » 233
5. Những âm mưu xâm nhập tư tưởng vào các nước đang phát triển của trào lưu xã hội dân chủ. « Chủ nghĩa xã hội dân chủ » châu Phi. 248

CHƯƠNG III

« CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ » TRONG THỰC HÀNH LÀ NHƯ THẾ NÀO? NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI DÂN CHỦ NẮM CHÍNH QUYỀN

1. Mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực hành 271
2. Cơ chế chính trị vẫn không thay đổi 276
3. Hạ tầng cơ sở kinh tế có thay đổi không? 281
4. Chính sách trong lĩnh vực « các dịch vụ xã hội » 290

CHƯƠNG IV

TÍNH CHẤT VÔ CĂN CỨ TRONG SỰ XUYÊN TẠC CỦA CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG – XÃ HỘI ĐỐI VỚI BẢN CHẤT DÂN CHỦ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

1. Sự khác nhau căn bản giữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với nền dân chủ tư sản 296
2. Sự tham gia của những người lao động vào việc quản lý nền sản xuất xã hội chủ nghĩa 305
3. Hoàn thiện cấu trúc xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển 312
4. Sự chuyển biến của Nhà nước chuyên chính vô sản thành Nhà nước toàn dân 319
5. Vai trò của Đảng trong xã hội xã hội chủ nghĩa 329
6. Các quyền và quyền tự do cá nhân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa 334

CHƯƠNG V

CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG TRONG PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ VÀ VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT CÁC LỰC LƯỢNG CÁNH TẢ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Những nguyên tắc hợp tác của những người cộng sản với những người xã hội dân chủ
2. Những giai đoạn cơ bản trong lịch sử hợp tác giữa những người cộng sản và những người xã hội dân chủ
3. Cuộc đấu tranh của những người cộng sản nhằm mở rộng hành động chung với những người xã hội dân chủ

KẾT LUẬN

«CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ» LÀ GÌ?

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN QUANG HUY

Phụ trách bản thảo: QUANG LÂM
Sửa bản in: KIM QUY
Trình bày: SỸ TUẤN
Bìa: THÀNH ĐÀM

In 6.000 cuốn tại Nhà máy in Tạp chí Cộng sản H
khổ 13 × 19. Số in 103 Số xuất bản 03/TT.LL/198
Xong ngày 25-11-1981. Nộp lưu chiểu tháng 11-

ĐÍNH CHÍNH

«CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ» LÀ GÌ?

rang	Dòng	In sai	Sửa lại
33	9 tr.x	bô-sê-vich	bôn-sê-vich
80	24 tr.x	... xã hội cởi mở »	... xã hội cởi mở » (3)
15	2 d.1	1. E. Heffer	2. E.Heffer
65	3.d.1	3. P.Giolz	1.P. Glotz
70	4 d.1	Không ghi ngờ	Không nghi ngờ
74	1.tr.x	bìu đặt	bịa đặt
	2 tr.x	chả nghĩa,	chủ nghĩa
185	11 tr.x	của của nước	của các nước
226	7 tr.x	đặt và trung tâm,	đặt vào trung tâm
311	23 tr.x	lãnh đạo cao cấp	lãnh đạo các cấp
326	6 d.1	năm 1974 (1)	năm 1974 (2)
348	2 tr.x	Bước ngoặc	Bước ngoặt
372	4 tr.x	... xã hội. Đã bảo vệ	...xã hội ; đã bảo vệ